

# CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN  
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



NĂM THỨ 21 - SỐ 74 - MÙA XUÂN 2016



# CỎ THƠM

MÙA XUÂN 2016

## CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

<dsenser@yahoo.com>

## PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

<phanvyle@yahoo.com>

## PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

<dathphan1@gmail.com>

## CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN

<littlesaigonnews@aol.com>

## TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

<hanhbang@hotmail.com>

## WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

<www.cothommagazine.com>

## TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

<dsenser@yahoo.com>

## TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

<dsenser@yahoo.com>

## BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐỖ BÌNH.

ĐINH CƯỜNG. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỐI.

NGUYỄN QUỐC KHẢI. PHAN KHÂM.

HUY LÃM. NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

ĐẶNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.

TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.

HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THUY. BÙI THANH TIỀN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

## ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



## DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,  
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích,  
Ô.B. Phạm Hữu Bính, Ô. Phan Thanh Bình. Ô. Đỗ Bình, Ô. Nguyễn Bông,  
Ô.B. La Trung Chánh, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính,  
B. Lê Thị Ngọc Dung, B. Dzong Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng,  
ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung, Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt,  
Ô. Nguyễn Văn Đoàn, ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. BS Hoàng Giang,  
B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Nguyễn T. Song Hà,  
B. Đỗ Tràn Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiểu, B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng,  
Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa,  
Ô.B. Đinh Kỷ. Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,  
Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam, Ô.B. Nguyễn Phú Long,  
Ô.B. Phạm Bá Luân, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA),  
B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga, Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên,  
B. Phan Thi Nhấn, B. Nguyễn Tú Nhật, B. Uyên Phương Minh Nguyệt,  
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát,  
Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng,  
B. Kim Phụng, Ô.B. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng,  
Ô. B. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm,  
B. Nguyễn T. Minh Tâm, Ô. Phan Tâm. Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu,  
Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô.B. BS Nguyễn Văn Thành.  
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch,  
B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang,  
B. Diệm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn,  
BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

## MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,  
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

## MỤC LỤC

### BIÊN KHẢO

|                                 |       |                                    |     |
|---------------------------------|-------|------------------------------------|-----|
|                                 | Trang | DIỆM TRẦN: Thiên Thần<br>Tuyệt Đẹp | 138 |
| TRẦN BÍCH SAN:                  |       | TÔN NỮ MẶC GIAO: Duyên muộn        | 140 |
| Nguồn Gốc Chữ Quốc Ngữ:         | 11    | PHƯƠNG DUY: Nắng vàng              |     |
| NGUYỄN QUÝ ĐẠI:                 |       | Nagasaki                           | 148 |
| Mùa Xuân Nói Chuyện Khi         | 23    | TRƯỜNG VẤN:                        |     |
| NGUYỄN VĂN THÀNH:               |       | Độc thơ tình của ông già 75 tuổi   | 151 |
| Di sản thiên nhiên của Việt Nam | 33    | NGUYỄN LÂN:                        |     |
| PHẠM VĂN TUẤN:                  |       | Hung thần của tuổi xuân            | 155 |
| Doris May Lessing               | 53    | PHONG THU: Cảnh hoa trước gió      | 161 |
| NGUYỄN VĂN NHIỆM:               |       | TRỊNH BÌNH AN:                     |     |
| Việc làm ăn, nghề nghiệp        | 59    | Giới thiệu Bước Lạ Đường Quê       | 168 |
| HẢI BĂNG HOÀNG DÂN BÌNH:        |       | NGUYỄN LÂN: Kỷ niệm tạ từ          | 182 |
| Nhà tiên tri Nostradamus là ai  | 68    | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:              |     |
| PHẠM TRỌNG LÊ:                  |       | Tưởng niệm họa sĩ Đinh Cường       | 185 |
| Ngon gió xuân tình tứ           | 82    | PHAN ANH DŨNG: Đinh Cường,         |     |
| TẠ QUANG KHÔI: Vay mượn         |       | một tài ho của hội họa Việt Nam    | 188 |
| trong văn học Việt Nam          | 95    | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:              |     |
| PHẠM BÁ: Dạ cổ hoài lang        | 135   | Kỷ niệm với GS Nguyễn Ngọc Bích:   | 199 |
| NGUYỄN QUỐC KHÁI:               |       |                                    |     |
| Giết con chim nhại              | 172   | <u>THƠ</u>                         |     |

### VĂN

|                              |     |                                  |    |
|------------------------------|-----|----------------------------------|----|
|                              |     | PHAN KHÂM, VŨ HỐI:               |    |
| NGUYỄN T.N. DUNG:            |     | Một Thuyền Hoa Xuân              | 10 |
| Lá Thư Mùa Xuân              | 7   | TUỆNGA: Suối Mây                 | 22 |
| XUÂN BÍCH:                   |     | PHẠM THỊ NHUNG:                  |    |
| Điện cổ trong tình yêu       | 41  | Ngọc Lan Ấu Thơ                  | 22 |
| TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO:      |     | HOÀNG SONG LIÊM:                 |    |
| Văng tiếng chuông chùa       | 47  | Bên Ly rượu Đỏ                   | 30 |
| TÚ NHẬT:                     |     | HẢI BĂNG HOÀNG DÂN BÌNH:         |    |
| Giai thoại về Áo lụa Hà Đông | 65  | Mùng Cỏ Thơm tụ hội đình         | 32 |
| TIỂU THU: du lịch Peru       | 73  | PHAN KHÂM:                       |    |
| PHẠM HỮU BÌNH: Phụng         | 90  | Mùng tuổi Cỏ Thơm xuân Bính Thân | 32 |
| DIỆM CHÂU: Người vợ mất tích | 101 | VĨNH THẢO: Chia sẻ niềm vui      | 32 |
| Q.T. ĐÌNH HÙNG CƯỜNG:        |     | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:            |    |
| Chuyến du lịch Nam Mỹ        | 109 | Xuân này ta lại hẹn              | 32 |
| Ý NGUYỄN" Cuộc di cư         | 122 | VŨ HOÀNG CHƯƠN: Chơi Xuân        | 39 |
|                              |     | DIỆU TẦN: Mấy bài thơ cổ         | 40 |

|                                |     |                                                    |     |
|--------------------------------|-----|----------------------------------------------------|-----|
| THANH THANH: Hạnh phúc         | 45  | LÊ MAI LĨNH: Chân dung một người Việt Nam Cộng Hòa | 160 |
| NGUYỄN VÔ CÙNG:                |     | ĐÌNH CƯỜNG:                                        |     |
| Nửa trái sim, Duyên nợ         | 58  | Gởi Ngô Vũ Dao Ánh                                 | 183 |
| MẠC LY HƯƠNG:                  |     | <b><u>NHAC</u></b>                                 |     |
| Xuân về nhớ cha                | 58  | NGUYỄN VĂN ĐÔNG: Viễn xứ ca                        | 134 |
| NGUYỄN PHÚ LONG:               |     | NGUYỄN TUẤN & HỒNG THỦY:                           |     |
| Nhớ người chưa quen, Tình cuối | 67  | Mỗi độ xuân về                                     | 158 |
| CAO NGUYỄN:                    |     | NGUYỄN VĂN ĐÔNG: Viễn xứ ca                        | 134 |
| Dòng sông và tình yêu          | 73  | <b><u>ĐÍNH CHÍNH</u></b>                           |     |
| LÝ HIỆU: Sông cạn, Tuồng cổ    | 94  | NGUYỄN VĂN THÀNH: Bến Xuân                         | 37  |
| PHAN KHÂM: Vũng xoáy           | 94  | <b><u>GIỚI THIỆU</u></b>                           |     |
| NGUYỄN KINH BẮC: Nuối tiếc     | 94  | BÁC SĨ NGUYỄN QUỐC QUÂN                            | 81  |
| PHAN KHÂM: Du xuân             | 100 | BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG                         | 153 |
| HỒ CÔNG TÂM: Tình sầu          | 100 | LUẬT PHÁP VÀ                                       |     |
| BÙI THANH TIỀN:                |     | VĂN HỌC NGHỆ THUẬT                                 | 171 |
| Không có em biển ngừng vỗ sóng | 100 | SOVEREIGN REALTY, INC.,                            | 206 |
| LUÂN TÂM:                      |     | HARVEST MOON RESTAURANT                            | 207 |
| Thương quá trời thương ơi      | 104 | GIỚI THIỆU SÁCH                                    | 208 |
| MINH CHÂU: Chiều tàn đông,     |     | PHIẾU MUA BẢO                                      | 210 |
| Pour toi mon amour             | 108 | <b><u>PHÂN ƯU</u></b>                              |     |
| ĐẶNG NGUYỄN:                   |     | HỌA SĨ ĐÌNH CƯỜNG                                  | 180 |
| Tôi nhớ hoa đào                | 121 | GIÁO SƯ NGUYỄN NGỌC BÍCH                           | 198 |
| DUY AN ĐÔNG: Làng quê tôi      | 121 | <b><u>HÌNH ẢNH SINH HOẠT</u></b>                   |     |
| Ỡ NGUYỄN: Nhớ                  | 120 | NGỌC DUNG, PHẠM VĂN TUẤN &                         |     |
| PAUL HAMILTON HAYNE:           |     | PHẠM BÁ                                            | 201 |
| This, too, shall pass away     | 131 |                                                    |     |
| PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU        |     |                                                    |     |
| Điều này cũng trôi qua         | 131 |                                                    |     |
| MAECELLE PAPONNEAU:            |     |                                                    |     |
| Je croyais que vieillir        | 133 |                                                    |     |
| MÂY THU: Cứ tưởng tuổi già     | 133 |                                                    |     |
| DIỆM TRÂN: Anh sẽ bên em       | 139 |                                                    |     |
| MOTTHOI: Tâm sự:               | 144 |                                                    |     |
| HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT:       |     |                                                    |     |
| Gửi chị xa xôi cả nỗi niềm     | 147 |                                                    |     |
| NGUYỄN LÂN:                    |     |                                                    |     |
| Thủy tiên đến với xuân         | 154 |                                                    |     |
| DIỆM HOA: Les magique          |     |                                                    |     |
| Printemps de thủy tiên         | 154 |                                                    |     |

## *Lá Thư Mùa Xuân*

Thưa quý vị văn thi hữu và độc giả,

Vì lý do gia đình, Ngọc Dung đã không hầu chuyện quý vị trong hai số báo vừa qua và đã phải nhờ Phó Chủ Nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng lo nhiệm vụ này. Đến nay tinh thần đã ổn định, sức khỏe khả quan, cái tôi xấu xí đã trở lại sinh hoạt bình thường với các văn thi hữu, độc giả trong Cỏ Thơm và trong cộng đồng gần xa. Lời khuyên nhủ có hợp có tan, có sinh có tử, tất cả là luật tạo hóa, chẳng ai tránh được. Chúng ta phải chấp nhận và tiếp tục cuộc sống vui đẹp mà thôi. Một trong những cái vui của Ngọc Dung là được đọc các bài viết của tác giả gửi đến, được liên lạc với các độc giả xa gần, là làm đẹp, làm phong phú cho Tạp Chí Cỏ Thơm. Chủ Bút Trần Bích San đã nói: "Cỏ Thơm là phần thưởng cuối đời của Ngọc Dung, đừng lộn xộn, không được bỏ đâu đấy nhé!..." Vậy Ngọc Dung xin trở lại với bốn phận làm báo và thủ thi cùng quý vị.

Từ đầu năm 2016, năm Cỏ Thơm bước vào tuổi 21, có rất nhiều biến cố xảy ra trong vùng Tòa soạn chúng tôi. Vừa qua Tết Dương Lịch chúng tôi đã được hung tin Họa sĩ Đinh Cường từ trần

ngày 7 tháng 1 sau nhiều tháng trị bệnh. Thật là một cái tang đau buồn sâu đậm cho gia đình anh và một mất mát lớn lao cho văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại. Báo Cỏ Thơm số 74 này có bài tưởng niệm, của Nhà văn Nguyễn Lân, Phan Anh Dũng và Nguyễn Thị Ngọc Dung, về cố Họa sĩ Đinh Cường.

Trước Tết Bính Thân vài ngày, trận bão Jonas đã trút xuống vùng Hoa Thịnh Đốn gần 40 inches tuyết qua một đêm, một ngày. Trong 93 năm chưa có trận bão tuyết nào lớn như thế xảy ra trong vùng Thủ đô Hoa Kỳ. Chủ nhiệm Cỏ Thơm được con trai bốc ra khỏi nhà trước khi tuyết bắt đầu rơi và ở lại nhà con cháu hai ngày. Các hủ nhà thân già sức yếu như tôi phải tốn tiền thuê người cào tuyết trên đường vào garage và vào nhà. Tuyết được xúc hất sang hai bên cao quá cái đầu chủ nhiệm, lối đi hẹp và cao như đường thông hào tránh bom đạn. Nặng lên, cây cối vẫn đóng đá lóng lánh pha lê. Mái hiên tua tủa thạch nhũ nhọn hoắt bằng thủy tinh. Những vật này rơi lên người thì chẳng khác mũi tên hay mũi dao. Các trường học đóng cửa cả tuần. Cũng may Chợ Tết một tuần sau tại một trường học, bãi đậu xe đã được khai quang. Nhưng rét oi là rét, lạnh oi lạnh. Chắc thể hệ của Chủ Nhiệm sẽ không

được thưởng ngoạn một trận bão tuyết như thế nữa trong cuộc đời.

Một tin buồn "lịch sử" về Hà Nội là Cụ Rùa đã vĩnh biệt Hồ Hoàn Kiếm cũng vào đầu năm nay. 15 năm sống ở Hà Nội với 2 năm đi xe đi học, về học quanh hồ, những con rùa non nhấp nhò trên yên xe đạp mà không bao giờ thấy Cụ Rùa. Bây giờ mới thấy hình Rùa trên internet thì Rùa đã chết rồi. Hình hài rùa không còn nguyên vẹn, trông thật tội nghiệp. Truyền thuyết Rùa Hoàn Kiếm có từ thời Vua Lê Thái Tổ. Khi chết Rùa cũng tấp vào bờ trước đền thờ Ngải.

Bỗng dừng tiếng hát réo rắt của Ngọc Hạ âm vang:

*"Hà Nội người có nhớ, chiếc áo xanh lam thơ ngây cô em học trò,*

*Áo trắng Trưng Vương, Tây Sơn em tan trường về, đường qua nẻo phố hẹn hò..." (lời bản nhạc Hà Nội Ngày Tháng Cũ của NS Song Ngọc).*

Thưa vâng, nhắc tới Rùa Hồ Hoàn Kiếm tôi lại nhớ tới những con rùa non mặc áo lam thuở đó. Áo Lam đã di cư vào Nam năm 1954. Áo Lam lại di tản khắp năm châu bốn bể sau quốc nạn 30 tháng 4, 1975. Và , cứ mỗi năm vào tháng 2 Âm lịch, Áo Lam ở tất cả mọi nơi lại đi dự lễ Hai Bà Trưng , đồng ca bài hát "Trưng Nữ Vương" của Nhạc sĩ Thắm Oánh để tưởng nhớ công ơn, gương sáng cứu dân, cứu nước của Hai Bà. Năm nay Áo Lam Hoa Thịnh Đốn dự lễ Hai Bà do Hội Cao Niên tổ chức ngày 3/12/2016 tức là ngày 4 tháng 2,

Bính Thân. Xin chia sẻ nỗi hoàn niệm với những Áo Lam và những người yêu Áo Lam Hà Nội xưa.

Rồi mùa đông chậm chạp, nặng nề như bà lão hơn trăm tuổi cũng qua đi. Trời nắng ấm áp hơn, củ hoa đã nảy mầm, nhú nụ trên vườn cỏ xanh hơn. Chúng ta đã vào xuân. Báo Cỏ Thơm chào mừng mùa xuân với hình bìa "Hoa Đào" trên tranh lụa và màu nước của cố Họa sư Trương Cẩm Khải, thân phụ Nhà văn Trương Anh Thụy. Số báo Cỏ Thơm này sẽ được phát hành vào cuối tháng 3, bắt đầu mùa xuân và cũng là mùa hoa anh đào Hoa Thịnh Đốn. Năm nào cũng vậy, vào dịp này Tidal Basin quây rữ cả trăm ngàn du khách. Mong rằng trời không mưa, gió không thổi, hoa không chóng tàn.

Chúng tôi hân hạnh chào mừng Nhà văn Tạ Quang Khôi lâu nay vắng tên, nhưng nay trở lại Báo Cỏ Thơm với bài biên khảo "Vay Mượn Trong Văn Học Việt Nam". Nhà văn Tạ Quang Khôi là nhà báo, giáo sư kỳ cựu tại Sài Gòn trước 1975. Ông tuy cao tuổi nhưng vẫn đọc nhiều, viết mạnh. Cỏ Thơm mong được sự tiếp tục khuyến khích của ông.

Cỏ Thơm cũng rất vinh hạnh mang tên nhà xuất bản soạn phẩm "Pháp Luật và Văn Học Nghệ Thuật" của Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành. Sách đã được phát hành vào mùa xuân này tại Tòa soạn Cỏ Thơm. Vì lý do sức khỏe, Tác giả chỉ muốn đưa con tinh thần ra chào đời trong vòng giản dị, thân mật và tặng sách các văn thi thân hữu. BKG Nguyễn Văn

Thành là cây viết kỳ cựu của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ 20 năm qua.

Chúng tôi xin cảm ơn Nhà Thơ Nguyễn Phú Long đã tặng tập thơ song ngữ Việt Anh "Còn Lại Chút Tình" với các dịch giả Thanh Thanh và Diễm Trân, và thơ đóng góp của cây bút tỷ hon Sydney Chen. Xin chúc mừng Nhà thơ Nguyễn Phú Long.

Chắc quý vị cũng nghe và xem được hình ảnh những cuộc di cư tị nạn ồ ạt như biển người từ Trung Đông sang Âu Châu, nhất là tại Đức và Pháp. May mắn vùng các văn thi hữu Cỏ Thơm cư ngụ không bị khủng hoảng vì tai nạn, nhưng ai cũng lo lắng. Xem vậy, cuộc di tản của người Việt miền Nam còn trật tự và được nể trọng nhiều lắm.

Gần đây tại Hoa Kỳ, cuộc tranh đua vào Nhà Trắng đã đến thời kỳ thật sôi nổi, các ứng cử viên chỉ trích đối thủ đến cái độ quá trớn. Người ta tự hỏi, rồi đây có vị nào bị kiện vì tội mạ lỵ vu khống không?

Riêng về phía cộng đồng Việt Nam nhiều vụ mạ lỵ vu khống được kê khai, đăng tải trên email, internet và báo chí. Nhiều bị can bị phạt nhiều triệu đô-la. Những vụ đó có cảnh cáo được những kẻ vạ mồm, vạ miệng không? Các cây bút có rút tía được kinh nghiệm rằng báo chí, ngôn luận trên đất Mỹ này là hoàn toàn được phép tự do bịa đặt và nói láo không? Quý vị yên tâm, không khí Cỏ Thơm êm đềm, hòa nhã. Các bài biên khảo công phu, giá trị. Các bài văn được viết với tất cả tâm hồn cảm xúc. Các bài

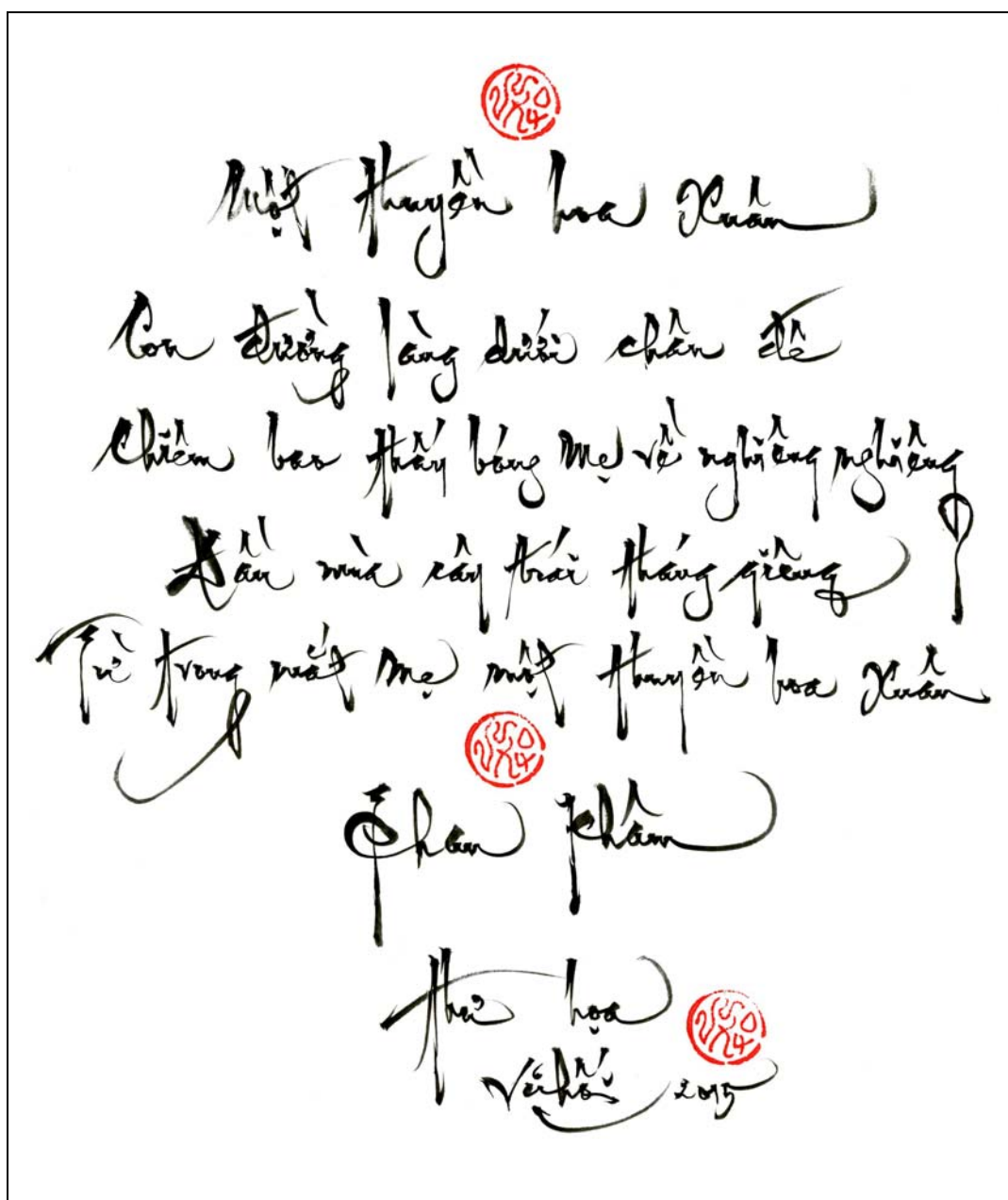
thơ chứa chất đầy lý tưởng nhân đạo, thanh tao làm đẹp tình người.

Xin trân trọng cảm tạ quý vị độc giả, quý vị mạnh thường quân, quý vị tác giả đã tiếp tay với chúng tôi dẫn dắt Tập Chí Cỏ Thơm vượt qua thời gian 20 năm dài và hôm nay đã đi vào tuổi 21 trững trạc, vững vàng và điều đáng quý nhất là được tín nhiệm...

Thưa quý vị, viết đến đây chúng tôi được tin sét đánh vừa giáng xuống nền văn học Việt Nam hải ngoại: Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích vừa qua đời đột ngột trên chuyến máy bay đi Manilla, bên cạnh hiền thê của ông là Giáo sư Tiến Sĩ Đào Thị Hợi. Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích là một nhà trí thức, một nhà thông thái, một quyền tự điển có thể trả lời chúng ta về mọi vấn đề văn học... Ông đã cộng tác, khuyến khích và ủng hộ Tập chí Cỏ Thơm suốt 20 năm qua. Thật là một đau thương lớn lao cho gia đình ông, cho Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông, cho giới văn học, cho phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ Việt Nam. Biết nói gì hơn ở đây là xin chia buồn cùng Giáo sư Đào Thị Hợi và tang quyến. Nguyên cầu hương linh Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích sớm phiêu diêu Miền Cực Lạc.

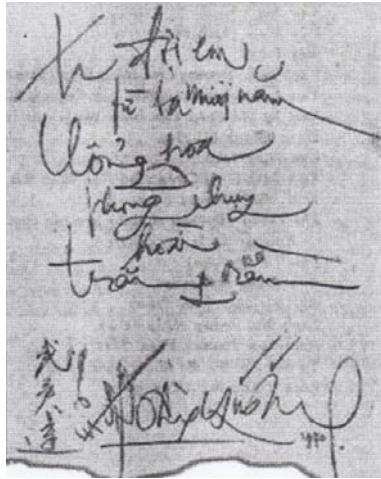
Mong rằng ở lá thư cho số báo sau sẽ không có những tin làm đau buồn chúng ta nữa. Chúc quý vị một mùa xuân thân tâm an lạc.

*Nguyễn Thị Ngọc Dung*



# NGUỒN GỐC CHỮ QUỐC NGỮ

Trần Bích San

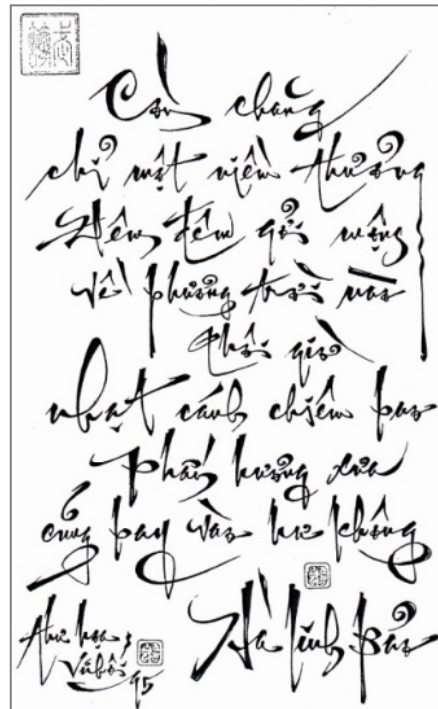


Thủ bút Vũ Hoàng Chương



Thơ Mãn Giác- Ngô Tất Tố dịch

Chữ Quốc Ngữ  
chữ nước ta  
con cái nhà  
đều phải học  
miệng thì đọc  
tai thì nghe  
đừng ngủ nè  
chớ lười tầu



Thư họa của Vũ Hối  
Những chữ dùng để viết bài thơ ba chữ  
dạy trẻ con lớp mẫu giáo ở trên của thi sĩ  
Tân Đà, hoặc chữ viết dạy cách đánh vần i  
tờ của học giả Hoàng Xuân Hãn trong Hội  
Truyền Bá Quốc Ngữ là quốc tự của Việt  
Nam hiện nay:

*I tờ có móc cả hai  
I ngắn có chấm, Tờ dài có ngang  
O tròn như quả trứng gà  
Ô thì đội mũ, Ơ già thêm râu  
Huyền ngang, Sắc dọc, Nặng tròn  
Hỏi lom khom đứng  
Ngã buồn nằm ngang*

Chữ Hán được dùng ở Việt Nam trên một  
ngàn năm, đến đầu thế kỷ thứ 20 Chữ Quốc  
Ngữ trở thành chữ viết chính thức của  
người Việt. **Chữ Quốc Ngữ dùng diễn tả  
tiếng nói chúng ta ngày nay là do các  
mẫu tự La Mã ghép thành** [01], đã xuất  
phát từ nhu cầu truyền đạo Thiên Chúa của  
các giáo sĩ người Châu Âu. Việc sáng chế  
ra Chữ Quốc Ngữ do các cố đạo sang Việt  
Nam từ cuối thế kỷ thứ 16 nhưng có công  
nhiều nhất là các linh mục Francisco de  
Pina, Gasparo d'Amiral, Antonio de  
Barbosa (người Bồ Đào Nha) và Alexandre  
de Rhodes (người Pháp).

## NGƯỜI CHÂU ÂU ĐẾN VIỆT NAM

Lịch sử sự giao tiếp giữa Âu và Á bắt đầu  
từ thời đế quốc La Mã (27 TTL - 476 STL).  
Người Châu Âu đã sang Trung Hoa trong  
thời kỳ này nhưng không có sách nào nói rõ  
về sự giao thiệp. Mãi đến đời Nguyên Thế  
Tổ Hốt Tất Liệt (thế kỷ thứ 13), một người  
Ý tên Marco Polo sang Trung Hoa và ở lại  
đây 17 năm, khi về nước bằng đường Ấn

Độ Dương, ông đã kể lại chuyến du hành  
trong cuốn *Những Kỳ Quan Thế Giới* (*Les  
Merveilles du Monde*).

Đến thế kỷ thứ 15 nhờ kỹ thuật hàng  
hải được cải tiến, người Âu Châu tìm ra các  
trục giao thông mới bằng đường biển nên  
sự tiếp xúc giữa Châu Âu và các Châu khác  
đã gia tăng. Năm 1492 Christophe Colomb  
(Kha Luân Bố) nhờ địa bàn chỉ đường vượt  
Đại Tây Dương tìm ra Châu Mỹ. Năm  
1497, Vasco de Gama, người Bồ Đào Nha,  
sang Ấn Độ bằng cách đi vòng phía nam  
Phi Châu qua Cap de Bonne Espérance  
(Hảo Vọng Giác) sang Ấn Độ Dương. Năm  
1521, Megellan, người Bồ Đào Nha, dùng  
đường Ấn Độ Dương qua Thái Bình Dương  
đến Phi Luật Tân.

Dân tộc Bồ Đào Nha vốn có trong dòng máu  
phiêu lưu mạo hiểm, từ ngàn xưa họ thường  
viễn du bằng đường biển từ Lisboa là hải  
cảng của bán đảo Iberia, nằm ngay cửa biển  
Đại Tây Dương. Kể từ thế kỷ thứ 15, khi  
kinh nghiệm hải hành của người Bồ lên đến  
đỉnh cao, quốc gia này trở thành cường quốc  
số một Châu Âu có các thuộc địa ở Brazil,  
Châu Phi, Ả Rập, Ấn Độ và Trung Hoa.  
Năm 1511 Bồ Đào Nha bắt đầu để ý đến các  
nước Đông Nam Á. Các thuyền buôn theo  
đường Ấn Độ Dương sang biển Nam Hải đi  
ngang Việt Nam để lên đảo Macau (Áo  
Môn). Hội An của ta là trạm nghỉ chân để họ  
buôn bán và tiếp tế lương thực (tấm bia đá  
dựng năm 1524 ở cù lao Chàm của người Bồ  
là một chứng tích).

Người Bồ đến nước ta buôn bán trước tiên,  
mở tiệm buôn ở Hội An (Faifo) Quảng  
Nam. Năm 1614, đời Chúa Sãi, Jean de la  
Croix lập lò đúc súng ở Thuận Hoá (ngày

nay là Phường Đúc ở Huế). Năm 1637, đời vua Lê Thần Tông, Thanh Đô Vương Trịnh Tráng cho người Hoà Lan mở tiệm ở Phố Hiến (gần tỉnh lỵ Hưng Yên ngày nay). Năm 1672 đời vua Lê Hi Tông, chúa Trịnh cho phép tàu Zant của Anh vào Phố Hiến buôn bán. Năm 1680 Pháp bắt đầu gia nhập Phố Hiến. Các thương gia Nhật Bản, Trung Hoa và Thái Lan cũng tham gia tập nập biển Phố Hiến thành một trung tâm thương mại nhộn nhịp với gần 2000 nóc gia, do đó có câu "*Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến*" [02].



Missionnaire en pirogue (Tonkin) A boating missionary (Tonkin)

Các nước Âu Châu lợi dụng phương tiện hàng hải đem quân xâm chiếm các nước khác làm thuộc địa nhằm khai thác tài nguyên, tìm thị trường mới. Từ giữa thế kỷ 16 người Bồ Đào Nha đã sang Trung Hoa buôn bán ở bán đảo Schangch'nan thuộc Quảng Châu. Khoảng 1557 bọn cướp biển trú ẩn ở Áo Môn thường hay khuấy phá Quảng Châu, người Trung Hoa nhờ các thương gia Bồ Đào Nha dẹp bọn ấy. Khi dẹp xong bọn cướp, người Bồ xin phép nhà cầm quyền Trung Hoa cho họ trú ngụ ở bán đảo Schangch'nan và Áo Môn từ 1563. Hàng năm họ đóng thuế cho chánh quyền Trung

Hoa, đến thế kỷ 20 Áo Môn vẫn còn thuộc Bồ Đào Nha. Năm 1568 Tây Ban Nha chiếm Phi Luật Tân. Năm 1596 Hoà Lan chiếm Nam Dương. Đến thế kỷ 17 Pháp và Anh chiếm Ấn Độ.

## CÁC GIÁO SĨ ĐẦU TIÊN SANG VIỆT NAM TRUYỀN ĐẠO

Giáo sĩ đạo Thiên Chúa dùng thuyền đến các làng quê truyền đạo

Tuy mãi đến giữa thế kỷ thứ 19 Pháp mới chiếm Việt Nam, nhưng người Châu Âu gồm các thương gia và giáo sĩ đạo Thiên Chúa đã đến Việt Nam từ thế kỷ thứ 16. Các nhà truyền giáo Tây phương muốn sang Viễn Đông đều đi theo các thương thuyền Bồ Đào Nha nên họ chọn Áo Môn làm trung tâm truyền giáo để hoạt động ở Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam, tại đây có viện thần học Mẹ Đức Chúa Trời (Madre de Dieux). Do đó các giáo sĩ người Âu thường từ Áo Môn vào Đàng Ngoài hay

Đàng Trong và ngược lại. Họ thường dùng ngôn ngữ Bồ Đào Nha để giao dịch với nhau, những phúc trình truyền giáo hay thư từ gửi về La Mã viết bằng chữ Bồ hoặc La Tinh.

Trong những năm hậu bán thế kỷ 16 các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha của hai dòng thánh Francisco và Agustino đã đến nước ta, nhưng họ đến rồi đi. Năm 1553, đời vua Lê Trang Tôn, giáo sĩ Irigo đi đường biển đến giảng đạo ở các làng Ninh Cường và Quần Anh huyện Nam Chân (nay là Nam Trực, Nam Định), và làng Trà Lũ,

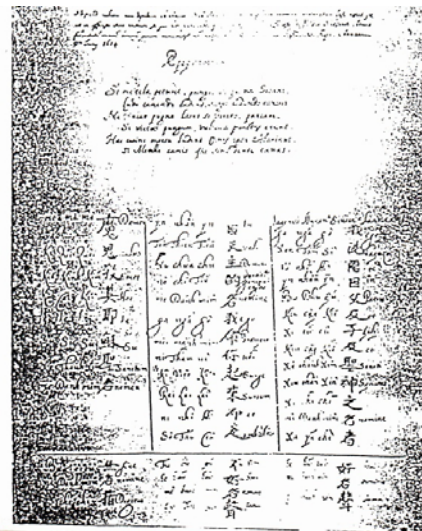
huyện Giao Thủy (nay là Xuân Trường, Nam Định) [03]. Năm 1596, đời Chúa Nguyễn Hoàng, giáo sĩ Diego Aduarte (hay Advarte) người Tây Ban Nha đến truyền đạo ở Trung Kỳ được ít lâu thì bỏ đi [04]. Sang thế kỷ thứ 17, dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh phương tiện giao thông bằng hàng hải đã phát triển mạnh, lúc đó các giáo sĩ người Châu Âu đi theo các thương thuyền mới ở lại hẳn Việt Nam để truyền đạo.

## SỰ RA ĐỜI CỦA CHỮ QUỐC NGỮ

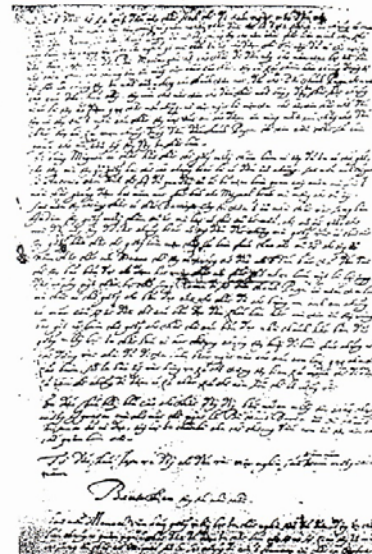
Đầu thế kỷ thứ 17 các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha lại đến Việt Nam và lần này họ thành công. Giáo đoàn Dòng Tên (Ordres des Jésuites), có trung tâm truyền giáo ở Áo Môn, chính thức thành lập giáo đoàn ở nước ta. Năm 1615 cố Francesco Buzomi lập ra Giáo Đoàn Đàng Trong (Mission de la Cochinchine). Năm 1627 cố Alexandre de Rhodes lập Giáo Đoàn Đàng Ngoài (Mission du Tonkin). Trong giới giáo sĩ Dòng Tên có một linh mục xuất sắc, đóng vai trò lịch sử trong việc tạo dựng Chữ Quốc Ngữ, đó là cố Francisco de Pina.



Chữ La Mã khắc trên đá trước cửa đền



Công-thức rửa tội bằng bốn thứ tiếng La-tinh, Trung-hoa, Việt-nam và Nhật-bốn (1654)  
Formule du baptême en latin, caractères chinois, vietnamiens et japonais romanisés



Đoạn chốt bức thư của Bento Thiện gửi cho giáo sĩ Philippe Marino năm 1659, thư này hiện tàng-trữ tại Thư-viện Dòng Tên ở Rôma.  
- Lettre de Bento Thiện à Philippe Marino (1659). (Bibliothèque de la Compagnie de Jesus à Rome)  
Xem Hoàng-Xuân-Hân, Một vài văn-kiến bằng quốc-âm tàng-trữ ở Âu-châu, trong Đại-học số 10 (1959), tr 108-110

Chữ Quốc Ngữ sau khi tự điển Alexandre de Rhodes được in (1651)

## Sự Hình Thành Chữ Quốc Ngữ

Chữ Quốc ngữ được hình thành theo chiều hướng chung đối với những nước nằm trong địa bàn truyền giáo của các giáo sĩ Tây Phương ở Đông Á. Tại Tàu, Hoa ngữ được các nhà truyền giáo dùng mẫu tự La Mã phiên âm trước nhất. Khoảng 1584-1588 hai giáo sĩ Dòng Tên Micac Ruggieri và Matteo Ricci soạn quyển *Tự Vựng Bồ-Hoa* (bản viết tay lưu trữ tại văn khố Dòng Tên ở La Mã), mỗi trang chia làm 3 cột chữ Bồ, chữ Hán, phiên âm Hoa ngữ. Năm 1598, giáo sĩ Ricca và Cateneo dùng ký hiệu để ghi các thanh của tiếng Tàu. Tại Nhật Bản từ 1592 đến 1596 khoảng 10 sách loại này được in trong đó có 2 hai quyển quan trọng:

- *Dotrina Jesus no Compania no Collegio Amacusa ni voite superiores no vou xi no comuni core no fan to nasu mono nari*, Nengi, 1592 (Giáo lý ghi bằng tiếng Nhật theo mẫu tự La Mã).

- *Dictionarium latino lusitanicum ac Japonium* (In Amacusa in Collegia Japonico Societa Jesus, Anno 1595) Tự Điển La-Bồ-Nhật.

Ngoài ra còn có sách Ngữ Pháp Nhật được in theo mẫu tự La Mã vào năm 1603-1604.

Tại Việt Nam, thời kỳ sáng tạo Chữ Quốc ngữ có thể chia ra làm 2 giai đoạn: phiên âm và cấu tạo câu.

### Giai đoạn phiên âm

#### Francisco de Pina (1585-1625)

Francisco de Pina sinh năm 1585 tại Guarda, Bồ Đào Nha, vào tu Dòng Tên năm 1605, từ 1611-1617 theo học Đại Học Thánh Phao Lô, Macau. Tại đây ông gặp

giáo sĩ João Rodrigues, nhà ngữ học tiếng Nhật tiên phong, tác giả quyển văn phạm tiếng Nhật chuyển tự sang chữ cái La Mã dựa vào cách phát âm tiếng Bồ, nay gọi là *Romaji*. Quyển văn phạm này in trong khoảng 1604-1608. Có thể Pina đã theo phép chuyển tự này để ghi chép tiếng Việt.

Năm 1617 ông đến Đàng Trong truyền đạo, địa bàn mục vụ của ông trải dài từ [Hội An](#) (Faifo) vào đến [Quy Nhơn](#) (Pulucambi). Ông là người đầu tiên giảng đạo trực tiếp bằng [tiếng Việt](#). Ông cho rằng các giáo sĩ đương thời không nắm vững được ngôn ngữ địa phương để đạt được mục tiêu rao giảng [Phúc Âm](#) [05]. Ông bắt đầu dịch một số văn bản của đạo Thiên Chúa ra tiếng Nôm (chữ Hán được Việt hóa). Pina nhận thấy các nhà truyền giáo gặp phải khó khăn vì họ không học được chữ Nôm. Ý thức chữ Nôm không thể là phương tiện giao tiếp với người bản xứ nên ông tìm một phương pháp đơn giản. Lắng nghe người Việt phát âm rồi dùng mẫu tự La Mã để diễn tả âm điệu theo cách mà tiếng Bồ thường sử dụng. Kể từ năm 1622, Pena dùng những công trình của các giáo sĩ đi trước gồm các chữ Việt La Mã không dấu xây dựng cho hợp với thanh điệu và lối phát âm tiếng nói người Việt.

Năm 1624 Pina mở trường dạy tiếng Việt cho các nhà truyền giáo khác. Trong số người theo học có hai vị quan trọng, một người đã lớn tuổi là Antonio de Fontes (1569 -?), người Bồ, sinh tại Lisboa, vị kia là Alexandre de Rhodes (1591-1660), người Pháp. De Fontes là cột trụ của Giáo Đoàn Đàng Trong, còn De Rhodes sẽ ra Bắc thành lập Giáo Đoàn Đàng Ngoài.

Ngày 15/12/1625, Pina lên một chiếc tàu Bồ Đào Nha neo ở vịnh Đà Nẵng để dùng thuyền nhỏ mang hàng hóa vào bờ, nhưng chẳng may thuyền chìm. Pina chết trong khi đang cố cứu một người khác trên chiếc thuyền bị đắm, năm đó ông mới 40 tuổi. Sau cái chết của Pina, các nhà truyền giáo vẫn tiếp tục xây dựng Chữ Quốc Ngữ, các giáo sĩ có công lớn là Gasparo d'Amiral (1592-1646), Antonio de Barbosa (1594-1647) và Alexandre de Rhodes (1591-1660).

#### **Antonio de Fontes - Francesco Buzomi - Christoforo Borris - Gaspar Luis**

Ngày 01/01/1626 Antonio de Fontes viết tại Hội An bản tường trình bằng chữ Bồ gửi Linh mục Mutio Vitelleschi là Bê Trên Cả Dòng Tên ở La Mã. Qua tài liệu này Giáo Đoàn Đàng Trong có 3 cơ sở là Hội An, Kê Chàm ở Quảng Nam và Nước Mặn ở Qui Nhơn. Bản tường trình có phiên âm một số chữ.

Ngày 13/07/1626, Linh mục Francesco Buzomi viết một lá thư chữ Ý gửi Linh mục Mutio Vitelleschi trong đó cách phiên âm có tiến triển phần nào vì các danh từ ghi theo đơn âm như ngày nay.

Năm 1631 linh mục Christoforo Borris xuất bản sách tại La Mã viết bằng chữ Ý, trong sách có một câu văn Việt (chưa có dấu) đầu tiên xuất hiện là *Con gno muon bau tlom laom Hoalaom chian* (Con nhỏ muốn vào trong lòng Hoa Lang chẳng?). Câu này các giáo sĩ Đàng Trong dùng để hỏi người Việt có muốn vào đạo không (*Hoa Lang* là danh từ người Việt thời bấy giờ dùng chỉ người Bồ Đào Nha, và sau đó được dùng gọi chung các giáo sĩ Tây Phương). Vì câu này

diễn tả không rõ ý nên Linh mục Buzomi sửa lại là *Muon bau dau Christian chiam?* (Muốn vào đạo Christian chẳng?). Những chữ phiên âm trong sách được Francesco Buzomi dùng trong khoảng từ 1618 đến 1621 là thời gian ông sống ở Đàng Trong.

Đến 1631 có thêm hai tài liệu của Đắc Lộ. Ngày 16/01/1631 ông viết một bức thư gửi Linh Mục Nuno Mascarenhas ở La Mã trong đó tìm thấy có một chữ phiên âm *Thinhũa* (Thanh Hóa). Một bản văn khác thuật lại từ lúc ông cùng Linh Mục Pedro Marques tới cửa Bạng (Thanh Hóa) ngày 19/03/1627 cho đến lúc Linh Mục Antonio F. Cardin đến Thăng Long ngày 15/03/1631 (trong chuyến đi ấy, có các Linh Mục Gasparo d'Amiral, André Palmeiro, Antonio de Fontes). Tài liệu 2 trang rưỡi này viết trên giấy khổ 16 cm x 23 cm, có phiên âm mấy chữ *Sinoa* (Xứ Hóa - Thuận Hóa), *Anná* (An Nam], *Sai* (Sãi), *Mía* (Mía - nhà tạm trú).

Những tài liệu phiên âm trên cho thấy sự mạnh mẽ hình thành Chữ Quốc Ngữ từ 1621 đến năm 1631. Trong mười năm đó, việc phiên âm không mấy tiến triển, chưa được thống nhất, chẳng hạn như danh từ Xứ Hóa được phiên âm khác nhau: *Sinoa* (Jão Roig 20/11/1621), *Sinua*, *Sinuâ*, *Sinoá* (Antonio de Fontes 01/01/1626), *Sinoa* (Đắc Lộ 1631), danh từ Ông Nghè: *Omgne* (Christoforo Borri 1618-1621), *Ungne* (Jão Roig 20/11/1621), *Ongne*, *Ungué* (Gaspar Luis 12/12/1621), *Unghe* (Gaspar Luis 01/01/1626), *Onghe* (Antonio de Fontes 01/01/1626)

## **Giai Đoạn Cấu Tạo Câu**

### **Gasparo d'Amiral (1592-1645)**

Giai đoạn kế tiếp bắt đầu từ năm 1632 với những phiên âm có phương pháp của Gasparo d'Amiral.

Ông sinh năm 1592 tại Bồ Đào Nha, giáo sư dạy La Văn, Triết Học, Thần Học tại các học viện và đại học Evora, Braga, Coimbra ở Bồ Đào Nha, gia nhập Dòng Tên ngày 01/07/1608. 1623 đến Áo Môn. Tháng 10/1626 cùng Thầy Paulus Saito người Nhật (1577-1633) đến Đàng Ngoài. Tháng 5/1630 cả hai cùng với Linh mục Đắc Lộ và Pedro Marques về Áo Môn. Ngày 18/02/1631 Gasparo cùng 3 Linh mục khác là André Palmeiro, Antonio de Fontes và Antonio F. Cardim từ Áo Môn đáp tàu Bồ Đào Nha đến cửa Bạng (Thanh Hóa) cập bến ngày 15/03/1631, rồi ra Bắc đến Kẻ Chợ (Thăng Long). Sau đó Linh mục Palmeiro và Fontes trở về Áo Môn còn Amiral và Cardim ở lại tiếp tục công cuộc truyền giáo tại Đàng Ngoài. Năm 1638, Linh mục Amiral được gọi về giữ chức Viện Trưởng Viện Thần Học tại Áo Môn, thời gian ông ở Đàng Ngoài được 7 năm. 1641 được cử làm Phó Giám Tỉnh Dòng Tên hai tỉnh Nhật Bản và Trung Hoa (gồm các nước Nhật, Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Hoa gồm Áo Môn, Quảng Đông, Quảng Tây). 1645 ông đáp tàu từ Áo Môn trở lại Đàng Ngoài, khi đến gần đảo Hải Nam tàu bị đắm, ông chết đuối ngày 23/12/1645.

Trong 7 năm ở Đàng Ngoài, Gasparo d'Amiral để lại 2 tài liệu liên quan đến chữ Quốc Ngữ. Tài liệu 1 viết bằng chữ Bồ tại

Thăng Long ngày 31/12/1632 nhan đề *Annua do reino de Annam do anno de 1632, pera o Pe André Palmeiro de Compa de Jesu, Visitator das Provincias de Japan, e China* (Bản tường trình hàng năm về nước An Nam năm 1632, gửi cha André Palmeiro, Dòng Tên, giám sát các tỉnh Nhật Bản và Trung Hoa). Tài liệu thứ hai viết 5 năm sau cũng soạn bằng chữ Bồ tại Thăng Long ngày 25/03/1637 có nhan đề *Relacam dos Catequista da Christandade de Tumk e seu modo de proceder pera o Pe Manoel Dias, Vissitador de Jappão e China* (Tường thuật về các Thầy Giảng của Giáo Đoàn Đàng Ngoài và về cách thức tiến hành của họ, gửi cha Manoel Dias, giám sát Nhật Bản và Trung Hoa). Tài liệu 1 còn lưu trữ tại văn khố Dòng Tên La Mã, tài liệu 2 hiện nay thuộc Văn Khố Hàn Lâm Viện Sử Học Hoàng Gia Madrid Bồ Đào Nha. Trong cả 2 tài liệu có một số chữ viết giống y như chữ Việt bây giờ: *đức, Chúa Thanh Đô, thầy, Nghệ An, lay, định...*

Từ tài liệu của Gaspar Luis năm 1621 đến tài liệu 1 của Gasparo d'Amiral chỉ cách nhau 11 năm nhưng cách ghi âm đã tiến bộ vượt bậc từ chữ không dấu sang chữ có dấu. Đóng góp của Gasparo rất quan trọng cho việc hình thành Chữ Quốc Ngữ. Đắc Lộ đã nhờ phương pháp phiên âm và dựa vào quyển *Tự Điển Bồ Đào Nha - An Nam* của Gasparo để soạn quyển *Tự Điển An Nam - Bồ Đào Nha - La Tinh*.

### **Antonio Barbosa (1594-1647)**

Antonio sanh năm 1594 tại Ville de Arrifana de Sonza Bồ Đào Nha, gia nhập



Mộ Giáo Sĩ Đắc Lộ ở Isfahan, Ba Tư  
Alexandre de Rhodes (1591 - 1660)  
(Do một vị đi hành hương La Mã chụp)



*chưa thêm tiếng La tinh, mục đích để giúp  
người bản xứ học tiếng La Tinh theo lệnh  
của các Đức Hồng Y”*

Dòng Tên ngày 13/03/1624. Năm 1629 được cử đến truyền giáo ở Đàng Trong. Tháng 4/1636 ra Đàng Ngoài truyền giáo. Cho đến tháng 5/1642, vì lý do sức khỏe, ông phải trở về Áo Môn nghỉ ngơi. Do tình trạng không được tốt hơn sau một thời gian tĩnh dưỡng, ông rời Áo Môn đi Goa, Ấn Độ và từ trần trên đường đi năm 1647.

Mặc dù quyền tự điển chép tay của Antonio không được tìm thấy và ông không để lại tài liệu nào về Quốc Ngữ, nhưng Đắc Lộ đã cho biết: *“Tôi lợi dụng công việc của các giáo sĩ khác cũng thuộc Dòng Tên, nhất là của Gasparo d'Amiral và Antonio Barbosa. Cả hai ông này, mỗi ông đều làm một cuốn tự điển. Ông Gasparo d'Amiral làm cuốn Annamiticum – Lusitanium, ông Antonia Barbosa làm cuốn Lusitanum - Annamiticum. Nhưng tiếc rằng cả hai ông đều chết sớm. Tôi lợi dụng công trình của cả hai ông viết ra cuốn tự điển mới, có*

### Alexandre de Rhodes (1591-1660)

Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) là một nhà bác học có thiên khiếu về khoa ngôn ngữ, sinh ngày 15/03/1591 tại Comtat Venaissin, tỉnh Avignon, miền Nam nước Pháp, gốc Do Thái, tổ phụ di cư từ Tây Ban Nha sang Pháp giữa thế kỷ 16, thân phụ là Benadin II de Rhodes một thân hào nhân sĩ trong vùng. Ông gia nhập Dòng Tên (Ordres des Jésuites) ngày 14/04/1612, học về thần học và toán ở học viện Saint André du Quirinal, thụ phong linh mục tại La Mã năm 1618, cùng năm được gửi đi truyền giáo ở Đông Nam Á. Ông đến Lisbonne thủ đô Bồ Đào Nha rồi đáp tàu đi Áo Môn ngày 04/04/1619. Vì ghé qua Goa (Ấn Độ) nên ngày 29/05/1623 mới đến Áo Môn. Ông sang Việt Nam truyền đạo trong vòng sáu năm (1624 -1630), trong thời gian này ông đã nghiên cứu kỹ lưỡng và hiểu rõ lịch sử, phong tục, tập quán của người Việt. Tháng

12/1624 ông được sung vào Giáo Đoàn Đàng Trong, đặt chân lên Việt Nam tại Đà Nẵng cùng với các linh mục Gabriel de Mattos và một giáo sĩ Nhật. Đắc Lộ đến cơ sở truyền giáo Thanh Chiêm thuộc Quảng Nam, hiện có Linh mục Francisco de Pina và Antonio de Fontes (đến Đàng Trong tháng 12/1624). Tại đây giáo sĩ Francisco de Pina dạy ông tiếng Việt. Trong vòng 4 tháng ông thông hiểu và sau 6 tháng, giảng đạo mạch lạc bằng tiếng Việt, nhờ vậy ông được cử ra Đàng Ngoài giúp cố Julien Baldinotti (chưa nói được tiếng Việt) lập giáo đoàn mới. Tháng 7/1626 ông rời Đàng Trong về Áo Môn một thời gian rồi trở lại Việt Nam. Ngày 19/03/1627 cùng Linh mục Pierre Marquez đến cửa Bạng (Thanh Hóa) yết kiến Chúa Thanh Đô Vương Trịnh Tráng (1623-1657), sau đó ra Bắc giúp lập giáo đoàn Đàng Ngoài. Sau 3 năm ông tạo được nhiều giáo đồ. Tháng 5, 1630 chúa Trịnh cấm đạo, trục xuất các giáo sĩ, Đắc Lộ trở về Áo Môn.

1630-1640: Đắc Lộ dạy thần học ở học viện thần học Áo Môn. 1640: được cử đến Đàng Trong làm Bề Trên thay thế Linh mục Buzomi vừa từ trần tại Quảng Nam. Ngày 03/07/1645 bị bắt buộc phải rời cơ sở truyền giáo Thanh Chiêm theo lệnh của quan Cai Bộ thi hành án lệnh trục xuất các giáo sĩ của chúa Nguyễn. Kể từ đó, ông rời hẳn Việt Nam trở lại Áo Môn dạy tiếng Việt ở Học viện Thần Học. Ngày 20/12/1645 đáp tàu từ Áo Môn đi Âu Châu nhằm mục đích vận động thành lập hàng giáo phẩm Việt Nam. Ngày 16/11/1654 Toà Thánh La Mã cử Đắc Lộ làm Bề Trên của phái đoàn truyền giáo Ba Tư, ông đáp tàu từ Marseille đến Ispahan thủ đô Ba Tư vào

đầu tháng 11/1655. Ông từ trần tại đây vào ngày 05/11/1660.

Đắc Lộ để lại tài liệu về chữ Quốc Ngữ vào năm 1625 và 1631, ông cũng để lại vài tài liệu khác viết vào các năm 1636, 1644, 1647. Tài liệu năm 1636 viết tay có nhan đề: "*Tunchinenois Historiae libri duo quorum altero status temporalis hujus Regni, altero mirabiles evangelicae praedicationes progressus refuruntur. Coeptae per Patres Societatis Jesu, ab Anno 1627 ad Annum 1636*" (Lịch sử Đàng Ngoài và những bước tiến triển lớn lao mà phúc âm rao giảng đã làm ở nước này để cải hóa lương dân, từ năm 1627 đến năm 1636). Bản này ghi bằng La Tinh gồm 2 quyển, lưu trữ tại Văn khố Dòng Tên ở La Mã. Tài liệu năm 1644, Đắc Lộ viết bằng chữ Bồ tại Thanh Chiêm, nhan đề: "*Relacão do glorioso Martirio de Andre Cathequista Protomartir de Cochinchiana alanceado, e degolado em Cachão no 26 de Julho de 1644 Tendo de Idade dezanove annos*" (Tường thuật cuộc tử đạo vinh hiển của Thầy Giảng An-Drê, vị tử đạo đầu tiên ở Đàng Trong, bị đâm chém tại Kê Châm ngày 26/07/1644 lúc 19 tuổi), tài liệu này có những chữ và câu phiên âm: *Giữ nghĩa cũ d chúa Jesu cho den het hoy, cho den blon doy* (Giữ nghĩa cùng Đức Chúa Jesu cho đến hết hơi, cho đến trọn đời). Tài liệu năm 1647, Đắc Lộ viết bằng La Tinh tại Macassar ngày 04/06/1647 có nhan đề: "*Alexandre Rhodes è Societate jesu terra marique decē annorũ Itinerarium*" (Cuộc hành trình mười năm trên bộ, dưới biển của Đắc Lộ thuộc Dòng Tên).

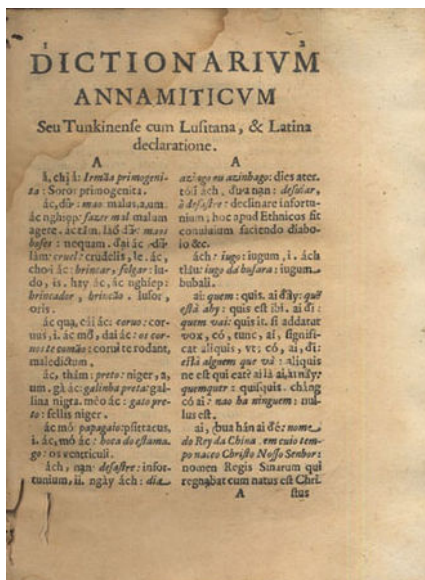
*Assistentia Germanica, 1651*  
**DICTIONARIUM**  
**ANNAMITICUM**  
**LUSITANUM, ET LATINUM OPE**  
**SACRÆ**  
**CONGREGATIONIS**  
**DE PROPAGANDA FIDE**  
**IN LUCEM EDITUM AB**  
**ALEXANDRO DE RHODES**  
*Et Societate IESV, eiusdemque Sacre Congregationis Missionario Apostolico.*



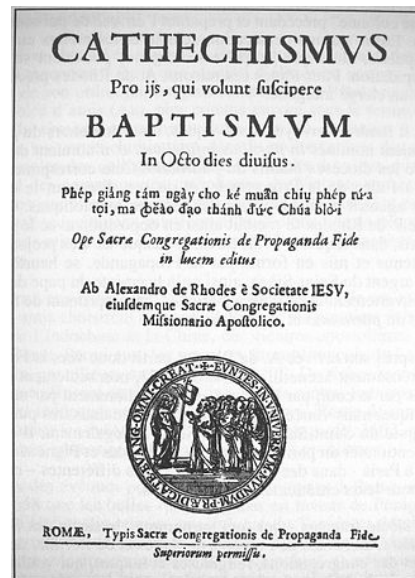
ROME, Typis, & sumptibus eiusdem Sacre. Congreg. 1651.  
*Superiorum permissu.*



Bìa tự điển in ở La Mã 1651



Bài Giảng Giáo Lý Tám Ngày (1651)



Một trang tự điển

Có người cho Alexandre de Rhodes sáng tạo ra Chữ Quốc Ngữ nhưng thực ra đó là công của nhiều nhà truyền giáo sang Việt Nam trước ông. Tuy nhiên, ông là người có công rất lớn trong việc La Mã hoá tiếng Việt, kể tục công trình của các tu sĩ Dòng Tên Francisco de Pina, Gasparo d'Amiral và Antonio de Barbosa.

Alexandre de Rhodes đã cho xuất bản *Lịch Sử Xứ Bắc Kỳ* (bằng tiếng La Tinh, bản dịch bằng Pháp văn), *Tự Điển An Nam-Bồ Đào Nha-La Tinh* (*Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum*) soạn trong khoảng 1645-1649 được Linh mục F. Piccolomineus Bề Trên Cả Dòng Tên cho phép xuất bản ngày 05/02/1651. Sau đó, *Bài Giảng Giáo Lý Tám Ngày* (*Catechismus*) bằng Quốc Ngữ La Tinh đối chiếu, được soạn trong khoảng 1649-1651, cuốn này được Linh mục Gosswinus

Nickel quyền Bề Trên Cả cho phép xuất bản ngày 08/07/1651. Vì vai trò quan trọng trong công cuộc truyền giáo nên phiên họp các Hồng Y và Giáo Chủ ngày 02/10/1651 đã quyết định ra lệnh cho nhà in Bộ Truyền Giáo ngưng các ấn phẩm khác để in gấp quyền Cathéchismus kịp phổ biến trong giới tông đồ.

*Tự Điển An Nam-Bồ Đào Nha -La Tinh* cùng với quyền *Bài Giảng Giáo Lý Tám Ngày* là hai quyển sách bằng Chữ Quốc Ngữ đầu tiên in ở La Mã năm 1651 do Hội Truyền Giáo La Mã (Đức Giáo Hoàng Urbain XIII thành lập năm 1627) đúc Chữ Quốc Ngữ lần đầu tiên và ấn hành năm 1651. Riêng về quyển tự điển ta có thể coi như là giấy khai sinh chính thức của Chữ Quốc Ngữ. Alexandre de Rhodes đã ấn định hình dạng và liệt kê các Chữ Quốc Ngữ, mẹo luật về chữ cái, âm, thanh, tự loại, nguyên tắc cú pháp. Ông đã sử dụng những kiến thức về tiếng Việt thu nhận được từ người thầy mình là giáo sĩ Francisco de Pina và dùng quyển *Tự Điển Bồ Đào Nha - An Nam* của giáo sĩ Antonio de Barbosa và quyển *Tự Điển An Nam – Bồ Đào Nha* của



Pigneau de Béhaine

Gasparo d'Amiral làm tài liệu tham khảo căn bản trong việc soạn thảo (hai quyển này chép tay, chưa được in thành sách)



Tự điển Việt- La Tinh



Hoàng Từ Cảnh (1787)

(Còn tiếp 1 kỳ)

## Suối Mây

Gọi thăm thơ , gọi trong tim  
Phấn hương Lan ngọc ngát miền tâm linh  
Thuyền lênh đênh ... Gió lênh đênh ...  
Bông Mai vừa nở cuối ghềnh hoàng hôn

Thơ say ăm ắp đầy hồn  
Gió lùa mây ngả, tay ôm thơ vui  
Trong tay giấy trắng ngủ dài  
Tình ra bỗng thấy đất trời hoang sơ

Thì thơ, ta lại làm thơ  
Thơ xanh hoa ngọc thả bờ Giác Hoa  
Hỏi là ai ? lại là ta  
Tiền thân là gió, là hoa kiếp nào

Kiếp này, vẫn thơ nữa sao  
Quấy Kinh ai quấy Thơ vào sông trắng  
Trăm năm dâu bể thường hằng  
Chữ rằng là Có, Chữ rằng là Không ,

Sao đây trời ... sáng mênh mông  
Một dòng mộng huyền, một dòng huyền vi

...  
Tình đi, ai đó tình đi  
Có nghe thơ điệu Cổ Thi ngọt ngào

Thả lên Trăng, Rót lên Sao  
Còn nghe âm hưởng dạt dào sông Ngân ...  
Gọi thăm Thơ, gọi trong Tâm  
Đường về Bến Tịnh, Hoa Xuân nở vàng

Mây trời một giải thênh thang  
Thế gian hữu hạn, không gian vô cùng  
Tiếng Thơ, nào vọng hư không ...  
Nhấn Ai Về Suối Mây Hồng Nghe Kinh ...

## Tuệ Nga

## Ngọc Lan Âu Thơ

Bao năm trời viễn xứ  
Cỏ bông theo gió đưa  
Chiều nay chợt thảng thốt  
Thoáng một mùi hương xưa.  
Một mùi hương thanh khiết  
Thánh hóa cả chiều hoang  
Mùi hương hoa cổ quốc  
Ơi hương hoa Ngọc-Lan !  
Ai ngàn xưa từng nói  
Mưa hru bước người đi  
Nơi đây trời lữ thứ  
Hương gọi dĩ vãng về...  
Ngọc-Lan trên Cốt Thượng  
Ngọc-Lan dưới Kê Mơ  
Quê Nội và xứ Ngoại  
Ngọc-Lan, đời ầu thơ !

Búp Lan vương tóc mẹ  
Cánh Lan náu áo con  
Những trưa trời oi ả  
Ngủ dưới tàn hoa thơm.  
Hương Lan ru hồn mộng  
Chim trời khúc tụng bình  
Bướm ong, bầy Tiên nữ  
Múa hát trên không trung.  
Ôi ! những ngày thơ dại  
Bên mẹ cha ấm êm  
Hương Lan quyến luyến mãi  
Quê hương, xứ Thần Tiên!

## Phạm thị Nhung

Mùa Ngọc-Lan  
Xuân Nhâm thân

# MÙA XUÂN NÓI CHUYỆN KHỈ

## Nguyễn Quý Đại

*Khi nào cho vượn là cảnh  
Cho chim là tổ, thiếp họa may là chà  
Ca dao*

**T**rong 12 con giáp, khỉ đứng hạng thứ 9 của 12 con vật trong Thập Nhị Địa Chi. Giống Khỉ thuộc loài có vú, sanh con, thường sống từng đoàn ở trong rừng, ưa nhảy nhót, đu chuyen từ cây này sang cây khác, thông minh hơn các thú vật khác, thường bắt chước các hoạt động của con người. Học thuyết tiến hoá của Charles Darwin, gây ra nhiều cuộc bút chiến sôi nổi đối với những nhà thần học và tôn giáo, vì ông ta cho rằng khỉ (Vượn) là thủy tổ của loài người. Năm 2016 là năm Bính Thân, chúng ta cùng tìm hiểu về đời sống của khỉ.

### Khỉ có tên trong Khoa học

*Giới (regnum) Animalia  
Ngành (phylum) Chordata  
Lớp (class) Mammalia  
Bộ (ordo) Primates  
Họ (familia) Cercopithecidae  
Chi (genus) Macaca*

Khỉ sống từng vùng khác nhau trên thế giới, bởi vậy đời sống tập tính có nhiều điểm khác biệt. Có loại khỉ ăn thịt cá, ăn mối, ăn trái cây, lá, vỏ cây... Hình dáng lớn nhỏ màu lông khác nhau:

Khỉ đuôi dài (*Macaca nemestia*) sống ở Đông Nam Á. Tùy theo loài, chiều dài con

trưởng thành từ 38–55 cm với tay và chân ngắn. Đuôi dài hơn thân với chiều dài từ 40–65 cm. Con đực lớn hơn con cái, nặng từ 5–6 kg so với con cái nặng từ 3–6 kg.



Khỉ đuôi lợn (*Macaca nemestrina*), trọng lượng khoảng 14 kg. Bộ lông màu vàng nhạt, đỉnh đầu có đám lông đen, đuôi giống đuôi lợn.

Khỉ Mắc (*Macaca fascicularis*) dài 50 cm đến 73 cm với đuôi dài 19 cm đến 38 cm. Con đực nặng 10 kg đến 14,5 kg, con cái nặng 8 kg đến 12 kg. Thức ăn của khỉ mắc là trái cây, lá, ngũ cốc và một số động vật không xương sống.

Khỉ mặt đỏ (*Macaca arctoides*) có màu lông sẫm pha đỏ, nâu hoặc đen ở phần trên của cơ thể. Chúng có mặt đỏ và đuôi gần như không có.

Khỉ mặt vàng (*Macaca mulatta*) có thân màu nâu, phần mõng, hai bên hông và đùi màu nâu đỏ.

Khỉ voọc xám (*Presbytis pheyrei crepusculus*) lưng có màu sẫm, thân trước và tay có màu xám bạc, chân màu đen, mặt màu

xanh, xung quanh mắt có viền tròn màu kem, trán có màu xám đen và đuôi trắng.

Vượn trắng (*Nomascus leucogenys*). Tất cả các loài vượn đều có tay dài hơn chân và không có đuôi. Vượn cái và vượn con có màu nâu vàng, hoặc xám vàng. Vượn đực toàn thân màu đen.

Đười ươi (*Orang Utang*) Đười ươi (*Pongo pygmacu*), Khỉ muôn (*Chimpanzee*), những con tinh tinh (*Pan troglodytes*) Khỉ lùn (*Bonobo*) Khỉ đột mõ dài (*Pavian*) ...



Có 22 loài khỉ đuôi dài, trong đó một số được sử dụng thường xuyên trong các thí nghiệm khoa học. Chúng là một trong những động vật linh trưởng được giới khoa học quan tâm bởi trí thông minh và khả năng thích nghi với môi trường sống. Khỉ thích quay trở lại những cây quen thuộc nơi chúng từng tìm thấy hoa quả, bây giờ thích tìm thức ăn khi thời tiết nắng ấm áp hơn là lúc trời đầy mây và lạnh giá. Tiết trời ẩm và sự kết hợp của bức xạ mặt trời làm chín muối của trái cây cũng như sự tăng trưởng của các ấu trùng sống ẩn trong một số loại quả, món ăn mà Khỉ rất ưa chuộng. Mỗi khi phát hiện thức ăn, khỉ luôn thông báo cho đồng loại bằng những tiếng kêu đặc trưng.

Khỉ đột và Tinh Tinh, dù ở trong rừng rậm được các nhà Động vật học quay phim chiếu lại trong các chương trình Tivi về đời sống của chúng. Phần lớn khỉ ăn trái cây và lá cũng như ăn các động vật nhỏ. Tinh Tinh có nhóm máu và gen cũng trùng hợp với chúng ta, là loại thông minh biết dùng vũ khí như đá, cây để chống lại kẻ thù, biết dùng đá để đập những loại hạt có vỏ cứng như hạt dẻ để ăn, biết dùng lông chim để rảy tai, dùng những cọng hoặc cành cây để xỉa răng. Để tránh khát nước biết nhai những lá cây nát làm thành „miếng xốp“ nhúng vào nước rồi vắt vào miệng để uống, biết dùng cành cây làm cần câu để móc mồi từ những ổ mồi lớn để ăn. Tinh tinh được huấn luyện để mặc áo quảng cáo, đeo kính mát và làm tài tử đóng phim như trong phim Tarzan. Tinh tinh cao chừng 170 cm con lùn 90 cm, trọng lượng nặng khác nhau từ 45 kg đến 60 kg, thời gian thụ thai từ 225 ngày đến 240 ngày. Khi con bú sữa mẹ 2 đến 4 năm. Tinh tinh mẹ rất yêu thương và chăm sóc con nhỏ đi đâu cũng mang con con bên cạnh. Tuổi thọ khoảng 40 năm.



### **King Kong thời đại**

Phim (Film) King Kong làm cho nhiều người say mê, người dựng phim cho con khi Gorin là giống tàn bạo vì sức lực phi thường của nó. Những bộ phim King Kong diễn tả con khi Gorin này chuyên khủng bố tàn phá nhà cửa. Đó là xảo thuật dàn dựng tưởng tượng, nhưng thật sự con khi Gorin sống dịu dàng điềm đạm thân thiện. Bà Diana Fossey từng sống giữa bầy Gorin chưa bao giờ bị chúng tấn công. Khi gặp người lạ chúng thường đứng thẳng trên hai chân sau, hai chân trước (2 tay) đập vào ngực nó và phát ra tiếng rống thật to để đe dọa đối phương. Khi Gorin cố gắng tránh các cuộc ẩu đả và chỉ giương oai, giễu võ thôi, Chúng thường chạy lướt qua nhau nhỏ bắt rẽ các cây con để thị uy. Gorin loại khi đột này cao 1,80 m; nặng 180 Kilô hoặc nhiều hơn (nhưng những con sống ở bờ biển lông ngắn màu nâu không to lớn bằng những giống ở rừng) mỗi ngày 3 giờ tìm thức ăn, 4 giờ để ăn, thì giờ còn lại vui chơi hay ngủ. Khi đực Gorin nặng tới 275 kg con cái nặng 100kg thời gian mang thai 251 đến 289 ngày, sanh con con nặng 2 kg. Tuổi thọ 60 tuổi. Gorin chỉ ăn thảo mộc, măng, rễ, bẹ non, trái và lá cây. Gorilla sống ở những khu rừng nhiệt đới và cận nhiệt đới của Châu Phi. Hai loài Gorilla hiện nay là Gorilla núi rất quý hiếm sống trong rừng trên núi Albertine Rift cao 2225 đến 4267 m, thuộc dãy Virunga phía đông Châu Phi.

Loài thứ 2 là Gorilla đồng bằng sống tại những khu rừng rậm rạp, đầm lầy và các vùng ngập nước xấp xỉ mực nước biển. Thức ăn của chúng là các loại thực vật như cây mọng nước, chồi non... Gorilla thường sống trong rừng rậm, nơi có nhiều cây cối và đó là nguồn thực phẩm quan trọng của

chúng. Gorilla thường sống dưới mặt đất, đi bằng bốn chân và chỉ đi bằng hai chân khi chuẩn bị đánh nhau. Về đêm, chúng có thể ngủ trên cây. Gorilla dù có thân hình to lớn những có thể leo cây khá tốt. Chúng sống theo đàn dưới sự chỉ huy của một con đực to khỏe nhất. Nhiệm vụ của con đực là lãnh đạo và bảo vệ cả đàn khỏi bị thú dữ tấn công. Kẻ thù nguy hiểm nhất của Gorilla là loài báo hoa mai rất hung dữ. Khi bị đe dọa, con đực sẽ đứng thẳng người và dùng 2 tay đâm thủng thịt vào bụng để cảnh báo trước khi chiến đấu. Gorilla được biết đến như một dã thú đầy sức mạnh với ngoại hình to lớn, khỏe hơn nhiều so với người, đôi tay mạnh mẽ, và thông minh và một cú đâm của gorilla có thể khiến mọi vật đối diện phải biến dạng. Dù có thân hình to lớn đồ sộ, Gorilla có tốc độ chạy ở mức trung bình, khoảng 40 km/h. Tuy có thân hình to lớn và dữ tợn nhưng thực tế các con khi Gorilla ăn thực vật và ít khi gây hại cho những con thú khác.

Khi đột di chuyển bằng đốt ngón tay, mặc dù đôi khi chúng có thể đứng thẳng khi mang theo thức ăn hay trong tình trạng phòng ngự. Khi đột trưởng thành hoang dã nặng 135 đến 180 kg trong khi con cái thường chỉ nặng bằng nửa con đực 68–113 kg. Con đực trưởng thành cao 1,7 đến 1,8m với sải tay 2,3 đến 2,6 m. Con cái có sải tay ngắn hơn. Khi đột đực trưởng thành được biết đến như "lưng bạc" do vùng lông màu bạc trên lưng của nó. Đôi khi, một con lưng bạc lớn hơn 1,8 mét nặng đến 230 kg trong hoang dã, những con khi đột béo phì trong tình trạng nuôi nhốt nặng đến 270 kg.

Khi Capuchin nổi tiếng vì sự thông minh biết sử dụng các viên đá để đập vỡ hạt, đào đất và thăm lỗ... Không giống các loài khỉ khác, các con cái thuộc giống Khi

Capuchin không có bất kỳ dấu hiệu cơ thể nào cho thấy chúng đang trong thời kỳ "động dục". Các con khỉ cái thường thu hút sự chú ý của con đực bằng khuôn mặt hồng đỏ, những tiếng kêu rên rỉ hoặc bằng cách chạm vào "chàng" và chạy đi chỗ khác, thậm chí còn ném đá về phía con khỉ đực nó khao khát yêu đương. Hành động ném đá của khỉ cái như một cách thăm hỏi, chào mời.

Với những loài linh trưởng khác, con cái thể hiện đầy đủ mọi hành vi ve vãn, 'động dục'. Khỉ đực thường chải lông, bắt rận cho khỉ cái trước khi giao hoan với chúng. Khỉ cái cũng chải lông cho khỉ đực...

#### **Đười ươi (*Dryopithecus*) là ẩn sĩ trong rừng?**

Đười ươi thường bện các cành lại làm ổ trên cây cao, nơi chúng không cảm thấy nguy hiểm, để ngủ đêm và nghỉ ngày, chúng thích ngủ chỉ rời ổ khi mặt trời lên cao. Đười ươi đực ngồi trong ổ ca khúc ban mai nó vươn vai, gợn rộng cánh tay dài từ hõng phát ra âm thanh nhát gừng, càng lúc càng to và kết thúc bằng một tiếng kêu dài rộn ràng. Thường vợ chồng Đười ươi ở cách xa nhau chỉ gặp nhau những lúc có cây to trái chín rộ hoặc những lúc giao hợp. Đười ươi sống trên cây không di chuyển dưới đất như khỉ Gorin và Tinh tinh. Đười ươi ăn trái cây trong rừng ngoài ra cũng ăn lá vỏ cây mồi và kiến. Trước khi ăn thường ném thử. Đười ươi cao 97 cm, con đực nặng 90 kg con cái nặng 50 kg, thời gian mang thai từ 260 đến 270 ngày, và cho con bú 2 đến 3 năm. Tuổi thọ đến 40 năm Đười ươi đực do các bướu cổ rộng tạo thành mô sụn liên kết mà mặt bẹt như cái đĩa, tuổi già có thêm râu ria dài, và lưng cũng bạc như khỉ Gorin. Đười ươi sống trên cây các rừng

vùng nhiệt đới ẩm thấp, phần lớn ở Đông Nam Á trong rừng Calimantan và Bắc Sumatra, ở Mã lai và Nam Dương, có giống Orang Utann gọi là người rừng cao khoảng 1,50 m, nặng 90 Kilô, ăn trái cây, trứng chim, chuối, côn trùng, ngoài ra cũng thường bắt khỉ con, heo rừng, linh dương nhỏ để ăn, con đực hay săn mồi hơn con cái.

Thói quen của các loại khỉ đều chải chuốt bộ lông cho nhau, hoặc bắt chích, rận hay tìm những miếng da khô bị tróc trong bộ lông. Thường đàn khỉ có một con đầu đàn to lớn với trách nhiệm lo cho cả đàn. Khỉ đầu đàn cũng thuộc hạng "sư phụ" không thua gì Dê đực về việc chăm lo thỏa mãn cho mấy chục Khỉ cái trong đàn. Khỉ đực có thể giao phối liên tục cả ngày, kéo dài quanh năm suốt tháng và sẵn sàng quyết chiến nếu khỉ đực khác dám bén mảng quyến rũ các bà vợ của mình, khỉ thường ngủ trong ổ do chúng đan mỗi ngày bằng cành cây, sợ các thú dữ như hổ báo, mèo rừng và rắn độc

#### **Vượn có phải là thủy tổ của loài người không?**

Vượn thông minh, nhanh nhẹn chúng có thể nhảy xa 20 m, qua giòng sông nhiều cá Sấu, nhảy từ ngọn cây này sang ngọn cây bên kia, chúng thường suy tính khi giải quyết vấn đề khó khăn. Để lấy được món ăn hấp dẫn trên cao, thường biết chồng các khối gỗ lên cao và dùng gậy khều thức ăn, Vượn không nói được, nhưng những gì quan trọng chúng đều báo tin cho nhau bằng cử chỉ và nét mặt. Gần đây qua nhiều cuộc thí nghiệm nó có thể sử dụng Computer, biết dùng son để vẽ... vượn có thể nhận ra mình trong ảnh và trong gương?

Học thuyết tiến hoá của Charles Darwin (1809-1882) Darwin bỏ thì giờ nghiên cứu về học thuyết này từ năm 1842 đến năm 1844, nhưng chưa dám phổ biến sau khi nhận bản thảo về học thuyết tiến hoá của Alfred Russel Wallace gốc người Anh sống ở Đông Ấn. Năm 1859 cuốn "Nguồn gốc của các loài" được xuất bản tạo ra nhiều cuộc tranh cãi đến năm 1871 Darwin xuất bản cuốn „Nguồn gốc loài người và sự lựa chọn trong quan hệ giới tính“ tác phẩm này với học thuyết về sự tiến hoá của loài người có nguồn gốc từ Vượn. Người tiền sử Neanderthalien cách đây 5 triệu năm. Rất nhiều nhà nghiên cứu cho rằng người Neanderthal không hề có đóng góp gì về gen đối với loài người hiện nay và giống người này đã tuyệt chủng (Vượn 20 triệu năm, Đười ươi 20 triệu năm, Tinh tinh 10 triệu năm (tài liệu dẫn chứng tác giả Witus B. Droscher). Gây ra nhiều cuộc bút chiến sôi nổi đối với những nhà thần học và tôn giáo, học thuyết của Darwin làm thoái hóa lòng tin. Con Vượn muôn đời vẫn là con Vượn, ngày nay sự tiếp xúc của con người với các loài vật do tạo hoá sinh ra, vẫn như thời nguyên thủy con rắn sinh ở sa mạc có màu của cát, con rắn sinh ở trên cây có màu xanh đó là sự biến đổi sinh tồn hoà nhập vào đời sống. Con người do Thượng Đế tạo ra đã có trí khôn từ muôn thuở sinh tồn hàng triệu năm trên trái đất này.

Các nhà Khoa học chứng minh có thể loài Vượn có những yếu tố nào đó giống con người về nhóm máu một số Gene? so sánh bộ gene của người và Tinh tinh cho thấy một sự khác biệt gene liên quan đến thính giác đã cho phép con người phát triển giọng nói trong khi Tinh tinh không nói

được. Bộ gene của con người và Tinh tinh 99% giống nhau. Nhưng một số quá trình phát triển như thính giác và khứu giác của con người lại có tốc độ nhanh hơn. Những gene liên quan tới quá trình này có thể giải thích một phần vì sao Tinh tinh và con người lại có sự khác biệt đó. Nhà nghiên cứu Andrew Clark tại Đại học Cornell ở Ithaca, New York, cùng cộng sự đã lập nên bản đồ gồm hơn 7.000 gene của Tinh tinh trước khi so sánh với con người. Không thể vội và kết luận Vượn là thủy tổ loài người.



### **Chuyện hoang đường về khỉ**

Chuyện Tây Du Ký, kể chuyện ba thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh ở Tây Trúc đường xa vời vợi thời đó hạ giới còn yêu quý, nhiều tài năng biến hoá cản trở việc đi thỉnh kinh của Tam Tạng. Tôn Hành Giả là con khỉ ở núi cao được sinh ra từ lòng một hòn đá, biết nói tiếng người muốn sống trường sinh bất tử, rời động Thủy Liêm xuống núi đi tìm thuốc trường sinh, may mắn gặp Tô Sờ Thần thấu nhận làm đệ tử, truyền dạy võ thuật và các phép thần thông biến hoá. Thành tài Tôn ngộ Không không trở về cố quận, xuống thủy cung của Long Vương chiếm được vật báu Như Ý kim Cổ Bồng (làm cây thiết bồng) lên Thiên đàn uống

rượu trộm loại trường sinh bất tử của Thái Thượng Lão Quân. Phá rồi khắp nơi nổi danh là Tề Thiên Đại Thánh lộng hành. "cao nhân tất hữu cao nhân trị". Phật Tổ Như Lai chứng minh cho họ Tôn thấy sự mệnh mông vô lượng của các pháp mà những kẻ ở cõi này không bao giờ vượt nổi, nếu chỉ loay hoay với tham vọng. Tề Thiên Đại Thánh dù thần thông biến hoá cũng không chạy khỏi bàn tay của Đức Phật Như Lai úp bàn tay xuống tạo Ngũ Hành Sơn ngăn cản giam cái tham vọng của họ Tôn lại. Nhưng Ngải cũng biết rằng, chẳng có núi cao biển sâu nào giam được tham vọng của con người nếu con người không tự tu thân. Ngải cũng để một lối thoát cho sự ăn năn hối cải cho Tề Thiên. Một ngày đẹp trời thầy Đường Tăng Tam tạng đi ngang qua đã thấu nhận Tề Thiên làm đệ tử, cứu ra khỏi ngũ hành đê trên lưng, nhưng Ngải phòng ngừa tính khí thích vui chơi, phá rối nên gắn trên đầu vòng Kim cô? để dễ trị tội trên đường đi thỉnh kinh có thêm đệ tử gốc heo là Trư Bát giới và Sa tăng..

#### **Những năm Thân trong lịch sử**

Giáp Thân 1884 triều đình Huế ký hoà ước với Pháp công nhận sự bảo hộ của Pháp ông Patenôtre hội cả các quan, bắt đem huỷ bỏ Ấn của Tàu phong cho vua Việt Nam, nghĩa là từ đó nước Nam thuộc về nước Pháp bảo hộ, không còn thần phục nước Tàu. Pháp chia nước ta ra làm hai khu vực Trung Kỳ và Bắc Kỳ để dễ cai trị. Dần dần Hoà ước đó mất đi ý nghĩa Pháp chiếm hết quyền lực để đô hộ Triều đình Huế chỉ giữ cái hư vị mà thôi. Cho đến ngày 08.03.1949 thỏa ước Elysée (điện Elysée, Paris) Quốc trưởng Bảo Đại sang Pháp ký với tổng thống Vincent Aurio Pháp thừa nhận Việt

Nam, có nền ngoại giao, kinh tế, tài chánh, tư pháp giáo dục riêng.

Giáp Thân - Ất Dậu nạn đói từ mùa thu năm 1944 đến mùa đông năm 1945 các tỉnh miền Bắc như Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam và Ninh Bình bị thiệt hại nặng nề, số người chết gần 2 triệu người! tài liệu mô tả trên khắp các nẻo đường đều có xác người chết vì quá đói!

Mậu Thân 1968 xảy ra cuộc tổng công kích của MTDTGPMNVN vào các thành phố của miền nam VNCH vào đêm Giao thừa 29.12.1968 (dương lịch ngày 30.1.1968). Thảm cảnh diễn ra chỉ 25 ngày đêm trên có 41 tỉnh. Thành phố, Thị trấn, thị xã miền Nam Việt Nam, gây nhiều tổn thất về nhân mạng và tài sản, ca dao một thời được nhắc lại, để nhớ những đau thương mang đến trong dịp Tết Mậu Thân (1968) với niềm vui không trọn!

*Mậu thân giặc chiếm Huế đô*

*Đốt nhà, cướp của, đào mộ chôn dân!*

*Làm sao quên được Mậu thân*

*Cộng quân tàn ác giết dân hại mình*

*Mậu thân cộng chiếm Huế đô*

*Đông Ba, Gia Hội thành mồ chôn dân!*

#### **Khỉ trong văn học**

Khỉ đi vào đời sống văn hóa người Châu Á qua năm Thân, tháng Thân, ngày Thân, giờ Thân. Trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao Việt Nam, khi cũng được người đời nhắc đến, Ở miền Nam, chiếc cầu tre bắc qua kênh rạch ở vùng sông nước được gọi là cầu khi. Đời Hán bên Trung hoa trong chuyện Tô Vũ chăn dê, đã nhờ con vượn cái cứu sống trong những đêm đông giá lạnh trong 10 năm Tô Vũ đã sống với vượn như tổ ấm gia đình

*Ngày nào khi là quả xanh*

*Thì anh mới bỏ em ngày ấy  
hoặc  
Khi bỗng con lên non cắn trái  
Cầm thương nàng phận gái mồ côi*

Những câu thơ trào phúng ví von chuyện của gia cầm, thường nuôi mèo chó ít người nuôi khi, chỉ còn ít người tin nuôi khi trước sân hay trong chuồng bò để chống bệnh phong.

*Chuột chù chê khi rằng hôi  
Khi mới trả lời cả họ mầy thơm!  
Con chó chê khi lấm lông  
khi lại chê chó ăn đông ăn dài*

Đời sống của chim trời tung cánh bay xa, Vượn thì thích sống trong rừng có hoa trái mỗi ngày di chuyển không xa khu vực núi rừng chỉ trong phạm vi 1 km,  
*Nhạn lạc bầy kêu thẳng thốt  
Vượn lạc bầy cắn trái khóc than  
Đêm nằm lụy nhỏ chứa chan  
Tôi nhớ đến câu tình tự  
Tôi băng ngàn tới đây!*

Khi sống trong rừng ở trên cây nhưng lo ngại sự tấn công của thú dữ như báo, hổ, mèo rừng, khi thường báo động cho nhau biết mỗi khi đánh được mùi của cọp đến gần.  
*Chớ mượn hơi hùm run nhát khi*

Trần Trọng Kim dịch bài thơ của Vương Xương Linh khi bị đày lên vạn Tuế Lâu với đời sống cô đơn để nhìn đời sống của khi chim muôn  
*Núi chiều vượn khi yên vui  
Bãi kia chim cốc tới lui từng bầy  
Ai lên trong đám khói mây  
Chiều hôm man mác lại gây nỗi sầu.*

Con vượn có mặt trong văn chương truyền khẩu của người Việt như trong bài dân ca "Lý qua đèo" ở Huế hay "Ăn ở trong rừng" thuộc Quan họ Bắc Ninh. Ca trù có

điệu xẩm huê tình cũng nhắc đến vượn. Ca dao thì có câu nhắc đến vượn để tro ý xa xôi, hoang dã như trong câu ca dao miền Nam:

*Má ơi! Đừng gả con xa  
Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu.*

Tục ngữ về vượn có câu: Vượn lia cây có ngày vượn rũ. Trong văn học thì hai tác phẩm lớn là Truyện Kiều và Lục Vân Tiên đều có nhắc tới vượn, nhất là tiếng hú (còn gọi là hót) của chúng. Trong tín ngưỡng Tứ phủ hình bóng con vượn hiện ra biểu tượng cho miền núi hoang sơ khi vượn ra mắt dâng cúng hoa quả.

Từ ngữ về con khi chủ yếu xuất hiện trong văn hóa của các dân tộc Á Châu. Một số thành ngữ, tục ngữ như:

*Khi ho cò gáy: Chỉ chốn hoang vu  
Giết gà dọa khỉ. Rung cây nhát khỉ*

*Làm trò khi: Ché giễu những người hay pha trò, bắt chước, làm trò hề  
Trời sinh con khi ở lùm  
Chuyển qua chuyển lại rút ùm xuống sông  
Khi bỗng con lên non kiếm trái  
Cầm thương nàng phận gái mồ côi  
Mặt nhẵn như khi  
Nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà*

Khi gió, khi khô, khi mốc: Những câu của, câu mắng: đồ khi hay đồ khi gió: Ám chỉ người không đứng đắn, nghiêm túc, hay nghịch ngợm  
Khi lại là khi, mèo lại hoàn mèo....

#### **Dân tộc nào thường ăn thịt khi**

Nhiều quốc gia ở Phi Châu và Nam Mỹ họ săn bắt các loại khi để ăn thịt đe dọa làm khi mất giống? Ở Á Đông cho rằng thịt khi bổ máu, cường dương. Đông y còn dùng xương khi để nấu cao khi chữa trị

## **Bên ly rượu đỏ**

*Rót tràn ly rượu đỏ  
Lại chào Xuân xứ người  
Dạt dào dâng nỗi nhớ  
Nào biết đến Xuân tươi ?*

*Rót tràn ly rượu đỏ  
Lại chào Tết tha hương  
Bước chân người lữ thứ  
Ai giục mà lên đường ?*

*Uống cạn ly rượu đỏ  
Nồng nàn nỗi nhớ Em  
Từng mùa Đông xa xứ  
Quê nhà yêu dấu thêm.*

*Xin một chút tình cờ  
Gặp người xưa qua phố  
Tay trong tay ngày cũ  
Dù nhau vào đêm mơ...*

*Cõi nhớ bừng năm xưa  
Giờ từng trang kỷ niệm  
Chập chờn em thoáng hiện  
Tình chiêm bao, còn ngờ....*

**Hoàng Song Liêm**

được nhiều bệnh (?), Thời Từ Hi Thái Hậu (Kaiserin witwe Cixi) Thái Hậu lựa chọn thức ăn đại bổ như "Trâm mã trà" và "Nào hầu / mức óc khi". Bọn Thái Giám mức nước sôi tạt vào đầu con khi. Con khi bị nóng lấy tay gãi tuốt hết lông đầu, và họ bỏ con khi vào thùng có khoét lỗ tròn vừa đầu con khi nhô lên, lấy dao bén vạt ngang óc khi lòi ra lấy thìa mức óc bỏ một thứ thuốc dăng cho

Thái hậu (trong tác phẩm Từ Hi Thái Hậu của Mộng Bình Sơn).

Món ăn dã man này ngày nay còn lại trong giới nhiều tiền ăn chơi tại Trung Hoa cũng như Việt Nam! Ở Tây phương giới y khoa chỉ dùng khi trong các việc thí nghiệm, nuôi khi trong sở thú để mọi người chiêm ngưỡng, không có bán thịt khi. Các loài khi đột, Tinh tinh và Đười ươi hoang dã đang trong nguy cơ bị tuyệt chủng vì vừa bị săn bắt, vừa chịu ảnh hưởng của việc tàn phá rừng. Loài tinh tinh đã biến mất tại ba nước Tây Phi và sẽ sớm biến mất tại ba nước khác và Đười ươi cũng ít vì sinh đẻ chậm và thường bị săn bắn và phá rừng

### **Khi ăn ớt**

Thuyết tiến hoá đã được bàn cãi qua nhiều thế kỷ, nhưng sự đổi đời sau 30.4.1975 cũng nhiều chuyện về khi như "khi đội mũ cối ngồi xe, bắt chước như khi, nói như vẹt". Tôi có người anh con cậu, sau khi đi học tập cải tạo về không được phép ở lại Sài Gòn, bị gọi đi xây dựng vùng kinh tế mới, đi thủy lợi đào kinh trồng thôm ở Lê Minh Xuân. Nên mẹ tôi mua một khu vườn ở Gia Ray gần Ngã ba Ông Đồn để anh tự lập nghiệp nuôi sống tạm thời để khỏi bị đi kinh tế mới trước khi tìm đường vượt biên.

Vườn rộng gần một mẫu, thời đó chỉ một vài cây vàng 24K để canh tác. Vườn có nhiều chuối xanh tươi những buồng chuối dài trái lớn, lôm chôm loại tróc vỏ cao hơn đầu người, những loại trái cây như đu đủ mít tố nữ... những khu đất trống có thể trồng đậu xanh, bắp tùy theo mùa, nhờ những năm trong trại cải tạo anh đã canh tác thành công. Những lúc anh về Sài Gòn thường mang trái cây về cho chúng tôi như mít, chuối, đu đủ thơm ngon nhờ chín cây.

Nhưng không lâu những mùa trái cây bị đàn khỉ hàng trăm con từ trên núi về phá hoại ăn hết chuối bắp, nhưng không thể nào đánh đuổi, "rung cây nhấc khi" nó chạy đi nhưng cứ trở lại kiếm ăn. (Vì trên núi Bộ đội khai thác gỗ để bán, và săn bắn khỉ để ăn thịt).

Anh về Sài Gòn tìm mua sơn các màu đỏ, xanh và vải đỏ. Chúng tôi tưởng anh đổi nghề đi vẽ quảng cáo chăng? Nhưng không phải vậy anh mua các dụng cụ trên để trị bầy khỉ ngoan cố ăn trộm trái cây! Anh kể lại kinh nghiệm người bạn chỉ cách trị khỉ "cho khỉ nó ăn ớt"

Anh đào cái hố rộng hình vuông hay tròn rộng sâu hơn 1,5 m để khỉ không thể trèo lên, từ trên hố xuống đáy để một cái cây làm thang, dưới hố để chuối và ớt hiểm già nhỏ để chung với nhau. Lúc yên tĩnh đàn khỉ kéo nhau xuống kiếm ăn thấy chuối nó cùng nhau trèo trên cây để sẵn xuống hố, tranh nhau ăn chuối và ăn luôn cả ớt dính vào tay vào mắt mũi cay quá! Chúng tranh nhau bỏ chạy nhưng dưới đáy hố không còn đường nào thoát hiểm con này trèo lên cái cây con khác kéo lại, cứ tranh nhau như vậy con trèo còn kéo lại cuối cùng đều ở lại dưới hố. Chỉ cần lấy cái cây đi thì khỉ hết đường chạy trốn. Bắt từng con cột lại cạo lông đầu, lấy sơn trét lên đầu và mặt khỉ, làm cho nó trở thành con khỉ lạ, cột trên cổ nó cái khăn đỏ làm "khỉ ngoan của Bác". Bôi thêm ớt lên trên mình khỉ thả chúng chạy vào rừng. Đàn khỉ cùng đàn không thể nhận ra là bạn, sợ bỏ chạy xa đôi khi cắn nhau chí tử gặp ớt cay bỏ chạy quên cả khu vườn nhiều hoa trái...

Không có bài học nào giống nhau, kinh nghiệm cuộc đời khó có thể tưởng tượng. Nếu đàn khỉ không tranh nhau kéo nhau khi bị nạn ăn ớt, để từng con chạy trốn thì con

người không thể bắt được để cạo đầu bôi sơn, để rồi tự quay trở lại cắn nhau không nhận ra là bạn và thù.

Bốn thập niên cộng đồng chúng ta làm kiếp người lưu vong, dù hội nhập đời sống mới phát triển và thành công trên nhiều lãnh vực về: khoa học, thương mại vv.. Cạnh tranh với người bản xứ khắp "Năm Châu Bốn Bể" Nhưng nhìn lại sinh hoạt cộng đồng thường thiếu đoàn kết... nên dễ bị nhà cầm quyền CSVN lợi dụng cơ hội, để gây chia rẽ cộng đồng người Việt ghét chế độ cộng sản bỏ nước ra đi tìm tự do.

Mời độc giả xem đoạn phim khi phá các chú hổ con Tiger and Monkey Fight Funny Funny Videos

<https://www.youtube.com/watch?v=xy2y-7DoDhU>

Affenweibchen werfen Steine, wenn sie Sex wollen

<http://www.sueddeutsche.de/wissen/ipad-video-ipad-affen-als-steinwerfer-1.1862662>

#### **Tài liệu tham khảo**

Tiere Dieser Welt Tác giả Martin Walters & Jinnny Johson

Die Tiere Afrikas Einführung von Jane Goodall Monky witus B. Droscher

Việt Nam Sử lược Trần Trọng Kim

<http://www.kilimanjaro.com/gorilla/goripict.htm>



## MỪNG CỎ THƠM TỰ HỘI ĐÌNH

Xướng

Đây buổi **Cỏ Thơm** Tự Hội Đình  
Chuyện trò thân ái, mái nhà xinh  
Bò kho, chả nướng, vừa lòng bạn  
Rượu chát, gà chiên, đúng ý mình  
Tủ chứa sách kinh bao khách trọng  
Tường trưng tượng ảnh, dám ai khinh?  
Vòng tay mở rộng chiêu hiền giả  
Tri kỷ, tri âm, há dễ tìm?

**Hải Bằng.HDB**

01/03/2016

## CHIA SẺ NIỀM VUI

Họa

**Cỏ Thơm** tụ họp tựa gia đình  
Chia sẻ niềm vui với bạn xinh  
Bạch Cúc - món ăn ai sánh kịp  
Hải Bằng - thơ nhạc phủ đầy mình  
Rồi ngâm, rồi hát, tình thân quý  
Đến chả, đến gà, đại mới khinh  
Hoa lạ hương thơm vườn tao ngộ  
Tâm đầu ý hợp biết đâu tìm?

**Vĩnh Thảo**

T.H Ottawa 1.7.16

## MỪNG TUỔI CỎ THƠM XUÂN BÍNH THÂN

Họa

Vắng bóng nơi đây những mái đình  
Nhưng mà khung cảnh thấy xinh xinh  
Đón xuân hoa thắm tươi thiên hạ  
Mừng tuổi **Cỏ Thơm** đẹp chúng mình  
Có phải tình duyên đưa phận đây  
Hay là đời nghĩa trọng thân khinh  
Bốn phương tám hướng dìu nhau tới  
Chữ nghĩa văn chương mãi kiếm tìm

**Phan Khâm**

01/25/2016

## XUÂN VỀ TA LẠI HẸN

Họa

Cảm ơn thi hữu đến thư đình  
Tòa soạn **Cỏ Thơm** nhỏ bé xinh  
Tài tử không màng xa lối xóm  
Giai nhân chẳng quản mệt thân mình  
Anh em ly rượu nâng men chúc  
Bè bạn câu ca đổ kẻ khinh  
Báo mới xuân về ta lại hẹn  
Duyên văn hội ngộ dễ đâu tìm

**Nguyễn Thị Ngọc Dung**

01/26/2016

# DI SẢN THIÊN NHIÊN CỦA VIỆT NAM

+++

**Nguyễn Văn Thành và BNK**

sưu tầm hợp soạn.

## LỜI BẠT

UNESCO (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization) Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hiệp Quốc, công nhận 22 Di Sản Thế Giới tại Việt Nam, được phân loại khác nhau, nằm trong các tiết mục liệt kê dưới đây:

### 1/ Di Sản Thiên Nhiên

Vịnh Hạ Long  
Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

### 2/ Di Sản Văn Hoá

Quần Thể Di Tích Cố Đô Huế  
Đô thị Hội An  
Khu Đền Tháp Mỹ Sơn  
Khu Di Tích Trung Tâm Hoàng  
Thành Thăng Long - Hà Nội  
Thành Nhà Hồ

### 3/ Di Sản Hỗn Hợp

Quần Thể Danh Thắng Tràng An

### 4/ Di Sản Văn Hoá Phi Vật Thể

Tín Ngưỡng Thờ Cúng Hùng Vương ở Phú Thọ  
Nhã Nhạc - Âm nhạc Cung Đình Việt Nam  
Không gian Văn Hoá Cồng Chiêng Tây Nguyên  
Ca Trù

Quan Họ Bắc Ninh

Hội Gióng ở Đền Phù Đồng và Đền Sóc

Hát Xoan ở Phú Thọ

Nghệ Thuật Đờn Ca Tài Tử Nam Bộ

Dân ca ví, Giặm Nghệ Tĩnh

### 5/ Di Sản Tư Liệu

Bia Đá các Khoa Thi Tiến Sĩ Triều Lê và Mạc

Mộc Bản Triều Nguyễn

Mộc Bản Kinh Phật Thiền Phái

Trúc Lâm Chùa Vĩnh Nghiêm

Châu Bản Triều Nguyễn

### 6/ Công Viên Địa Chất Toàn Cầu

Cao Nguyên Đá Đồng Văn

## CÔNG ƯỚC DI SẢN THẾ GIỚI

Xin đưa ra một thí dụ, Thành Nhà Hồ đã đáp ứng hai tiêu chí được quy định trong Công Ước Di Sản Thế Giới năm 2008. Đó là chỉ tiêu 2 "bày tỏ sự trao đổi quan trọng của các giá trị nhân văn, qua một thời kỳ hay bên trong một khu vực văn hoá của thế giới, về những phát triển trong kiến trúc, công nghệ, nghệ thuật điêu khắc, quy hoạch thành phố hay thiết kế phong cảnh" và chỉ tiêu 4 "là ví dụ nổi bật về một loại hình công trình xây dựng, một quần thể kiến

trúc hoặc kỹ thuật hoặc cảnh quan minh hoạ một (hoặc nhiều) giai đoạn trong lịch sử nhân loại".

Thành Nhà Hồ được coi là toà thành đá duy nhất còn lại ở Đông Nam Á và là một trong rất ít còn lại trên thế giới. Ngày 27/6/2011, tại Paris (Pháp), trong kỳ họp lần thứ 35 của Uỷ Ban Di Sản Thế Giới, UNESCO đã công nhận Thành Nhà Hồ là di sản văn hoá thế giới.

Theo công bố mới đây của CNN ( Mỹ), Thành Nhà Hồ ( Thanh Hoá Việt Nam) đứng đầu trong danh sách 21 di sản đẹp nhất thế giới năm 2015.

Và Thành phố Hội An đứng đầu hạng mục những thành phố hấp dẫn nhất thế giới theo bình chọn của tạp chí du lịch Wanderlust của Anh.

Cho tới nay Việt Nam đã có 9 di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO công nhận, theo thứ tự từ mới nhất đến cũ nhất là Dân Ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh được công nhận năm 2014, Đờn ca Tài Tử Nam Bộ được công nhận năm 2013, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương được công nhận năm 2012, Hát xoan được công nhận năm 2011, Hội Gióng tại đền Sóc và đền Phù Đồng, Hà Nội, được công nhận năm 2010, Ca Trù được công nhận năm 2009, Dân ca quan họ được công nhận ngày 30/9/2009. Riêng Không gian văn hoá Cồng Chiêng Tây Nguyên, được công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hoá phi vật thể thế giới vào năm 2005, đến năm 2008 được công nhận là di sản văn hoá

phi vật thể đại diện của nhân loại. Và di sản văn hoá thế giới phi vật thể đầu tiên tại Việt Nam, được công nhận năm 2003, chính là Nhã nhạc cung đình Huế. Đến năm 2008, thể loại âm nhạc này được công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

Tất cả 22 di sản thế giới tại Việt Nam được UNESCO công nhận liệt kê ở trên đều có bài viết Việt ngữ cho từng chủ đề theo đúng sự quy định chỉ tiêu 2 và 4 trong Công Ước, được phiên dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp. Quý vị độc giả muốn đọc tiếng Việt, tiếng Anh hay Pháp ngữ đều có giá trị như nhau. Ngoài ra, mỗi bài viết về di sản sẽ có trung bình 10 hình cảnh quan minh hoạ một (hoặc nhiều) giai đoạn trong lịch sử nhân loại (chỉ tiêu 4).

Bản liệt kê tóm tắt 22 di sản thế giới tại Việt Nam được coi như dàn bài viết, chúng tôi bắt đầu đề cập :

## **DI SẢN THIÊN NHIÊN**

### **Vịnh Hạ Long**

### **VỊNH HẠ LONG**

#### **(Di Sản Thiên Nhiên Thế Giới)**

Nguyễn Văn Thành và BNK sưu tầm hợp soạn.

#### **VỊ TRÍ :**

Vịnh Hạ Long nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam, là một phần phía Tây Vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển của thành

phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả và một phần của huyện đảo Vân Đồn. Phía tây nam giáp đảo Cát Bà, phía tây giáp đất liền với đường bờ biển dài 120 km, Vịnh có tổng diện tích 1553 km<sup>2</sup> gồm 1969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 989 có tên và 980 đảo chưa có tên. Vùng di sản được Thế giới công nhận có diện tích 434 km<sup>2</sup> bao gồm 775 đảo, như một hình tam giác với ba đỉnh là đảo Đầu Gỗ (phía tây), hồ Ba Hầm (phía nam), và đảo Cống Tây (phía đông).

Vịnh Hạ Long là một di sản độc đáo bởi địa danh này chứa đựng những dấu tích quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển lịch sử trái đất, là cái nôi cư trú của người Việt cổ, đồng thời là tác phẩm nghệ thuật tạo hình vĩ đại của thiên nhiên với sự hiện diện của hàng nghìn đảo đá muôn hình vạn trạng, với nhiều hang động kỳ thú quần tụ thành một thế giới vừa sinh động vừa huyền bí. Bên cạnh đó, Vịnh Hạ Long còn là nơi tập trung đa dạng sinh học cao với những hệ sinh thái điển hình cùng với hàng nghìn loài động thực vật vô cùng phong phú, đa dạng. Nơi đây còn gắn liền với những giá trị văn hoá - lịch sử hào hùng của dân tộc.

#### **Giá Trị thẩm mỹ :**

Vịnh Hạ Long nổi bật với hệ thống đảo đá và hang động tuyệt đẹp. Đảo ở Hạ Long có hai dạng là đá vôi và đảo phiến thạch, tập trung ở hai vùng chính là vùng

phía đông nam vịnh Bái Tử Long và vùng phía tây nam vịnh Hạ Long. Đây là hình ảnh cổ xưa nhất của địa hình có tuổi kiến tạo địa chất từ 250 - 280 triệu năm, là kết quả của quá trình vận động nâng lên, hạ xuống nhiều lần từ lục địa thành trũng biển. Quá trình Carxto bào mòn, phong hoá gần như hoàn toàn tạo ra một Hạ Long độc nhất vô nhị trên thế giới.

Hàng năm đảo đá, mỗi đảo mang một hình dáng khác nhau hết sức sinh động : hòn Đầu Người, hòn Rồng, hòn Lã Vọng, hòn Cánh Buồm, hòn Trống Mái, hòn Lư Hương....Tiềm ẩn trong lòng các đảo đá ấy là những hang động tuyệt đẹp gắn với nhiều truyền thuyết thần kỳ như động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, động Sừng Sốt, hang Trinh Nữ, động Tam Cung.... Đó thực sự là những lâu đài của tạo hoá giữa chốn trần gian. Từ xưa, Hạ Long đã được đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi mệnh danh là "kỳ quan đất dựng giữa trời cao"



Đi thuyền Kayak trên vịnh Hạ Long



Vịnh Hạ Long



Động Mê Cung



Hang Trinh Nữ



Vịnh Hạ Long nhìn từ núi Bài Thơ



Hang Sừng Sốt



Vịnh Hạ Long nhìn từ núi Bài Thơ



Vịnh Hạ Long



Hòn Trống Mái



Vịnh Hạ Long

## ĐÍNH CHÍNH

Phần cuối của bài biên khảo **Bến Xuân** trong số Cỏ Thơm 73, trang 17, thiếu bài thơ **L'Isolement** của **Alphonse de Lamartine** và bản dịch. Cỏ Thơm xin chân thành cáo lỗi đồng Soạn giả Nguyễn Văn Thành – BNK và quý độc giả.

### L'Isolement

*Souvent sur la montagne, à l'ombre du vieux chêne,  
Au coucher du soleil, tristement je m'assieds ;  
Je promène au hasard mes regards sur la plaine,  
Dont le tableau changeant se déroule à mes pieds.  
Ici gronde le fleuve aux vagues écumantes ;  
Il serpente, et s'enfonce en un lointain obscur ;  
Là le lac immobile étend ses eaux dormantes  
Où l'étoile du soir se lève dans l'azur.  
Au sommet de ces monts couronnés de bois sombres,  
Le crépuscule encore jette un dernier rayon ;  
Et le char vapoureux de la reine des ombres  
Monte, et blanchit déjà les bords de l'horizon.  
Cependant, s'élançant de la flèche gothique,  
Un son religieux se répand dans les airs :  
Le voyageur s'arrête, et la cloche rustique  
Aux derniers bruits du jour mêle de saints concerts.  
Mais à ces doux tableaux mon âme indifférente  
N'éprouve devant eux ni charme ni transports ;  
Je contemple la terre ainsi qu'une ombre errante  
Le soleil des vivants n'échauffe plus les morts.  
De colline en colline en vain portant ma vue,  
Du sud à l'aquilon, de l'aurore au couchant,  
Je parcours tous les points de l'immense étendue,  
Et je dis : "Nulle part le bonheur ne m'attend."  
Que me font ces vallons, ces palais, ces chaumières,  
Vains objets dont pour moi le charme est envolé ?  
Fleuves, rochers, forêts, solitudes si chères,  
Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé !  
Que le tour du soleil ou commence ou s'achève,  
D'un oeil indifférent je le suis dans son cours ;  
En un ciel sombre ou pur qu'il se couche ou se lève,  
Qu'importe le soleil ? je n'attends rien des jours.*

*Quand je pourrais le suivre en sa vaste carrière,  
 Mes yeux verraient partout le vide et les déserts:  
 Je ne désire rien de tout ce qu'il éclaire;  
 Je ne demande rien à l'immense univers.  
 Mais peut-être au-delà des bornes de sa sphère,  
 Lieux où le vrai soleil éclaire d'autres cieux,  
 Si je pouvais laisser ma dépouille à la terre,  
 Ce que j'ai tant rêvé paraîtrait à mes yeux!  
 Là, je m'enivrerais à la source où j'aspire;  
 Là, je retrouverais et l'espoir et l'amour,  
 Et ce bien idéal que toute âme désire,  
 Et qui n'a pas de nom au terrestre séjour!  
 Que ne puis-je, porté sur le char de l'Aurore,  
 Vague objet de mes vœux, m'élancer jusqu'à toi!  
 Sur la terre d'exil pourquoi resté-je encore?  
 Il n'est rien de commun entre la terre et moi.  
 Quand la feuille des bois tombe dans la prairie,  
 Le vent du soir s'élève et l'arrache aux vallons;  
 Et moi, je suis semblable à la feuille flétrie:  
 Emportez-moi comme elle, orageux aquilons!*

**Alphonse de Lamartine (1790 – 1869)**

**Dịch:**

*Ngồi dưới bóng sỏi già trên đỉnh núi  
 Lúc chiều vàng tôi buồn bã lằng lằng  
 Đôi mắt nhìn cánh đồng ở dưới chân  
 Đang đổi sắc thay màu khi nắng xuống.  
 Này dòng suối rạt rào tung nước cuốn  
 Uốn cong rồi khuất dạng ở đàng xa  
 Kia mặt hồ nước phẳng lặng bao la  
 Sao hôm mọc trên nền trời thắm tú.  
 Trên dãy núi với rừng cây bao phủ  
 Trời nhá nhem chiếu tia nắng cuối cùng  
 Màn sương chiều ngự trị bóng mờ lung  
 Tỏa màu trắng đường chân trời nhuộm bạc.  
 Bỗng từ nóc giáo đường vang tiếng nhạc  
 Trong thinh không vang dội một hồi chuông  
 Khách bộ hành dừng bước ở bên đường  
 Lòng rộn bởi thánh âm đêm vừa xuống.  
 Cảnh lịm ngọt nhưng lòng không lười cuốn  
 Tôi đứng dung hồ hững hờ suy tư  
 Quả đất này như bóng tối ảo hư  
 Dù nóng cũng không sưởi người đã mất.*

*Chập chùng núi bao gồm trong tầm mắt  
 Khắp bốn phương khắp trời đất bao la  
 Từ bình minh cho đến mãi chiều tà  
 Tôi chẳng thấy ở đâu là sung sướng.  
 Thung lũng núi đồi tôi nào muốn hưởng  
 Cung điện huy hoàng biệt thự nguy nga  
 Sông, đá, rừng, niềm cô quạnh mình ta,  
 Thiếu chỉ một, thế gian thành hoang vắng.  
 Sáng mặt trời lên rồi chiều tắt nắng  
 Cứ xoay quanh cho tròn một chu kỳ  
 Mọc rồi lặn tôi nào thiết tha chi  
 Mặt trời ư? Tôi không còn chú ý.  
 Khi nó quay một vòng quay hoành vĩ  
 Mắt tôi nhìn xuyên khoảng trống mênh mông  
 Chẳng muốn gì, tôi thấy chỉ là không  
 Chẳng đòi hỏi điều chi từ vũ trụ.  
 Có thể vượt ngoài thái dương tinh tú  
 Còn mặt trời khác chiếu sáng không gian  
 Tôi sẽ gửi thân ở lại trần gian  
 Điều tôi mong sẽ hiện ra trước mắt.  
 Ở nơi đó tôi có niềm khao khát;  
 Gặp lại mình, hy vọng và tình yêu,  
 Tài sản này ai cũng ước ao nhiều  
 Người cõi thế không có tên để gán.  
 Tôi sẽ chất lên chiếc xe Hùng Sáng  
 Những món cần rồi sẽ vút bay đi  
 Cuộc sống lưu đây ở lại làm gì  
 Chón trần thế tôi còn chi để tính?  
 Khi cánh đồng bị lá rừng phủ kín  
 Gió đêm lên cao xé khắp trứng sương  
 Và tôi đây như chiếc lá còn vương  
 Hồi giông tố, hãy cuốn tôi theo lá!  
 Một người bạn từng bảo "Nó vận vào người anh rồi  
 đấy!" Có lẽ cũng đúng thật, vì câu thơ ấy theo tôi mãi  
 đến tận bây giờ...*

**Phan Hạnh**

(Nguồn: Nguyệt San Việt Nam)

## chơi xuân

Bao nhiêu chàng trai ra đi  
Ấy nhiều cô gái đến thì hỏi xuân:  
Hết quan tăn mây miến dân  
Cớ sao còn chẳng kéo quân vợ về?  
Riêng ai tóc mới buông thê  
Vần thơ yêu bỏ lạc đề sau lưng.  
Trò chơi sỏi đá từng bưng  
Đàn năm ngón ngọc qua từng cửa ô.  
Nghe kêu Rong quây hai đờ  
Sỏi khan rồi, đá cũng khô tâm tình.  
Được thua chỉ bóng với hình  
Hình thua bóng được, cô mình buồn, vui?

*(Handwritten signature and a circular seal with Chinese characters)*

VŨ HOÀNG CHƯƠNG



Cố Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương sinh ngày 5 tháng 5, 1916 tại Nam Định. Năm 1954 di cư vào Sài Gòn. Ngày 13 tháng 4, 1976 ông bị Cộng Sản bắt tù. Ông mất ngày 6 tháng 9, 1976 sau 5 ngày được thả về nhà.

Những tác phẩm của cố thi sĩ gồm có: Thơ say (1940), Mây (1943), Thơ lửa (cùng Đoàn Văn Cừ, 1948), Rừng phong (1954), Hoa đăng (1959), Tâm sự kẻ sang Tần (1961), Lửa từ bi (1963), Ta đợi em từ 30 năm (1970), Đợi vắng em rồi say với ai (1971), Chúng ta mất hết chỉ còn nhau (1973)... Kịch thơ: Trương Chi (1944), Vân muội (1944), Hồng diệp (1944).

## MẤY BÀI THƠ ĐƯỜNG CỔ

### MỘ XUÂN QUY CỎ SƠN THẢO ĐƯỜNG

Cốc khẩu xuân tàn hoàng điều hi  
Tân di hoa tận, hạnh hoa phi  
Thị liễu u trúc sơn song hạ  
Bất cái thanh âm đãi ngã quy

### TIỀN KHỞI

*VỀ NHÀ CỎ LÚC CUỐI XUÂN*  
Hoàng oanh xuân muộn thừa bay  
Tân di hoa hạnh rụng đầy cửa khe  
Dưới song chung thủy khóm tre  
Vẫn xanh không đổi, người về chờ mong  
DIỆU TÂN (San Jose) dịch

### XUÂN TỨ

Tân trang nghi diện há chu lâu  
Thâm tỏa xuân quang nhất viện sầu  
Hành đảo trung đình sô hoa đoá  
Tĩnh đình phi thượng ngọc tao đầu

### LƯU VŨ TÍCH

*Ý XUÂN*  
Xuống lầu son, đã xong trang điểm  
Một viện buồn sâu thẳm khóa xuân  
Dãm hoa nở rộ giữa sân  
Chuồn chuồn lơ lửng, đoá trâm trên đầu  
DIỆU TÂN (San Jose) dịch

### XUÂN VỌNG

Quốc phá sơn hà tại  
Thành xuân thảo mộc thâm  
Cầm thời hoa tiễn lệ  
Hận biệt điều kinh tâm  
Phong hỏa liên tam nguyệt  
Gia thư để vụn kim  
Bạch đầu tao cánh đoàn  
Hồn dục bất thẳng trâm

### ĐỖ PHỦ

*NGÓNG XUÂN*  
Non sông tàn phá giờ đây  
Mùa xuân thành quách mọc dày cỏ cây  
Khóc thương thời thế hoa gầy  
Hận thù rời tổ chim bay bạt ngàn  
Chín mươi ngày, lửa nát tan  
Thư nhà đâu có muôn vàng dễ mua  
Bạc đầu tóc ngắn lưa thưa  
Còn đâu mái tóc ngày xưa trâm cài?  
DIỆU TÂN (San Jose) dịch



# Điển Cố Tình Yêu trong Văn Học

## XUÂN BÍCH

Tình yêu là một phạm trù tình cảm, thiêng liêng và đẹp nhất vì đó là hồng ân Thượng Đế trao tặng con người.

Tình yêu là nhân loại tính nên mang nhiều biểu trưng khác nhau. Trên một khía cạnh nào đó, yếu tính của tình yêu thường là thú vị và lãng mạn.

Tình yêu, nói khác đi là những cuộc tình, những chuyện tình muôn mầu muôn vẻ, và muôn nơi, trong nhiều lĩnh vực..., gia đình, xã hội, thương trường, và ngay cả trên chính trường v.v., có sự hiện diện của con người là có tình yêu, thậm chí tình yêu còn lai vãng, tìm đến ngay cả môi trường chiến tranh và tôn giáo; điển hình như trong truyền thuyết “Trời tốc gió rung” trong kho tàng văn chương truyền khẩu Việt Nam, trong truyện “Hồn Bướm Mơ Tiên” của nhà văn Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn. Do đó không ngoại trừ lĩnh vực văn học và nghệ thuật, nhất là điện ảnh, Đông phương cũng như Tây phương.

Tình yêu, khi nói tới có lẽ không thể không nghĩ tới nguồn gốc qua cuốn Khái Huyền trong Tân Ước với truyện nguyên tổ loài người A Dong (Adam) và Eva (Eve) nơi vườn Địa Đàng.

Cuộc tình đầu tiên của nhân loại đã đi vào văn học. Nhà thơ John Milton, đầu thế kỷ XVII, trong thi phẩm “The First Love of Adam and Eve” (Mối tình đầu của Adam và Eve) trong tập “Paradise Lost” (Thiên Đàng Đã Mất”:

*Adam from his fair spouse, nor Eve the rites  
Mysterious of connubial love refused  
Whatever hypocrites austere talk  
Of purity, and place, and innocence  
Defaming as impure what God declares  
Pure, and commands to some leaves free to all.  
Adong rời bỏ vợ không vì những nghi thức  
vời nàng  
Mà vì những uẩn tình bị khước từ  
Bất cứ điều chi mà người đạo đức giả thốt  
lên khổ sở  
Về sự trong sạch, ngôi vị, và sự vô tội  
Chúa phán: bôi nhọ là điều không tốt lành  
Trong sạch, lệnh truyền, còn lại là những  
phiến lá tự do.*

Trái táo trong truyện Adam&Eve là một biểu tượng tình yêu đã tạo nên những rung động và cảm xúc nơi con người. Trong những vần cuối của một bài thơ mang tựa đề “Quả Táo”, Lê Vĩnh Tài viết:

.....  
*Ôi phương Đông mệnh mang  
Nghìn lẻ đêm nay ai giáp chiến  
Ai đầu hàng  
Sau giấc mơ Eva hái táo.*

Trong nền văn học Đông phương, một trong Ngũ Kinh: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, và Kinh Xuân Thu; trong Kinh Thi Khổng Tử san định, đã chọn lựa những áng Ca Dao và những khúc dân ca từ nông thôn, xóm vắng phương Nam Bách Việt cho phần mở đầu gồm 160 bài trong số chừng 300 bài. Tác giả đã mở đầu với bài ‘Quan Thư’:

*Quan quan thư cưu  
Tại hà chi châu*

*Yếu điệu thực nữ  
 Quân tử hảo cầu  
 Quan quan cái con thư cư  
 Chim trống chim mái cùng nhau bãi ngoài  
 Dịu dàng thực nữ như ai  
 Sánh cùng quân tử tốt đôi vợ chồng.*

Tình tự trên đã phản ánh nếp sống tình cảm hồn nhiên của người dân nền văn minh lúa nước. Từ ngữ ‘*hảo cầu*’ mang nhiều ý nghĩa, Tản Đà dịch ‘*tốt đôi vợ chồng*’ e không sát ý câu ca. Theo triết gia Kim Định thì có bản La Tinh dịch là ‘*giao cấu*’ (copulary), nói lên được tính giao tự nhiên vốn chỉ có ở văn hóa sống thực trong nền nông nghiệp của Lạc Việt.

Một bài khác nữa cũng mang nét trữ tình và cũng là một bằng chứng mang dấu ấn Việt thi, đó là bài “Hán Quảng”

*Hán chi quảng hĩ  
 Bất khả vị ty  
 Giang chi vĩnh hĩ  
 Bất khả phương ti.  
 Trên bờ sông Hán ai ơi  
 Có cô con gái khó ai mơ màng  
 Mênh mộng sông Hán sông Giang  
 Muốn sang chẳng được bề sang khó lòng.*

Sông Hán là chi lưu của sông Dương Tử, người Bách Việt sinh sống lâu đời ở đây, chứng tỏ người Việt là tác giả những câu ca này.

Nói về tình tự dân tộc có lẽ không gì đậm thắm, nồng nàn hơn là tình yêu nam nữ. Phải chăng từ đó văn chương truyền miệng của phần đông các dân tộc đều sáng tác với chủ đích phục vụ tình yêu.

Điều cần ghi nhận ở đây là trong Kinh Thi nhiều câu vẫn giữ nguyên cấu trúc ngữ pháp Việt.

Trong một số tác phẩm khác cũng thấy dấu tích từ ngữ “*quan thư*” ví như trong “Quan Âm Thị Kính” có câu:

*Vừa đôi vừa lứa quan thư  
 Há rằng Trịnh với Tề ru mà ngờ*

Trong hôn nhân chiếc nhẫn hình tròn mang ý tròn trịa, trọn vẹn, viên mãn, và có cả một lịch sử theo truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc. Nói tóm lại chiếc nhẫn cưới chính là ‘*khế ước hôn nhân*’ mang giá trị của một tình yêu gắn bó, cao quý, không nặng về mặt vật chất, vàng bạc; đơn sơ và lãng mạn hơn ta còn nghe và thấy trong bài “Chiếc nhẫn cỏ” của Lưu Ly:

*Chàng phò mã thần thờ  
 Chắp cọng cỏ xanh mơ  
 Kết thành chiếc nhẫn, hỏi:  
 “trả lời đi...anh chờ....”*

.....  
*Thoảng mơ rồi anh xa  
 Thăm thoát ba năm qua  
 Nhà bên...nay pháo nổ  
 Anh về với kiệu hoa  
 Cô dâu chẳng phải em  
 Áo gấm lụa, hài êm  
 Kẻ giàu cười hạnh phúc  
 Hàng giậu bướm buồn tênh  
 Nhẫn cỏ đổi nhẫn vàng  
 Thảm đỏ thay đôi hoang  
 Anh bên cô dâu mới  
 Em giấu lệ ngờ ngàng...!*

Qua đoạn thơ trên cho ta thấy một tình tự biến suy nơi người con gái. Những ngày đầu tình đơn sơ và hồn nhiên trong trò chơi tuổi nhỏ, trái tim mang dấu tình đầu đã rướm lệ khi vừa khôn lớn nhìn cánh tình của người bạn xưa vỗ cánh mang theo chiếc nhẫn vàng trao người khác, chiếc nhẫn cỏ

vẫn nằm yên ngậm ngùi trong trái tim con gái của nàng.

Tình yêu không chỉ mang biểu tượng chiếc nhẫn mà trong văn học người ta còn thấy thấp thoáng nào là: ‘con đường xưa em đi’, ‘giậu mừng tôi’, ‘con bướm vàng’ v.v., cánh bướm la đà, bướm đậu rồi lại bay nên tình cũng chập chờn đó đây. Nguyễn Bính cũng đã từng u uất với kỷ niệm con bướm vàng bên hàng xóm:

*Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng  
Có con bướm trắng thường sang bên này  
Bướm ơi bướm hãy vào đây  
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi*

.....  
*Mắt nàng đắm đắm trông lên  
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi*

.....  
*Tơ hồng nàng chả cắt vào  
Con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang*

.....  
*Cô đơn buồn lại thêm buồn  
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi  
Hôm nay mưa đã tạnh rồi  
Tơ không hong nữa bướm lười không sang.*

Rồi một Phạm Thiên Thư cũng với cánh bướm tình trong vườn thơ:

*Nhớ xưa em rũ tóc thề  
Nhìn trăng sao nở để lời thề bay  
Đợi nhau tàn cuộc hoa này  
Đành như cánh bướm đôi Tây hững hờ.*

Theo truyền thuyết, thần Vệ Nữ (Venus) với tên khác là Aphrodite trong thần thoại Hy Lạp, là biểu tượng của ‘sắc đẹp và tình yêu’, cũng theo tương truyền thì thần Vệ Nữ sinh ra cùng với bông hồng trắng nhưng sau khi kết hôn lại ngoại tình

với Adonis nên chồng nàng đã giết chết tình địch.

Quá đau khổ nàng đã để cho gai nhọn bông hồng đâm vào tay, máu dính vào hoa làm cho hoa biến thành màu đỏ. Từ đó hoa hồng trở nên như một thông điệp tình yêu.

Thực ra trước khi có huyền thoại và truyền thuyết về tình yêu, con người đã đến với nhau bằng tình yêu.

Nguyễn Bính cũng đã viết vào năm 1942 bài thơ với những dòng:

*Thưa đây một đóa hoa hồng  
Và đây một án hương lòng hoang vu  
Đầu bù trở lại kinh đô  
Tơ vương chín mối sầu cho một lòng  
Tình tôi như đóa hoa hồng  
Ở mường oan trái trong lòng tịch liêu  
Kinh đô cát bụi bay nhiều  
Tìm đâu cho được người yêu hoa hồng...!*

Và nhà thơ Đinh Hùng xưa cũng trải hồn mình trong thi phẩm “Ân Tình Dạ Khúc”:

*Đêm thân ái có muôn hoa hồng nở  
Em tới đây tình tự một đôi lời  
Hồn phong hương trầm mộng tuổi đôi mươi  
Ta nói khẽ đủ hai lòng nghe rõ...*

Cũng là biểu tượng tình yêu như thần Venus, thần Eros (còn gọi là Cupid) với đôi cánh và chiếc cung, tên, đều đã được nhắc tới nhiều trong văn học Tây phương.

Khi nói đến thần tình yêu Cupid, Shakespeare có câu: “Ái tình không nhìn bằng mắt mà bằng tâm hồn.”

Có lẽ vì thế mà điêu khắc gia tạc hình thần tình ái với đôi cánh nhưng mắt mù lòa.

Có thể trong giây phút nào đó ta tự hỏi có gì mạnh hơn tình ái. Trong tích sử Việt

Nam, truyện Sơn Tinh & Thủy Tinh có nhà thơ đã viết:

*Mỵ Nương kinh hãi ngồi trong kiệu  
Bỗng chợt nàng kêu mắt lệ nhòa  
Giọng kiêu hay buồn không ai hiểu  
Nhưng thật dễ thương: Ôi vì ta..*

Rồi:

*Hùng Vương thương nhìn con yêu quá  
Chấp tay ngẩng lên trời tạ ân  
Hùng Vương âu yếm nhìn con yêu  
Nhưng có một nàng mà hai rể  
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều.  
Cung đàn tiếng địch xa xa  
Vui về non Tân oán ra bể Tàn  
Thủy Tinh lỡ bước chậm chân  
Đùng đùng nổi giận đem ân làm thù  
Mưa tuôn gió thổi mịt mù  
Ào ào rừng nọ ù ù núi kia  
Sơn thần hóa phép cũng ghê*

*.....  
Núi cao sông cũng còn dài  
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen...*

Còn nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp như có vẻ hiện sinh đôi chút với những dòng thiết tha cuồng nhiệt hơn:

*Thủy Tinh năm năm dâng nước bể  
Đục núi hò reo đòi Mỵ Nương  
Trần gian đâu có người oai thế  
Cũng bởi thần yêu nên khác thường.*

Trong tình yêu thường nảy sinh những cảm xúc: yêu thương, say đắm, mơ hồ, và phân bội..., nếu yêu thương say đắm để rồi dẫn tới thủy chung hẳn là hạnh phúc dù là lâu dài hay ngắn ngủi.

Nói đến tình chung thủy mấy ai không nghĩ tới truyền thuyết “Hòn Vọng Phu”. Trong kho tàng văn chương bình dân nói về tình tự này đã có câu tiêu biểu:

*Mẹ thương con ngồi cầu Ái Tử (\*)  
Vợ trông chồng đứng núi Vọng Phu.*

Hòn Vọng Phu một biểu trưng tình yêu gây nhiều xúc động khi nghe qua những khúc ca 1, 2, và 3 của nhạc sỹ Lê Thương viết về một tình sử trong thời chiến chống quân xâm lược.

Hòn Vọng Phu 1 viết ở Bến Tre vào năm 1943

*Lệnh vua hành quân trống vang dồn  
Quan với quân lên đường....*

Hòn Vọng Phu 2 viết năm 1946

*Người vọng phu trong lúc gió mưa  
Bể con đã hoài công để đứng chờ  
Người chồng đi đã bao năm chưa thấy về  
Đá mòn nhưng hồn chưa mòn giấc mơ...*

Hòn Vọng Phu 3 viết năm 1947, chinh phu trở về chỉ thấy tượng đá bông con.

*Nơi phía Nam giữa núi mờ*

*Ai bể con mãi đứng chờ*

*Như nước non xưa đến giờ*

*Đường chiều mịt mù cát tủa bước ngựa phi*

*Đường trường nếp tàn y hùng cường vẫn  
còn bay trong gió...*

Thị hào Nguyễn Du trên đường đi sứ, dừng chân tại Đồng Đăng, Lạng Sơn, nhìn hòn Vọng Phu đã xúc động viết dòng thơ sau:

*Thạch gia? Nhân gia? Bỉ hà nhân?*

*Độc lập sơn đầu thiên bách xuân*

*Vạn kiếp diên vô vân vũ mộng*

*Nhất trình lưu đắc cổ kim thân.*

*Đá ư? Người ư? Người là ai?*

*Ngàn vạn mùa xuân đứng lẻ loi*

*Muôn thuở mây mưa xa mộng寐*

*Một lòng son sắt vững thân đời.*

## HẠNH-PHÚC

Em thấy đây: vì sao anh đã quyết  
Chọn đưa em về giới-thiệu gia-đình?  
Dẫn sau gót những tình yêu tha-thiết  
Của bao cô hy-vọng chiếm tim mình!

Từ dạo ấy lòng anh mang mối hận  
Bởi không làm thỏa-mãn mọi tình yêu,  
Với ý nghĩ: biết bao người oán giận  
Mình đem-đưa như gió sớm, mây chiều!

Đời thắm đẹp nhờ muôn hương vạn sắc;  
Một cánh hoa khôn dệt nổi xuân vàng!  
Anh biết thế nên lòng anh thắc-mắc  
Thương bao cô mất lệ ướt hai hàng.

Nhưng nghĩ lại: lòng tham vô-giới-hạn,  
Túi hẹp nông khôn nhốt hết kho trời!  
Anh đã chọn một riêng em làm bạn,  
Các cô kia đành lỗi mộng chung đời!

Như thế đó, tình anh như thế đó, Em biết  
không? em có hiểu cho không?  
Chọn một đóa để buông lìa cả bó  
Vì anh tin em sắc thắm, hương nồng.

Em đã thấy vai trò em hệ-trọng:  
Một bông hoa đại diện cả mùa hoa ?  
Anh sung-sướng, anh tràn-trề hy-vọng;  
Em, em ơi, đừng để mộng phai nhòa!

Em hãy quyết cùng anh xây tổ ấm,  
Dù chông-gai, dù bão-tổ ngang trời;  
Xây cho trọn một túp lều hoa gấm  
Từ hôm nay cho đến lúc xa đời .

Vì đất nước chỉ thanh-bình thịnh-vượng  
Khi dân-nhân xã-hội được vui hòa,  
Mà họ-mạc xóm-giềng là viễn-tượng  
Của gia đình xây dựng giữa hai ta!

**Thanh-Thanh**

17-01-1955

Vọng Phu hóa đá không chỉ là tình chung thủy, sắt son của phụ nữ Việt mà còn là sự cống hiến cuộc đời cho sông núi, quê hương.  
(\*) tên cây cầu phía Bắc Quảng Trị.

### Nữ hoàng Cleopatra

Theo sử sách ghi chép, Nữ hoàng Cleopatra là một trang giai nhân tuyệt sắc, là biểu tượng của sắc đẹp quyến rũ và là một biểu tượng ‘sex’ của thời cổ đại. Sắc đẹp của bà từng làm say đắm biết bao vương tôn, công tử, thậm chí đến cả vị Hoàng đế, tướng lãnh; ngoài ra còn là nguồn cảm hứng cho các tác phẩm văn chương, nghệ thuật.

Tình yêu như không chỉ đến bằng tài và sắc, bằng những ánh mắt đưa tình, bằng giọng nói ngọt ngào, dễ thương, bằng những món quà tặng đầy ý tình v.v., mà có khi còn là mùi hương ngát ngát tình như trên quê hương Việt Nam một thời với hương bồ kết thoảng trên mái tóc miền quê:

.....  
*Mai kia hai đứa về nguồn  
Anh mua bồ kết cho tròn ý em  
(Ý Nga – Mái tóc rẽ ngôi)*

rồi nữa, trong “Nón bài thơ và hương đất Cao nguyên” ta bắt gặp những vần thơ Ngô Minh:

*Khoảng trời mười tám xanh êm  
Thơm mùi bồ kết bay viền bờ mây.*

và như trong ca dao có những câu:  
*Áo xông hương của chàng vắt mắc*  
*Đêm em nằm em đắp lấy hơi...*

Hoặc:

*Ai về đường ấy hôm mai*  
*Gửi dăm điều nhớ gửi vài điều thương*  
*Gửi cho đến chiếu đến giường*  
*Gửi cho đến chốn buồng hương em nằm...*

Với nữ hoàng Cleopatra như cũng không ngoại lệ, ngoài nhan sắc quyến rũ, bà còn dùng ‘vũ khí’ lợi hại khác, đó là loại tinh dầu đặc biệt có hương thơm.

Tinh dầu bí ẩn chỉ bà mới có, mặc dù bà không là phù thủy, thêm vào đó bà còn dùng xạ hương bôi vào lông mày, nước hoa thoa trên môi để kích thích khứu giác đàn ông.

Trong số những người đàn ông đã sa vào đôi mắt mỹ nhân thời Ai Cập cổ ấy, tiêu biểu là Hoàng đế oai hùng Caesar. Khi Cleopatra xuất hiện trước mặt Caesar, từ trong bức thảm, mùi hương tỏa ra từ cơ thể bà đã làm vị hoàng đế ngất ngây.

Rồi đến vị tướng lừng danh Mark Antony; ngay buổi đầu gặp gỡ ở Thỗ Nhĩ Kỳ, bà đi trên chiếc du thuyền với những cánh buồm ngát hương thơm và những ngọn đèn, trong đèn là những loại nước hoa đặc chế khi gặp lửa sẽ tỏa hương lôi cuốn những người ngủ.

Cleopatra được hưởng một nền giáo dục toàn diện, có tài lãnh đạo, thông minh, biết 9 ngôn ngữ khác nhau.

Theo sử gia Plutarch “giọng nói Cleopatra chứa đựng sức mê hoặc khó diễn tả”; tuy nhiên sức chinh phục của bà không chỉ ở trí thông minh, tài ba, hay nhan sắc, mà còn do ở nghệ thuật yêu đương.

Sắc đẹp Cleopatra có lẽ sẽ mãi là điều kỳ bí bởi xác ướp của bà đã thả trên dòng

sông Seine của Pháp nên ngày nay không thể phục hồi lại gương mặt thật; tuy nhiên các khoa học gia có thể dựa trên 10 đồng xu cổ đại có khắc hình Cleopatra để họa lại.

Tình yêu đem lại niềm vui sướng và hạnh phúc cho con người song cũng còn là yếu tố làm đảo lộn mọi giá trị và cuộc sống. Một trong những yếu tố cơ bản ấy phải chăng là nhan sắc. Sắc đẹp thường dẫn tới dục tính chỉ là gang tấc; những mỹ nhân đã từng làm điên đảo và điều đứng bao tâm hồn, từ đó ái tình bùng lên như lửa những ham muốn khó kìm hãm nổi. Trong tích sử nhân gian đã có khá nhiều trường hợp điển hình, chẳng hạn như:

**Samson**, người đàn ông mạnh mẽ, một Nazarite thực thụ, sống bằng lời nguyện (không được uống rượu và phải để tóc dài).

Khi lớn lên gặp một cô gái Philistine trẻ, đẹp, chàng yêu và muốn cưới, nhưng cha mẹ anh phản đối việc hôn nhân với con gái dòng thù địch...

Thời gian sau Samson lại gặp cô gái Philistine khác tên là Dalilah rồi cũng vì yêu nàng, chiều ý, thô lộ bí quyết làm chàng có sức mạnh phi thường là để tóc dài. Biết được bí mật đó dân Philistine đã tìm cách để cạo đầu lúc chàng ngủ say khi gối đầu trên chân người yêu, kết cục sức mạnh chàng suy sụp và bị hành hạ. Trong thời gian này tóc mọc dần, đến một hôm bọn người Philistine mở hội mừng tại một ngôi miếu, lợi dụng cơ hội bị đưa ra làm trò cho đám hội, Samson nhổ cột miếu làm sập mái dè chết nhiều người trong đó có chàng.

(Còn tiếp)  
**XUÂN BÍCH**

# VANG TIẾNG CHUÔNG CHÙA

## Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Tiếng chuông chùa ngân nga, vắng vắng trong không gian rồi tan loãng giữa xóm làng sau khi đã thâm nhập chốn dương trần và đưa nhân gian vào cõi tịch tĩnh hư không. Thời gian lắng đọng cùng hồn người. Cảnh vật như cộng hưởng cùng tiếng chuông. Tất cả đều trở nên lung linh trầm mặc. Tiếng chuông chùa thi vị và đầy sức cảm hóa làm nảy sinh ra biết bao cảm hứng về âm nhạc và thơ văn, chan chứa chất liệu cốt tủy của tinh thần Phật giáo cùng với mối sầu cảm ướp đầy tình tự quê hương. Tiếng chuông chùa quả thật có một năng lực hồi sinh rất lớn.

Vì sự nhiệm mầu đó nên xưa nay đã có biết bao người phát nguyện đúc chuông, từ vua, quan cho đến muôn dân:

*“Đúc chuông tạo tượng xây chùa  
Trong ba phước ấy dân - vua đều làm.”*

### CHUÔNG VANG TRONG ÂM NHẠC

Tiếng chuông chùa đến trong dòng nhạc Việt khơi lại tâm tình riêng tư của con người. Nguyễn Văn Thương miêu tả quang cảnh hiu quạnh, cô đơn của lũy khách trong những “đêm đông” lạnh lẽo:

*“Chiều chưa đi màn đêm rơi xuống.  
Đâu đây buông lững lờ tiếng chuông.  
Đôi cánh chim băng khuâng rã rời.  
Cùng mây xám về ngang lưng trời...”*

Hoàng Trọng thời tìm lại giây phút êm đềm lúc về lại mái nhà xưa khi đã “dừng bước giang hồ” sau một đời rong ruổi:

*“Chiều nay sương gió  
Lữ khách dừng bên quán xưa.  
Mơ màng nghe tiếng chuông chiều  
Vương về bên quán tiêu điều...”*

Tiếng chuông chùa vang vọng trong khúc “nhạc chiều” khiến Doãn Mẩn như quên hết đi đám bụi trần vương mắc:

*...“Chuông chùa vương tiếng ngân.  
Âm trầm trong chiều vắng.  
Đường tơ lắng buông trong huy hoàng.  
Ru hồn quên hết nỗi chứa chan niềm cay đắng...”  
...“Vương sầu làm chi cho ngày thắm phai.  
Mỗi khi tiếng chuông vẫn ngân dài...”*

Còn Y Vân và Nguyễn Hiền cảm nhận thấy mùa xuân đầy hương sắc và muốn trai gái trong làng cùng trao nhau câu ân tình “anh cho em mùa xuân” khi nghe tiếng chuông chùa vắng trong ánh trăng thanh:

*“Ngoài đê diều căng gió.  
Thoảng câu hò đôi lứa.  
Trong xóm vang chuông chùa.  
Trăng sáng soi liếp dừa...”*

Tô Vũ nhờ “tiếng chuông chiều thu” mà nhớ lại bao kỷ niệm của thời niên thiếu:

*...“Từ miền xa tiếng chuông ngân.  
Hồi buông lộp lộp theo gió vàng”  
...“Hồn ta chìm đắm tiếng chuông xa vơi.  
Hồi chuông ngân nga trong chiều thu ngọc gió”  
...“Hồi chuông ngân nga ru hồn mơ.”  
...“Ngày nào khi chiến chinh xong.  
Hồi chuông vui reo như tiếng đồng.  
Chuông ran lời ước cũ.  
Tình ta đẹp bao nhiêu.  
Hồn anh thăm lắng tiếng chuông ban chiều”*

Riêng với Hoàng Giác tiếng chuông gợi niềm nhớ một bóng hình người đẹp

trong giấc “mơ hoa” xa xưa với lời tâm sự: “tôi liên tưởng ngay đến các cô ở làng hoa Ngọc Hà mà sáng sáng tôi hay gặp trên đường tôi đi học... Và đây là bản nhạc đầu tay trong cuộc đời sáng tác của tôi”:

*“Chuông chiều ngân tiếng vãn vương lòng  
trông theo cô hái hoa.*

*Bước đi băng khuâng muôn ngàn sầu nhớ  
bóng mờ mờ xa...”*

Trong khóm sương buổi chiều cao nguyên Đà Lạt thời âm giai tiếng chuông chùa Linh Sơn khiến ưu phiền trầm lắng và tình thương lên ngôi. Minh Kỳ nở nụ cười khi lòng chợt dâng niềm nhớ “*thương về miền đất lạnh*” dấu yêu:

*“Linh Sơn đâu đây buông tiếng chuông ban chiều.  
Như ru ai say trong giấc mơ dạt dào.*

*Cho thể nhân thôi, ru hết u sầu.*

*Để lòng quay về bến yêu...”*

### CHUÔNG THỨC TỈNH LÒNG NGƯỜI

Âm hưởng của tiếng chuông chùa cũng đã đi vào thi ca tạo nên một nét đẹp nhân văn rất đáng quý. Tiếng chuông là phương tiện thiện xảo của cửa thiền để mở đường nhập vào đời sống tâm linh, là âm thanh trầm hùng kêu gọi thể nhân quay về trong thực tại. Chuông ngân như một cuộc hành hương từ chốn phong ba về vùng tĩnh lặng an nhiên.

Tiếng chuông thức tỉnh cả âm cảnh lẫn dương trần, thức tỉnh bao tâm hồn còn mãi đắm chìm trong cõi mộng, tuy sống trong cõi vô thường mà không ý thức về sự thật vô thường của vạn thể. Cuộc đời là một hơi thở rất nhẹ và mong manh, chỉ cần ngừng lại nửa phút là giữ bỏ tất cả.

Tiếng chuông chùa như một thông điệp của trí tuệ và từ bi, như lời nhắn nhủ của

Đức Phật: “*tất cả những gì theo duyên khởi cũng đều theo duyên diệt.*”

Trong “*Nghi thức thỉnh đại hồng chung*” mà các chùa thường đọc và thường được khắc lên chuông, có mấy câu đại ý rằng: “Xin nguyện tiếng chuông này lan toả trong pháp giới. Địa ngục dù có tối tăm, tất cả đều được nghe. Nghe âm thanh này tâm được thanh tịnh. Hết thấy chúng sinh thành bậc chánh giác.” Sư Trí Hải dịch:

*“Giờ con xin đánh chuông này*

*Tiếng vang thấu khắp mọi nơi xa gần*

*Ai nghe thấy lòng trần nhẹ bỗng*

*Đạo Bồ-Đề được chứng lên ngay.”*

Đỗ Phủ khi đến “*chơi thăm chùa Phụng Tiên ở núi Long Môn*”, trên núi cao ngửa mặt trông lên bầu trời sao, thân mình tưởng như nằm ngủ trong mây, gần sáng cảm tác rằng: “nghe tiếng chuông chùa khiến cho lòng người phải tỉnh ngộ sâu sắc”:

*“Dục giác vẫn thần chung*

*Linh nhân phát thâm tĩnh.”*

Với người dân Việt thì tiếng “*chày kinh*” gõ lên chuông chùa đã âm vang từ mấy nghìn năm lịch sử dân tộc vẫn còn lắng đọng trong tâm hồn, cả ngày nay tới mãi mãi ngàn sau.

Chày kinh là chiếc dùi thỉnh chuông có chạm hình con cá Kinh. Tiếng chuông luôn dóng lên để thức tỉnh lòng người. Trong “*truyện Kiều*” khi tới đoạn miêu tả sự hạ thủ công phu của Thúy Kiều sau những năm lưu lạc với những chán chường đau khổ, phải tìm về nương nấu nơi cửa Phật để mong thoát kiếp trần duyên, Nguyễn Du cũng đã có hai câu thơ:

*“Sớm khuya lá bổi phiền mây*

*Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương”*

Cũng nghe tiếng chày kinh, nhưng giữa “*Hương Sơn phong cảnh*” Chu Mạnh Trinh không chỉ say sưa với cảnh đẹp mà đã giật

mình tỉnh thức vì tiếng chuông. Tỉnh thức để thấy cho rõ sự thật vô thường của cuộc đời. Nhờ như vậy mà con người sống có ý thức hơn, minh triết hơn. Tiếng chuông ở đây vừa dẫn dắt con người hòa nhập với cảnh vừa thức tỉnh đưa con người rời cõi mộng ảo quay về với thực tại:

*“Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái  
Lững lơ khe yến cá nghe kinh  
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh  
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.”*

*“Muôn hồng nghìn tía tung bừng  
Suối khe hát nhạc, thông rừng dạo sênh  
Chim cúng quả, cá nghe kinh  
Then hoa cài nguyệt, chày kinh nện sương.”*

Sư Huyền Không khi “nhớ chùa” luôn nhớ đến mái ngói rêu phong ẩn mình trong hoa lá, hương hoa hòa quyện lan tỏa. Trong cảnh tịch mịch đó âm ba của tiếng chuông lại vang lên dịu dàng như lời vỗ về an ủi những cuộc đời hiền lành lam lũ:

*“Mỗi tối dân quê đón gió lành,  
Khắp chùa dào dạt ánh trăng thanh  
Tiếng chuông thức tỉnh lan xa mãi  
An ủi dân hiền mọi mái tranh.”*

Tiếng chuông chùa đối với Quách Tấn như một kỷ vật thiêng liêng nên mỗi lần trông thấy cảnh núi non chùa chiền hay mỗi khi chợt tỉnh giấc nồng, tiếng chuông cũng hiện đến:

*...“Núi Nhạn chuông ngân trời bằng lãng,  
Đầm Ô sen nở gió thơm tho.”  
...“Mây nước nhuộm phong trần  
Nơi đâu tình cổ nhân  
Những đêm buồn tỉnh giấc  
Chùa cũ tiếng chuông ngân.”*

Quách Tấn tâm sự: “Người đến viếng cảnh chùa, lòng không rửa mà trong, thân không cánh mà nhẹ, ngồi tựa bóng cây đón mát, tưởng chừng mình đã xa lánh hần cõi

trần tục”... “Nếu không có tiếng chuông lay mộng thì mộng còn mãi chìm trong bóng mây ràn, hoặc làm con cò vương hương bay lơ lửng trong hồ sen yên tĩnh”:

*...“Gió ru hồn mộng thiu thiu  
Chuông chùa rơi rụng bóng chiều đầu non”.  
...“Mây tạnh non cao động nắng chiều  
Tiếng chuông chùa cũ vọng cô liêu.”  
...“Chùa ẩn non mây trắng  
Bóng in hồ liễu xanh  
Mai chiều chuông đã tạnh  
Vòng sóng còn long lanh.”*

Còn với Tuệ Nga thì “tiếng vọng hồng chung” quả thật đã khiến cho người cõi trần được tỉnh thức và riêng người tu thời thêm tỉnh tấn vô ngần:

*...“Âm vang tiếng vọng hồng chung  
Gọi người thức tỉnh thoát vòng u mê  
Hồng chung ngát ý Bồ Đề  
Chuông ngân thanh thoát đường về bến hoa”...  
...“Đại Hồng Chung xóa sương mù  
Giúp người tỉnh tiến đường tu viên thành”...*

Quả thật tiếng chuông chùa là pháp âm vi diệu, làm thức tỉnh khách hồng trần, quay về bờ giác ngộ, bỏ ác làm lành, hồi tâm hướng thiện.

## CHƯƠNG TIÊU TRỪ PHIÊN NÃO

Trong “*Nghi thức thỉnh đại hồng chung*” cũng ghi mấy câu ngụ ý rằng: “Nghe tiếng chuông, phiên não vui nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, tâm bồ đề sinh, lìa chốn địa ngục, ra khỏi hầm lửa, nguyện thành Phật để cứu độ chúng sinh.”

Bao khổ đau, ách nạn, chướng duyên phải đối diện trong đời chính là địa ngục, là hầm lửa, đốt bùng lên bao nhiêu muện sầu. Tiếng chuông chùa chính là nhân duyên xúc tác để làm khởi sinh tâm bồ đề, hóa giải những xung đột, trái ngang, những dẫn vật khổ đau của con người trần tục, tiêu trừ

các phiền não, với bớt đi bao nhiêu là ham hố dương trần, gieo thiết tha tình người vào lòng cuộc sống.

Chính vì nghe tiếng chuông ngân mà khách hành hương trút hết mọi nỗi ưu phiền, như Chu Mạnh Trinh đã tả:

*“Lạ cho vừa bén mùi thiền  
Mà trăm não với ngàn phiền sạch không”.*

Sư Nhất Hạnh khi “nghe chuông” cũng đã cảm nhận thông điệp của chuông:

*“Nghe chuông phiền não tan mây khói,  
Ý lặng, thân an, miệng mỉm cười  
Hơi thở nương chuông về chánh niệm  
Vườn tâm hoa tuệ nở xinh tươi”.*

### TIẾNG CHUÔNG CỦA LÀNG QUÊ NON NƯỚC

Mái chùa và tiếng chuông là hình ảnh và hồn thiêng của đất nước đã thấm thấu mặn mà trong tâm khảm của dân tộc Việt Nam và trở thành một bộ phận hữu cơ gắn liền với sinh hoạt làng xã, không thể tách rời. Cha ông ta có câu: “Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”. Chùa đã trở thành trái tim của làng quê và tiếng chuông là biểu tượng của tỉnh thức.

Nhà nông nghe chuông công phu khuya mà trở dậy, nhóm bếp thổi cơm rồi chuẩn bị lửa trâu ra đồng. Buổi chiều họ nghe tiếng chuông thu không mà lửa trâu quay trở về chuồng. Đêm về tiếng chuông là tiếng canh gà nhẹ nhàng đánh thức dân làng trong những lúc ngủ say. Chuông chùa quả là cái “đồng hồ báo giờ” của làng xóm:

*“Tiếng chuông vượt núi lên sông  
Vào làng thức tỉnh dân nông ra đồng.  
Chuông không ngại ngày đêm mưa gió thổi  
Chuông không vì sông núi bể đèo ngăn  
Tiếng của chuông là bản thể xa xăm  
Đầy vọng lại mấy ngàn năm âm hưởng”.*

Chúng sinh hãy lắng nghe tiếng chuông của Vương Duy đời Đường khi ông về vui thú cỏ cây ở Võng Xuyên (Cốc khẩu sơ chung động, Ngự tiêu sảo dục hi):

*“Nhẹ nhàng chuông ngân thung lũng  
Ngự tiêu lác đác dòi chân”*

Với Sư Huyền Không, tiếng chuông và mái chùa đã sớm tối đồng hành với người dân quê Việt Nam, từng nuôi dưỡng tâm hồn cho biết bao thế hệ, để cùng nhau xây dựng quê hương xứ sở:

*“Vì vậy, làng tôi sống thái bình  
Sớm khuya gần gũi tiếng chuông linh  
Sắn khoai gạo bắp nuôi dân xóm  
Xây dựng tương lai xứ sở mình”.*

Với Nguyễn Bính thì trong khung cảnh thiên nhiên với nhịp sống hài hòa tĩnh tế, tiếng chuông chùa ám áp đã hiện hữu và gắn liền với con người, với quê hương dân tộc. Tiếng chuông hiện hữu trong tâm thức mỗi người dân như những hiện tượng thiên nhiên bình thường nhất:

*“Quê tôi có gió bốn mùa  
Có trăng giữa tháng, có chùa quanh năm  
Chuông hôm, gió sớm, trăng Rằm  
Chỉ thanh đạm thế, âm thầm thế thôi  
Mai này tôi bỏ quê tôi,  
Bỏ trắng bỏ gió, chao ôi bỏ chùa”.*

Nguyễn Bính đã phác họa nên một bức tranh thủy mặc làng quê thật đẹp để nên đi xa ai cũng nhớ cũng thương về chốn cũ:

*“Mấy chiều vắng bật hơi chuông  
Sư bà khuyên giáo thập phương chữa về”.*

### NHỚ TIẾNG CHUÔNG CHÙA

Vua Trần Nhân Tông trong cảnh “chiều thu làng Vũ Lâm” với suối khe lồng bóng cầu treo, với ngân nước long lanh cùng nắng chiều nghiêng soi đã để tiếng chuông

ngân vang trong chốn thâm sơn tĩnh mạch  
đó lại trong tâm hồn và thi ca:

*“Núi non quanh quẽ lá rơi,  
Phôi pha sương khói mây trôi chuông rền”.*

Và trong “cảnh chiều Lạnh Châu” thời:  
*“Mây thu lạnh lẽo chùa xưa  
Thuyền ngư xao xác thoảng đưa chuông chiều”*

Nguyễn Trãi trong thời gian lui về trí sĩ ở  
Côn Sơn, huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương  
khi “nghe mưa” (“thính vũ”) cảm thấy tiếng  
chuông đi vào giấc mơ thật nhẹ nhàng.  
Ngâm thơ rồi nhưng vẫn không ngủ được.  
Chập chờn mãi đến lúc sáng trời:

*“Cửa ngoài tre sột soạt  
Nhập mộng chuông khua hoai  
Thơ ngâm rồi khó ngủ  
Dứt nỗi đến trời mai”.*

Sư Huyền Không với tâm hồn sâu nặng  
tình quê nên khi nghe tiếng chuông ngân lại  
“nhớ chùa”, mái chùa của dân tộc:

*“Chuông vắng nơi nao, nhớ lạ lòng,  
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung.  
Mái chùa che chở hồn dân tộc  
Nếp sống muôn đời của Tổ tông”.*

Hồ Dzếnh nhớ lại khi cùng chị nuôi đi lễ  
chùa đây hơn hờ vui tươi. Nhớ lại thời tuổi  
trẻ với nỗi u hoài. Nhớ cái tình, cái hồn tốt  
đẹp của thuần phong mỹ tục Việt Nam cái  
không khí vui tươi dân dã của tục đi lễ hội  
chùa “Rằm tháng Giêng” ngày xa xưa:

*“Hàng năm tôi đi lễ chùa  
Chuông vàng khánh bạc ngày xưa vẫn còn  
Chị tôi thấy vắng trong hồn  
Ít nhiều hương phấn khi còn ngày thơ  
Chân đi đếm tiếng chuông chùa  
Tôi ngờ năm tháng ngày xưa trở về”.*

Còn tiếng chuông chùa của Quách Tấn  
như một kỷ vật thiêng liêng nên mỗi lần  
trông thấy cảnh núi non, bóng tịch dương

đổ xuống, chùa chiều từ đâu trong tiềm  
thức trỗi dậy, cảnh thiên nhiên gợi nhớ:

*...“Núi Nhạn chuông ngân trời bằng lăng  
Đầm Ô sen nở gió thơm tho”.*

*...“Mây tạnh non cao động nắng chiều  
Tiếng chuông chùa cũ vọng cô liêu”.*

Dù cho mỗi khi Quách Tấn tỉnh giấc  
nồng tiếng chuông cũng vẫn vọng đến:

*“Mây nước nhuộm phong trần  
Nơi đâu tình cố nhân  
Những đêm buồn tỉnh giấc  
Chùa cũ tiếng chuông ngân”.*

Với Phạm Thiên Thư thời hình ảnh cái  
chuông chùa treo trên gác chuông gợi nhớ  
lại kỷ niệm hò hẹn tình cảm cũ:

*“Ngày xưa anh đón em  
Trên gác chuông chùa họ  
Bây giờ anh qua đó  
Còn thấy chữ trong chuông”...*

Trước “động hoa vàng” tiếng chuông  
chùa đôi khi ngân vọng theo sóng nước  
đêm trăng rồi tan loãng vào nhau cùng hình  
ảnh một chiếc thuyền con buông lái:

*“Thuyền ai buông lái đêm rằm  
Sông thu ngân thoảng chuông trăng rì rào”*

Nghe tiếng chuông vang vọng chơi vơi  
dần dần thấm đẫm vào từng hạt bụi của thế  
giới này và có khả năng làm đảo lộn diện  
mục của vũ trụ, Phạm Thiên Thư tâm sự:

*“Chuông ngân chiều lặng trầm tư  
Tiếng lời đâm hạt thiên thư bênh bồng”...*

Riêng với Tâm Minh, kẻ tha hương, thời  
cõi lòng vẫn rộn ràng dù Xuân đất khách  
chẳng còn tràng pháo đỏ và thiếu cả bóng  
mai vàng. Giữa cái ồn ào náo nhiệt nơi xứ  
người, tiếng chuông êm ả thanh thoát của  
ngôi chùa xưa quê cũ hình như vẫn còn

vang vọng mãi trong tâm hồn như một kỷ niệm khó quên:

*“Chúc Xuân lời vẫn ươm tình nghĩa  
Mừng Tết thơ luôn được ánh quang  
Thoang thoang hương trầm khơi kỷ niệm  
Vẳng chuông chùa cũ tiếng còn vang.”*

### **TIẾNG CHUÔNG THIÊN MỤ VÀ HÀN SƠN TỰ**

Và sau cùng, nói đến âm ba của những hồi chuông kim cổ cần phải nhắc tới tiếng chuông chùa Thiên Mụ và Hàn Sơn Tự.

Lần đầu ghé chốn Thần Kinh và sau đó thực hiện liên bút ký “*Mười ngày ở Huế*” Phạm Quỳnh không cố ý “biên tập” thơ tiền nhân. Ông chỉ mượn nửa bài thơ cũ, thêm bớt đôi chỗ, nhằm “tức cảnh” khác. Có người lại cho rằng ông chỉ ghi lại nguyên văn mà thôi. Hai câu thơ đó như sau:

*“Gió đưa cảnh trúc la đà,  
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương”*

Phạm Quỳnh viết thêm: “Cả cái hồn thơ của xứ Huế như chan chứa trong hai câu ca ấy. Chùa Thiên Mụ là một chốn danh lam, có cái tháp bảy tầng, làng Thọ Xương thì ở bờ bên kia. Đêm khuya nghe tiếng chuông chùa với tiếng gà gáy xa đưa vẳng ở giữa khoảng giới nước long lanh mà cảm đặt thành câu ca”.

Có người phân tích kỹ cho rằng tiếng chuông Thiên Mụ ngoài âm sắc của tiếng đồng được chế tác bằng một kỹ thuật đúc truyền thống hoàn hảo của Phường Đúc-Huế, nó được vang xa nhờ vào vị trí đặt chuông trên đồi cao, lại có dòng sông Hương trải dài như một chất dẫn truyền tự nhiên. Bên dòng Hương lững lờ thơ mộng, tiếng chuông cứ ngân dài lan tỏa trong không gian. Không gian càng rộng, càng yên tĩnh, tiếng chuông nghe càng sâu lắng.

Chỉ một tiếng chuông nhưng đã động bao buồn vui, khắc khoải của một đời người. Tiếng chuông sẽ tùy hạnh nguyện đánh chuông của thiền tăng mà âm sắc vang vọng thanh thoát và nhịp điệu của tiếng chuông sẽ khác hẳn nhau.

Hàn Sơn Tự về sau được gọi là Phong Kiều tự vì ở gần cầu Phong Kiều. Đến đời nhà Đường chùa lại được đổi tên là Hàn San Tự. Chùa nổi tiếng nhờ có bài thơ “*Phong Kiều Dạ Bạc*” của Trương Kế. Ông sáng tác bài này khi đi thi trượt trở về ghé qua [Tô Châu](#), tức cảnh mà sinh tình. Trương Kế đã vẽ ra cái hình ảnh kẻ lữ thứ, đêm dài nằm trên thuyền bên bờ sông nghe quạ kêu sóng vỗ, ngắm đèn chài leo lét về khuya đắm chìm trong trắng tà sương lạnh với tiếng chuông chùa đang ngân nga. Quả là hình ảnh của sự thức tỉnh, giải thoát, bỏ lại thuyền ở bến mơ để vượt lên bờ giác.

*“Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên  
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên  
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự  
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền”*

Bản dịch của Tản Đà:

*“Quạ kêu trắng lặn sương rơi  
Lửa chài, cây bãi đối người nằm co  
Thuyền ai đậu bến Cô Tô  
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San”*

Tiếng chuông chùa quả thật đã làm nảy sinh ra nhạc và thơ, chan chứa chất liệu cốt tủy của tinh thần Phật giáo cùng với tình tự đất nước quê hương, nhất là với những kẻ phải sống kiếp tha phương!

**Tâm Minh Ngô Tăng Giao**  
(Virginia, tháng 2 năm 2016  
Mùa Xuân Bính Thân)

# DORIS MAY LESSING

(1919 – 2013)

Nữ Văn Hào Anh

Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 2007

## Phạm Văn Tuấn

Doris May Lessing là người Anh, nhà văn nữ viết tiểu thuyết, nhà thơ, nhà viết kịch, nhà viết lời ca opera, nhà văn viết tiểu sử và truyện ngắn. Các tiểu thuyết nổi danh của bà Lessing là cuốn “Ngọn Cỏ Hát” (The Grass is singing, 1950), 4 tập tiểu thuyết gọi với tên chung là “Các Đứa Con của Bạo Lực” (Children of Violence, 1952-69), cuốn “Tập Vở Vàng” (The Golden



Notebook, 1962), cuốn “Kẻ Khủng Bố Tốt” (The Good Terrorist, 1985), và 5 tập tiểu thuyết gọi chung tên là “Canopus ở Argos” (Canopus in Argos: Archives, 1979-1983).

Vào năm 2001, bà Doris Lessing được trao tặng phần Thưởng David Cohen (the David Cohen Prize) vì thành quả suốt đời

trong nền Văn Chương Anh Quốc rồi vào năm 2007, bà Doris Lessing đã đoạt Giải Thưởng Nobel Văn Chương. Khi trao Giải Thưởng này, Hàn Lâm Viện Thụy Điển (the Swedish Academy) đã mô tả bà Lessing như sau: “một người viết sử thi về các kinh nghiệm của phụ nữ, một con người với sự bi quan, với sức mạnh của lòng nhiệt tình và của tầm nhìn sâu sắc, đã kiểm soát được một cách tỉ mỉ một nền văn minh đã bị phân hóa” (that epicist of the female experience, who with skepticism, fire and visionary power has subjected a divided civilization to scrutiny). Bà Lessing là phụ nữ thứ 11 và là nhân vật cao tuổi nhất nhận được Giải Thưởng Nobel Văn Chương.

Năm 2008, tờ báo Times đã xếp hạng bà Doris Lessing đứng thứ 5 trong danh sách “50 Nhà Văn Anh tài giỏi nhất kể từ năm 1945” (the 50 greatest British Writers since 1945).

### 1/ Đời sống riêng tư.

Doris May Lessing chào đời vào ngày 22 tháng 10 năm 1919 tại Kermanshah, nước Iran, là con gái của Đại Úy Alfred

Taylor và bà Emily Maude Taylor (tên con gái là McVeagh), cả hai cha mẹ đều là người quốc tịch Anh. Ông Alfred Taylor đã bị mất một chân khi phục vụ trong quân đội vào thời Thế Chiến Thứ Nhất, đã gặp bà Emily là một y tá tại Bệnh Viện Hoàng Gia Miễn Phí (the Royal Free Hospital), tại nơi này ông đã hồi phục vì bị giải phẫu.

Ông bà Taylor đã di chuyển về Kermanshah vì ông Taylor làm thư ký cho Ngân Hàng Đế Quốc Ba Tư (the Imperial Bank of Persia) và tại nơi này cô bé Doris đã chào đời vào năm 1919. Qua năm 1925, gia đình Taylor dọn về một xứ thuộc địa Anh tại miền Nam Rhodesia (bây giờ là nước Zimbabwe) để trồng bắp và các loại cây khác bởi vì ông Alfred đã mua được 400 mẫu đất tại nơi này. Tại một môi trường khô cằn, bà Emily đã cố gắng sinh sống theo cách phong lưu nhưng lối sống này không thể thực hiện được bởi vì nông trại đã không cung cấp được các sản phẩm giá trị.

Tại Salisbury (bây giờ là Harare), cô Doris đã học tại trường trung học Nữ Tu Viện Dominican (the Dominican Convent High School), đây là trường học Cơ Đốc La Mã chỉ dành cho nữ sinh (a Roman Catholic convent all-girls school). Cô Doris rời khỏi nhà trường năm 14 tuổi, từ đó tự học, xa gia đình năm 15 tuổi rồi làm nghề y công (nursemaid). Cô bắt đầu đọc nhiều sách viết về chính trị và xã hội mà chủ nhân cho mượn rồi cô bắt đầu viết văn vào thời gian này.

Năm 1937, cô Doris trở lại thành phố Salisbury, nhận chân điện thoại viên, lập gia đình với người chồng đầu tiên là ông Frank Wisdom, họ có với nhau 2 người con tên là John sinh năm 1939 và Jean sinh năm 1943, sau đó cuộc hôn nhân của gia đình này tan vỡ vào năm 1943.

Sau cuộc ly dị lần thứ nhất, bà Lessing tham gia vào Hội Sách Cánh Tả (the Left

Book Club), một hội của những người cộng sản ham đọc sách và tại nơi này, bà đã quen thân với ông Gottfried Lessing, là người chồng thứ hai. Họ lập gia đình sau đó và có một đứa con chung tên là Peter, sinh năm 1947. Về sau, ông Gottfried Lessing trở nên Đại Sứ của Đông Đức tại Uganda rồi bị chết vì cuộc nổi loạn vào năm 1979 chống lại nhà độc tài Idi Amin Dada.

Năm 1949, bà Lessing dọn về thành phố London với đứa con trai nhỏ Peter, để lại hai người con gái sinh sống với ông bố của chúng tại Nam Phi (South Africa). Tại nước Anh, bà Lessing tham gia vào các phong trào chống đối vũ khí hạt nhân (nuclear arms), phong trào chống kỳ thị chủng tộc apartheid, rồi sau đó phong trào apartheid này bị cấm đoán tại Nam Phi và tại nước Rhodesia. Sau khi Liên Xô xâm lăng nước Hungary, bà Lessing đã ra khỏi đảng Cộng Sản Anh (the British Communist Party).

Trong thập niên 1990, bà Lessing bị một trận đột quỵ nhẹ (mini-stroke) khiến cho bà không thể đi du lịch trong các năm về sau. Bà Doris Lessing qua đời vào ngày 17 tháng 11 năm 2013, ở tuổi 94 tại thành phố London.

## **2/ Theo Văn Nghiệp.**

Vào tuổi 15 tại nước Nam Phi, bà Doris Lessing đã bán được các truyện ngắn cho các tạp chí rồi cuốn tiểu thuyết đầu tiên của bà có tên là “Ngọn Cỏ Hát” (The Grass Is Singing) xuất bản năm 1950. Tác phẩm quan trọng viết xong năm 1962 là cuốn “Tập Vở Vàng” (The Golden Notebook), cho tới ngày cuối đời, bà Doris Lessing đã phổ biến được hơn 50 tác phẩm.

Vào năm 1954, bà Doris Lessing được trao tặng Giải thưởng Somerset Maugham, năm 1976 là Giải thưởng Médicis (Prix Médicis étranger) rồi tới năm 1981, bà lại nhận được Giải thưởng Quốc Gia Áo vì

Văn Chương Châu Âu (the Austrian State Prize for European Literature).

Năm 1982, bà Doris Lessing đã viết xong hai cuốn tiểu thuyết dưới tên tác giả là Jane Somers: cuốn “Nhật Ký của một người láng giềng tốt” (The Diary of a Good Neighbour), và cuốn “Nếu Người Già Có Thể” (If the Old Could) xuất bản cả bên Anh và bên Hoa Kỳ vào năm 1983 với cuốn thứ nhất và vào năm 1984 với cuốn thứ hai.

Bà Doris Lessing được bầu vào Hàn Lâm Viện Hoàng Gia Anh Quốc, bộ môn Văn Chương (the Royal Society of Literature) rồi vào năm 2007, bà lại được trao tặng Giải thưởng Nobel Văn Chương khi đã 88 tuổi. Bà Doris Lessing là nhà văn cao tuổi nhất lãnh Giải thưởng này và là người cao tuổi đứng thứ ba về các loại Giải thưởng Nobel, sau hai ông Leonid Hurwicz và Raymond Davis Jr. Bà cũng là phụ nữ thứ 11 đoạt Giải Văn Chương của Hàn Lâm Viện Thụy Điển, trong 106 năm lịch sử của Viện này.

Doris Lessing là một trong các nhà văn lớn bởi vì các tác phẩm của bà đã ngự trị trên Văn Đàn Thế Giới hơn nửa thế kỷ rồi các sáng tác này đã gây ra nhiều chấn động, mở ra nhiều cuộc tranh cãi và tác động sâu xa khiến cho nhiều người đã nói rằng các tác phẩm của bà Lessing đã làm thay đổi tâm hồn và cuộc đời của họ. Bà Lessing đã xem xét mọi đề tài, cứu xét mọi khía cạnh để tạo nên một thế giới phong phú và mô tả thế giới văn học này bằng một giọng văn riêng biệt, thể hiện cá tính mạnh mẽ và cứng cỏi của tác giả.

Doris Lessing là nhà văn của nữ quyền, nhà văn của châu Phi, nhà văn viết về chủ nghĩa Cộng Sản, nhà văn của nội tâm, nhà văn theo thuyết thần bí “Sufism” và bà cũng là nhà văn viết truyện khoa học giả tưởng.

Các truyện hư cấu của bà Doris Lessing được viết ra trong ba giai đoạn phân biệt: chủ đề Cộng Sản (the

Communist theme) từ năm 1944 tới năm 1956, khi bà Lessing đề cập tới các vấn đề xã hội rồi về sau, trở lại vào năm 1985 với cuốn tiểu thuyết “Kẻ Khủng Bố Tốt” (The Good Terrorist). Giai đoạn thứ hai từ năm 1956 tới năm 1969 với chủ đề tâm lý (the psychological theme) rồi sau đó là chủ đề Sufi (đạo Hồi), được khai thác trong loạt truyện khoa học giả tưởng “Canopus tại Argos” (The Canopus in Argos).

Các tiểu thuyết và truyện ngắn của bà Doris May Lessing đã vượt ra ngoài các giới hạn của truyện hư cấu (fiction), đã thí nghiệm với nhiều loại người khác nhau, đã thám hiểm vào các thế giới của châu Phi, nước Anh và Không Gian (Space), và đã cung cấp các lời bình luận về chính trị, xã hội và văn hóa của thế giới hậu hiện đại (the postmodern world). Bà Lessing là người thừa kế của các nhà văn nữ của thế kỷ 19, những nhà văn này đã chọn các đề tài là cảnh nghèo khó, sự xung khắc giai cấp, chế độ nô lệ và sự bình quyền phụ nữ. Các tiểu thuyết của bà Lessing đề cập từ phong trào hiện thực xã hội (social realism) tới khoa học giả tưởng (science fiction), với sự thám hiểm ngắn hạn vào sự huyền bí hay sự kinh dị.

Sau khi trở về thành phố London vào năm 1949, bà Lessing đã làm cho độc giả kinh ngạc bởi vì bà viết các tiểu thuyết liên quan tới thành phố London sau Thế Chiến, với các cảnh dân chúng già nua, cảnh nương tựa vào trợ cấp xã hội, và với cả các kẻ khủng bố (terrorists). Hai cuốn truyện thuộc loại này là “Nhật Ký của một người Láng Giềng tốt” (The Diary of a Good Neighbour) và “Nếu Người Già có thể” (If the Old Could), hai cuốn này được xuất bản dưới bút hiệu là Jane Somers, rồi cuốn thứ ba “Kẻ Khủng Bố tốt” (The Good Terrorist) đã cung cấp chân dung tâm lý và chính trị với đầy đủ chi tiết, của một nhóm khủng bố cấp tiến sinh sống trong khu vực

tồi tàn của thành phố London. Cuốn tiểu thuyết ngắn (novella) có tên là “Đứa Con Thứ Năm” (The Fifth Child) đã kể về một đứa trẻ yêu tinh (a goblin-child) với các câu hỏi không biết đứa trẻ này có phải là hiện thân của quỷ dữ hay không.

Các cuộc thám hiểm Nam Cực của người anh hùng Robert Falcon Scott đã ảnh hưởng sâu rộng tới hai tác phẩm “Các Thí Nghiệm Sirian” (The Sirian Experiments) và “Việc tạo ra người Đại Diện” (The Making of the Representative for Planet 8) của bà Lessing bởi vì nhờ các cuộc thám hiểm này mà bà Lessing đã hiểu rõ miền đất bị tê liệt vì nước đá đóng băng và tuyết phủ, nhìn thấy sự tiến bộ xã hội của thời kỳ Scott, đây là thời đại Edward với niềm tự hào quốc gia và lòng mong đợi của tinh thần đế quốc. Các cuốn tiểu thuyết sau đó đã được bà Lessing mô tả về cách hành xử của con người và các tiến trình xã hội. Một đề tài khác của bà Lessing là một nhóm nhỏ các người nghèo khó, cư trú bất hợp pháp, do tinh thần phản kháng xã hội, họ đã trở thành các con người cách mạng.

Viết xong năm 1962, cuốn truyện “Tập Vở Vàng” (The Golden Notebook) là bản tuyên ngôn phụ nữ của bà Lessing, đã đánh giá thấp hai chủ trương đang được đề cao là chủ nghĩa Cộng Sản (Communism) và học thuyết Freud. Về sau, khi càng về già, bà Lessing đã viết các tiểu thuyết về cảnh già và cảnh chết, việc đối phó với các vấn đề xã hội đang thúc bách và mô tả thực tế ảm đạm mà chúng ta thường quên đi hay bị ức chế.

### 3/ Các Giải Thưởng.

- Phần Thưởng Somerset Maugham, Anh Quốc (Somerset Maugham Award, 1954)
- Giải Thưởng Medicis, nước Pháp (Prix Médicis étranger, 1976).

- Giải Thưởng Quốc Gia Áo vì Văn Chương Châu Âu (Austrian State Prize for European Literature, 1981).

- Giải Thưởng Shakespeare, nước Đức (Shakespeare Preis der Alfred Toepfer Stiftung, Hamburg, 1982).

- Phần Thưởng Văn Chương WH Smith (WH Smith Literary Award, 1986).

- Giải Thưởng Palermo, nước Ý (Palermo Prize, 1987).

- Giải Thưởng Premio Internazionale Mondello, 1987, nước Ý.

- Giải Thưởng Premio Grinzane Cavour, 1989, nước Ý.

- Giải Thưởng James Tait vì tiểu sử (James Tait Black Memorial Prize for biography, 1995)

- Giải Thưởng Sách Los Angeles Times (Los Angeles Times Book Prize, 1995).

- Giải Thưởng Premi Internacional Catalunya, 1999.

- Huy Chương Order of the Companions of Honour, 1999.

- Tiến Sĩ Danh Dự (Honorary Doctorate) của các Đại Học: Princeton, New Jersey, 1989; Durham, 1990; Warwick, 1994; Bard College, New York, 1994; Harvard, 1995.

- Viện Sĩ Văn Chương của Hàn Lâm Viện Hoàng Gia Anh Quốc (Companion of Literature of the Royal Society of Literature, 2000).

- Giải Thưởng David Cohen (David Cohen Prize, 2001).

- Premio Principe de Asturias, Tây Ban Nha, 2001.

- Phần Thưởng S.T. Dupont (S.T. Dupont Golden PEN Award, 2002).

- Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 2007.

### 4/ Các Tác Phẩm Chính.

#### A/ Tiểu Thuyết.

- Ngọn Cỏ Hát (The Grass is Singing, 1950), quay thành phim với tên là Killing Heat, 1981).

- Lui về Vô Tội (Retreat to Innocence, 1956)

- Tập Vở Vàng (The Golden Notebook, 1962).
- Hồi Ức của một Người Sống Sót (Memoirs of a Survivor, 1974).
- Nhật Ký của một Người Láng Giềng tốt (The Diary of a Good Neighbour, 1983), ký tên Jane Somers.
- Nếu Người Già Có Thể (If the Old Could..., 1984), ký tên Jane Somers.
- Kẻ Khủng Bố Tốt (the Good Terrorist, 1985).
- Đứa Con Thứ Năm (The Fifth Child, 1988).
- Tình Yêu, Lần Nữa (Love, Again, 1996)
- Mara và Dann (1999).
- Ben, trên Thế Giới (Ben, in the World, 2000), tiếp theo của Đứa Con Thứ Năm.
- Giấc Mơ ngọt ngào nhất (The Sweetest Dream, 2001).
- Câu chuyện của Tướng Dann và người con gái của Mara, Griot và con Chó Tuyết (The Story of General Dann and Mara's Daughter, Griot and the Snow Dog, 2005), tiếp theo truyện Mara và Dann.
- Vết Nứt (The Cleft, 2007).
- Alfred và Emily (Alfred and Emily, 2008).
- Loạt truyện: Các Đứa Con của Bạo Lực (The Children of Violence series).
  - a) Martha Quest, 1952.
  - b) A Proper Marriage, 1954.
  - c) A Ripple from the Storm, 1958.
  - d) The Four-Gated City, 1969.
- Loạt truyện: Canopus ở Argos (The Canopus in Argos: Archives series).
  - a) Shikasta, 1979.
  - b) The Marriages between Zones Three, Four and Five (1980).
  - c) The Sirian Experiments (1980).
  - d) The Making of the Representative for Planet 8 (1982).
  - e) The Sentimental Agents in the Volyen Empire (1983).

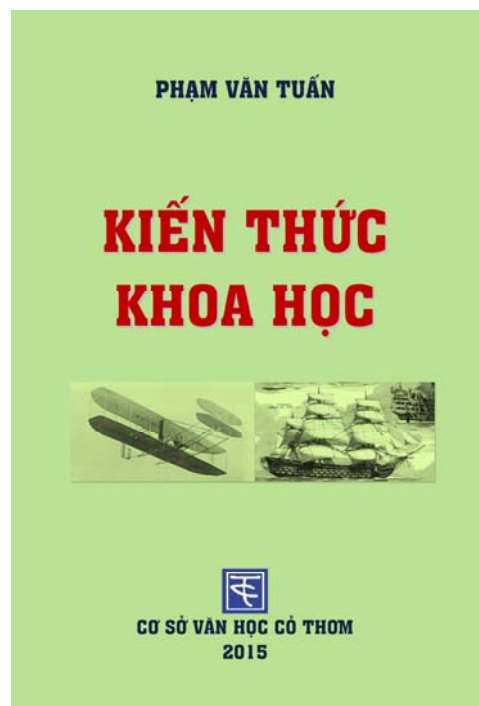
#### **B/ Tuyển Tập các Truyện Ngắn.**

- Five Short Novels (1953)
- The Habit of Loving (1957)
- A Man and Two Women (1963)

- African Stories ( 1964)
- Winter in July (1966)
- The Black Madonna (1966)
- The Story of a Non-Marrying Man (1972)
- This Was the Old Chief's Country (1973)
- The Sun Between Their Feet (1973)
- To Room Nineteen (1978)
- The Temptation of Jack Orkney (1978)
- Through the Tunnel (1990)
- London Observed (1992)
- Spies I Have Known (1995)
- The Grandmothers (2003)
- Cat Tales (1967, 1993)
- The Old Age of El Magnifico (2000)
- và rất nhiều truyện ngắn khác.

Ngoài ra còn có các tập thơ, kịch, lời ca opera, tự thuật và ký ức, truyện không giả tưởng...

#### **Phạm Văn Tuấn.**



## NỬA TRÁI SIM

“Đói lòng ăn nửa trái sim  
uống lưng bát nước đi tìm người thương”(\*)  
non cao lạc mấy ngã đường  
biết mô giữa chốn tha hương mà tìm?  
gọi em tiếng dội về tìm  
bóng em chừ đã như chim mịt mù  
hẹn em qua mấy lời ru  
bốn tao nôi, một bến bờ thủy chung  
dù cho giông tố bão bùng  
ân tình xin vẹn một lòng với nhau

**nguyễn vô cùng**

(\*) ca dao

## DUYÊN - NỢ

‘Trai khôn tìm vợ chợ đông,  
gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân’ (\*)  
quanh co mấy nẻo đường trần  
dại khôn thì cũng nợ nần trả nhau  
thương yêu pha với thương đau  
vườn đam mê có trái sầu lửng lơ  
nợ duyên hai chữ vật vờ  
duyên kia giữ lại mà tô điểm tình  
sá gì chút nợ ba sinh  
vung tay xóa hết cho mình thanh thoi  
này em thử nghĩ mà coi  
yêu nhau sao lại cứ đòi nợ nhau!  
thời gian vùn vụt bóng câu  
bến chiều tóc đã chớm màu tuyết sương

**nguyễn vô cùng**

(\*) ca dao

## XUÂN VỀ NHỚ CHA

Vừa mới đó cha về cõi Phật  
Trăm hai năm mà thật bất ngờ  
Tuy già mạnh khỏe thuở giờ  
Luận bàn thế sự nước cờ vẫn tinh  
Cha vẫn hẹn Ninh Bình núi Thúy  
Hẹn sông Vân yêu quý sẽ về  
Cuộc đời còn lắm vấn đề  
Cộng nô còn đó lời thề còn đây  
Sống là để dựng xây dân chủ  
Lo miếng ăn no đủ cho dân  
Tự do cũng gắng góp phần  
Bao phen sóng gió mấy lần di cư  
Sinh ở chốn thi thư lễ nghĩa  
Trong gia đình hiếu để xưa nay  
Nợ nhà, nợ nước trót vay  
Mất nhà, mất nước phui tay là về  
Không hề có vấn đề thắc mắc  
Việc nước non biết chắc là dài  
Chẳng thêm bất chước giống ai  
Cái tâm là chính, cái tài là dư  
Là người lính mà như anh cả  
Mạc Ly Châu sống mãi ngàn năm  
Các con đèn sách vẫn chăm  
Lưu vong lòng vẫn còn cầm quân thù  
Gương cha để ngàn thu vẫn đó  
Cha ơi cha trắng gió còn đây  
Ta không nát với cỏ cây  
Làm sao Cộng Sản dọa đầy được ta.  
Sực lại nhớ ông cha ngày trước  
Cùng nước non một bước không rời  
Lòng son nguyện với đất trời  
Cha đi còn đó những lời thiết tha  
Sống phải lấy quốc gia làm trọng  
Sống phải lo diệt cộng vì dân  
Hẹn cùng núi Thúy sông Vân  
Về Ninh Bình lại, tình thân nối dài.

**Mạc Ly Hương**

# VIỆC LÀM ĂN, NGHỀ NGHIỆP

(Trích trong Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt)

Muốn có cuộc sống ấm no, hạnh phúc con người phải lao động sản xuất, tạo ra của cải vật chất, nói nôm na là làm việc. Trong việc làm, người ta phải bỏ ra công sức mới có kết quả, chứ không bao giờ tự nhiên mà có:

*“Có vất vả mới có thanh nhàn  
Ngồi không ai dễ cảm tàn che cho.”  
“Có làm thì mới có ăn  
Ngồi không ai dễ đem phần tới cho.”*

Muốn có đời sống thanh nhàn, ấm no, hạnh phúc, con người phải lo liệu ngay từ bây giờ mà không do dự, chần chừ:

*“Bây giờ chẳng liệu thì què  
Mai sau cùng túng không nghề làm ăn.”*

Người ta thường nói:  
*“Ăn không biết lo, của kho cũng hết.”*

Cho nên không gì bảo đảm bằng có một nghề chuyên môn:

*“Ao sâu ruộng đất bề bề  
Không bằng tinh xảo một nghề trong tay.”  
“Của rề rề không bằng có một nghề trong tay.”  
“Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.”*

Nghề nào cũng phải có sự chuyên cần mới thành công:

*“Trăm năm như côi trời chung  
Trăm nghề cũng phải có công mới thành  
Cứ trong gia nghiệp nhà mình  
Ngày đêm xem sóc giữ gìn làm ăn  
Chữ rằng “tiểu phú do cần”  
Còn như đại phú là phần do thiên  
Đừng trễ nải, chớ ghét ghen  
Còn như lộc nước, có phen dồi dào.”*

Chăm nom săn sóc công việc trong nghề cũng như việc của nhà:

*“Năm canh thì ngủ lấy ba  
Hai canh coi sóc cửa nhà làm ăn.”*

Tác phong làm việc đã được kế thừa từ giáo dục gia đình:

*“Ra đi mẹ đã dặn rằng  
Không làm thì đừng, đừng ngồi khó coi.”*

Truyền thống đạo lý từ lâu đã ăn sâu vào tâm thức con người, tạo thành đức tính thể hiện ra trong mọi sinh hoạt kể cả trong việc làm ăn:

*“Sông Cửa Đại hai chiều nước chảy  
Gái Bình Đại chẳng ngại gian nan  
Quý thay những tấm lòng vàng  
Làm ăn chất phác, đảm đang mọi điều.”*  
(Hai chiều nước chảy : biểu hiện triết lý lưỡng hợp thái hòa)

Theo tinh thần của Đạo ông bà và triết lý lưỡng hợp thái hòa thì sự hòa thuận trong gia đình là yếu tố thúc đẩy việc làm ăn đưa đến đời sống ấm no, hạnh phúc, góp phần tạo thịnh vượng cho xã hội, đất nước:

*“Vợ chồng là nghĩa tào khang  
Chồng hòa vợ thuận nhà thường yên vui  
Sinh con mới ra thân người  
Làm ăn thịnh vượng đời đời ấm no.”*

Môi trường sống rất quan trọng trong việc làm ăn, nơi nào có điều kiện thuận lợi thì thu hút con người đến lập nghiệp:

*“Ai về Nhượng Bạt thì về  
Gạo nhiều cá lắm dễ bề làm ăn.”  
“Ai về Gia Định thì về  
Nước trong gạo trắng dễ bề làm ăn.”*

“Phá Tam Giang rộng lắm ai ơi  
Ai có về Sịa với tôi thì về  
Đất Sịa có lịch có lề  
Có sông tắm mát, có nghề làm ăn.”

Tình trạng xã hội trong phạm vi cả nước có tác động trên công việc làm ăn còn lớn hơn cả môi trường sông của từng địa phương:

“Từ ngày Tự Đức lên ngôi  
Cơm chẳng đầy nôi, trẻ khóc như ri  
Bao giờ Tự Đức chết đi  
Thiên hạ bình thì mới dễ làm ăn.”

(Bình thì là thời bình và cũng là tên húy của vua Tự Đức:

Nguyễn Phúc Thì)

Sau đây là một số nghề nghiệp đã được ca dao ghi lại có liên hệ với tâm tình của con người bình dân.

### **Nghề đánh cá**

Nước Việt Nam có biển Đông với bờ biển dài trên 3000 cây số, có nhiều sông, cho nên nghề đánh cá rất đáng kể thường hợp thành làng chuyên nghiệp: “Yến đâu vắng vắng trên cao

Lừa chài soi bóng Cù Lao trước thuyền  
(Hòn Cù Lao: làng đánh cá ở Nha Trang)

“Tháng ba nước trong ai ơi  
Nhịn cơm nhường mặ mà nuôi bạn cùng.”

(Tháng ba nước trong không có cá, chủ ghe cá phải tiết kiệm để chia sẻ cơm áo với những người bạn cộng tác theo ghe)

“Tháng tám đầm chèo vô bụi.”

(Tháng tám: mưa bão, gác chèo mà nghỉ)

Nghề biển ngày xưa rất nguy hiểm vì thuyền nhỏ, mà thường có sóng to, gió lớn. Cho nên vợ của những người làm nghề này thường lo âu, mong cho có gió đông, thuận buồm xuôi gió cho chồng mau trở về:

“Trông trời cho chóng gió đông  
Cho thuyền được gió, cho chồng tôi về.”

Bài ca dao sau đây giới thiệu một làng đánh cá *lừng lẫy* khi xưa:  
“Tiếng đồn lừng lẫy ba trang  
Ra khơi vào lộng đâu bằng Lộc Châu  
Lộc Châu nghề biển làm giàu  
Lại còn buôn bán làm giàu ăn chơi.”

### **Nghề buôn bán**

Vì có biển, lại có nhiều sông ngòi nên việc đi buôn bán bằng thuyền bè rất thuận tiện. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng dễ làm giàu, mà cũng có lúc bị ế ẩm:

“Bim bịp kêu nước bên sông  
Buôn bán không lời, chèo chống mỗi mế.”

Tuy nhiên, nói chung thì nghề buôn bán phổ biến khắp nơi:

“Yên Phụ buôn bán dưới thuyền  
Xuống đò Phố Mới bán than, quạt, trà.”

Đặc biệt ở miền Nam, với sông Tiền Giang, Hậu Giang thuyền bè buôn bán tấp nập:

“Sông Tiền sông Hậu cùng nguồn  
Thuyền bè tấp nập bán buôn dập dề.”

Cảnh buôn bán khắp nơi nhộn nhịp, luôn luôn có kẻ vào người ra:

“Nha Trang đến Chệt không xa  
Kẻ vô mua nệm, người ra bán buồm.”

Có lẽ việc buôn bán ngày xưa có tính cách di động, thường phải đi xa, cho nên mới có lời kêu gọi như sau:

“Dù ai buôn bán nơi đâu  
Nhớ đến ngày Tết rủ nhau mà về.”

“Dù ai buôn bán trăm nghề  
Nhớ ngày lễ hội thì về quê hương.”

Ở những nơi có nghề vải, lụa, một khi đã sản xuất ra nhiều sản phẩm thì phải đem đi bán, cho nên hai nghề này thường đi đôi

với nhau:

“Thanh Trì buôn bán mọi nơi  
Đồng Nhân, Thủy Ái là nơi chốn tằm.”  
“Hồi cô thất lưng bao xanh  
Có về Kẻ Cát với anh thì về  
Kẻ Cát buôn bán trăm nghề  
Có hoa thiên lý, có nghề vái con.”

Nghề nào cũng có nổi vất vả riêng, điều cần nhất là bền chí, gắng công:

“Chiều chiều vịt lội cò bay  
Ông voi bẻ mía chạy ngay vô rừng  
Vô rừng bút một sợi mây  
Đem về thất giống cho nàng đi buôn  
Đi buôn không lỗ thì lời  
Có công bền chí, có thời phát to.”

Có rất nhiều người cảm thấy vui thú trong nghề buôn bán:

“Ước gì mình lấy được ta  
Để cùng buôn bán chợ xa, chợ gần  
Vui nhất là chợ Đồng Xuân  
Kẻ buôn người bán xa gần thành thơi.”

### **Thợ mộc, thợ nề**

Ngày xưa chưa có xưởng mộc, thợ mộc đóng bàn ghế tại nhà và có khi đi khắp nơi để tìm kiếm việc làm:

“Ai đi lạc xạc ngoài rào  
Phải ông thợ mộc quảy bào quảy cưa  
Có ai đi sớm về trưa  
Phải ông thợ mộc quảy cưa quảy bào.”

Nhiều địa phương có thợ mộc khéo tay nghề:

“Đồn rằng thợ mộc Thanh Hoa  
Làm cửa làm nhà, cầu quán khéo tay.”

Những thợ có tay nghề vững chắc, khéo léo đều được trọng vọng, bảo đảm cuộc sống ấm no:

“Có phúc thợ mộc, thợ nề  
Vô phúc thầy đẽ, thầy thông.”  
“Lấy chồng thợ mộc sướng sao  
Mạt cưa rắm bếp, vô bào nấu cơm  
Vô bào còn nỗ hơn rơm  
Mạt cưa rắm bếp còn thơm hơn trâm.”

“Đưa tay hốt nắm dăm bào  
Hỏi thăm anh thợ cả bữa nào hỏi công?  
- Không mai thì một hồi công  
Cánh đất Hàn em ở, chốn Kim Đồng  
anh lai.”

So với thợ mộc thì thợ nề trông lem luốc hơn:

“Ăn ngủ bẩn như thợ nề  
Chỗ ăn chỗ ở như dê nó nằm  
Hẹn ngày hẹn tháng hẹn năm  
Bao giờ hết hạn thì nằm mới yên.

### **Nghề rèn**

“Đồ mặc thì đến phó may  
Bao nhiêu đồ nát tới tay thợ rèn.”

Nghề nào cũng phải chuyên cần và phải có khách đặc hàng thì mới khá:

“Nghề rèn đồ lửa còn tiền  
Ngủ lò tắt lửa phụt đèn hết tiêu.”

Nói chung thì nghề nào cũng có lúc vinh quang:

“Muốn ăn cơm trắng cá chim  
Thì về thụt bể đi rèn với anh.”  
“Muốn ăn cơm trắng cá thèn  
Thì về Đa Bút đi rèn với anh  
Một ngày ba bữa cơm canh  
Tối về quạt mát cho anh ngồi rèn.”

### **Nghề sản xuất đồ gốm, lò vôi...**

“Chợ Gốm đồ gốm  
Phủ Hội đồ đan

*Tiền đường ghé lại Cảnh An  
Mua thêm chiếc võng cho nàng đưa con.”  
“Linh hoa Yên Thái  
Đồ gốm Bát Tràng  
Thợ vàng Định Công  
Thợ đồng Ngũ Xã.”*

Nghề gốm bền vững do người dân luôn luôn có nhu cầu, cho nên trai gái căn cứ vào đó mà nghề:

*“Chùng nào lò gốm hết trả hết nôi  
Em đây hết đứng hết ngồi với anh.”*

Lò vôi sản xuất vôi phục vụ xây cất. Vôi cũng được dùng để ăn trâu trong một hỗn hợp vôi, trâu, cau. Tục ăn trâu có liên quan đến hôn nhân, giao tiếp giữa trai gái, cho nên hai câu ca dao sau đây đã lấy cảm hứng từ ngọn gió thổi qua lò vôi :

*“Hiu hiu gió thổi lò vôi  
Ai đưa tin cho bạn: tôi có đôi mà bạn buồn.”*

### **Nghề làm giấy**

Nghề làm giấy thủ công đã có từ lâu ở nước ta:

*“Làng Nghè lập được trống quân  
Ngoài Bưởi seo giấy cho dân học hành.”  
“Người ta bán vụn buôn ngàn  
Em đây làm giấy cơ hàn vẫn tươi  
Dám xin Nho sĩ chớ cười  
Công em khó nhọc, giấy người viết thư.”  
“Người ta đúc tượng làm chùa  
Còn em làm giấy bốn mùa chẳng ngơi  
Dám xin sư bác chớ cười  
Vì em làm giấy cho người chép kinh.”*

### **Nghề làm bánh mứt**

Nghề làm bánh, mứt, kẹo cũng khá phát đạt, cung cấp chất ngọt cho mọi người, nhất là vào những dịp giỗ trong gia đình hay dịp

Tết, ngày rằm:

*“Nào nghề bánh trái cũng là  
Đến khi kỵ chạp trong nhà càng hay.”*

Những nơi đã có nhiều nghề rồi, cũng cần có nghề làm bánh mứt:

*“Nội Am là chính quê em  
Bện thừng, đeo guốc đã quen lắm rồi  
Lại còn nổi tiếng khắp nơi  
Làm bánh mứt kẹo ăn chơi tết, rằm.”*

### **Nghề dệt chiếu**

*“Chồng chuôi vợ dệt chiếu hoa  
Tay trao khổ dệt đôi đà đáng đôi.”  
“Em đang dệt chiếu hồi văn  
Nghe anh có vợ em quăng con chuôi.”*

### **Nghề dệt vải, lụa**

Nghề dệt vải, lụa rất phù hợp với phụ nữ ngày xưa, cho nên đó là đề tài không thể thiếu trong ca dao:

*“Bốn mùa xuân hạ thu đông  
Thiếp ngồi dệt vải vẫn trông ngóng chàng.”  
“Đó ai dệt vải đừng go  
Nấu cơm đừng lửa, anh cho nén vàng.”  
“Ai kêu ai hú bên sông  
Tôi đang dệt vải trên mông  
- Đừng kêu đừng hú đừng trông  
Tôi đang vá áo cho chồng tôi đây.”*

(Mông: bàn dệt)

*“Ru con con ngủ cho say  
Để u dệt vải cho dày nhuộm nâu  
Cắt quần cắt áo u khâu  
Để thấy con mặc cây bừa mùa chiêm.”*  
Nguyên liệu để dệt vải là bông vải lấy từ cây bông:

*“Cây xanh thì lá cũng xanh  
Em giới cấy lúa, anh rảnh trồng bông  
Mai đây lúa chín vàng đồng  
Bông nở trắng vườn thì thử ai hơn.”*

“*Tơ tằm làng Hồng  
Làng Vạc trông bông.*”

Nếu bông cung cấp cho nghề dệt vải thì  
tơ tằm cho nghề dệt lụa:

“*Ngó qua bên kiểng Tô Châu  
Thấy em dệt lụa, trên đầu giắt trâm.*”

Nghề dệt lụa cần có nương dâu, tơ tằm:  
“*Đặng Sơn người đẹp nước trong  
Dâu non xanh bãi, tơ tằm vàng sân.*”

Kinh nghiệm dâu tằm:  
“*Một nong tằm bằng năm nong kén  
Một nong kén bằng chín nén tơ  
Dâu không kịp đón tháng ba  
Vượt cơn gió rét, ấy là dâu xuân.*”

Lụa là mặt hàng rất được ưa chuộng:  
“*Ai về Hà Tĩnh thì về  
Mặc áo lụa Hạ, uống nước chè Hương Sơn.*”  
“*Ồi Quảng Bá, cá Hồ Tây  
Hàng Đào tơ lụa làm say lòng người  
Lụa này thật lụa cổ đồ  
Chính tông lụa cống các cô ưa dùng.*”

### **Nghề nghiệp địa phương**

Nghề nghiệp ngày xưa thường có tính  
cách gia truyền, cho nên nghề nghiệp cũng  
mang tính địa phương:

“*Cô kia thất dải lưng xanh  
Có về Chuyên Mỹ với anh thì về  
Chuyên Mỹ có đất có nghề  
Có sông tắm mát, có nghề khảm trai.*”  
“*Đất ta là đất làm thùng  
Trăm chấp nghìn nói xin đừng quên nhau.*”  
“*Hồi cô thất lưng bao xanh  
Có về Đình Bảng với anh thì về  
Đình Bảng có lịch có lễ  
Có sông tắm mát, có nghề nhuộm thâm.*”  
“*Làng anh rệt thợ kim hoàn,  
Để anh đánh nhẫn cho nàng đeo tay.*”

“*Làng Gạ thì giỏi chần tằm,  
Làng La canh cửi, làng Dăm bơi thuyền.*”

“*Làng Mơ thì bán rượu tằm,  
Sở Lờ cua ốc quanh năm đủ đời.*”

“*Lụa Phú Phong nên duyên nên nợ,  
Nón Gò Găng khắp chợ mền thương.*” Có  
điều rất đặc biệt là cách phân chia các gian  
hàng theo sản phẩm riêng biệt từng ngành  
nghề trong thành Thăng Long theo ba  
mươi sáu phố phường:

“*Rủ nhau chơi khắp Lơnh Thành  
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai  
Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai  
Hàng Buồm, Hàng Thiếc, Hàng Bài, Hàng  
Khay*

*Mã Vĩ, Hàng Diêu, Hàng Giày  
Hàng Lờ, Hàng Cót, Hàng Mây, Hàng Đàn...*

*Phồn hoa thứ nhất Long Thành  
Phố giảng mặc cửi, đường quanh bàn cờ...*”

( $36 = 4 \times 9 = 4 \times 3 \times 3$  qui về cặp huyền số 4-3  
vuông -tròn của Việt lý )

### **Nghề văn, nghiệp võ**

Quan niệm giáo dục thường được nghe  
nói đến khi xưa:

“*Con ơi, muốn nên thân người  
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha  
Gái thì giữ việc trong nhà  
Khi vào canh cửi, khi ra theo thừa  
Trai thì đọc sách ngâm thơ  
Dồi mài kinh sử để chờ kịp khoa  
Mai sau nối được nghiệp nhà  
Trước là đẹp mặt sau là ấm thân.*”

Hình ảnh sinh hoạt thơ mộng của đôi vợ  
chồng trẻ:

“*Em ngồi canh cửi trong khung  
Anh đến ngồi học cùng chung một đèn*

Sáng trăng giải chiếu hai hàng  
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.”  
Nàng khuyến khích chàng chăm lo  
việc học:  
“Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ  
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu.”

Chàng hứa đèn ơn, đáp nghĩa:  
“Bao giờ anh chiếm đặng băng vàng  
Ơn thầy ta trả, nghĩa nàng nào vong.”  
Đối với người vợ lo cho chồng theo  
đuổi việc đèn sách thì có niềm vui nào hơn  
được tin chồng vinh quy bái tổ:  
“Chi ngon bằng gói cá nhồng  
Chỉ vui bằng được tin chồng vinh quy.”

Ngày chồng nhận áo gấm về làng thật  
là ngày vinh quang biết bao:  
“Mai này bái tổ vinh quy  
Ngựa anh đi trước, vòng nàng theo sau.”  
Đó là nghiệp văn, còn nghề võ cũng  
không thể thiếu được khi phải cần nên ra  
tay kiếm tay cờ. Trong nước, có những địa  
phương có truyền thống võ thuật nổi tiếng:  
“Ai về Bình Định mà coi  
Đàn bà cũng biết múa roi đi quyền.”  
“Sinh ra trên tổng Đông Ngàn  
Không ham vật võ, khó làm thân trai.”

Nghề văn, nghiệp võ đều được coi trọng,  
tuy nhiên theo truyền thống của văn hóa  
nông nghiệp, chuộng hòa bình thì nghề văn  
có phần được chuộng hơn: “Quan văn lục  
phẩm thì sang  
Quan võ lục phẩm thì mang guơm hầu.”

Tình trạng giá trị giữa các bộ trong  
triều đình khi xưa:

“Nhất thì bộ Lại, bộ Binh  
Hai thì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong  
Thứ ba thì đến bộ Công  
Còn như Bộ Lễ, lạy ông xin hàng!”  
(Bộ Lại: Nội vụ, Binh: Quốc phòng, Hộ:  
Kinh tế, Hình: Tư pháp, Công: Công chánh,  
Lễ: văn hóa giáo dục ít bổng lộc nhất )  
Tại sao trọng văn khinh võ mà bộ Lễ lại  
bị coi nhẹ. Điều mâu thuẫn này có thể được  
giải thích như sau: Trọng văn là do truyền  
thống văn hóa nông nghiệp từ xưa còn tiềm  
ẩn trong tiềm thức cộng đồng của dân tộc,  
mà cho đến bây giờ, sau hơn ngàn năm bị  
đô hộ, đất nước vẫn là đất nước nông  
nghiệp, nhưng văn hóa thì bị tha hóa rất  
nhiều, nhất là ở chốn cung đình, nơi mà bã  
danh lợi đã làm đảo lộn thang giá trị truyền  
thống của dân tộc:  
“Mùi phú quý như làng xa mã  
Bã vinh hoa lừa gã công khanh.”  
(Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều)

Việc không coi trọng bộ Lễ này có  
nhiều lý do, nhưng cái lý do chính là cái  
văn hóa tự thân của dân tộc đã bị văn hóa  
nô dịch che lấp đến chỗ ngộ nhận: “Ba năm  
hạc đảo về đình  
Không cho hạc đậu tức mình hạc bay.”

Hạc là loài chim quý, là biểu tượng cho  
Tiên, cho Lạc Việt, dòng giống Lạc Hồng,  
cho nên văn hóa Việt truyền thống có  
khuyh hướng tự do khai phóng như loài  
hạc bay cao. Hậu quả của văn hóa nô dịch  
đã làm cho con người ngộ nhận, nên xưa  
đuổi hạc bay đi. Biết đến chừng nào hạc  
mới được đón về ngôi đình làng như xưa?

**Nguyễn Văn Nhiệm**  
(Germany)

# Một Giai Thoại về Áo Lụa Hà Đông

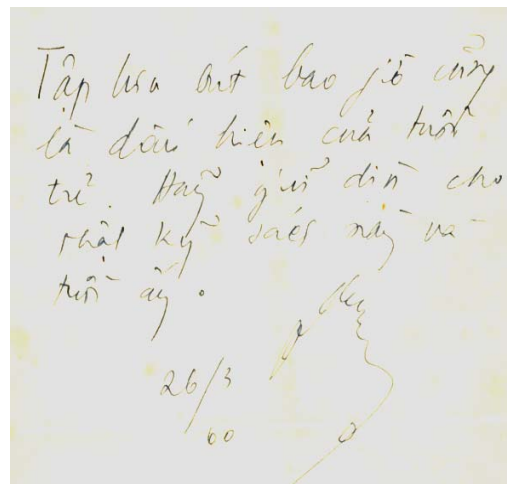
## NGUYỄN TÚ NHẬT

Tôi có ý định viết về bài thơ Áo Lụa Hà Đông của Nguyễn Sa từ lâu, nhưng cứ hẹn lần lữa mãi. Cho tới một hôm nhân đọc bầy ( 7 ) bài dịch Áo Lụa Hà Đông sang Anh ngữ trong tập san Cỏ Thơm số 73, mùa Đông 2015 – 2016 tôi mới nhớ ra là phải viết về đề tài này trước khi trí nhớ mai một.

Năm tôi học lớp Đề Nhất, Giáo Sư Lữ Hồ dạy Triết, đó là môn học quá mới đối với tôi. Thầy Lữ Hồ lại hay nói lan man nên tôi không thể nào phân biệt được đâu là Triết. Bài luận triết đầu tiên của tôi, thầy không thêm cho điểm, chỉ phê : “ Đây là luận văn, không phải triết “. Tôi thất vọng vô cùng !

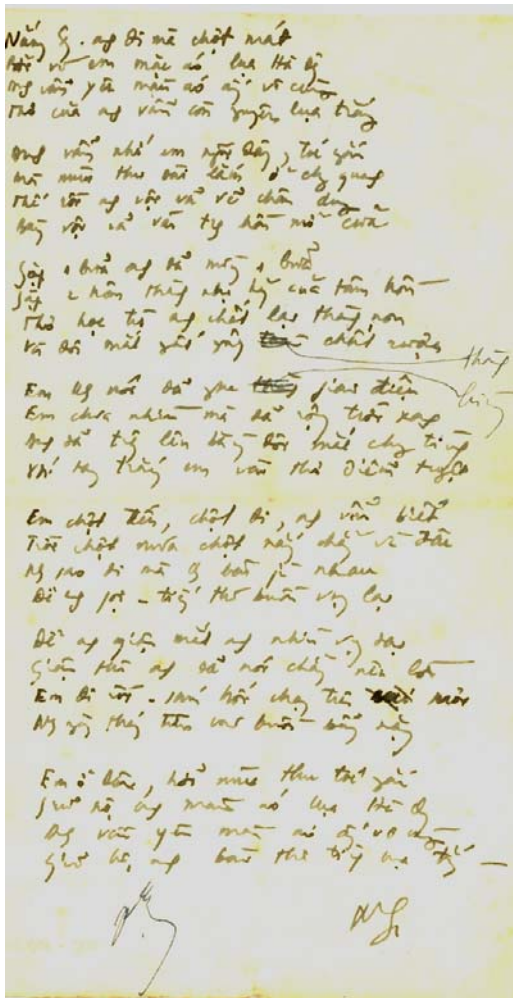
Gần nửa lớp tôi học tư triết với Giáo Sư Trần Bích Lan (thi sĩ Nguyễn Sa) nên tôi vội theo bạn đi ghi tên, dù khóa học đã bắt đầu được gần hai tháng. Đến văn phòng, tôi gặp ngay Giáo Sư, thầy vui vẻ nhận tôi, và cho tôi mấy bài tóm tắt của những bài học trước. Khi trả bài luận triết đầu tiên thầy đồng dục gọi to : *Ai là anh Nguyễn Tú Nhật?* cả lớp im lặng, chỉ có đám con gái bạn tôi cười khúc khích, khêu tay tôi đứng dậy, nhưng tôi không đứng, thầy nhìn tôi mỉm cười.

Ngày cuối cùng của khóa học, tôi đến văn phòng gặp thầy cùng với cuốn Lưu Bút để xin thầy viết ít hàng lưu niệm. Thầy mở ví lấy ra bài thơ Áo Lụa Hà Đông tặng tôi, cùng viết ít lời trong tập Lưu Bút.



Tôi đã đọc bài thơ này trên một tập san nào đó, nên trong khi thầy đang viết, tôi hỏi: Đây có phải bài thơ thầy làm cho một cô nào đó không? Thầy cười rất cởi mở : *Cô nào đâu, một hôm xuống phố trời nắng chang chang, khát nước quá nên vào một tiệm giải khát gọi ly nước đá chanh uống cho mát, trong khi chờ đợi chợt thấy một cô mặc áo dài trắng đi ngang qua cửa tiệm, tà áo bay bay theo gió, vội lấy giấy bút ra ghi câu đầu tiên, rồi cứ thế làm hết bài thơ. Ly nước đá chanh đã mang ra rồi mà vẫn chưa uống.* Năm 1996 được tin Giáo Sư Trần Bích Lan không được khỏe, tôi viết thư thăm thầy, không ngờ thầy còn nhớ tôi, gởi tặng tôi tấm hình mới nhất thay cho thư

trả lời. Nhìn hình, tôi như đọc được mấy trang thư thầy viết.



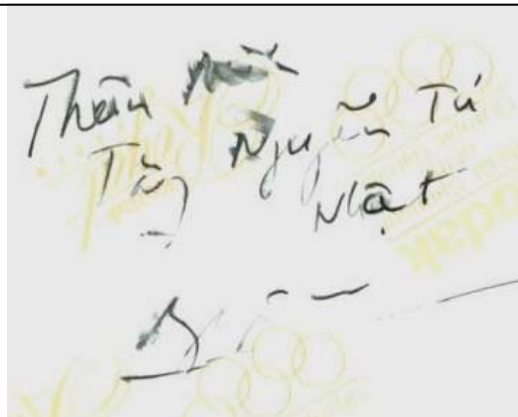
Bài thơ nguyên thủy Áo Lụa Hà Đông  
và bút tích của Nguyễn Sa

Thi Sĩ Nguyễn Sa và cũng là Giáo  
Sur Trần Bích Lan, ông thầy dạy Triết  
của tôi không còn nữa ! nhưng Thơ và

Triết của ông đã hòa điệu với nhau  
trong ký ức tôi cho đến tận bây giờ, và  
có thể mãi mãi ...

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát  
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng  
Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngắn  
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh  
Thế rồi anh vội vã về chân dung  
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa  
Gặp một bữa anh đã mừng một bữa  
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn  
Thơ học trò anh chất lại thành non  
Và đôi mắt ngất ngây thành chất rượu  
Em không nói đã nghe lòng giai điệu  
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh  
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung tình  
Vời tay trắng em vào thơ diễm tuyệt  
Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết  
Trời chợt mưa chợt nắng chẳng vì đâu  
Nhưng sao đi mà không báo gì nhau  
Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại  
Giận thì anh đã nói chẳng nên lời  
Em đi rồi – sám hối chạy trên môi  
Những ngày tháng trên vai buồn bỗng nặng  
Em ở đâu, hồi mùa thu tóc ngắn  
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng.

(Bài thơ đánh máy từ bài thơ nguyên thủy)



*Lưu bút Giáo Sư Trần Bích Lan viết  
năm 1960 và hình năm 1996*



## Nhớ Người Chưa Quen

"Nhất nhật..."đâu rồi hỡi mỹ nhân  
 Canh khuya thao thức thảo dăm vần.  
 Chưa quen, chưa gặp mà như nhớ!  
 Chẳng biết, chẳng hay sao cứ thân.  
 Mong mãi, cô đơn tim lạnh lẽo,  
 Đợi chờ, chua xót dạ tần ngần.  
 Ba sinh run rủi...khi xum họp  
 Mừng rỡ, vòng tay xiết thật gần.

**Nguyễn phú Long**

## Tình Cuối

Còn nguyên ý định yêu ai  
 Dù là nhiều ít vẫn dài thế thôi  
 Nỗi lòng nhau, đã biết rồi,  
 Cầm hơi, lây lất và tôi đợi chờ  
 Bây giờ thì vẫn làm thơ  
 Bây giờ cho tới bao giờ ai ơi!

**Nguyễn phú Long**

# NHÀ TIÊN TRI NOSTRADAMUS LÀ AI

## Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN

(Phần III)

\*

**M**ichel de Nostradamus sinh ngày 14 tháng 12 năm 1503 tại thành phố Saint Rémy, Provence, Pháp Quốc; mất ngày 2 tháng 7 năm 1566, thọ 63 tuổi. Như vậy ông ra đời sau Nguyễn Bình Khiêm 12 năm và mất trước NBK 31 năm.

Tính tình ông rất nhân hậu, lạc quan, và thích đi dóm. Cha ông là một công chứng viên giàu có và vốn theo Đạo Do Thái nhưng bị buộc cải theo Đạo Gia Tô, nhưng gia đình vẫn bí mật theo tín ngưỡng Do Thái. Ông nội và ông ngoại là y sĩ riêng của Vua René xứ Provence và giáo dục ông rất kỹ lưỡng ngay khi ông còn nhỏ. Ông được học đủ các môn như văn học cổ điển, lịch sử, y lý, chiêm tinh, và dược thảo. Ngoài ra ông còn được học hai môn bí truyền là thuật luyện kim và pháp thuật Do Thái (Kabbalah), đó là hai môn học bị Thiên Chúa Giáo cấm đoán.

Ông rất say mê đọc các sách thần bí và chiêm tinh tại thư viện của Giáo Hoàng và được bạn bè tặng danh hiệu “**Nhà Chiêm Tinh Tí Hon**”. Cha ông không muốn ông trở thành chiêm tinh gia. Ông nội muốn ông trở thành y sĩ. Ông tốt nghiệp y khoa tại trường Đại Học Montpellier. Ông cố động gìn giữ vệ sinh để phòng bệnh và cực lực phản

đối lối trị bệnh bằng cách trích máu rất phổ biến thời đó.

Để tránh sự dòm ngó và chỉ trích của các giáo sư, ông bỏ về hành nghề y sĩ tại miền quê và nổi tiếng là đã cứu hàng ngàn sinh mạng khỏi bệnh dịch hạch. Đồng thời ông cũng nổi tiếng là một chiêm tinh gia có tài. Nhiều người đã tìm đến nhờ ông chấm lá số và đoán vận mệnh.

Ông lập gia đình và sống rất hạnh phúc. Trớ trêu thay, năm 1537, bệnh dịch lan đến Agen cướp mất vợ con ông. Nhiều người chế diễu và xa lánh ông. Thiên Chúa Giáo muốn đưa ông ra tòa nên ông phải trốn khỏi Agen và sống lang thang trong sáu năm ở Miền Nam và Tây Âu. Chính trong giai đoạn này, ông học hỏi thêm và khả năng chiêm tinh của ông tiến triển mạnh và ông lại thành công rực rỡ về trị bệnh dịch tái phát hồi đó.

Năm 45 tuổi, ông trở về Salon, lập gia đình với một góa phụ giàu có và hưởng một cuộc sống an nhàn, vừa làm nghề thuốc vừa nghiên cứu sâu hơn về khoa học thần bí và chiêm tinh. Ban đêm, ông quan sát đường đi của các vì tinh tú và thường ngồi trên một chiếc đỉnh đồng ba chân, nhìn chăm chú vào một chậu cũng bằng đồng chứa nước sôi có pha các chất dầu thơm để chịu bốc khói nghi ngút để tập trung tư tưởng và đắm chìm trong miệng câu tụng: “*Tôi làm trống rỗng trái tim, đầu óc và linh hồn tôi khỏi các ý niệm trần vơ, lo âu, và sợ hãi để đạt tới một sự an lặng hoàn toàn. Sự an lặng này giúp tôi nhìn thấy tương lai nhờ vào đỉnh đồng ba chân*”.

Ông cho biết: “*Một hơi nóng thần bí mang đầy tiên cảm dần dần bao trùm lấy tôi giống như tia nắng mặt trời bao phủ lên những vật thể vật chất và siêu vật chất*”.

Ông cho biết thêm: “*Sự hiểu biết của con người dựa vào ý thức sẽ không thể nào thấy được những điều sâu kín trừ phi nhờ vào một giọng nói thầm thì đến từ cõi xa thẳm xuyên qua ngọn lửa mong manh, qua đó, tôi thấy những hình ảnh mơ hồ không rõ nét của những biển cả lớn lao, những buồn khổ, những chấn động vào những giờ khắc nhất định*”.

Năm 1550, ông thử tài tiên tri bằng cách in một tập gồm 12 khổ thơ, mỗi khổ có bốn câu nêu những sự tiên đoán cho một tháng trong năm kế tiếp. Tập tiên tri này thành công rực rỡ. Khách từ khắp nước Pháp đổ về gõ cửa xin gặp ông. Sau đó, ông dự trù thực hiện một tập thơ quy mô hơn gồm 10 tập, mỗi tập chứa 100 khổ, mỗi khổ 4 câu gồm những điều ông tiên tri. Bộ sách được đặt tên là ***Thế Kỷ***. Ông bắt đầu viết từ năm 1554 đến cuối năm 1555 thì hoàn tất được 7 tập và được rất nhiều người hoan nghênh đón đọc trong đó có Hoàng Hậu **Catherine de Medeci** đã mời ông lên Paris để hỏi lời tiên đoán của ông về vận mạng và tham vọng thống trị Âu Châu của bà và bà tỏ ra rất hài lòng về những lời ông tiên đoán. Sự thành công của ông làm cho giáo hội rất khó chịu và ông phải rời Paris về quê nhà. Ông tiếp tục trầm tư trước chậu nước đầy để hoàn thành tập mười tập ***Thế Kỷ***.

Cái chết của Vua Henry II năm 1559 ứng nghiệm đúng với lời tiên tri làm cho

danh tiếng của ông vang dội khắp Âu Châu nhưng đồng thời cũng nổi lên những lời cho ông là bịp bợm và theo tà đạo. Ông dự trù viết tiếp tập ***Thế Kỷ 11*** và ***12*** nhưng đám nông dân Thiên Chúa Giáo đã ném đá vào cửa nhà ông, khiến có lúc ông phải trốn vào nhà tu thành phố để tránh bị sát hại.

Năm 1564, Hoàng Đế Charles IX và Hoàng Hậu Catherine ghé thăm ông ở Salon nhờ ông lập lá số cho Hoàng Tử Edward. Ông tiên đoán cậu bé này sau sẽ thành một vị vua nổi tiếng và đó chính là Hoàng Đế Henry III sau này. Danh tiếng của Nostradamus lên đến tột bậc khi Vua Charles IX phong ông chức Cố Vấn và Y Sĩ cho Triều Đình kèm theo mọi bổng lộc của tước vị đó.

Nhưng ông không hưởng được lộc đó được bao lâu vì đột ngột qua đời. Tháng 6 năm 1566, ông trở về Salon với tư cách là Đại Diện cho Hoàng Đế tại Salon, ông bỗng lên cơn phong thấp khớp kịch liệt. Ông làm di chúc chia đều tài sản cho vợ con gồm 3 trai và 3 gái. Cha xứ Salon được mời đến ngày mùng 1 tháng 7 để nghe xưng tội. Ngày hôm sau, gia đình và bằng hữu lên phòng nghiên cứu của ông thì thấy ông nằm gục trên sàn giữa giường và chiếc ghế dài, trên mặt bàn có mảnh giấy ghi:

*Trên đường từ Sứ Quán về*

*Tặng vật của Hoàng Đế*

*Sắp đặt gọn ghẽ*

*Ông không làm gì nữa*

*Ông sắp trở về với Chúa*

*Họ hàng và anh em máu huyết*

*Sẽ thấy ông ngã gục*

*Giữa giường và chiếc ghế dài*

***Tại sao ông qua đời sớm vậy?*** Phải chăng những bậc được phú cho những thiên tài thật

đặc biệt như vậy thường thất lộc sớm như trường hợp của Beethoven (nhạc sĩ) hay Nguyễn Huệ (quân sự)?

### **Những Điều Tiên Tri Trong Mười Tập *Thế Kỷ***

Ngoài khả năng tiên tri do bản năng, Nostradamus có lẽ đã chịu ảnh hưởng rất sâu xa tư tưởng của triết gia **Socrates** (Hy Lạp) và nhiều thuyết thần bí khác như trường phái **Sufi của Hồi Giáo** hay **thuyết Luân Xa của phái Yoga**.

***Socrates cho rằng trong cuộc sống, con người có thể sử dụng trực giác để tiếp cận với các cảnh giới khác.*** Thêm vào đó, khoa chiêm tinh học cũng rất ảnh hưởng tới khả năng tiên tri của Nostradamus. Ông cho biết: lý do ông thành công trong nghề y là vì ông thấy rõ ảnh hưởng của các vì sao lên bệnh nhân và cây cỏ dùng làm thuốc: ông chỉ cho bệnh nhân uống thuốc khi ảnh hưởng của các vì sao lên bệnh nhân và các dược liệu kết hợp hài hòa với nhau. Sau đây là vài mẫu chuyện ghi nhận về tài tiên tri của ông trước khi bàn về những tiên tri trong tập *Thế Kỷ*.

Trong một bữa tiệc do Quận Công Florinville khoản đãi, nhà quý tộc hỏi ông tiên đoán xem món thịt heo sữa sẽ dọn lên là thịt con heo trắng hay đen. Nostradamus nói thịt con heo trắng. Trước đó thì chủ nhân đã ra lệnh cho quay con heo đen. Chủ nhân cười đắc thắng quay lại hỏi đầu bếp con heo nào đã dọn lên. Đầu bếp trả lời “Con heo trắng” và cho biết “con heo đen đã bị con sói nuôi trong nhà ăn thịt mất rồi”.

Một đêm đang ngủ yên trong lâu đài của Tổng Giám Mục tại Sens, Paris, Nostradamus nghe tiếng gõ cửa dồn dập. Một đầy tớ của dòng họ Beauveau đánh xông mặt con chó săn quý đánh liều gõ cửa hỏi ông. Ông nói: “Hãy đến đường Orléans, người sẽ thấy con chó đó đã buộc sẵn dây xích”. Nghe lời chạy đến đó, quả nhiên, tên thị đồng quả thấy con chó săn xích ở đó.

Trên một con đường lầy lội ở nước Ý gần thành phố Ancona, một nhóm tu sĩ dòng Franciscan đi tới ngược chiều với Nostradamus. Nhìn thấy một tu sĩ tên là Peretti, Nostradamus vội quỳ sụp xuống trước mặt Peretti. Các tu sĩ ngạc nhiên hỏi ông tại sao làm vậy với Peretti vì tu sĩ này vốn xuất thân hèn kém và mới được phép rời bỏ công việc ở chuồng heo. Nostradamus trả lời: “Tôi phải quỳ lạy bởi vì vị tu sĩ này sẽ là Đức Giáo Hoàng trong tương lai”. Quả nhiên, bốn mươi năm sau, Peretti trở thành Giáo Hoàng Sixtrus II sau khi nhà tiên tri đã qua đời được 19 năm. Sau đây là những điều tiên tri đã ứng nghiệm.

\*

### **Nội Dung Tập Thơ *Thế Kỷ***

#### **Tiên Tri về Hoàng Gia Pháp**

Trước hết phải nói rằng những câu thơ tiên tri của Nostradamus thường khó hiểu vì pha trộn nhiều ngôn ngữ Ý, Latin, Hy Lạp và dùng nhiều đảo ngữ cùng với những địa danh ghi theo lối cổ. Những lời thơ dẫn giải sau đây đã được viết lại không theo sát nguyên văn cho dễ hiểu.

Tập tiên tri *Thế Kỷ* từ tập 1 đến tập 5 nói nhiều về những biến cố thuộc nước Pháp. Nhắc lại, trong khổ thơ 35 của tập *Thế Kỷ* # 1, ông tiên đoán chính xác cái chết của Vua Hery II trong một cuộc đấu thương. Đối thủ của

Henry là Bá Tước Montgomery. Cả hai  
đều dùng khiên có trang trí hình sư tử.  
Con sư tử trẻ sẽ thắng sư tử già  
Hắn sẽ đâm mù mắt ông ta  
Hai vết thương nhập một  
Sau đó, ông ta chết một cách đau đớn

Sau cái chết của Henry II, Hoàng Hậu  
Catherine, vợ của Henry II, mời ông tới  
lâu Đài Chanmont để hỏi thêm về vận  
mạng của các con. Điều tiên tri của ông  
về các hoàng tử Charles và Francis đều  
xảy ra.

### **Sự Thăng Trầm của Đế Quốc Anh (1558 – 1961)**

Khi Nostradamus viết những dòng tiên tri  
trích dẫn sau đây thì hải quân Anh quốc  
còn yếu kém. Nhưng ông đã tiên tri rằng  
Hải Quân Anh sẽ làm lu mờ các lực lượng  
hải quân của các nước khác ở Âu Châu  
như của Bồ Đào Nha chẳng hạn.

Một đế quốc vĩ đại dành sẵn cho Anh Quốc  
Đế quốc hùng mạnh trên mặt biển suốt  
300 năm  
Những lực lượng hùng mạnh vượt qua  
núi và biển  
Người Bồ Đào Nha sẽ không bằng lòng

Tiên tri lửa tàn phá Luân Đôn: Trận hỗn  
loạn xảy ra năm 1566 được  
Nostradamus ghi:

Dòng máu của những người công chính  
Sẽ làm Luân Đôn bị cháy thiêu trong  
năm 66  
Bà già cổ kính đổ xuống từ ngôi vị cao  
Và nhiều giáo phái khác bị chết

Bà già cổ kính chỉ vào nhà thờ St. Paul sụp đổ  
trong trận hỏa hoạn năm 1566.

Sự ra đời của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ và  
Cuộc Cách Mạng Pháp 1789 đã được  
Nostradamus nói đến trong 4 câu thơ trong đó  
nền Cộng Hòa của Hoa Kỳ được coi là chị ra  
đời trước nền Cộng Hòa Pháp 15 năm:

Người chị cả, con của Đảo Anh Quốc  
Sẽ sinh ra trước em trai của nàng 15 năm  
Vì lời hứa của em trai trở thành sự thật  
Nàng sẽ trở thành Vương Quốc của Thiên Xứng

Lời hứa ở đây là sự giúp đỡ của Pháp trong sự  
nghiệp chống lại mẫu quốc Anh. Còn Thiên  
Xứng là biểu tượng của cán cân công lý của  
Hoa Kỳ.

### **Tiên Tri về Cuộc Cách Mạng Pháp 1789**

Về cuộc Cách Mạng 1789 của Pháp, người ta  
tán luận ông tiên đoán các sự kiện xảy ra bằng  
những câu thơ:

Dân chúng bị xúi dục chống lại nhà vua  
Những ông thánh mới làm hòa  
Luật thiêng càng tệ hại hơn  
Chưa bao giờ Paris lại hỗn loạn như vậy

Khi cơn lốc cuốn sạch rác rưởi  
Và áo choàng che phủ mặt  
Nước Cộng Hòa mới bị dân chúng làm rối beng  
Vào lúc đó trắng và đỏ đều cai trị sai lầm

Người dân nô lệ ca hát, hò hét và đòi hỏi  
Hoàng Đế và Hoàng Tử bị giam giữ trong  
ngục tối  
Trong tương lai những lời nói của bọn ngu  
ngốc không đầu  
Được tôn như phán quyết của thần thánh

Nostradamus nói nhiều đến vua Louis 16. Ông tiên đoán đúng là người Do Thái sẽ được hưởng quyền bình đẳng dưới triều đại của Louis 16. Ông cũng tiên tri cuộc trốn chạy của vua Louis 16 khỏi Điện Tuilleries là nguyên nhân làm cho vị vua này bị đưa lên máy chém. Cái chết của Louis và Hoàng Hậu Marie Antoinette được Nostradamus tiên tri trước đó 227 năm.

Ông cũng đưa ra lời tiên tri về sự kiện quan tài của ông bị đập phá. Việc đó xảy ra vào năm 1791 khi một đám binh sĩ cách mạng kéo tới phá cửa nhà thờ dòng François nơi chôn dấu quan tài của Nostradamus. Viên thị trưởng vội đến can thiệp và nhắc nhở lại lời tiên tri trừng phạt tội phá mồ nhưng đám binh sĩ chỉ cười nhạo và nhảy múa thêm. Sáng hôm sau thì toàn bộ đám lính đều bị phục kích chết trên đường về Marseilles. Riêng tên lính uống rượu bằng sọ của Nostradamus thì bị một viên đạn giữa giữa lúc còn đang say.

#### **Tiên Tri về Cuộc Đời của Napoléon**

Nostradamus tiên tri về tên và con người của Napoléon:

Một Hoàng Đế ra đời cạnh Ý Đại Lợi  
Hắn làm cho tổ quốc kiệt quệ vì hắn  
Những người bao quanh hắn nói rằng:  
Hắn là một tên đồ tể hơn là một ông Hoàng

Ông cũng tiên tri Napoléon cắt tóc cho mình giống Caesar, nhà độc tài Cổ La Mã. Ông tiên tri cuộc thảm bại của Napoléon ở Nga năm 1812.

Các nhà tán luận cũng đưa ra những câu thơ tiên tri của Nostradamus về sự hưng thịnh và sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản qua những câu thơ:

Luật lệ cộng đồng bị chống đối, đả kích  
Quyền lực cũ cố gắng bám chặt  
Nhưng bị đuổi khỏi sân khấu  
Rồi thì chủ nghĩa cộng sản bị vứt ra đằng sau

Ông cũng tiên tri về sự sáng chế ra radio, điện lực, về chủ nghĩa phát xít của Hitler, Franco, và Mussolini. Ông tiên tri về loại bom khủng khiếp là bom nguyên tử. Ông tiên tri về **con người Mao Trạch Đông**; về Tổng Thống Pháp Charles de Gaulle: “Trong ba lần, một người mang tên De Gaulle sẽ lãnh đạo nước Pháp”. Người ta cũng cho là ông đã tiên tri vụ anh em Kennedy bị ám sát.

**Về Cuộc Chiến VN**, các nhà giải đoán cho là ông tiên tri: ***nước Mỹ sẽ thất trận nhưng rồi cuộc Mỹ lại là kẻ chiến thắng.***

Về Thiên Chúa Giáo, các nhà phân tích Sấm Nostradamus đưa ra mấy câu thơ:

Rất gần dòng sông Tiber, cái chết đe dọa  
Một thời gian ngắn sau trận lụt lội dữ dội  
Người đứng đầu giáo hội sẽ bị cầm tù và đuổi đi

Tòa lâu đài và cung điện trong khói lửa ngút trời

Và người ta cũng bàn tới những khổ thơ nói về ngày tận thế vào năm 2000 qua những câu:

Năm mà con số 7 lớn lao hoàn tất

Thời kỳ đó, những trò chơi tàn sát lan rộng khắp nơi

Không xa lắm với đoạn kết của thiên niên kỷ mới [tức năm 2000]

Khi mà người chết sẽ rời khỏi mộ phần

## *Dòng Sông và Tình Yêu*

*khi em thấy có dòng sông dừng lại  
nước không về với biển có buồn không?  
sông sinh động là dòng sông nước chảy  
sóng vỗ về bang trái những cánh đồng*

*đất sẽ đẹp với màu xanh lúa mạ  
biển sẽ vui từ những cửa sông về  
sự luân chuyển sẽ không ngừng phép lạ  
làm hồi sinh tất cả mạch dòng quê*

*khi em biết sự đam mê dừng lại  
tình không về đời thấy có buồn không?  
đời sinh động sẽ làm đời trẻ mãi  
lòng reo vui như nước chảy trong sông*

*em sẽ đẹp như đóa hoa hồng mới  
lòng cánh khoe tươi rói dưới trời xuân  
hương hợp sắc chuyển luân lời điệu vội  
ý thơ nồng say đắm nở lên môi*

*khi em biết anh vì em mà viết  
những dòng thơ tha thiết đến chao lòng  
là muốn giữ một cuộc tình thanh khiết  
rộn ràng vui như mạch nước trong sông*

*từ nguồn cội mở lòng ra với biển  
luôn long lanh từng mỗi phiên tế bào  
hoa tình đẹp không bỗng dưng hiển hiện  
mà nở từ những miền viễn khát khao .*

*Cao Nguyên*

Các nhà tán luận Sấm cũng đưa ra nhận định rằng nhân loại sẽ được hưởng gần 1000 năm thanh bình kể từ 2026 đến 3000 và trái đất sẽ chấm dứt sự sống vào năm 3797 do một sự tàn phá từ một nguyên nhân ngoài địa cầu khởi đầu là một trận mưa thiên thạch rớt xuống trái đất.

### **Các Tôn Giáo Nói về Ngày Tận Thế**

***Vũ trụ đã được hình thành và loài người đã xuất hiện khoảng 250 ngàn năm trước đây. Có hình thành thì sẽ có chấm dứt. Đó là suy luận tự nhiên của con người. Nhưng bao giờ sẽ đến Ngày Tận Thế?***

Trước hết xin kể tóm lược câu chuyện “Hiện Tượng Chờ Đón Ngày Tận Thế” của Bác Sĩ Lê Văn Lân đăng trong Lê Hoa Mùa Xuân 2002, trang 33 – 38 trong đó ông cho biết cả Sấm Trạng Trình và Thánh Kinh đã được viện dẫn để tính ra Ngày Tận Thế.

Vào đầu thập niên những năm 1940, mục sư Tin Lành **Trần Như Tuân** rất có uy tín đã đưa ra lời xác quyết rằng Thiên Chúa tái lâm vào 1 giờ sáng ngày 1 tháng 10 năm 1945. Hội Thánh Tin Lành trung ương không nhìn nhận và coi là một tà thuyết. Tuy nhiên, khá nhiều tín hữu Tin Lành ở miền Trung lại tỏ ra rất tin tưởng.

Mục sư **Lê Văn Thái**, Hội Trưởng Hội Tin Lành, kể lại trong cuốn hồi ký *Bốn Mươi Sáu Năm Chức Vụ* (trang 183 – 192):

Ảnh hưởng của tà thuyết trên đã gây đổ vỡ nhiều tại các Hội Thánh Tam Kỳ, Huế, và Nha Trang. Hầu hết các tín đồ tại các nơi này đều say mê đến độ mù quáng. Có người đã tính từng ngày, từng giờ để rồi sau đó đi báo cáo cho bà con, xóm làng là còn mấy ngày nữa Chúa đến và chắc chắn như thế, không thể nào làm lẫn được.

Ngày chiều ngày 30 tháng 9, lúc 7 giờ tối mà cũng còn người đèn gõ cửa nhà bạn hữu cam đoan là còn 5 tiếng nữa là Chúa Tái Lâm. Người người đều nôn nả chuẩn bị ráo riết. Nhà cửa của họ được niêm lại cẩn thận và trước cửa dán sẵn những tấm giấy đại khái như: “Đất và nhà này tôi dâng vào cơ quan Cứu Tế Xã Hội Tỉnh.” hoặc “Nhà này tôi tặng cho ...” v.v. Có người lại dắt cả gia đình đi chào từ giã các bà con quen biết, khóc lóc khuyên họ mau mau tin nhận Chúa kéo chết mất. Bà cụ L.T.C. gom góp của cải lại phân phát cho người ta. Còn đôi vòng và bông tai thì đem cho con dâu. Bà mặc một bộ đồ đẹp nhất để đến nhà thờ chờ đợi Chúa tiếp rước.

Đêm 30 tháng 9 rạng ngày mùng 1 tháng 10, 1945, tất cả những người tin theo thuyết này đều có mặt đầy đủ tại nhà thờ hoặc ở tại một địa điểm nào đó để cầu nguyện, đọc Kinh Thánh và hát thánh ca trong tư thế sẵn sàng đi với Chúa.

Nhưng rồi Chúa đã không đến và mọi người vội vã về nhà gỡ tấm giấy hiến nhà. Mục sư Trần Như Tuân và một số mục sư khác ở vùng Tam Kỳ sau đó bị gián đoạn chức vụ một thời gian. Nên biết thêm rằng đây không phải là lần đầu tiên mục sư Tuân đưa ra tiên đoán Ngày Chúa Giáng Lâm. Lần thứ nhất ông đưa ra tiên tri Ngày Tận Thế là ngày 7 tháng 9 năm 1944. Trong lần đó ông giải thích đại khái là “Chúa tái lâm rồi nhưng còn ở trên không trung, chưa rước Hội Thánh Lên.” Đặc biệt trong lần thất bại chót, mục sư Tuân vẫn

không thay đổi niềm tin vào những điều ông tán luận về Ngày Tận Thế.

Khoảng năm 1960, nhà văn Võ Phiến (Phú Yên) viết một tập truyện ngắn lấy tên là *Lá Vãn Còn Xanh* trong đó ông nhắc lại hiện tượng khủng hoảng tâm lý vào ngày tận thế vào năm 1945, tưởng tượng ra cảnh vật thế gian tàn lụi sau ngày này. Nhưng rồi cây cỏ “lá vãn còn xanh” và người ta vẫn sống bình thản vì không có gì xảy ra.

Ở Hoa Kỳ, hiện tượng cả tin vào Ngày Tận Thế cũng xảy ra ở Hoa Kỳ như vụ tự sát tập thể của những tín đồ Heaven’s Gate tại California; vụ Ranch Apocalypse của nhóm võ trang Branch Davidians ở Waco, Texas.

Tại sao có nhiều người cả tin vào những lời giải đoán của mục sư Tuân như vậy? Có lẽ bởi vì họ quá tin tưởng vào mục sư Tuân mà theo ghi nhận của mục sư Lê Văn Thái thì: “Mục sư Tuân là một nhà truyền đạo trẻ tuổi có học thức rộng, từng chứng tỏ khả năng suy luận bén nhạy của mình nên ông thuyết phục dễ dàng những kẻ chưa tin.”

### **Tôn Giáo và Khoa Học với Ngày Tận Thế**

Giáo sư James Russell thuộc Đại Học Harvard cho biết: “**Theo tín đồ Ba Tư, thế giới có điểm khởi đầu và điểm tận cùng và đó là chiến tranh giữa cái Thiện và cái Ác**”.

Nhà tiên tri Zoroastre sống khoảng năm 1300 trước Tây Lịch, người sáng lập ra Ba Tư Giáo tức Hỏa Giáo, tuyên bố **Ngày Tận Thế sẽ xảy ra vào một ngày thuộc năm thứ 1200 kể từ Ngày Sáng Thế**, nhưng ông đã không xác định Ngày Sáng Thế là ngày nào nên không thể tính ra năm thứ 1200 là năm nào. Nhưng ông

xác nhận Ngày Tận Thế trùng với Ngày Xuất Hiện của Đấng Cứu Thế và đó là Ngày Phán Xử cuối cùng: vào ngày đó người thiện được lên Thiên Đàng; kẻ ác bị đọa xuống hỏa ngục.

Các nhà tiên tri Do Thái, Thiên Chúa Giáo, và Hồi Giáo đều có những mô tả hải hùng về Ngày Tận Thế và được nhiều tín đồ rất tin tưởng. Chẳng hạn, **Đạo Hồi cho rằng Ngày Tận Thế trùng với Ngày Phục Sinh của Chúa Jesus**. Kinh Koran viết: “Đó là ngày tiếng kèn đồng vang lên và bọn ác xanh mặt vì kinh hoàng”.

Nói chung các tôn giáo lớn đều cho rằng Ngày Tận Thế thường được báo trước bằng một thời kỳ suy sụp đạo đức kéo dài. Thế cân bằng giữa trời đất và con người bị phá vỡ bởi những hành vi phi đạo đức của loài người trong đó có thể kể những hành vi phá hoại thiên nhiên, phá hoại môi trường sống, thủ tiêu tín ngưỡng hoặc độc quyền tín ngưỡng.

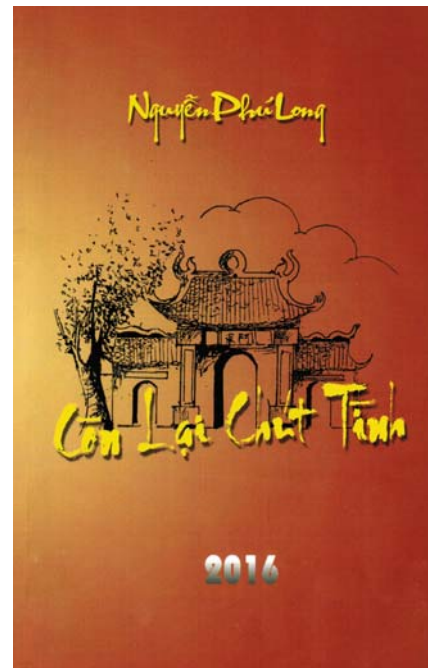
Hiện nay, **các nhà khoa học đã tính toán thời điểm sự sống của loài người trên trái đất sẽ chấm dứt vào ngày 31 tháng 10 năm 2 triệu 252 ngàn lẻ 6 tức hơn 2 triệu 250 ngàn năm nữa**. Sự tính toán dựa vào sự phát hiện của Jan Van Dam, trưởng nhóm nhóm nghiên cứu Đại Học Utrecht, Hà Lan rằng: cứ sau 2 triệu 500 năm, quỹ đạo trái đất lại bị lệch đi một chút. Sự kiện này sẽ khiến trái đất rời xa dần mặt trời gây ra sự giá lạnh lâu dài trên trái đất và kết quả là loài người sẽ không còn tồn tại.

**Tóm lại**, tất cả những điều tiên tri của Nostradamus mà người giải đoán cho là đúng thì cũng chỉ là những lời

giải đoán đúng theo niềm tin của người bàn và cá nhân người đọc. Trước sau, Tào Hóa vẫn là vị chúa tể nắm trọn quyền bí mật về tương lai và con người có lẽ vẫn chỉ là một trò chơi của Tào Hóa trong đó có thể có một số nhân vật được phú cho khả năng có giới hạn về bói toán hay tiên tri mà thôi. Tuy nhiên, những lời tán luận về những câu tiên tri thì tỏ ra là vô giới hạn!

Ngoài Trạng Trình, nước ta còn có những nhân vật xuất chúng có đưa ra những lời tiên tri được nhiều người tôn sùng, đó là: **Đức Phật Thầy Tây An** (1807 – 1856) nổi tiếng ở Núi Sam, Châu Đốc; **Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ** (1919 – 1947); **Thầy Ba Thới** (1866 – 1925) đã tiên tri: Ấn Độ sẽ phân chia thành hai nước Ấn, Hồi; Trung Quốc sẽ có nội chiến; Saigon mất và Gia Định còn.

**Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN**



# DU LỊCH PERU

## TIỂU THU

Châu Á thì chúng tôi đã được đi thăm thú vài quốc gia. Nhưng phía Nam Mỹ thì từ trước tới giờ chúng tôi chưa được cái may mắn đặt chân tới. Mà thú thật, từ lâu lắm tôi đã rất đặc biệt yêu mến nền văn minh cổ đại của dân tộc Inca cũng như Maya. Một nền văn minh rực rỡ tột đỉnh, bỗng một sớm một chiều tan biến như mây trời. Tuy nhiên cũng còn những phế tích rất hùng vĩ mà chúng tôi hằng ước mơ được chiêm ngưỡng.

Cho đến khi nghe tin Voyages Orbis tổ chức chuyến du lịch liên quốc gia Peru, Argentina và Brasil thì chúng tôi mừng quá, vội vàng ghi tên ngay. Náo nức sửa soạn cả hai tuần liền (điều chưa bao giờ xảy ra, vì chúng tôi có thói quen...nước đến chân mới nhảy!)...Rồi ngày khởi hành cũng tới...

Xứ đầu tiên chúng tôi tới là Peru. Máy bay đáp xuống phi trường Lima vào lúc...1 giờ 45 sáng! Những người tham gia chuyến du lịch đến từ Thụy Sĩ và Mỹ đã có mặt từ trước và đang đợi chúng tôi ở đây. Cả đoàn có 18 người. Tuy mới quen nhưng đã cảm thấy thân thiện ngay. Xe bus đưa chúng tôi về Hotel trong bóng đêm. Cảnh vật mờ mờ, nhưng cũng nhận ra

xe đang chạy dọc bờ biển, dưới chân một ngọn núi mà trên đỉnh đèn đỏ sáng choang. Té ra hotel nằm trên "phố núi" thuộc thành phố Miraflores. May mắn xứ Peru cùng múi giờ với Quebec nên chúng tôi khỏi...lộn giờ.

Sáng hôm sau, khi ăn điểm tâm xong, cô hướng dẫn viên người bản xứ trẻ đẹp đã đến cùng xe bus, sẵn sàng đưa đoàn chúng tôi "cuối ngựa xem hoa" thành phố Lima, thủ phủ của xứ Peru với hơn 7 triệu dân. Lima được thành lập ngày 18 janvier năm 1535 bởi nhà mạo hiểm Tây Ban Nha Francisco Pizarro (với tên ban đầu là "La Cité des Rois). Lima trở thành Thủ phủ của Peru và xứ này dành được độc lập vào năm 1822, thoát khỏi sự thống trị của người Tây Ban Nha suốt mấy thế kỷ liền.(\*)

Chúng tôi được đưa đi viếng Nhà Thờ Chính Tòa. Nơi đây có hầm mộ phía dưới. Người viết tò mò tháp tùng phái đoàn xem cho biết. Dưới địa đạo ánh điện mờ mờ, lối đi quanh co chật hẹp, không khí có phần...ma quái với những hàng sọ người, xương ống, xương sườn trắng hếu xếp hàng hàng lớp lớp. Sợ, nhưng lỡ phóng lao phải theo lao. Thờ phào nhẹ nhõm khi thấy chữ SALIDA (Sortie) ở cuối đường hầm! Sau đó đi thăm vài khu phố tiếng tăm rồi trở về hotel ngủ qua đêm. Đêm đó mọi người hầu như thức trắng vì phải thức dậy từ 5g sáng để ra phi trường đi Cusco. Hỡi ra, chẳng riêng gì chúng tôi mà rất nhiều người, cứ 1 hoặc 2 tiếng lại ...xem đồng hồ. Chỉ sợ dậy trễ lỡ chuyến bay!!! Chỉ mất 1 tiếng 20 phút là tới thành phố Cusco. Trên máy bay nhìn xuống chỉ thấy núi đồi trùng điệp.

Thỉnh thoảng mới có 1 thung lũng nhỏ. Nhiều ngọn núi được phủ một mảnh trắng tinh, chúng tôi tưởng đó là tuyết vạn niên giống như ngọn Phú sĩ sơn bên Nhật. Nhưng sau này, trên đường đi Machu Picchu, ngang những ngọn núi đó, hướng dẫn viên người bản xứ cho biết đó là mỏ muối lộ thiên. Thật lạ quá!

Xe bus đưa chúng tôi về hotel. Con đường thật rộng và đẹp. Có vẻ là con đường chính của thành phố Cusco. Nơi tiếp nhận du khách của hotel được thiết kế với mái vòm cao

vút bằng kính trong suốt nên sáng trưng. Du khách ngồi thoải mái trên những chiếc ghế nệm đặt rải rác khắp nơi. Trong góc có bàn đặt sẵn cà phê và trà cho khách dùng suốt ngày. Có 1 loại trà thật đặc biệt gọi là trà lá coca. Hồi ra mới biết, thành phố Cusco được xây dựng trên độ cao 3,400m nên không khí khá loãng, khiến nhiều người khó thở vì thiếu oxygène (Chính người viết cũng bị. Có lần chỉ vì đi nhanh một tí mà tưởng xỉu đến nơi, phải xịt thuốc suyễn mới thở bình thường được!!!). Uống trà coca giúp bớt cảm giác khó chịu vì độ cao.

Nhận phòng, dùng bữa trưa xong,



hướng dẫn viên cùng xe bus đến để chờ đi viếng những nơi nổi tiếng nhất của Cusco. Cậu này khá trẻ, gốc thổ dân Inca tên Valentino. Qua cách nói chuyện và giới thiệu về đất nước mình, người viết nhận thấy cậu ta là một người yêu nước nhiệt tình. Cậu diễn giải say sưa, khi thấy người nghe không chú ý, cậu có vẻ hơi bất bình và buồn lòng! Valentino cho biết Cusco là một thành phố nằm mạn đông- nam xứ Peru, khúc giữa của rặng núi Andes. Ở độ cao 3,400m, Cusco là một thành phố trung bình với khoảng 300.000 dân. Thuở xưa, Cusco là thủ phủ của dân Inca. Có lẽ vì vậy mà toàn thành phố, nơi đâu cũng thấy người Inca.

Phải công nhận nhà thờ Chính Tòa tuyệt đẹp. Bên trong nhà thờ trang hoàng long lẫy. Nhìn nơi đâu cũng thấy dát vàng sáng chói. Điều thú vị là tất cả các tượng Thánh đều được mặc những bộ trang phục cắt may cầu kỳ, sang trọng. Chung quanh Cusco còn nhiều thắng cảnh rất đẹp mà du khách thích chiêm ngưỡng, đặc biệt như:

-Qenco có thể nói là một địa điểm đặc trưng của nền văn minh cổ đại Inca. Qenco chỉ cách thành phố Cusco 6km. Đường lên dốc khá quanh co, hai bên đường cây khuynh diệp mọc đầy. Ngôi đền này chỉ là một núi đá nhỏ (rocher) hình bát úp, thoải thoải. Nơi đây có lẽ là nơi thuở xưa dân Inca dùng để tế Thần Mặt

Trời. Nhưng đặc biệt trên đỉnh có một mặt đồng hồ bằng đá. Nó chỉ chính xác những ngày xuân phân, thu phân hay đông chí, hạ chí. Ngoài ra còn cho biết những ngày thích hợp cho việc trồng trọt hoa màu. Những chi tiết này cho ta thấy thuở xưa, dân tộc Inca đã vượt xa chúng ta cỡ nào trong lĩnh vực thiên văn!



Trời. Nhưng đặc biệt trên đỉnh có một mặt đồng hồ bằng đá. Nó chỉ chính xác những ngày xuân phân, thu phân hay đông chí, hạ chí. Ngoài ra còn cho biết những ngày thích hợp cho việc trồng trọt hoa màu. Những chi tiết này cho ta thấy thuở xưa, dân tộc Inca đã vượt xa chúng ta cỡ nào trong lĩnh vực thiên văn!

Chung quanh đền Qenko trông trơn nên gió thổi rất mạnh. Mọi người lạnh run. Người viết và một chị bạn để quên áo ấm trên xe bus, tối về hotel phải nhờ người cạo gió! Hướng dẫn viên đã căn dặn "Cusco một ngày có 3 mùa: Sáng mát, trưa nóng và chiều lạnh!". Chúng tôi ý y nên đã bỏ lỡ buổi ăn tối trong một nhà hàng đặc trưng các món nướng của người bản xứ. Thịt được nướng trên than hồng thơm phức. Ánh lửa bập bùng từ những cây đèn đứng dùng sưởi ấm cho thực khách trông rất lãng mạn. Nhưng chị bạn và người viết cứ ngồi run rẩy vì bị nhiễm lạnh hồi chiều, phải gọi taxi về sớm. Tài xế lái quanh co trong những con đường hẹp té, chỉ vừa đủ 1 chiếc xe, rất điệu nghệ và giá taxi rẻ không ngờ. Chúng tôi ngần tò te và trả gấp

đôi số tiền ghi trên bảng giá! May mắn là chị bạn đi du lịch xa nhiều lần nên có kinh nghiệm: trong hành lý mang theo bao giờ cũng có những gói trà gừng. Nhờ trà này mà người viết nhanh chóng hết cảm để tiếp tục chuyến viễn du!

Hôm sau cả đoàn lên đường đi Urubamba. Người Inca gọi nơi đây là Sacred Valley. Chao ôi, những con đường đèo quanh co ngút ngàn, đôi khi khiến người ta phải thót tim. Những thành phố nhỏ nhỏ, hoặc những làng mạc đều được xây trong những thung lũng có suối nước chảy quanh co. Nơi nơi đều trồng bắp. Xứ Peru có nhiều loại bắp. Có thứ hạt to gấp đôi hạt mà chúng ta thường thấy. Trong bữa ăn của người Peru cũng thường có bắp. Và khắp nơi đều là núi, núi và núi! Chưa bao giờ chúng tôi thấy núi nhiều đến thế! Trên đường đi thỉnh thoảng xe dừng lại bên đường. Thường là những nơi thổ dân bày bán những tác phẩm do họ làm thủ công. Những con búp bê mặc trang phục của dân Inca màu mè sắc sảo rất đẹp. Những con alpaca nhỏ nhỏ xinh xinh làm bằng chỉ màu hoặc những chiếc mũ, những khăn quàng bằng len baby alpaca cũng đẹp lắm. Đặc biệt là các cô, các bà thổ dân ngồi đâu cũng đan, cũng móc áo và mũ để bán cho du khách. Chúng tôi người nào trong hành lý cũng có vài món đồ kỷ niệm. Nhìn họ thương lắm. Phần lớn là những người đàn

bà, trong bộ y phục cổ truyền màu sắc sặc sỡ, họ mang trên người thật nhiều món hàng để bán. Dân Peru gốc Inca thấp bé, nước da đen nhem, nhưng nét mặt khá đẹp với mũi cao, mắt sâu.

Trên đường đi đoàn ghé ngôi làng Pisac. Ngôi làng này được thành lập từ thời kỳ của người Tây ban Nha. Nơi đây có thông lệ vào ngày Chúa nhật, thứ ba và thứ năm, thổ dân quanh vùng đem tác phẩm của mình ra chợ bán. Thôi thì những tấm poncho dệt bằng len alpaca lộng lẫy, những chiếc nón đủ kiểu đủ màu, nữ trang các loại... Dễ thương nhất là những trái bầu bé xíu được phơi khô và khắc lên những hình ảnh tiêu biểu của xứ sở Peru như Chim ưng Nam Mỹ, con alpaca, mặt trời và dĩ nhiên là Machu Picchu. Sau đó chúng tôi còn được đưa đi xem pháo đài Ollantaytambo (tên một người chiến sĩ anh Inca đã anh dũng chiến đấu chống quân xâm lược). Và nơi đây dân Inca đã có những trận đánh ác liệt với người Tây ban Nha. Nhìn những công trình xây cất bằng đá của họ, chúng ta không khỏi cúi đầu thán phục. Từ xa xưa, người Inca đã thông suốt phép tính thập phân như thời đại của chúng ta bây giờ.

Đến chiều đoàn chúng tôi đến Hotel La Casona de Yucay nằm trong một thung lũng êm đềm và ở lại đêm chờ hôm sau đi Machu Picchu. Nơi đây đúng là bông lai tiên cảnh. Không khí trong lành, mát rượi. Những căn phòng xinh xắn được bao bọc bởi nhiều loại hoa muôn màu muôn sắc. Chung quanh thung lũng những rặng núi xanh lam với những cụm mây trắng lướt

thướt bay khiến cảnh vật mờ ảo như trong tranh. Đẹp ơi là đẹp!



Sáng hôm sau đoàn chúng tôi rời nơi đây với rất nhiều tiếc nuối! Chúng tôi đến ga Ollantaytambo để lấy xe lửa đi Aguas Calientes. Từ đó lấy bus lên Machu Picchu. Chuyến chỉ dài 30 phút, nhưng với người viết thì nó có vẻ như dài đến 3 tiếng đồng hồ. Hơn nữa trong lòng rất hồi hộp vì đã chọn chỗ ngồi ngoài cửa sổ. Mỗi lần "liếc" xuống thung lũng bên dưới là người lại run cầm cập, tay mướt mồ hôi! Nhưng đến khi đặt chân lên thánh địa thì bao nhiêu sợ hãi, mệt nhọc đều tan biến mất một cách kỳ diệu. Theo Wikipédia, Machu Picchu

được xây cất vào thế kỷ thứ mười lăm trên hai đỉnh núi Machu Picchu và Huayna Picchu và có tên là Pikchu. Theo tài liệu của thế kỷ thứ mười sáu, tìm được bởi nhà khảo cổ người Ý Lucas Pittavino thì nơi đây có thể là một trong những hoàng cung của Vua Pachacútec. Nhưng những kiến trúc quan trọng nhất lại cho ta thấy rằng nơi đây là một thánh địa dùng để thờ phượng hơn là một hoàng cung. Theo lời người hướng dẫn, thời hoàng kim, có khoảng 300 nhà thông thái trú ngụ thường trực ở Machu Picchu để nghiên cứu về Thiên văn. Chẳng trách, ngay thời xa xưa người Inca đã rất thông thái về Thiên văn học. Nơi đây chúng tôi được chiêm ngưỡng một cái la bàn bằng đá, nhưng chỉ đúng hoàn toàn 4 hướng đông, tây, nam, bắc. Ngoài ra còn có 2 cái đĩa tròn cũng bằng đá. Các nhà thông thái đổ nước vào đây để quan sát mặt trăng. Nhìn tác phẩm Machu Picchu được xây cất hoàn toàn bằng đá, kỹ thuật đục đẽo chính xác đến độ chúng ta không khỏi ngỡ ngàng, tự hỏi "Không biết thời đó họ đã làm bằng cách nào???"



Đứng trên đỉnh Machu Picchu nhìn những rặng núi bao bọc chung quanh, người viết có cảm tưởng mình thật nhỏ bé trước thiên nhiên hùng vĩ và không khỏi ganh tị với những con Condor có thể tự do xõa cánh bay lượn khắp nơi, tha hồ chiêm ngưỡng những kỳ công của con người và của tạo hóa. Sau 3 tiếng đồng hồ viếng Thánh địa và chụp rất nhiều hình, đoàn chúng tôi trở xuống điểm hẹn để lấy xe bus trở lại ga xe lửa. Mặt người nào cũng vui tươi, tuy đã đi bộ suốt 3 tiếng đồng hồ và mang về vài nốt muỗi chích để kỷ niệm (mặc dù đã xịt thuốc chống muỗi cẩn thận!). Lần trở xuống, người viết đã cẩn thận đổi

chỗ, ngồi vào phía trong để tìm khỏi đập loạn đã mỗi lần "liếc" ra ngoài cửa xe!

Sau bữa ăn trưa, chúng tôi lấy bus trở về Cusco để hôm sau nữa bay đi Argentina. Ngồi trên máy bay, người viết cảm thấy buồn ngủ. Yêu quá những người thổ dân Inca thật thà chất phát. Điều khiến chúng tôi phải phục sát đất là ở Peru, bất cứ nơi đâu đường phố cũng sạch như lau như lý. Không bao giờ thấy một cọng rác! Theo lời người hướng dẫn, đó là nhờ công ơn của Tổng Thống Alberto Fujimori. Ông TT này gốc Nhật Bản. Mà về phương diện vệ sinh của người Nhật thì chúng ta còn lạ gì?

Peru, hẹn một ngày nào đó chúng ta sẽ lại gặp nhau.

**TIỂU THU**



**BÁC SĨ**

**NGUYỄN QUỐC QUÂN**

**CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA**

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

**KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN**

# NGỌN GIÓ XUÂN TÌNH TỬ

## Hai bài thơ chữ Hán nổi tiếng và các bản dịch

### Phạm Trọng Lê

**Tử Dạ Tứ Thời Ca:  
Xuân, và Xuân Tứ**

Tình cảnh người đàn bà mong nhớ chồng, hay người yêu, trong thời chinh chiến là một đề tài quen thuộc trong thơ Trung Hoa và trong thơ và nhạc Việt (Đặng Trần Côn, Chinh Phụ Ngâm, “Tương cô bất tương kiến/Thanh thanh mạch thượng tang/Mạch thượng tang, mạch thượng tang/ Thiếp ý quân tâm thủy đoan trường.” “Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy/Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu. Ngàn dâu xanh ngắt một màu. Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?”--bản dịch của Đoàn Thị Điểm). Hay sự xa cách dù không ở trong thời chiến, như trong truyện Kiều, câu 1522: “Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh”.

Gió xuân là một ẩn dụ gợi tình. Gió xuân thổi vào màn lụa nơi khuê phòng người thiếu phụ là một hình ảnh vừa gợi tình, vừa táo bạo. Gió xuân thổi tung gấu xiêm lụa của người thiếu phụ lại càng

táo bạo và gợi tình hơn nữa. Hình ảnh này tả trong bài Tử Dạ (Tzu-Yeh) Tứ thời ca: Xuân (xem bên dưới) làm trong thời Lục Triều tức là thời kỳ từ đầu thế kỷ thứ ba đến cuối thế kỷ thứ sáu.

Hơn ba trăm năm sau, trong bài thơ Xuân Tứ, Lý Bạch tả “lời người thiếu phụ ở xứ Tần, có chồng đi lính ở xứ Yên. Khi chồng trông thấy cỏ xanh ở đất Yên, thì người vợ trông thấy dâu xanh ở đất Tần, tức là mỗi người một nơi nhìn nhau (Theo Trần Trọng Kim, chú dẫn bên dưới). Cũng bài này, Ngô Tất Tố giảng rằng:

“Trong tiết mùa xuân ở xứ Yên cỏ non mơn mớn như sợi tơ xanh, thì ở xứ Tần, dâu non cũng nảy những cành xanh biếc và thấp le-te. Cái khi chàng thấy cỏ non mà lòng xuân rung động muốn được trở về nhà, chính là khi thiếp thấy dâu non mà nhớ chàng đứt từng khúc ruột. Đương lúc mong chàng chẳng thấy, thì ngọn gió xuân, với thiếp vốn không quen thuộc, có chí cứ tự tiện xông vào trong màn?”

Bài viết này nhằm mục đích (1) để độc giả đọc và thưởng thức hai bài thơ tình rất hay, và (2) so sánh một số bản dịch tiêu biểu của các học giả và thi sĩ. Cũng chưa thêm cách phát âm tiếng Trung Hoa để độc giả nghe âm điệu bài thơ.

(3) Xem các bản dịch bài Xuân Tứ và theo thứ tự thời gian thì có lẽ bản dịch Tản Đà (1937) và Ngô Tất Tố (1940) là hai bản dịch tiếng Việt in trước hết, sau đó Trần Trọng Kim (1950), Trần Trọng San (1962) rồi Chi Điền Hoàng Duy Từ (1984). Trên internet có nhiều bản dịch bài Xuân Tứ sang tiếng Việt.

(4) Ngọn gió xuân (xuân phong)—“gió thổi vào trong màn lã” trong bài Xuân Tứ của Lý Bạch—hay thổi tung gấu xiêm lụa trong bài Tử Dạ Tứ Thời Ca: Xuân—là một ý thơ bóng bẩy và gợi tình—sự trùng hợp khiến ta có thể đoán Lý Bạch đã lấy hứng từ bài ca của nàng Tử Dạ vào thời Lục triều? Nhưng vì trong những bài Tử Dạ—tên một ca nương vô danh-- và chính Lý Bạch cũng làm một số bài, nên có thể hiểu là ý gió xuân thổi vào màn the nơi khuê phòng người thiếu phụ, Lý Bạch đã mượn ý gió xuân thổi tung gấu xiêm lụa của nàng Tử Dạ chăng vì lẽ bài Tử Dạ Tứ Thời Ca: Xuân làm trong thời Lục Triều 220-589 A.D., còn bài Xuân Tứ của Lý Bạch thì làm khoảng năm 740 sau Thiên chúa giáng sinh, nghĩa là làm trên dưới 400 năm sau.

## Phần A: Tử Dạ Tứ Thời Ca: Xuân

Source: Greg Whincup. The Heart of Chinese Poetry. New York: Anchor Books DOUBLEDAY, 1986, p. 26.

### 2. Tử Dạ Tứ Thời Ca: Xuân (Phần Hán Việt)

Xuân lâm hoa đa mỹ

Xuân điều ý đa ai

Xuân phong phục đa tình

Xuy ngã la thường khai.

(Tác giả vô danh thời Lục Triều 220-589 A.D).

3a. Phiên âm tiếng Trung Hoa (theo phương pháp Yale, trích trong sách của Whincup)

[Tzu-yeh ssu-shih ko chwun]

chwùn lín hwă dwo méi/

chwùn nyău yì dwo ai/

chwùn feng fù dwo ching/

chwei wo lwó cháng kai/

### 3b. Phiên âm bằng tiếng Việt

/txự iể xự xự cơ xuân

xuân đĩnh hua tuô mẽ/

txuân đniều i tuô ai/

txuân fuông phụ yuô tchinh/

tchuê uở lduờ txàng khai/

### 4. Nghĩa từng chữ bằng tiếng Anh

spring/forest/flower/much/charm/

spring/bird/thoughts/much/grief/

spring/wind/also/much/feeling/

blows/my/silk/skirt/open/

(Theo Greg Whincup, chú dẫn bên dưới, p. 23-24).

Tử 子 Lady Thời 時 Seasons  
 Dạ 夜 Night Ca 歌 Song  
 Tứ 四 Four Xuân 春 of Spring

|                 |               |                |                 |
|-----------------|---------------|----------------|-----------------|
| 春 SPRING Xuân   | 春 SPRING Xuân | 春 SPRING Xuân  | 吹 BLOW Xuy      |
| 林 WOODS, Lâm    | 鳥 BIRDS, Điểu | 風 WIND Phong   | 我 MY Ngã        |
| 花 FLOWERS Hoa   | 意 THOUGHTS Ý  | 復 ALSO Phục    | 羅 GAUZE SILK La |
| 多 MUCH Đa       | 多 MUCH Đa     | 多 MUCH Đa      | 裳 SKIRT thườg   |
| 媚 LOVELINESS Mỹ | 哀 GRIEF Ai    | 情 FEELING Tình | 開 OPEN Khai     |

Source: Greg Whincup, The Heart of Chinese Poetry.  
 New York: Anchor Books DOUBLEDAY, 1987, p. 26.

5. Nguyên nghĩa:

Rừng cây mùa xuân nhiều hoa đẹp  
 Tiếng chim hót mùa xuân (gây) nhiều ý  
 ai oán  
 Gió xuân (gây cho người nghe) nhiều  
 tình cảm  
 Thôi (làm) gấu xiêm lụa của ta mở ra.

6. Dịch sang văn vần.

Rừng xuân hoa nở muôn màu  
 Chim xuân riu rít gọi sầu lòng ta  
 Gió xuân tình-tử thiết-tha  
 Lụa tung cánh lụa xiêm là mong manh.  
 (PTLệ phỏng dịch)

7. Bản dịch 1 sang tiếng Anh:

(của Wai-Lim Yip, trong Chinese Poetry: An Anthology of Major Modes and Genres. Durham and London: Duke University Press, 1977; 1<sup>st</sup> ed. by Univ. of Berkley, 1976, p. 126.)  
 “Spring song from “Tzu-Yeh” - songs of the four seasons”

Spring groves: flowers, such charm.  
 Spring birds: calls so in tune.  
 Spring winds full of feeling,  
 Lift up the hems of my skirt.  
 (Translated by Wai-Lim Yip, cited above)

8. Bản dịch 2 sang tiếng Anh của Greg Whincup (1987):  
 “Late Night” Song of Spring  
 The spring woods  
 Holds flowers of much loveliness  
 Spring birds  
 Cause thoughts of much woe  
 The spring breeze  
 Has much amorous feeling.  
 It blows open  
 My light silken skirt.  
 (Anonymous)  
 Six Dynasties Period  
 222-589 A.D.  
 (In Greg Whincup, The Heart of Chinese Poetry. New York: Anchor Books, 1987, pp. 25-26).

9. Bản dịch 3 của Ronald Miao:  
 Bewitching the blossoms of spring groves,  
 Poignant the meaning of spring birds;  
 Spring breeze brings love thoughts—  
 Gently parts my skirt gauze.  
 (Translated by Ronald Miao, in Wu-chi Liu and Irving Lo, Sunflower Splendor. Bloomington and Indianapolis: Indiana University Press, 1975, p. 75).

Bản dịch 4: của Marsha L. Wagner, The Lotus Boat, (Columbia University Press 1984, p. 60).  
 The Spring forest is full of flowers  
 The Spring birds are full of feelings  
 The Spring wind is full of desire  
 It blows my thin silk skirt open

5 Bản dịch 5: Tony Barnstone and Chou Ping:  
 Spring wind  
 Spring forest flowers are so charming  
 Spring birds pour out grief  
 Spring winds come with exuberant love—  
 They lift my silk skirt.  
 (Tony Barnstone and Chou Ping, Chinese Erotic Poems. Knopf Doubleday Publishing Group, 2007, p. 44).

Bản dịch 6: David Hinton (2008)  
 “Lady Midnight Songs of the Four Seasons” by Tzu Yeh

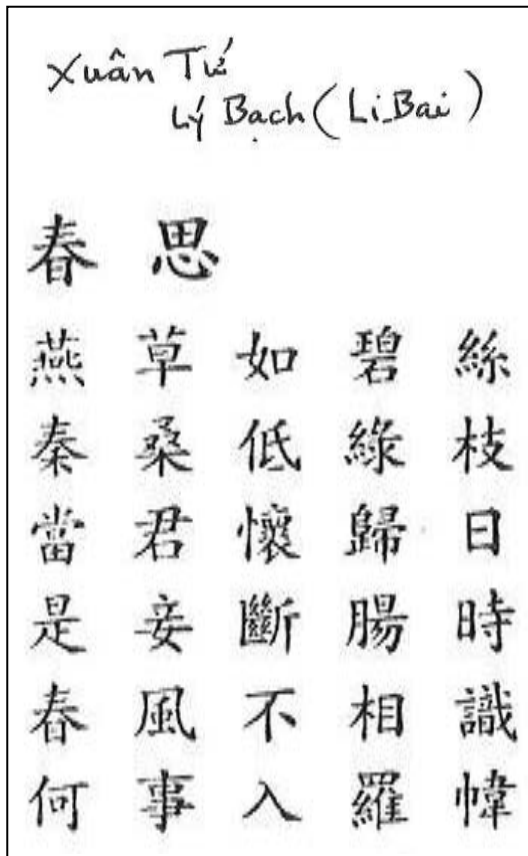
Spring forest so seductive in bloom,  
 Spring birds such grief, and spring

Winds bring all that and yes, much  
 More breezing my gauze robes open.  
 (From Classical Chinese Poetry: An Anthology, translated and edited by David Hinton. New York: Farrar, Straus and Giroux, 2008, p. 90).

### **Phần B. Xuân Tứ của Lý Bạch và những bản dịch**

Xuân Tứ  
 Yên thảo như bích ty,  
 Tàn tang đề lục chi.  
 Đương quân hoài qui nhật,  
 Thị thiếp đoạn trường thì.  
 Xuân phong bất tương thức,  
 Hà sự nhập la vi?

Lý Bạch (Li Bai)  
 (Khoảng 740 A.D.)



-Chú thích: Yên: tên nước cũ, phía Bắc nước Tầu, nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Greg Whincup chú thích rằng xứ Yên là phần đất quanh Bắc Kinh bây giờ. Trong thời Đường, đó là phần Đông Bắc, nơi binh lính phải trấn đóng để bảo vệ biên giới. Tần: tên nước cũ phía Tây nước Tầu, nay là đất tỉnh Cam Túc và tỉnh Thiểm Tây, là phần đất quanh kinh đô nhà Tần, Tráng An, phía tây Trung Hoa. Đoạn trường: đứt ruột, ý nói đau lòng, heart-rendering, heart-broken.

## 2. Phiên âm:

/Yên tsâu rù bì sz/  
 /Chín sǎng di lyù jr/  
 dàng jyùn hwǎi gwèi r/  
 /shr chyè dwàn cháng shr/  
 /chwùn fèng bù syàng shr/  
 /Hé shr rù lwó wéi/  
 (Greg Whincup, p. 94)

## 3. Nghĩa tiếng Việt:

Ý nghĩ mùa xuân  
 Cỏ ở xứ Yên xanh như tơ biếc,  
 Dâu xứ Tần rủ thấp cành xanh.  
 Ngày chàng mong muốn trở về,  
 Là lúc thiếp cũng đau lòng nhớ chàng.  
 Ngọn gió xuân kia ai đâu có quen thuộc,  
 Có sao lại lọt vào trong bức màn the của ta?

(Theo Nguyễn Quảng Tuân trong Thơ Đường Tân Đà Dịch, trang 49, ghi chú bên dưới)

## Phần C. Các bản dịch tiếng Việt:

### 1. Bản dịch của Tân Đà (1937)

Cỏ non xanh biếc vùng Yên,  
 Cành dâu xanh ngả ở bên đất Tần.  
 Lòng em đau đón muôn phần,  
 Phải chăng là lúc phu quân nhớ nhà.  
 Gió xuân quen biết chi mà?  
 Có sao lọt bức màn là tới ai?

(Báo Ngày Nay số 78, ngày 26-9-1937, in lại trong Nguyễn Quảng Tuân, Thơ

Đường Tản Đà Dịch, nxb Trẻ, TP HCM, trang 49).

2. Bản dịch của Ngô Tất Tố (1940)

Cỏ Yên như sợi tơ xanh,  
Dâu Tằm cũng nảy những cành le-te.  
Giữa khi chàng muốn về quê,  
Ấy khi thiếp cũng như chia tác lòng.  
Gió Xuân chẳng biết nhau cùng,  
Cớ chi lừa mãi vào trong màn là?

(Ngô Tất Tố, Đường Thi: Phiên Dịch Và Khảo Cứu Thơ Đường. Hà Nội: Tủ Sách Tao Đàn, nxb Tân Dân, 1940, trang 33).

3. Bản dịch của Trần Trọng Kim (1950)

Cỏ Yên dường sợi tơ xanh,  
Dâu Tằm cũng nảy những cành le-te.  
Đương khi chàng muốn về quê,  
Chính là khi thiếp đau tê-tái lòng.  
Gió xuân đâu có quen cùng,  
Cớ chi lại cứ vào trong màn là?

(Trần Trọng Kim, Đường Thi.  
Saigon: Tân Việt, 1950, trang 62,  
nxb Đại Nam in lại tại Hoa Kỳ).

4a. Bản dịch 1 của Trần Trọng San (1962, 1994, trang 48-49)

Cỏ Yên biếc tựa tơ xanh,  
Dâu Tằm tươi thắm rủ cành lê-thê.  
Ngày chàng tưởng nghĩ trở về,  
Là khi lòng thiếp ê-chề quận đau.

Gió xuân quen biết chi nhau,  
Cớ sao lại đến thổi vào màn the.

(Trần Trọng San. Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị (Scarborough, Canada: Bắc Đẩu, 1962, 1994, trang 48-49).

4b. Bản dịch 2 của Trần Trọng San (1962)

Cỏ Yên như tơ biếc,  
Xanh thấp nhánh dâu Tằm.  
Ngày chàng mong trở gót,  
Là lúc thiếp lòng tan.  
Gió Xuân không quen biết,  
Phơi phới mãi trong màn.

(Trích trong Chi Điền Hoàng Duy  
Tư, Đường Thi Tuyển Dịch II: Lý Bạch.  
Westminster, CA: Hoàng Tuấn Lộc  
Publisher, 1986, tr. 220).

5. Bản dịch của Chi Điền.  
Đất Yên cỏ biếc xanh tơ,  
Dâu Tằm rủ cánh màu lơ xanh vàng.  
Ngày chàng muốn về làng thăm thiếp,  
Chính là ngày thiếp xiết đau buồn.  
Nào ai quen biết gió Xuân,  
Cớ sao thổi mãi vào màn thâm khuê!...  
(Chi Điền, đã dẫn ở trên, p. 220)

**Phần D. Các bản dịch tiếng Anh.**

Translation 1: Bản dịch sang tiếng Anh  
của Bynner (1929)

In Spring  
Your grasses up north are as blue as jade,

Our mulberries here curve green-  
threaded branches;  
And at last you think of home.  
Now when my heart is almost broken...  
O breeze of the spring, since I dare not  
know you,  
Why part the silk curtain by my bed?

(From: Three Hundred Poems of the T'ang Dynasty 618-906, retitled The Jade Mountain, translated by Witter Bynner from the Notes of Kiang Kang-Hu. New York: Vintage Books, 1929, p. 60).

-Translation 2: Bản dịch sang tiếng Anh của Whincup (1987)

#### Spring Longing

When the grasses  
Of the north  
Are just emerald threads,  
The mulberry trees  
Of the capital  
Hang branches heavy with green.

The days  
When you long to return,  
These are the times  
When my heart aches.

The spring breeze—  
I do not know it.  
What business does it have  
Coming through the silk curtains  
Round my bed?

Li Bai  
(T'ang Dynasty) About 740 A.D.  
(From Greg Whincup, The Heart of Chinese Poetry. New York: Anchor Books, Doubleday, 1987, p. 95).

Translation 3:

(Source:  
<https://d3wy.nightunr0lls.wordpress.com/2015/05/29%E6%A5%E6%/80%9D-spring-thoughts-by-%E6%9D%8E%E7%99%BD-li-bai/>)

#### Spring Thoughts (by Li Bai)

The Yan's grass is like jade silk,  
The Qin's green mulberry branches  
hang low.  
The day the husband thinks of  
returning home,  
Will be when his wife is heartbroken.  
The spring breeze is but a stranger,  
[So] why does it enter the bed curtain?  
(Translated by Xiao Xiao1 Mei)  
May 29, 2015

Tóm lại, hai bài thơ làm cách đây trên dưới một thiên niên kỷ rưỡi, dùng ngọn gió xuân, thường tượng trưng hình ảnh sự rạo rực của tình yêu, để diễn tả lòng mong nhớ, khát khao của người thiếu phụ vắng chồng, tác giả đã dùng ý “gió xuân” theo cách dùng ngoại cảnh diễn tả nội tâm vừa khéo vừa gợi tình, lại tế nhị và bóng bẩy mà không tục.



như khi hớp từng ngụm rượu nhỏ. Trong bài Tử Dạ Tứ Thời Ca: Xuân, Wai-Lim Yip và David Hinton tránh dùng cấu trúc văn phạm tiếng Anh như không dùng động từ BE và dùng nhiều hình ảnh, cố giữ cấu trúc trong bài thơ Đường, tỏ ra chịu ảnh hưởng của trường phái của những thi sĩ phái Ảnh Tượng Imagists của Ezra Pound.

Tóm lại, bài Xuân Tứ của Lý Bạch làm khoảng năm 740

Độc lại các bản dịch bài “Xuân Tứ” thì thấy các dịch giả phần lớn đều dùng thể lục bát. Chi Điền dùng thêm hai câu song thất khiến âm hưởng lời thơ réo rất hơn; Trần Trọng San dùng thể thơ ngũ ngôn như nguyên bản. Tân Đà dùng chữ dễ hiểu, bài dịch của Trần Trọng Kim dịch sau dịch giả Ngô Tất Tố 10 năm hẳn chịu ảnh hưởng của dịch giả họ Ngô, như dùng lại những chữ như “sợi tơ xanh, cành le-te, muốn về quê, trong màn là” có trong bài dịch của Ngô Tất Tố. Tựu trung mỗi bản dịch cho thấy cách dịch riêng, từ cách chọn chữ đến cách chọn vần và thể thơ của từng dịch giả.

Riêng trong phần dịch sang Anh ngữ bài Xuân Tứ của Lý Bạch, Bynner dịch khá sát nghĩa; Whincup biết xếp các câu ngắn dài và dùng những khoảng trống để người đọc thơ nghỉ để hoà hơi thở, và chính những giây yên lặng đó, người nghe từng câu thơ theo nhịp thơ

sau dương lịch, dùng hình ảnh ngọn gió xuân “lùa vào màn lụa”, còn trong bài Tử Dạ Tứ Thời Ca: Xuân, ngọn gió xuân “thổi tung tà xiêm lụa” của người thiếu phụ, mà bài này làm từ thời Lục Triều 220-589 sau công nguyên, còn bài Xuân Tứ làm khoảng 740 sau c.n. Như vậy Lý Bạch có mượn ý trong bài thơ của nàng Tử Dạ chăng?

**--Viết xong tại Virginia, đầu xuân 1999; bổ chính xuân 2016--PTLệ**



# PHƯỢNG

## Phạm Hữu Bính

Từ ngoài đường nhìn vào, căn nhà một tầng xây gạch đỏ có một vẻ đẹp quyền rũ lạ thường. Hai cái cửa sổ vòng cung sơn màu xanh nhạt đối xứng hai bên cửa chính như hai con mắt người đẹp nhìn thẳng vào tâm hồn người đối diện. Cái sân gạch vuông vắn ra sát tận bờ ao. Một hàng cau, sáu cây cao vút, xếp hàng đều đặn từ cổng vào sân, càng làm tăng thêm vẻ thanh tao của cảnh vật.

Thẳng cổng vào và ở bên kia sân gạch sát với bờ ao là cái bếp, cũng xây gạch đỏ, nhỏ hơn căn nhà chính nhiều, nhưng không kém phần mỹ thuật.

Căn nhà đó chỉ cách Sài-Gòn có năm cây số về phía bên kia cầu Thị Nghè mà lại cho thuê có năm trăm đồng một tháng. Ông Xuân - bố Phượng - cảm thấy may mắn hết sức khi tìm được căn nhà này qua sự giới thiệu của một người bạn.

Ông vừa được thăng chức và chuyển từ Nha Trang về làm việc ở Sài-Gòn. Đối với ông, đây là một cơ hội quá tốt đẹp không thể bỏ qua; mặc dầu ông biết giá sinh hoạt ở Sài-Gòn rất mắc mớ, nhất là tiền thuê nhà.

Khi người bạn đưa ông đến coi căn nhà này là ông chịu liền. Người bạn cho ông biết chủ nhà là một

thương gia giàu có, mua căn nhà này cho con trai ở. Nhưng chẳng may người con trai qua đời, và căn nhà này vẫn bỏ trống từ ngày đó. Người chủ nhà chỉ muốn có một gia đình tử tế ở trong nhà, mà không cần tiền thuê nhà cao.

Với một gia đình mười một người – hai vợ chồng, bốn con trai, bốn con gái, và một mẹ già – ông Xuân thấy căn nhà này thật là lý tưởng.

Trước khi dọn nhà đến, ông Xuân đã quyết định như thế này: Phượng, con gái út của ông sẽ ngủ với Bà Nội ở cái sập kê sát góc ngoài phòng khách; kế đó là phòng bốn người con trai, rồi đến phòng ba người con gái lớn. Phòng cuối nhà là phòng của vợ chồng ông.

Phượng thích cách sắp đặt này. Trong nhà Phượng vẫn cảm thấy gần gũi với Bà Nội nhất. Một phần vì Phượng là con gái út, vẫn được Bà Nội cưng chiều từ nhỏ. Phượng cũng cảm thấy rằng Bà Nội rất hiểu Phượng. Hơn nữa, Phượng thấy Bà Nội có nhiều đức tính thật đáng mến. Chưa bao giờ Phượng thấy Bà Nội cau kinh giận dữ với ai. Gần như lúc nào, Bà Nội cũng tươi cười, để lộ hai hàm răng đen nháy. Tình bà cháu càng thêm thiết hơn từ hai năm nay, kể từ ngày Phượng xin Bà Nội cho Phượng ăn chay với bà nội.

Năm ấy Phượng được mười tuổi. Một buổi sáng thức dậy, Phượng nghe có tiếng người ồn ào ở bên hàng xóm. Nhìn qua cửa sổ, Phượng thấy một đám trẻ con đang vây quanh mấy người đàn ông như thể để xem một cái gì lý thú lắm. Tò mò, Phượng cũng chạy sang coi. Thì ra đám trẻ đang chờ xem làm thịt chó.

Trên một cái phản gỗ nhỏ, Phụng thấy ba con dao nhọn đã mài sắc, sáng loáng. Bên cạnh là con chó vàng bị trói quặt hai chân trước ra sau lưng; hai chân sau cũng bị trói. Một cái đòn ổng luôn thẳng từ vòng trói chân trước dọc theo lưng con chó ra vòng trói chân sau, làm cho con chó không thể cựa quậy được. Người ta cũng đã dùng dây tre quấn chặt mõm chó lại.

Con chó vừa giẫy giụa vừa có kêu lên những tiếng ăng ăng thảm thiết như để van xin. Phụng thấy rõ ràng nước mắt nó chảy ra. Đó cũng là con chó mà hàng ngày mỗi khi Phụng về học đi ngang qua nhà hàng xóm nó vẫn chạy ra vẫy đuôi mừng rỡ. Phụng thường dừng lại, vuốt ve, nó đùa với nó.

Con chó như nhận ra Phụng. Nó xoay đầu như thể để nhìn Phụng cho rõ và càng cố rống lên những tiếng kêu thảm thiết như van lạy, cầu cứu. Phụng rùng mình như thể chính mình sắp bị cắt cổ. Chân tay lạnh toát, cổ như nghẹn thở, Phụng đứng sững, không còn cử động được. Bỗng Phụng thấy quần ướt và nóng hổi. Nước chảy xuống ướt đầm cả hai bàn chân. Thì ra Phụng sợ quá đã tè ra quần.

Vừa mắc cỡ, vừa sợ, Phụng chạy một mạch về nhà, vào buồng thay vội quần áo, rồi lên giường nằm, trùm kín chăn lên đầu. Mỗi lúc Phụng ngủ thiếp đi thì hình ảnh con

chó, giẫy giụa, kêu ăng ăng như van lạy dưới lưỡi dao nhọn sắc của mấy người đàn ông lại hiện ra. Phụng lại giật mình tỉnh dậy.

Phụng thấy đau đớn, thương hại con chó bao nhiêu thì Phụng lại thấy thù hận mấy người đàn ông kia bấy nhiêu. Làm sao họ có thể cầm dao cắt cổ con chó của chính họ được? Con chó mà hàng ngày vẫn quần quít với họ, vẫn nhảy lên vui mừng mỗi khi thấy chủ về? Phụng có cảm tưởng như họ đã cắt cổ chính con cái họ. Phụng rùng mình, ghê tởm.

Phụng nôn oẹ suốt một ngày, không ăn uống gì. Ngày hôm sau, Phụng năn nỉ xin ăn chay cùng Bà Nội. Cả nhà không ai hiểu tại sao. Chỉ có mình Bà Nội đoán đúng:

- Nó thấy người ta làm thịt chó, rồi nó sợ ăn thịt đấy.

Mấy đêm sau Phụng làm mơ thấy con chó. Nó ve vẫy đuôi, quần quít lấy Phụng. Khi Phụng cúi xuống vuốt ve nó thì chỉ thấy ướt sũng những nước. Phụng giật mình tỉnh dậy. ngày hôm sau, Phụng hỏi Bà Nội:

- Nội ơi! Chó có linh hồn không hở Nội? Bà Nội suy nghĩ một hồi rồi nói:

- Bà không biết. Nhưng người thì có linh hồn.

Phụng không chịu:

- Không đâu, Nội ơi! Có người có linh hồn; có người không có linh hồn! Còn chó thì có linh hồn vì đêm qua cháu làm mơ thấy con chó vàng ở nhà bên cạnh.

Với bộ óc ngây thơ của đứa trẻ mười tuổi, Phụng nghĩ rằng con chó có tình cảm, biết yêu thương thì có linh hồn; còn mấy người đàn ông kia, chai lì như đá, cầm dao cắt cổ chó mà không một chút thương hại thì không có linh hồn.

Nhà Phụng cũng nuôi hai con chó để giữ nhà – con Vện và con Mực. Hai con chó quẩn quít và nô đùa với Phụng hơn bất cứ ai ở trong nhà. Phụng đã thấy mình hoàn toàn bất lực không thể làm gì cứu con chó nhà hàng xóm. Nhưng Phụng quyết định sẽ làm mọi cách để không cho ai có thể làm thịt con Vện và con Mực được. Phụng tưởng tượng nếu có ngày nào bố mẹ Phụng nghĩ đến chuyện làm thịt chó thì Phụng sẽ hết sức năn nỉ. Nếu vẫn không được thì Phụng sẽ nói:

- Bố Mẹ hãy làm thịt con trước, rồi hãy làm thịt chó.

Phụng mỉm cười một mình. Phụng biết chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra được. Phụng tin rằng chừng nào Bà Nội còn đó thì không bao giờ Bà Nội để cho ai làm thịt con Vện và con Mực.

Ngày sửa soạn vào Sài-Gòn, bố mẹ Phụng đã bàn đến việc bán hai con chó đi. Nhưng Bà Nội đã gằn:

- Hai con chó ở với nhà mình mấy năm rồi, chẳng khác gì con cái trong nhà. Không nên bán đi. Vả lại vào Sài-Gòn mình vẫn cần có chó để giữ nhà.

Phụng vui mừng thấy bố mẹ đã nghe lời Bà Nội và mang con Vện và con Mực vào Sài-Gòn.

Đồ đạc, vật dụng gia đình Phụng mang từ Nha Trang vào chẳng có bao nhiêu nên việc dọn nhà khá nhẹ nhàng, chóng vánh. Chỉ một buổi sáng là mọi thứ đã ngăn nắp, đâu vào đấy. Những thứ cồng kềnh như giường tủ, ông bà Xuân đã bán rẻ đi để vào Sài-Gòn mua đồ mới cho tiện. May làm sao, chủ nhà lại để lại nhiều đồ đạc sẵn có trong nhà cho gia đình ông dùng. Thế là ông Xuân chỉ phải mua thêm một cái tủ sách và một cái bàn học cho mấy người con.

Sau khi đã cùng các chị sắp xếp xong quần áo vào tủ và lau chùi bàn ghế, Phụng đi xem khắp nơi trong nhà cho biết. Phụng thích nhất cây đàn ghi-ta treo trên tường trong hành lang. Nhưng nhớ lời bố dặn không được sờ mó vào những đồ trang hoàng trên tường, Phụng chỉ đứng nhìn một cách say mê.

Phụng cũng thích cái bếp rộng rãi, một bên có một dãy bốn cái bếp than, một bên kê một cái chạn gỗ lớn có bốn tầng: tầng dưới cùng gần sát mặt đất là chỗ để nồi niêu, soong chảo, không có che lưới chung quanh; ba tầng trên cao hẳn lên là chỗ để chén đĩa và đồ ăn, có đóng lưới kỹ càng.

Con Vện và con Mực cũng tung tăng chạy khắp nơi, hết nhà trên, xuống bếp, rồi lại ra bờ ao. Có lúc hai con chó sửa chỗ sang hàng xóm hai bên làm Phụng phải gọi vội chó vào trong nhà và đóng cửa lại.

Có điều sao Phụng thấy khó chịu với mấy người hàng xóm quá. Thấy gia đình

Phượng dọn đến mà họ không chào hỏi gì thì thôi, lại còn cười khúc khích với nhau như chế giễu.

Sau một ngày dọn dẹp, bận rộn, cả nhà Phượng ai cũng mệt mỏi và đi ngủ sớm hơn mọi khi.

Phượng ngủ say mê mệt, nhưng có một lúc không hiểu vì lý do gì, Phượng giật mình tỉnh dậy. Phượng nằm yên, cố nhắm mắt để chờ giấc ngủ trở lại.

Bỗng Phượng nghe rõ một tiếng đàn ghi-ta, rất nhỏ, nhưng cũng đủ cho Phượng nhận thấy. Phượng mở mắt nhìn về phía hành lang; nhưng đêm tối đen như mực, Phượng không thể trông thấy gì. Phượng cố gắng đoán xem làm sao lại có tiếng đàn vào giờ đó được, khi cả nhà đang ngủ và các cửa ngõ đều đóng kín.

Phượng biết chắc các anh chị không ai nghịch ngợm đến nỗi giờ này thức dậy ra gây đàn, nhất là khi Bố đã dặn không ai được sờ mó tới những đồ trang hoàng treo trên tường.

Hay là có con muỗi, con ong nào bay qua đụng vào giây đàn? Vừa lúc đó, Phượng nghe thấy một tiếng đàn thứ hai, cũng nhỏ, nhưng cũng rõ ràng như tiếng trước. Tiếng đàn trong trẻo và âm vang do một bàn tay nào gây, chứ không thể là tiếng ruồi muỗi đụng vào giây đàn được. Phượng cố gắng lắng nghe nữa nhưng rồi giấc ngủ đến với Phượng lúc nào Phượng không hay.

Sáng hôm sau, Phượng thức dậy hơi sớm hơn mọi khi. Thấy Bà Nội còn ngủ, Phượng rón rén bước xuống phía cuối giường tìm đôi dép. Không thấy dép đâu, Phượng cúi sát đầu nhìn vào trong gầm giường. Lạ lùng làm sao, Phượng lại thấy đôi dép của Phượng và của Bà Nội nằm ở phía đầu giường, bên phía Bà Nội, song song, gọn gàng như có người xếp đặt. Một lúc sau Bà Nội dậy, Phượng hỏi ngay:

- Nội ơi! Tại sao Nội lại đem dép của con để lên đầu giường bên phía Nội?

Bà Nội ngạc nhiên, nói:

- Bà đi ngủ trước con và dậy sau con. Bà có đựng hề gì đến dép của con đâu?

Phượng yên lặng nghĩ đến tiếng đàn hôm qua.

Sáng hôm ấy cả nhà Phượng ngồi vào ăn sáng một cách yên lặng. Hình như ai cũng muốn nói một cái gì; nhưng không ai muốn bắt đầu trước. Cuối cùng, anh Minh, con trai lớn nhất, cất tiếng:

- Bố ơi! Nhà như có ma ấy.

Không thấy bố Phượng trả lời, Bà Nội nói:

- Nhà có ma thì có làm sao? Mình ăn hiền ở lành, không chòng ghẹo ai thì việc gì mà phải sợ ma?

Câu nói và thái độ mạnh dạn của Bà Nội đã trấn tĩnh mọi người. Ngay cả Phượng bé bỏng nhất nhà cũng không thấy lo sợ gì nữa. Liên tiếp mấy ngày, Phượng thấy mẹ bày bàn thờ, cúng vái khắp nơi: trên nhà, dưới bếp, sau vườn, bên bờ ao. Bà Nội thì cứ thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

(Còn tiếp 1 kỳ)

## SÔNG CẠN

Sông cạn lâu rồi chẳng thấy mưa  
Hoài công bến vắng ngóng đò đưa  
Thấy người bằng hữu dầm sương sớm  
Đợi khách thương hồ tắm nắng trưa  
Bạn cố sưu tầm đồ cổ ngoạn  
Khách cần rao bán bản đàn xưa  
Ta nay chán ngắt trò hư thực  
Chán chuyện trần gian thói lọc lừa

**Lý Hiếu**



## VỮNG XOÁY

Họa

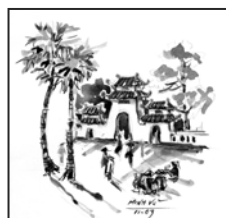
Cô tịch thềm hoang vỡ giọt mưa  
Chuyển mùa tàu lá cứ đong đưa  
Vòng tay hối hả rời chưa sáng  
Bong bóng phập phồng chạy giữa trưa  
Vuốt tóc ướt mềm căn gác cũ  
Tắm hồn khô héo bến sông xưa  
Ngược dòng nước chảy vào tâm thức  
Xoáy xuống đáy sâu chuyện đối lừa

**Phan Khâm**

## TUỒNG CỔ

Chôn gương trắng sứ biệt quê hương  
Tàn cuộc hồn mang nặng vết thương  
Chiến địa vừa tan hồi trống trận  
Cấm thành vắng bật bóng quân vương  
Quần thần thất tán miền quan ải  
Cung nữ dạn dày chốn gió sương  
Hoài vọng đàn ngân thương ngọc vỡ  
Điệu tình ai oán giữa tà dương

**Lý Hiếu**



## NUÔI TIẾC

Hỏi rằng đông giá sắp tàn chưa ?  
Trời đất quanh đây muốn chuyển mùa  
Mây trắng lững lờ, mây vắng gió  
Nắng vàng hiu hắt, nắng chờ mưa  
Câu thơ viết vội như còn thiếu  
Nỗi nhớ dâng cao cũng chẳng vừa  
Quê cũ nghìn trùng xa cách mãi  
Ngậm ngùi nuôi tiếc tháng ngày xưa!

**Nguyễn Kinh Bắc**

# VAY MƯỢN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

## Tạ Quang Khôi

Các nhà nghiên cứu văn học xếp văn học cổ Việt Nam thành ba loại : văn chương bác học, văn chương vừa bác học vừa bình dân và văn chương bình dân. Văn chương bác học là loại văn chương viết bằng chữ Hán, dành cho những người có học. Văn chương vừa bác học vừa bình dân là loại văn chương viết bằng chữ nôm, một thứ chữ dùng chữ Hán ghép lại nhưng phát âm tiếng Việt nên khi đọc lên người bình dân cũng có thể hiểu được sơ sơ. Văn chương bình dân là loại văn chương phát xuất từ giới bình dân ít học, đó là những câu ca dao, tục ngữ và truyện cổ.

Văn chương bác học do những nhà khoa bảng sáng tác dành cho những người giỏi Hán văn, ít ra cũng phải qua "thập niên đăng hỏa" hoặc những người đã đỗ đạt. Chẳng hạn như Kiền Văn Tiểu Lục của Lê Quý Đôn, Vũ Trung Tùy Bút của Phạm Đình Hổ, Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn...và những bài thơ chữ Hán của các nhà Nho. Ngay cả những bài văn nổi tiếng như Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo, Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, Văn Tế Tr

Vong Tước Sĩ của Nguyễn Văn Thành là những bài văn cần được phổ biến trong dân gian cũng viết bằng chữ Hán.

Văn chương vừa bác học vừa bình dân là loại văn chương viết bằng chữ nôm, một thứ chữ còn khó hơn chữ Hán, vì muốn đọc được, phải thông thạo Hán văn trước đã. Vì thế, loại văn chương này cũng do các nhà Nho khoa bảng sáng tác. Người ta thấy nhiều tác phẩm nổi tiếng, như : Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, Hoa tiên của Nguyễn Huy Tục, Nhị Độ Mai (hiện chưa tìm ra tác giả nên vẫn tạm ghi là Nguyệt danh hay Vô danh), Bích Câu Kỳ Ngộ của Vũ Quốc Trân, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu...và nhiều thơ , phú. Loại văn chương này người bình dân cũng không đọc được, nhưng nghe thì hiểu đại khái. Hiểu đại khái vì lời văn có nhiều điển cố phải có người giảng giải thì mới hiểu hết được.

Chữ Nôm (do Nam nói trại ra) được hình thành từ bao giờ thì chưa ai nghiên cứu được, đến đời nhà Trần có người tên là Nguyễn Thuyên (tức Hàn Thuyên) xếp đặt lại thành hệ thống. Do đó, sau này nhiều người tưởng Hàn Thuyên là cha đẻ của chữ Nôm. Loại chữ này chỉ có một ưu điểm là phát âm tiếng Việt, nhưng muốn viết được chữ

Nôm, ta phải thông thạo chữ Hán trước đã. Thí dụ, khi muốn viết chữ Năm (thời gian) ta phải ghép hai chữ Nam (để làm âm) và Niên (nghĩa), Năm (số) gồm hai chữ Nam và Ngũ. Lại có những chữ dùng luôn chữ Hán, nhưng phát âm tiếng Việt, như Dao (con dao) là chữ Dao trong Hán văn.

Các nhà Nho xưa không coi trọng chữ Nôm, thường nói là "Nôm na mách quế" vì chữ Nôm không được dùng trong khoa cử và văn thư hành chính. Do đó, chữ Nôm không được cải tiến, cứ giữ nguyên tình trạng từ ngày được sáng chế. Không những thế, mỗi địa phương lại có một lối viết hơi khác biệt nhau. Có một thời vua Quang Trung định đưa chữ Nôm vào khoa cử và dùng trong các văn thư hành chính (từ hàn), nhưng thời gian trị vì của Ngài quá ngắn nên chưa gây được ảnh hưởng gì. Đến triều nhà Nguyễn, chữ Hán lại được trọng dụng như xưa, nôm na vẫn là "mách quế". Theo sử, nhà Nguyễn còn lệ thuộc vào Trung hoa nặng nề hơn những triều đại trước. Khi người Pháp sang đô hộ, ảnh hưởng Trung Hoa mới dần dần bị loại bỏ. Rồi chữ Hán được thay bằng chữ quốc ngữ, theo mẫu tự La Tinh.

Người Triều Tiên và người Nhật cũng mượn chữ Hán để tạo ra thứ chữ riêng, cho đến nay thứ chữ đó vẫn được dùng và phổ biến cả trong giới bình dân. Nhưng người Triều Tiên và người Nhật đã biết đơn giản hóa chữ Hán khi

tạo ra chữ riêng cho mình để mọi người có thể học và viết một cách dễ dàng.

Văn chương bình dân là loại văn chương truyền miệng của giới bình dân, ít học, như ca dao, tục ngữ, truyện cổ (mà chúng ta thường gọi là truyện cổ tích). Sau này văn chương bình dân mới được ghi chép lên giấy tờ, sách vở. Văn chương bình dân là loại văn chương không chịu ảnh hưởng của Hán học nên không có nhiều dấu vết vay mượn như hai loại văn chương bác học và vừa bác học vừa bình dân.

Sự vay mượn vừa kể trên thuộc vay mượn hình thức, nhờ văn tự của người để sáng tác, để bày tỏ quan điểm hoặc tâm sự. Các nhà Nho Việt Nam không ngừng lại ở hình thức mà vay mượn luôn cả nội dung. Đoạn Trường Tân Thanh mà người ta quen gọi Truyện Kiều là truyện mà tác giả đã mượn nội dung của một truyện Tàu. Các truyện Nhị Độ Mai và Hoa Tiên... cũng là những truyện Tàu được viết lại bằng chữ Nôm. Sự lệ thuộc lắm khi quá nặng nề đến nỗi người ta thấy các tác giả giữ nguyên những tình tiết vô lý của truyện Tàu. Thí dụ, trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, đoạn Khuyển, Ưng, tay sai của Hoạn Thư, bắt cóc Thúy Kiều. Khuyển, Ưng đột nhập vào nhà Kiều lúc Thúc Sinh còn đi vắng. Chúng đánh thuốc mê Kiều, rồi đưa nàng về Vô Tích nộp cho Hoạn bà, mẹ Hoạn Thư. Kiều đã bị mê đi cả mấy ngày trời, không ăn, không uống, mà vẫn khỏe mạnh như thường. Khi vừa

được giải mê đã có thể đi đứng một mình. Đến đoạn Kiều báo ân, trả oán, Hoạn Thư là "chính danh thủ phạm" lại được tha (trong truyện Tàu, Hoạn bị đánh 100 roi chứ không tha hẳn) còn hai tên Khuyển, Ưng là tay sai lại bị giết chết. Tuy nhiên, tình tiết vô lý trong văn chương hoàn toàn khác với sự vô lý về mặt luân lý, nên vẫn được mọi người chấp nhận.

Truyện Nhị Độ Mai và truyện Hoa Tiên cũng là những truyện viết lại từ truyện Tàu, gần như nguyên văn. Nhị Độ Mai dựa theo truyện "Trung Hiếu Tiết Nghĩa Nhị Độ Mai" kể lại cuộc đấu tranh chống bọn gian thần Lư Kỷ và Hoàng Tung đời Đường. Truyện Hoa Tiên dựa theo "Đệ bát tài tử Hoa Tiên Ký" kể lại mối tình trắc trở giữa nàng Dương Dao Tiên và Lương Sinh. Cuối cùng Lương Sinh có hai vợ chính thức là Dao Tiên và Lưu Ngọc Khanh và hai người thiếp là Vân Hương và Bích Nguyệt (hai người này vốn là hai thị tì của Dao Tiên, có công liên lạc giữa cô chủ và chàng họ Lương). Các truyện này đều có kết cục tốt đẹp. Người phải xa nhau sẽ được sum họp trở lại (Kiều và Kim Trọng được tái hôn trong Đoạn Trường Tân Thanh), kẻ bị vu oan được phục hồi danh dự và trả được thù nhà (Mai Lương Ngọc trong Nhị Độ Mai), những người yêu nhau gặp trắc trở lấy được nhau và sống cuộc đời hạnh phúc (Lương Sinh và nàng Dao Tiên trong Hoa Tiên. Có lẽ ít ai được hưởng nhiều

hạnh phúc bằng chàng Lương Phượng Châu vì một lúc cưới những bốn vợ).

Ngoài sự lệ thuộc vào văn tự và nội dung, các nhà nho của ta còn lệ thuộc cả về điển cố. Chính vì những điển cố này mà người bình dân ít học không hiểu thấu đáo được truyện, dù viết bằng văn nôm. Mỗi câu là một điển cố, có khi một câu có tới hai ba điển cố. Nhưng điển cố cũng có một ưu điểm là nói ít mà hiểu nhiều, vì thế lời văn trở nên súc tích. Có lẽ Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn nặng phần điển cố nhất.

Truyện của Việt Nam ngày xưa được viết theo thể lục bát. Khúc ngâm viết theo thể song thất lục bát. Hai thể này không có trong văn chương Tàu. Đó cũng là một hình thức độc lập của ta.

Về Ngâm, trong văn học cổ Việt Nam, chúng ta có nhiều khúc ngâm nhưng nổi tiếng và phổ biến nhất là Chinh Phụ Ngâm khúc và Cung Oán Ngâm khúc. Có nhiều người đã lầm thể ngâm và thể truyện giống nhau nên đã lên án nàng chinh phụ trong Chinh Phụ Ngâm là...chửa hoang, vì xa chồng đã ba năm (Thử tính lại điển khôi ngày ấy, Tiền sen nay lại nảy là ba...) thể mà con còn nhỏ quá (Con thơ măng sữa và đương bù tri...hoặc : Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm...) Thật ra, thể ngâm có thể coi tương đương với thể Tùy bút ngày nay. Thể này không lệ thuộc vào thời gian câu chuyện xảy ra. Và lại, trong Chinh Phụ Ngâm, người ta không nói tới một nàng chinh phụ duy nhất nào mà nói chung tâm sự của các những

người đàn bà có chồng đi chinh chiến. Vậy thì, có người có con nhỏ còn "măng sữa" thì cũng có người có con đã lớn để phải "Rèn con đèn sách, thiếp làm phụ thân". Vả lại, việc nghi ngờ lòng chung thủy của người chinh phụ không những là oan uổng mà còn quá đáng. Người ta chưa thể quên tục ngữ Việt Nam đã có câu "Ba năm bú mớm" để nói tới cái công trời bể của người mẹ trong việc dưỡng dục con cái.

Khúc Chinh Phụ Ngâm bằng chữ nôm là bản dịch Chinh Phụ Ngâm chữ Hán của Đặng Trần Côn. (Hiện nay, người ta chưa biết chắc ai là dịch giả, bà Đoàn Thị Điểm hay ông Phan Huy Ích?)

Bản chữ Hán của Đặng Trần Côn là một tác phẩm đặc biệt, rất công phu. Ông đã mượn một số ý và hình ảnh trong thơ cổ, có khi mượn cả những câu thơ của người xưa (như thơ Lý Bạch đời Đường) để tạo nên khúc ngâm đặc biệt này (dài 483 câu).

Về chuyện "vay mượn", mới đây có người cho biết bài thơ "Đánh cờ tướng" rất nổi tiếng của nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng mượn ý bài dân ca vùng Tô Châu bên Tàu. Chúng tôi xin chép lại nguyên văn để chúng ta cùng biết và nghiên cứu thêm :

"Cờ tướng tương truyền do Chu Vũ Vương phát minh lúc đánh vua Trụ, loại cờ tướng này mô phỏng việc đánh nhau trên chiến trường, cũng là loại cờ mà phụ nữ thời cổ lúc nhàn rỗi rất thích chơi. Phùng Mộng Long cuối thời Minh có chép lại một bài dân ca Tô Châu nói về việc trai gái chơi cờ tướng như sau :

Thu liễu vi kỳ trước tượng kỳ. Thạch pháo đương đầu tu phòng lưỡng hiệp xa, Ngã chỉ đạo nhĩ song mã âm tuyên xoa khởi liễu cá dương giác sĩ, Dạng đạo nhĩ nhất tốt chiếm tâm giáo ngã nan động di" (Xếp bàn cờ vây bày bàn cờ tướng, Thấy pháo đầu phải đề phòng xe thọc hai bên, Em chỉ nghĩ anh cho hai ngựa uống nước nên cho sĩ vĩnh sừng dê, Ngờ đâu một con tốt của anh vào cung khiến em không động đây gì được), câu nào cũng một lời hai ý. (trích "Lầu Xanh và Tội Ác" của Phùng Tinh Chí, trang 329 và 330, do Cao Tự Thanh dịch, nhà xuất bản Phụ Nữ, Việt Nam, ấn hành)

Sau đây là một đoạn trong bài

*"Đánh Cờ" của Hồ Xuân Hương :*  
*Thoạt mới vào, chàng liền nhảy ngựa,*  
*Thiếp vội vàng vén phỉa tịnh lên.*  
*Hai xe hà, chàng gác hai bên,*  
*Thiếp sợ bí, thiếp liền ghềnh sĩ.*  
*Chàng lừa thiếp đương khi bắt ý,*  
*Đem tốt đầu dú dí vô cung.*  
*Thiếp đang mắc nước xe lồng,*  
*Nước pháo đã nổ ùng ra chiếu...*

Chúng ta đều biết rằng Hồ Xuân Hương sống vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 mà triều nhà Minh bên Tàu chấm dứt vào cuối thế kỷ 16. Thực ra, đã từ lâu cũng đã có người nghi ngờ bài "Đánh Cờ" không chắc có phải do nữ sĩ sáng tác không.

Đây là một nghi vấn quan trọng trong văn học Việt Nam cần được các

bậc thức giả trong cũng như ngoài nước nghiên cứu thêm.

Khi nói đến tính cách vay mượn trong văn học cổ Việt Nam, chúng ta không thể không nhắc tới những tác phẩm "hoàn toàn độc lập" của các nhà Nho xưa. Ngoài những truyện cổ được xếp vào loại bình dân chưa tìm ra tác giả, như : Trinh Thử, Trê Cóc, Lục súc tranh công... chúng ta cũng phải kể đến các truyện thuộc loại vừa bác học vừa bình dân, như : Bích Câu Kỳ Ngộ của Vũ Quốc Trân, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là những tác phẩm không dựa vào truyện Tàu, do sự sáng tạo của chính các tác giả.

Vào đầu thời Pháp thuộc, khi chữ quốc ngữ mẫu tự La tinh đã được dùng để viết văn, viết báo, tính cách vay mượn có phần nhẹ hơn thời Hán học còn thịnh. Đến đầu thế kỷ 20, các nhà văn Việt Nam không còn vay mượn nữa mà tự mình sáng tác những truyện hợp với hoàn cảnh xã hội đương thời. Nhờ thế, chúng ta có một thời rất thịnh về văn học với những nhóm văn học nổi tiếng, như Tự Lực Văn Đoàn của Nhất Linh và Khái Hưng, nhóm Hàn Thuyên của phe theo Đế tứ quốc tế, nhóm Tân Dân của Vũ Đình Long...

Người ta không lấy làm lạ khi thấy văn hóa của một nước nhỏ chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa của một nước láng giềng lớn. Văn hóa Pháp và nhiều nước Âu châu cũng chịu ảnh hưởng của văn hóa La Hy (La mã và Hy Lạp). Trong khi đó, nhiều nước Á châu (như Triều

Tiên, Nhật Bản và Việt Nam) chịu ảnh hưởng văn hóa của Trung Hoa. Riêng đối với Việt Nam, vấn đề ảnh hưởng không cần đặt ra. Tổ tiên chúng ta phát xuất từ vùng Triết giang bên Trung Hoa, là một trong nhóm Bách Việt ở Tây Nam Trung Hoa, như nước Việt trong thời chiến quốc (Câu Tiễn), Việt Đông (Tù Hài). Từ Trung Hoa mà ra, tất nhiên ta phải theo văn hóa Trung Hoa. Như vậy, không còn gọi là ảnh hưởng nữa. Nhưng dù có gốc từ Trung Hoa, chúng ta đã lập ra một nước riêng và đã từ từ tách khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa. Tinh thần độc lập của chúng ta thể hiện rõ rệt nhất trong phong tục, tập quán. Sở dĩ nền văn học cổ của chúng ta lệ thuộc nhiều vào Trung Hoa vì các vua chúa của ta không dám tách rời khỏi "Thiên triều", nhất là vấn đề thi cử. Người bình dân không sợ "Thiên triều" nên đã có nếp sống khác biệt nhiều với nếp sống của người Trung Hoa, tức là chúng ta đã tự tạo nên một nền văn hóa riêng. TQK.



## Du Xuân

Hôm qua mơ thấy xuân về  
Hôm nay mơ nữa xuân kề vai em  
Mộng mơ mơ mộng hằng đêm  
Hoa lay bướm lượn bên thềm du xuân

**Phan Khâm**

\*\*\*

## TÌNH SẦU

Từ em đoạn tuyệt tình tôi  
Sầu đông héo hắt bên đời quạnh hiu  
Tôi về độc ẩm buồn thiu  
Ngó trăng đáy nước chắt chiu lửa tàn

Đã đành dâu bể hợp tan  
Thôi thì thôi thế có ngần ấy thôi  
Tôi về ngóng nhận lưng đồi  
Ngóng thuyền viễn xứ mây trôi lững lờ

Chăn đơn gối chiếc vật vờ  
Chong đèn giờ đọc tập thơ tình sầu  
Quý thời gian được bao lâu  
Mới đây thoát đã mái đầu pha sương

Tình ơi sao cứ tiếc thương  
Hợp tan là lẽ vô thường thế gian  
Trăng tròn trăng khuyết trăng tàn  
Đành thôi mây hợp mây tan vô thường...

California, January 8, 2016

**HỒ CÔNG TÂM**

## KHÔNG CÓ EM, BIỂN NGỪNG VỖ SÓNG

Ta đang mơ hương ân tình nồng ấm  
Bờ môi xưa chết lịm giữa cơn mê  
Đôi mắt em mang màu chiều biển sẫm  
Trong men say, ta thấy bóng em kè..

Ai bảo kẻ không cầu sao lại được?  
Ta nhớ em đáng ngư nữ đang nằm  
Có phải em, ta tìm suốt trăm năm  
Vài cánh hoa.. phủ mình em trên cát..

Không có em, biển nhạt nhòa hiu hắt  
Làn nước xanh không gợn chút nắng vàng  
Chiều xuống thấp, sương lam chưa kịp tới  
Hải đăng ơi, sao mãi đứng âm thầm!..

Không có em, biển buồn ngưng vỗ sóng  
Còn mong gì mây trắng với trời trong  
Đàn hải âu tung cánh dưới vùng đông  
Niềm thương nhớ đầu ghềnh ra cuối biển.

Không có em, biển nghe lòng xao xuyến  
Cơn mưa chiều bỗng tím lạnh chơi vơi  
Theo triều dâng, ta ngược mặt nhìn đời  
Ôi huyền diệu.. của một thời yêu dấu...

Hôm đi biển Rehoboth Delaware

**BÙI THANH TIÊN**

July 18, 09

# NGƯỜI VỢ MẤT TÍCH

## Diễm Châu

Từ bao lâu nay, người ta chỉ nghe nói đến mẹ mìn bắt cóc con nít, chứ không ai bắt người lớn cả... Nhưng gia đình ông Bút mới bị mất tích người vợ của ông, đang bấn loạn không hiểu tại sao lại xảy ra sự việc này.

Ông Bút ngồi thử người ra, nghĩ lại những câu hỏi từ Cảnh Sát, mà không sợ cho bằng khi trả lời những vặn vẹo và cặp mắt sắc như dao từ bà chủ nhà, nơi vợ ông làm việc giữ đứa con trai gần một năm tuổi, thằng bé cũng mất tích theo bà:

- Bà ấy tên thật là Nguyễn Thị Nhu?
- Dạ.
- Bao nhiêu tuổi?
- Năm mươi mốt.
- Ông bà có con không?
- Không.
- Bà có ăn học gì không?
- Bà xong Trung học thì lấy chồng, không đi học nữa.
- Vậy là thấy có mảnh mung rồi...
- Mảnh mung sao, thưa cô?
- Thì bà ấy biết cách tính toán bắt cóc con tôi để đòi chuộc tiền... hoặc giả vì không có con, nên thèm thường, bắt con tôi để làm con ruột bà ấy!
- Cô đừng nghĩ tầm bậy... Sao cô không nghĩ rằng vợ tôi bị ép buộc phải bồng cháu bé đi theo tui bắt cóc?

Dù trả lời bà chủ nhà như vậy, nhưng chính ông Bút cũng hoang mang... Từ khi bà Nhu nhận làm công việc giữ trẻ cho người ta,

hàng ngày bà cứ mong cho trời mau sáng, để leo lên xe Bus tới chỗ làm gặp mặt thằng bé bà giữ... Bà mê nó như điều đồ... Không ít lần chính tai ông đã nghe bà thốt lên như vậy:

- Thằng cu con này nó dễ thương quá ông ạ... phải chi nó là của riêng mình... để tha hồ được hun hít, ôm ấp nó... chưa từng thấy con ai mà dễ thương như thằng bé...

- Bà nói nghe hay... con người ta thì ban ngày giữ nó, bà muốn ôm hay nựng nịu gì chẳng được... tối về để giờ còn lo cho chồng chứ...

- Bộ ông ghen hay sao? Mình không có con nên tui mới ao ước như vậy...

Bà ngẫm nghĩ rồi nói thêm:

- Nếu như má nó có chuyện gì, thì tui sẽ nuôi thằng này!

- Bà nói vậy là sao? Tui không hiểu... Chuyện gì là chuyện gì?

- Ví dụ như bà gặp tai nạn, hay bệnh liệt nằm một chỗ, rồi lấy ai săn sóc cho nó?

- Trời ơi là trời... bà nghĩ chuyện gì mà xa xôi, tầm bậy tầm bạ như vậy! Mẹ con người ta đang yên hàn với nhau, lại trù ẻo vậy là sao!

- Tui đâu có trù ẻo, tui ước thôi mà!

- Còn nói! Bà độc mồm độc miệng lắm rồi đó, biết không... Cùng lắm thì mình đi xin con nuôi, chứ ai mà nghĩ ác như vậy, bỏ đi...

Bà Nhu nghe chồng gắt thì im... Nhìn bà ngồi bất động, ông không biết bà có thôi đi suy nghĩ vớ vẩn đó hay không... Mà cái bà này cũng lạ... lấy nhau hai chục năm rồi, họ đâu có cần con nít. Nay mới đi làm

công việc bắt đầu từ đây được vài tháng cho có thêm tí tiền, mà bà đã làm ra chuyện rồi!

Những gì ông nghĩ về vợ mình đều được giữ kín trong lòng. Tính vợ ông thì ông quá rành. Bà là người thẳng thắn nhưng cứng đầu, ít chịu nghe ai. Thích chuyện gì là phải làm cho bằng được... cho dù chuyện đó có sai trái hay chướng khí, bà cũng bất cần!

- Hay là bà bắt thằng bé đẻ làm của riêng mình?

Ông Bút không tin là bà dám thực hiện chuyện đó, vì trước hôm xảy ra sự việc, ông bà cũng có gây nhau một trận, chỉ là chuyện vợ vẫn ngoài đường... nhưng bữa đó ông tức nên không thèm nhin, mà “tối luôn bác tài”. Trời, lần đó ông nói đã cái miệng, khiến bà tức đến tím cả mặt! Cho nên sáng hôm sau trước khi đi làm, bà không thèm hỏi han ông một tiếng.

Chẳng lẽ trong phút nóng giận, bà đã làm gì sai khi gặp mặt thằng cu chẳng?

- Cô đã hỏi cha nó về vụ này hay chưa?

Trả lời câu hỏi của cảnh sát, cô chủ ụ nét mặt:

- Anh ta lấy vợ mới, đang đi hưởng tuần trăng mật ở Hawaii, một tuần nữa mới về.

Vậy là bao nhiêu sự nghi ngờ lại đổ dồn vào bà Nhu tăng lên cao. Dù không muốn tin vợ mình là kẻ bất cóc, thì ông Bút vẫn hoang mang với ý nghĩ:

- Tại sao bà lại không về đây? Không điện thoại hay nói cho mình biết chuyện??? Sao bà ấy ngu vậy Trời! Sự thật là như thế nào?

o o o

Bà Nhu mở cửa bước vào nhà, không gian vẫn còn tối mờ, tiếng nước chảy ào ào

trong phòng tắm cho biết như thông lệ, giờ này cô chủ đang tắm để chuẩn bị đi làm. Có tiếng thằng cu khóc o oe trong phòng, bà lật đật để cái giỏ xuống chạy vào trong...

- Hi Yoyo... có bác đây... dậy rồi hả? Đói phải không...

Thằng bé nghe tiếng bà là nín khóc, nhoeo miệng cười ngay. Thấy thương thật, nhìn mặt nó là bà quên hết mọi sự, êm ái trong lòng... chưa có đứa trẻ nào mà ngoan như thế. Cu YoYo luôn miệng cười, chỉ khóc khi bị ướt tã và đói bụng. Không phải nó cười với người quen mặt, mà cười với bất kỳ ai.

Bà Nhu thay tã cho Yoyo xong, ẵm cháu ra bên ngoài, vào phòng ăn đặt ngồi vào chiếc ghế dành cho trẻ con nơi đầu bàn, rồi lấy một miếng bánh mì mềm và cắt nửa trái chuối cho YoYo ăn sáng.

Thằng bé cầm trái chuối đụn vào miệng, nhóp nhép thật dễ thương. Thoảng một cái đã xong, YoYo tiếp tục xé miếng bánh mì, vừa ăn vừa bóp nát trên tay chơi... Bầu sữa để kế bên đã tu hết từ trước...

- Di Nhu ở nhà coi bé, tui đi làm đây.

Bà Nhu nhìn cô chủ đứng nơi cầu thang, cô có dáng người vừa phải, khuôn mặt xinh xắn nhưng tính tình thì vô cùng khó khăn. Không phải cô chỉ khó với bà, mà đối với mọi người, cách ăn nói của cô không được tử tế cho lắm, hay chỉ chiết người khác!

Mẹ như thế nhưng YoYo lại khác xa. Thằng bé lúc nào cũng đem nụ cười đến cho mọi người. Yêu nó, người ta tạm quên đi nỗi bức tức vì lời lẽ hộc hằn mà má nó thường xuyên thốt ra, khiến nhiều người khó chịu.

Đâu có ai ưa mẹ YoYo, cả bố của nó cũng thế. Ngay ngày đầu tiên chung sống,

anh ta đã mục kích những sự khó khăn chỉ trích thốt ra từ cái miệng xinh của vợ. Ngày một ngày hai... cho đến lúc anh ta chịu không nổi phải bỏ nhà, ngủ lại trong sở làm. Cứ nghĩ đến sự chi chiết của vợ là anh ta ớn ớn...

Thời gian sau, anh chồng phải lòng một cô bạn làm cùng sở, có giọng nói ngọt ngào, khác hẳn với vợ. Thế là con tim anh mở cửa cho cô ta bước vào, mặc dù anh biết là vợ mới cần thai, nhưng mặc kệ, không thể chôn vùi đời mình vào một người lúc nào cũng độc mồm độc miệng, khó khăn như thế được...

Chờ cho lúc vợ sinh xong, anh chồng báo tin muốn chia tay. Lúc đó YoYo mới được hai tháng. Cô vợ không ngờ anh chồng dám ly dị cô! Cứ nghĩ có đứa con với nhau là ràng buộc chặt hơn, tha hồ cô sẽ đi anh chồng, muốn nói gì thì nói...

Thua tình, cô trút hận lên đầu người chung quanh nhiều hơn. Dĩ nhiên là cô cũng đâu có ưa bà Nhu, nhưng vì thấy bà thật tình thương YoYo, nên cô đành phải nén câu “đuối cổ” trong họng... Kiểm người thương con nít, cẩn thận như bà Nhu không dễ, trước bà cô đã đuổi cả chục người... cô rất ghét cách nói chuyện của bà này...

- Cô cần tui làm cái gì thì cứ bình tĩnh mà dặn dò, làm gì phải to tiếng như thế! Tui có điếc đâu!

- Bình tĩnh cái gì... ngu vừa chứ lại còn hay nói! rửa có mấy chai sữa mà vận nước ào ào như thế thì ai mà chịu cho nổi, phải lấy cái thau hứng vào... đây rồi tiền nước tăng bà có chịu trả không?

Nghe cô quát, bà Nhu trả lời:

- Thau mắc ngâm mấy cái yếm của thằng bé rồi, tui chỉ rửa một lần này thôi, ai có vận nước ào ào đâu mà cô nói!

- Bà còn trả treo hả... bà dám trả thêm tiền nước không? Còn nữa, đã dặn trong nhà đừng có mang dép, thế mà bà vẫn mang là sao?

- Tui không quen chịu lạnh cái chân, đôi dép này là dép nỉ chỉ mang trong nhà, đâu có sợ dơ mà cô la!

- Sao bà hay cãi quá vậy... tui không muốn dép của bà cào hư sàn gỗ của tui, rồi ai đền? Ai đền hả!

- Trời, cô nói kỳ quá... cào sàn hư là tại mấy đôi giày cao gót nhọn hoắt của cô đó... tui mang dép vải sao hư sàn nhà được...

- Bà im cái mồm được không! Già mà ngu! Nhà tui thì tui có quyền đi chứ!

Đó, cách nói của cô chủ với người đối diện... Cô chỉ còn chửi bà là già cho xong! Lúc đầu bà Nhu cũng tức, nhưng rồi khi nghĩ lại, bà hết tức... Già thì chấp nhận già, thế thôi... Thành thử hai bên đều thấy đối phương có lý, nhưng họ vẫn tranh chấp, đôi co...

Cô chủ đi rồi, YoYo cũng lăn ra ngủ. Ngồi không, bà Nhu cảm thấy bức, bức ông chồng, bức cô chủ, giận đời vì bà không có được cuộc sống vương giả như những người bạn... Lẽ ra bà nên mở TV đài “Món Ăn” mà coi thì hơn, lại ngồi nghĩ quần.

Có tiếng chuông cửa, ai mà tới giờ này?

- Ông hỏi ai?

- Chào chị... tôi là ba của bé YoYo, cho tôi vào thăm con được không ạ?

Nhìn anh chàng trẻ tuổi đứng bên ngoài, anh ta cũng khá dễ thương và lễ phép, bà Nhu mở rộng cánh cửa.

Từng nghe bà chủ chê bai, hờn oán anh chồng, bây giờ bà Nhu mới được diện kiến. Khác hẳn với cô vợ, anh chồng rất dễ thương, ăn nói mềm mỏng, có thừa có gởi, cho dù bà Nhu chỉ là một người giữ trẻ, nhưng thái độ của anh ta lúc nào cũng lịch sự, không tỏ vẻ phách lối.

Bà Nhu tự nhiên thấy có cảm tình với anh chồng, nhất là lúc anh ta chơi với bé YoYo. Hai cha con họ thật là hạnh phúc.

- Nghe nói chú mới làm đám cưới?

- Phải, hôm nay mới có thì giờ nghỉ ngơi... Tôi sẽ đi Hawaii chiều nay, muốn đưa bé YoYo đi cùng, nhưng cô ấy không cho...

- Sao lại không cho?

- Cô ấy nói là tôi không biết giữ trẻ con... nếu có người giữ trẻ thì mới cho đi, nhưng người ấy không phải là vợ mới cưới của tôi.

- Vậy thì tui giữ cho...

Anh chồng trở mặt nhìn bà Nhu, rồi hỏi:

- Dì đi được hả? Chắc không?

- Sao không, tui đi liền bây giờ... nếu chú mua vé thì tui sẽ đi theo giữ bé YoYo giùm cho...

- Vậy được, để tôi đặt thêm vé máy bay cho dì và YoYo.

Loay hoay với máy computer một lát, anh hân hoan đứng lên:

- Xong rồi, máy bay vẫn còn trống chỗ nhưng vé khá cao. Vậy dì sửa soạn quần áo và đồ ăn cho bé YoYo nhé, mình sẽ đi sớm vì từ đây tới phi trường hơn hai tiếng.

- Có báo cho cô chủ biết không?

- Nói thiệt với dì hồi xưa còn ở với cô, có bao giờ cô nói cho tôi biết sẽ làm gì, đi đâu... giờ tôi cũng làm lại một lần cho cô có cảm giác!!!

## THƯƠNG QUÁ TRỜI THƯƠNG ƠI

*Thương quá trời thương em chân đất  
Gánh nước nuôi chồng thất thế nhân  
Hong ân nặng nghĩa tin yêu thật  
Mắt Phật tay tiên duyên hồng trần*

*Thương quá trời thương em hy sinh  
Đắng cay đời lạnh đau riêng mình  
Cơm ngon canh ngọt chồng con ấm  
Kính kê phấn son trắng non nhen*

*Thương quá trời thương em thơ mộng  
Đơn sơ hiền dịu đồng điệu đàn  
Cò bay chim đậu hoàng hôn bóng  
Tầm xuân hương mới mở ngai vàng*

*Thương quá trời thương em chung tình  
Mặc ong cung thỉnh bướm quỳ xin  
Đường ngay lối thẳng anh hoa hẹn  
Trong ấm ngoài êm ai bằng mình...*

### Luân Tâm

Đang bực lung tung, nghe anh chồng nói vậy bà Nhu ok ngay. Bà lấy cái xách tay nhỏ đựng quần áo và hai chai sữa, cùng mấy gói “cereal” cho YoYo, còn bà thì không cần, ra tới đó bà sẽ mua vài bộ cũng được.

Ngày xưa người ta nói tiền bạc thì phải dính theo người. Bà Nhu có ít tiền, không chịu đi gởi trong hộp nhà băng, mà lúc nào cũng kê kê bên mình. Ông Bút biết bà có

tiền riêng, đã nhiều lần cảnh cáo nhưng bà đầu có nghe. Ông hăm dọa:

- Coi chừng có ngày mấy thằng ăn cướp mà nó biết được, thì chúng nó sẽ giật lấy hết, có khi còn nguy hiểm đến tánh mạng!!!

Bà suy nghĩ khi nghe ông nói vậy, nhưng rồi bà kết luận:

- Không mang theo tiền trong người, để ở nhà thì ông chồng mình lấy cũng mất, lại còn bị tra vấn “tiền đâu mà có” nghe càng mệt hơn... Thà ăn cướp lấy được chửi đỡ tức hơn người thân lấy!

Nay thì bà thấy tiện, vì không cần phải về nhà chỉ cho mệt.

Từ lâu rồi, bà ao ước được đi Hawaii một chuyến cho biết, như mấy bà bạn rùng rĩnh tiền của thường hay du lịch đây đó rồi về khoe um lên. Bà thấy số họ sao sướng quá, chồng yêu chiều, đưa đi chơi biết được nhiều nơi... Cứ mỗi lần nghe bà than thân trách phận thua kém chị em, ông Bút lại hay bĩu môi dài cả thước!

Ông Bút chẳng những ít tiền, mà lại còn cái tính cù lần không thích đi đâu, cứ ru rú ở nhà, chán chết! Bà Nhu hăm nếu bà trúng số, thì bà sẽ cho ông ở trong căn nhà bạc triệu mà trồng rau, còn bà thì sẽ đi du lịch khắp nơi trên thế giới cho mở mang kiến thức.

Giờ đây đi du lịch lần này, bà cảm thấy vui vì đã mang lại cho cha con YoYo niềm vui hạnh phúc bên nhau. “Cho mẹ nó một phen hoảng hồn”!

Ra tới Hawaii lần đầu tiên, bà được ở riêng một phòng trong khách sạn năm sao sát bờ biển với thằng bé. Trời ơi là vật gì cũng sang trọng... Phen này khi về, nghe bà kể chuyện, mấy bà kia sẽ lác mắt.

Hàng ngày thức dậy sớm, bà hay ẵm thằng YoYo xuống sảnh ăn sáng. Dù các món hấp dẫn, tươi ngon sạch sẽ... Ai cũng nghĩ bà là bà ngoại hay bà nội của YoYo, có người còn tưởng nó là con bà, làm bà cảm thấy mình trẻ trung và vui quá xá.

Ăn xong hai bà cháu đi ra biển, ngồi dưới một cây dù, thằng bé no sữa chơi một tý là lim dim ngủ, bà thả hồn mơ mộng bên tiếng sóng rạt rào của biển khơi, thấy lòng êm dịu... Khung cảnh hữu tình như thế này mà ông già nhà mình không thích đi, thì cù lần biết chừng nào!

Cô vợ mới của bố YoYo rất là tế nhị. Lâu lâu cô chơi với bé YoYo một chút, nói năng dịu hiền... không như bà chẳng lửa má YoYo. Đi đâu về cô cũng hay mua cho bà Nhu một món quà nhỏ. Nhìn họ, bà lẩm bẩm:

- Bố YoYo thật là có phước, đã kịp thời bỏ bà chẳng để lấy một nàng tiên...

Qua ngày thứ ba, họ tham gia một cuộc làm phước thiện, đó là gia nhập một nhóm người Việt tình cờ gặp ngoài biển, cùng đi giúp người vô gia cư.

Nhóm này cho biết họ đi làm việc này cũng lâu rồi, nhưng nhiều nơi khác nhau. Mục đích là vừa đi chơi, vừa làm một điều gì đó tốt đẹp cho xã hội. Dĩ nhiên là họ khoảng tuổi trung niên và cao niên.

Bà Nhu đeo cu YoYo sau lưng, cùng bước theo nhóm người đi phát những vật dụng cần thiết cho người lang thang, nghèo khó. Đâu đâu cũng có những người này.

Buổi trưa, họ chia nhau những ổ bánh mì thịt, chai nước lọc... để rồi sau đó lại tiếp tục hành trình. Đến ba giờ chiều coi như công việc hoàn thành, họ hẹn gặp lại nhau

lần tới ở một nơi chưa biết trước được, bằng những số phôn đã trao đổi.

Những ngày còn lại bà Nhu theo hai vợ chồng trẻ đi tour. Những tour ngắn hạn một ngày thật là tiện lợi. Họ đến những nơi có vườn trái cây nhìn háo hức. Những trái xoài treo lủng lẳng ngay trước mắt, những buồng chuối sứ mập mập, những trái chôm chôm, sầu riêng, mận chín hồng... muốn ăn bao nhiêu cũng được free, chỉ tính tiền khi mua đem về.

Trước đây, bà Nhu chỉ biết Hawaii qua tài liệu sách báo, phim ảnh. Nay đặt chân đến Hawaii mới biết sơ là Hawaii có 8 đảo lớn và trên 124 đảo nhỏ, rải rác ra như một chuỗi ngọc trai (pearl) dài trên 1,500 miles. Trong số 8 đảo chính: Oahu, Maui, Hawaii (còn gọi là Big Island), Kauai, Molokai, Lanai, Kahoolawe không có người ở, và Niihau do tư nhân làm chủ.

Xuống phi trường Honolulu, thủ phủ của Hawaii và cũng là trung tâm chính của đảo Oahu, ai cũng phải công nhận đây là nơi tiếp đón hành khách “đến” một cách rất thân thiện, niềm nở hơn bất kỳ phi trường nào.

Chỗ thuê xe và hầu hết các dịch vụ services đều có thái độ vui vẻ, nên dù bị móc hầu bao ở “thiên đường hạ giới” này, ai nấy đều chấp nhận, cảm thấy OK.

Theo bản đồ, họ lái xe đến Chinatown tìm một nhà hàng Việt mà ăn uống cho lại sức, rồi sau đó mới lấy phòng khách sạn, thăm biển, tìm mua trái cây vùng nhiệt đới, vì ra đây là phải ăn cho đỡ thèm trái cây Việt Nam.

Nghe thiên hạ nói ở đây thì tha hồ ăn mít, vú sữa, xoài, măng cụt, sầu riêng, sapochê, đu đủ, ổi, măng cầu xiêm, măng

cầu dai... nghĩa là y như bên Việt Nam, nên bà Nhu và cô vợ mới của bố YoYo rất là háo hức.

Từ phi trường thẳng ra xa lộ 1, vào exit Liliha quẹo phải, gần tới đường King là gặp Chinatown.

Nhà hàng Việt ở đây nhỏ thôi, nhưng đa số chủ quán và nhân viên đều thân thiện, niềm nở. Họ sẵn sàng hướng dẫn đường đi nước bước, dặn dò kỹ lưỡng.

Chinatown nơi đây đã hình thành từ thế kỷ 17 (1800) khi những người Hoa đầu tiên di dân đến để làm phu lao động cho các đồn điền mía, và họ đã lập ra phố Tàu này trên khu đất rộng 25 mẫu ở góc đường River & Beretania.

Cho đến ngày nay, họ vẫn giữ gìn ngôn ngữ, sắc thái, sinh hoạt buôn bán truyền thống qua kiểu kiến trúc Trung Hoa, như những khu phố Tàu ta thường thấy khắp nơi trên thế giới.

Kế bên Chinatown là khu thương mại và nhà bưu điện. Trên đường King có khá nhiều công trình kiến trúc như viện bảo tàng, cung điện Iolani với đền thờ, tượng vua Kamehameha I, người đã dời đô ra Waikiki, nhà thờ Mission House Museum và Tòa Án.

Chinatown nằm giữa đường King & Nimitz Hwy chạy dọc theo bờ biển Honolulu nên sau khi ăn uống, đi chợ mua trái cây xong, thì cứ lái xe tà tà theo Nimitz Hwy đổi thành Ala Moana Blvd rồi cứ cặp theo bờ biển Waikiki mà tới khu khách sạn nằm trên đường Kalakaua, giữa bãi biển Waikiki và Kuhio, cũng gần kênh Ala Wai.

Thấm thoát thế mà thời gian trôi thật nhanh. Mãi ngắm cảnh, đi chơi những nơi đầy thú vị, bà Nhu quên mất đã đến ngày về.

Tối nay bà giật mình khi nghĩ ngày mai mình sẽ đối diện thực tại... Bà không biết khuôn mặt và thái độ của ông Bút sẽ ra sao khi thấy mình lù lù trở về! Bà đi kiếm anh chồng hội ý:

- Mai về mình phải làm sao?
- Đâu có sao... hồi giữa tuần tôi có gọi cho cô ấy biết rồi... không sao hết...
- Ủa, chú gọi rồi! Sao không nói cho tui biết?
- Nói làm chi. Chỉ cần “sư tử Hà Đông” biết là đủ.
- Chắc cô ấy cần nhẫn dữ lắm?
- Thì tự nói tự nghe chứ sao...
- Vậy mà mấy hôm nay tui cũng lo cho chú...

- Di lo xa làm gì cho mất công, bà đâu phải vợ tôi nữa mà có quyền “xi vả” tôi như hồi trước!

Nghe anh chồng nói, bà Nhu cũng nghĩ vậy... Thôi thì cứ đi ngủ, chuyện gì mai tính sau.

Khi bỗng cu YoYo đứng trước cửa, bà Nhu hơi tần ngần lúc đưa tay bấm chuông. Anh chồng đã khôn ngoan không vào, mà thả cho hai bác cháu xuống trước nhà rồi chạy luôn! Chắc anh ta có quá nhiều kinh nghiệm trong việc này.

Bà tuy không ngăn cô chủ, vì nếu cô có to mồm thì bà sẽ đổ tội cho anh chồng, nhưng bà vẫn thấy ngại sao ấy.

Trong lúc bà đang ngần ngừ, thì cánh cửa bật mở. Ông Bút xuất hiện ngay trước mặt làm bà ngạc nhiên quá đỗi!

- Ủa, sao ông ở đây?
- Tui đi đón bà chứ sao... Thôi đưa cháu cho cô rồi còn về kéo trẻ, tui đợi bà lâu lắm rồi đó!

- Rồi... YoYo đây cô... thằng bé đi chơi với ba nó thích lắm...

Cô chủ đưa tay đón con mà không nói một câu. Chuyện này hơi lạ. Thấy cô ôm hôn thằng nhỏ thăm thiết, bà và chồng vội từ giã ra về... Trên xe bà đợi ông lên tiếng cần nhẫn, nhưng ông chẳng nói gì làm bà sốt ruột:

- Ông muốn chửi thì làm mau cho rồi, đợi một quá!

Ông lườm bà một phát hơi tình tứ, rồi mở miệng:

- Tui cảm ơn bà.
- Sao vậy? Chuyện lạ à nghe!
- Nhớ bà đi vắng mà tui nghĩ lại mới thấy lo lắng, nhớ và thương bà...

Nghe ông nói, bà tưởng ông giỡn, nhưng khi nhìn kỹ mặt ông, bà thấy ánh mắt ông hiện lên sự chân thành... Bà Nhu thở phào nhẹ nhõm... Bà đang nghĩ đến những chuyến đi “bất ngờ” trong tương lai, và mỉm cười thú vị...



Diễm Châu

## CHIỀU TÀN ĐÔNG

*Ngoài hiên tuyết phủ mênh mông.  
Bếp hồng rực lửa ấm nồng hương xưa.  
Cùng ai đã trọn giấc mơ  
Mơ man làn tóc ngậy thơ ngày nào.  
Đường như tuyết lạnh đón chào?  
Em ơi hãy khẽ nép vào lòng anh!*

*Dấu chân kỷ niệm xóa nhanh.  
Tuyết rơi phủ kín lối anh bên nàng.  
Thu qua, đông lạnh, rồi tàn.  
Nụ hôn thầm kín vội vàng trao nhau.  
Ngỡ là một giấc chiêm bao  
Theo anh em nhẹ bước vào thiên thai.*

*Kiếp này mãi mãi không phai  
Kiếp sau xin nguyện cùng ai chung đường.  
Thiên thu, vạn kiếp vô lường  
Mong em chia sẻ một đường cùng ta.*

*MinhChâu, VA*



## POUR TOI, MON AMOUR

*Chérie, demanderas-tu un jour  
Ce qui est arrivé à notre amour?  
Je te dirai doucement  
Qu'on a été bien heureux jusqu'à  
Maint'nant*

*Chérie, demanderas-tu un jour  
Que deviendra notre amour?  
Je te dirai doucement  
Qu'il durera jusqu'à c' moment  
Présent*

*Quoi, tu pleures déjà?  
- Ne t'en fais pas!  
Pour l'éternité notre amour vivra.*

*MinhChâu, VA*

# CHUYẾN ĐI NAM MỸ BRAZIL, ARGENTINA, VÀ CHILE

\*

Quốc Thái Đình Hùng Cường February 6, 2016

Trong quan niệm là - Không thể sống cho qua ngày, chờ cho qua đời - tôi đã theo bằng hữu đi chơi liên miên, và như thế tôi nghĩ rằng, viết và nói ra đây, chỉ là những lời nhảm chán. Nhưng rồi tôi cũng phải viết, vì có những cái bất ưng tức cười lẫn hiểm nguy mà chúng tôi muốn mời quý vị nghe, chung cuộc không có chuyến đi chơi nào giống chuyến nào.

Mỗi nơi mỗi vẻ. Chuyến đi của chúng tôi bắt đầu, khi sai một ly, đi nhiều dặm. Toán tám người, sau khi chuyển tàu từ Houston, bay 9 tiếng đồng hồ đến Rio De Janeiro, thủ đô của Brazil (Ba Tây). Trong chương trình, Hotel sẽ cho xe ra đón. Chúng tôi chờ dài cả cổ từ 2 đến 4 giờ chiều, chả có xe ma nào đón, lý do máy bay đã đến trễ, vì từ sân bay Houston, nó không được cất cánh, phải trở lại parking để kiểm soát trước khi trở lại phi đạo. Và khi xe bus của hotel ra phi trường theo giờ hẹn, không thấy tàu bay, không thấy người, thế là nó trở về xe



không, cho leo cây cả đám. Từng cặp, từng cặp, chúng tôi phải lấy taxi, và phải mặc cả, vì không ai có tiền Brazil. Ở Nam Mỹ, ở Âu Châu, hay bất cứ ở đâu, đồng tiền xanh của Mỹ cũng đều được ra chuông, tiêu pha thoải mái, đưa đô la, là được thối lại đô la. Thủ đô Brazil nằm bên bờ biển, đẹp khỏi chê, thành phố như đang đổi mới để chào đón thể vận hội 2016

(Olympic), sẽ mở tại đây cuối năm nay. Cái lạ là thời tiết ở Brazil lại nghịch với ta, chúng ta ở Mỹ đang mùa đông, thì họ là mùa hè nóng nực. Rũ áo lạnh, cởi áo “coat”, bỏ mấy lớp ở trong người, chúng tôi mặc đồ mùa hè thoải mái đi phố. Chỉ 12 giờ bay từ D.C, chúng tôi đã từ một nơi băng tuyết, đến một miền xanh tươi nắng ấm, một cảnh thanh bình đập ngay trước mắt, một cặp tài tử da đen đang biểu diễn “Tango” điêu luyện ngoài phố, du khách xúm đông xúm đỏ, tôi gần gần thì mới vỡ lẽ ra anh vũ công nhảy một mình, cái người con gái anh đang ôm, dìu

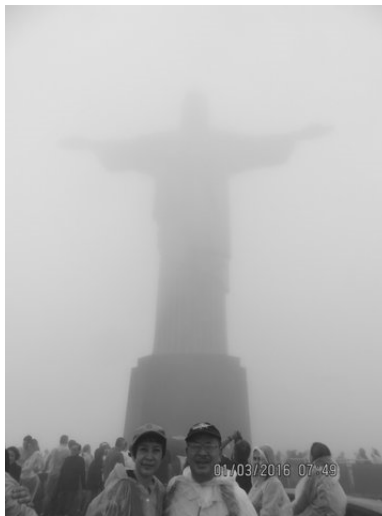
đặt là lướt theo tiếng đàn chỉ là một hình nộm. Làm sao họ lại có thể nhảy ăn khớp, nhịp nhàng đến thế, thì ra chiếc giày của anh gắn chung với chiếc giày của cô gái, anh lùi thì hình nộm tiến, hai chiếc chân vị tự nhịp nhàng sống động tiến lui theo điệu nhảy “Tango”.

Ăn thực là điều cần thiết, cho dù dĩ thực vi tiên, nhưng chúng tôi không vội, vì chị Chi Lan, người trưởng đoàn đã tìm thấy một tiệm ăn ngon trên “internet”, cả bọn phải chịu khó đi lòng hoi thăm cho ra cái địa chỉ để đến ăn. Xứ Ba Tây nổi danh về thịt bò, chúng tôi đã vô một tiệm ăn toàn thịt bò, đông ơi là đông, vì hình như du khách ai cũng biết, chúng tôi phải xếp hàng cả tiếng, và thịt bò của họ quả thật là ngon. Minh có bò 7 món, người Ba Tây có bò 17 món, ăn chết bò, món này lại đến món kia, thịt bò từng xâu, toàn là thịt nướng, đủ tên, đủ kiểu, từ bí tét, đến sườn bò v.v... Ngon miệng, chả ai kiêng khem gì cả, cứ ăn cho lòi phèo rồi tính, trong đoàn có văn hữu Nguyễn Đức Nam, lúc nào cũng bô bô phải ăn kiêng, ăn ít, thế nhưng khi ra cửa, thì bụng của văn hữu vượt ngực đi phía trước. Văn hữu đã ăn nhiều hơn cả những người không kiêng khem. Đây cũng là điều cần nhấn mạnh, là đi chơi, đi với đồng tiền. Chơi nhiều mà tiền ít, có nghĩa là bình dân đại chúng, ai cũng chơi được, ai cũng ăn được, chỉ khác

là có muốn chơi hay muốn ăn không, một bữa ăn như thế, cả rượu, cả tráng miệng, và cũng cả tiền tip, tip sộp (20%), thế mà một người, chưa tốn đến năm mươi đô la. Điển hình là nhà văn nghèo Nguyễn Đức Nam chỉ ăn rồi đi đánh “Golf” mà cũng đi chơi đều đều.

Ngày hôm sau, một chiếc xe van đã đến đón cả đoàn, chị Chi Lan đã khôn ngoan, cho đến Ba Tây trước hai ngày, ở hotel, và đi chơi thủ đô Rio De Janeiro trước khi “boarding” lên tàu đi “Cruise”. Xe chạy trên phố phường đông đúc, kiến trúc rất đẹp không thua gì những thành phố lớn bên Âu Châu. Có điều lạ là dân Ba Tây (Brazil) không nói tiếng “Xi” (Spanish Speaking) như hầu hết dân Châu Mỹ La Tinh, mà họ nói tiếng Bồ Đào Nha (Portuguese) và cũng lạ hơn nữa, người Brazil không nói tiếng Anh, và hầu hết cửa hàng, bảng hiệu, tên phố tên đường đều không có tiếng Mỹ, Họ chê Mỹ, nhưng lại không chê tiền Mỹ, US dollars tiêu xài thoải mái, chả phải đổi điếc chi cả.

Chiếc xe ven (Van) dờn thành phố, bắt đầu đi lên núi dưới cơn mưa tầm tã, vì là du khách, dù trời mưa chúng tôi cũng phải đến viếng thăm tượng chúa Jesus, nếu không biết bao giờ có dịp trở lại, trời mưa thì mặc trời mưa, chúng tôi đều trang bị áo mưa đã chiến lên đường. Người đâu mà đông thế!, mưa to gió lớn,



mà người ta cũng xếp hàng chật cứng. Bước xuống xe, Trâm và tôi vừa để ý tránh một vũng bùn, ngừng lên là không thấy ai hết, Chiếc xe đã dời chỗ, và người “tour guide” dắt các bạn tôi đi đâu mất hết, thế là hai vợ chồng hoảng hốt, hè nhau, chen đám đông, chạy lên phía trước, ra đến bến xe lên núi, cũng không thấy ai cả. Trâm bàn là nên quay trở lại, vì họ không thể đi nhanh thế được. Trâm đã đúng, rõ ràng các bạn tôi vẫn chờ ở điểm xuất phát, tôi vỡ lẽ là ngay chỗ xuống xe có cái nhà cầu, đằng ta túa vô hết, và vì thế, chỉ trong tích tắc tôi đã lạc họ.



Đường lên thăm Chúa ngàn trùng xa xôi, từ đầu núi, chúng tôi chuyển sang xe đồ của chính phủ, những tài xế với tay lái vững vàng chạy đường núi, có những khúc quanh, tim tôi như đứng lại vì những chiếc xe xuống núi, nó chạy nhanh như muốn đâm xầm vào xe chúng tôi. Xe con thoi hai chiều tấp nập, bất chấp mưa bão cứ vun vút qua mặt nhau. Hành khách cứ hú hồn rợn tóc gáy. Đến đỉnh núi chưa phải là đến, phải trình vé vô cửa một lần nữa, rồi mới được leo lên thang máy, ở

thang máy bước ra, lại phải leo thêm ba bốn chục bậc đá mới tới chân Chúa Jesus. Thất vọng chán chề, đi đứng khổ cực thế, mà cũng chỉ thấy cái bệ của chúa đứng, chưa thấy được cái chân của Chúa, lý do trời vẫn vũ, khi mưa, khi tạnh, sương mù giăng giăng trên đỉnh núi, và hình Chúa cũng mờ mờ ảo ảo, khi ẩn, khi, ít khi thấy rõ, dù chỉ là một phần của bức tượng Chúa. Những loại áo mưa rẻ tiền, mặc một lúc là rách, cho dù có áo nhưng chúng tôi cũng đều bị ướt. Người “Tour Guide” đề nghị, ngày mai quá trưa quý vị mới “Boarding” chỉ bằng chúng ta đi thêm ½ ngày tour nữa, chúng tôi sẽ đưa quý vị sang ngọn núi bên cạnh, không được dưới chân Chúa, nhưng có thể nhìn rõ hơn. 9 giờ sáng hôm sau, chúng tôi đã chất hết hành lý, dời hotel và đi trở lại lên núi, Lần này người đông gấp đôi, gấp ba ngày hôm qua, lý do là con đường thứ hai để lên núi đã bị cây đổ đêm qua, và tắc nghẽn. Chỉ còn một con đường cho lưu lượng tất cả xe cộ lên xuống, nên rất đông, và khó đi. Đến được đỉnh núi thứ hai, nơi có bãi trực thăng, và rất gần tượng Chúa, nhưng vì có lẽ đoàn người này không có duyên, nên Chúa cũng không cho gặp. Lý do Tượng Chúa cao tới trời, nên mây trắng cứ thi nhau bay ngang mà quán lấy. Trời xanh, mây trắng, nắng đẹp, nhưng vẫn không thấy mặt Đức Chúa, toàn thân người chỉ mờ ảo trong mây. Thái Phạm có thừa kiên nhẫn ngồi rình cho mây ngừng trôi để chụp hình, nhưng vô ích. Mây không nhiều lời, nhưng cứ bảo nhau, trôi đều đặn, hết đám này đến đám khác. Và đây là vấn nạn mà

Thái không thể chờ thêm. Lý do đường kẹt, và các bà có vấn đề. Người “Tour Guide” hứa là lên núi sẽ có, khi đến nơi, cảnh sát nói nhà cầu bị nghẹt, đóng cửa. Thế là đám đàn ông thì nhau chui vào bụi, và đàn bà thì chỉ biết nhịn, và nín tè. Giữa đường bà vợ tôi là người chịu nhịn dờ, nhất định nói tôi phải là tôi phải. Thế là người “Tour Guide” đồng ý phải xuống núi cho vợ tôi xếp hàng, chiếc xe cố neo chờ, vô ích, không đợi được. Cảnh Sát đã đuổi đi vì kẹt đường. Tôi và Thái, với vàng nhảy xuống giúp Trâm. Nhà cầu đàn ông thì vắng hoe, mà bên đàn bà thì xếp hàng vòng trong vòng ngoài. Tôi nhảy ra kêu Trâm vô đại, tôi gác cửa, T. nhất định không chịu, cứ đứng đợi, đến khi anh Thái nhảy lên, Thái đứng trước cửa nhà cầu đàn ông, hành động như người địa phương, đang điều hành ông việc vệ sinh thành phố, Thái chỉ định bà “xì” này vô, bà “xì” kia ra, khi thấy Thái cho hai ba bà xì vô nhà cầu, Trâm mới ù té chạy theo. Nhờ Thái lanh lẹ cứu bồ, nhưng không kịp. Xe đã bị đuổi đi, người “Tour guide” cũng lạc. Thái mở phone đổi sang “Roam” kêu đủ người, không ai nhấc máy. Bạn Thái muốn giúp vợ chồng chúng tôi mà mang họa. Loay hoay tìm người dẫn đường, cũng không thấy, cả 3 quyết định xuống núi. Chúng tôi đi bộ nhanh hơn xe chạy. Con đường dài nhưng hẹp, xe chạy hai chiều, chen nhau bóp kèn, chưa hết, bọn xe gắn máy cứ lượn lách như đèn cù. Đường nguy hiểm thế, chỉ có 3 chúng tôi đi bộ, vừa tránh xe, vừa dáo dác kiếm xe, tìm người “Tour guide”. Đường rừng, không có vỉa hè, đi

bên lề đường thì vướng gai, vướng bụi, đi trên đường thì sợ xe cán, tôi phải dắt Trâm đi trên những cục đá hai bên bờ, nó nguy hiểm tới mức, nếu bước hụt sẽ ngã xuống hố, mà nghiêng mặt ra ngoài hơi nhiều là có thể bị kính chiếu hậu bên cạnh của xe chạy tới va vào mặt. Nhiều lúc chúng tôi chỉ cách cái xe dưới đường đang chạy có 2 hay 3 “Inches”, trượt chân xuống là nó cán liền. Ba người chúng tôi đánh đu với hiểm nguy trên đường như thế cả ½ tiếng đồng hồ. May thay chiếc xe đi tới, chúng tôi vừa nhận ra nó, thì người tài xế cũng bóp còi inh ỏi. Chiếc xe phải đi xuống tới đáy núi, rồi mới đi ngược lên tìm chúng tôi, vì không có chỗ quay đầu. Trên xe 3 chị bạn vợ tôi vẫn nín tè chịu trận, chúng tôi lại phải tiếp tục hành trình chạy xe từng bước, từng bước lên núi, đi tìm người dẫn đường, may thay, chúng tôi đã thấy anh ta, và cũng chỉ còn đủ thì giờ chạy ra bến tàu, cả một nửa ngày đánh vật, chỉ vì cái cầu bị hư, và một chuyện đi tè. Cho hay chỉ có nước Mỹ là quan tâm tới con người, còn ngoài ra các nước khác, thì sống chết mặc bay. Một địa điểm du lịch to lớn, một số lượng du khách đông đảo, mà cảnh sát không có biện pháp chớ cầu đã chiến cho dưng. Mà chỉ đơn thuần để bảng “Cầu Hư”. Trời mùa hè Ba Tây, nóng cả 100 độ F. Nước Ba Tây đang kiên thiết để đón Thế Vận Hội (Olympic 2016), họ cấm đường cản lối, những người lên tàu, phải xếp hàng dài dằng dặc trên vỉa hè bốc khói. Vật lộn, dành dật luộm thuộm để làm thủ tục, và rồi vợ chồng tôi được ra tàu sớm, tôi ngồi đợi bạn, thấy gần đủ mặt, chỉ thiếu

anh chị Thái Hằng. Đợi hoài, đợi mãi, gần tàn cuộc, không thấy Thái, tôi rất ái ngại phải lên tàu bỏ bạn, và tôi cũng nghiệm ra cái văn hoá của mình là một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ đã không còn nữa. Ở đây, có con ngựa đau là Thái, mà không ai bỏ ăn cỏ. Tất cả bước đi, để vợ chồng Thái sau lưng. Tôi gọi phòng Thái cầm chừng, hy vọng bạn ta không bị bỏ lại. May thay lúc 6 giờ chiều, Tàu gần nhổ neo, thì Thái bốc “phone”. Mừng quá, bạn đã lên tàu. Có gì trục trặc, mà nó giữ bạn lâu vậy? Thái bảo là quên không in cái “copy” trả tiền visa nhập cảnh cho Nước Argentina, Thái tưởng trả tiền là đủ, không ngờ nó đòi “copy”. May Thái nhớ “password” mà in lại được. Tôi thầm cảm ơn Trời, không phụ những người có lòng hay giúp bạn như Thái.

Tiếng còi tàu hụ lên từng hồi, báo hiệu nó nhổ neo. Thủy thủ cho còi giã và con tàu rời cảng ra khơi, hành khách túa lên “deck” chụp hình, quay phim, và ngắm cảnh, đúng lúc tôi đứng nhìn Rio De Janeiro, thủ đô của Brazil lần chót, thì bên rặng núi cao, ông chúa Jesus hiện ra hiên từ, ngài dang hai tay chào đón chúng tôi. Trời quang mây tạnh, ông uy nghi sừng sững trước biển cả bao la, không có đám mây nào che phủ. Tôi vừa cúi đầu chào ngài tạm biệt, quay ra thì gặp lối nhỏ một số anh chị em phe ta, những người này đã mua vé riêng, và đi trước chúng tôi một ngày, thế là trên đoạn đường dài chúng tôi có thêm 11 người, bạn bè tổng cộng lên tới 19 mít, không kể một số đồng hương từ Houston, Cali, Canada mà chúng tôi không quen. Tàu xuôi giòng

trên biển Đại Tây Dương (ĐTD), dọc theo nước Argentina.

Nước biển xanh đen, chứng tỏ biển sâu lắm, tàu trôi êm ả, ba ngày là tới thủ Đô của nước Argentina (Á Căn Đình), Buenos Aresthủ đô, nơi có điệu nhảy Tango đặc biệt. Chị trưởng toán đã ‘đặt vé trước’, chúng tôi hăm háu lên bờ. Nhóm của anh chị Dương Đức Trường 11 người cũng đặt vé trước, tư tưởng lớn, không hẹn mà gặp. 19 người chúng tôi, và một rừng người ngoại quốc, đứng đợi xe đến đón, xe van đến, xe van đi, xe đồ đến, xe đồ đi, gần 9 giờ tối đoàn của tôi và của Dương Đức Trường vẫn trơ thổ địa, đợi hoài đợi mãi, chẳng thấy xe đâu. Bỗng đoàn người còn lại mừng rỡ vì một chiếc xe bus không lồ trở tới, nó hốt hết những người khách còn lại, và buồn thay, tài xế từ chối không cho chúng tôi lên, vì không có tên trong danh sách “Reservation”. Trâm, vợ tôi có cơ hội thi thố tài năng nói tiếng Tây Ban Nha, vì trước đó khi ở Brazil, người ta nói tiếng Bồ Đào Nha, Trâm đã không hiểu nhiều. Nhưng bây giờ cho dù có nói trôi chảy tiếng Xi, Trâm cũng không thuyết phục được anh tài xế, vì cả đoàn không có tên, nhưng anh ta rất tử tế, gọi về nhà hàng, và sau đó nói với Trâm là chịu khó đi Taxi, chỉ mười đồng thôi, và nhà hàng vẫn còn chỗ. Vấn đề trở nên nhiều khê, nhiều người không muốn đi nữa. Chúng tôi đành vẫy tay, tạ từ chào bạn trên xe, và lui thủi trở lui trước con mắt ái ngại của 11 bằng hữu. Không khí u tịch, vừa trễ vì trên 9 giờ tối rồi, vừa đói, vừa mỏi chân vì đứng đợi cả giờ. Đoàn quân thất bại, trở lui về

tàu đi tìm đồ ăn. Thê lương quá, và dễ phá tan cái bầu không khí ủ dột như những người bị mất cửa, tôi bèn cất tiếng hát vang như bò rống để chọc mọi người: "Don't Cry For Me Argentina!".

- Rồi cũng qua đi, hôm sau chúng tôi được ăn hàm thụ về bữa tiệc ngon, và xem trong tường tượng những bước nhảy "Tango" tân kỳ qua sự tả chân của Dương Đức Trường, Trường là một "Computer man", một tay chơi hào sảng, và một tay đàn trứ danh, Trường thường đàn cho Khánh Ly hát năm xưa. Trường cũng là nhà hài hước hóm hỉnh. Có lần anh kể tôi câu chuyện làm tôi cười bò, anh có người bạn, cái gì cũng biết, và anh gọi anh bạn này là 9 biết. Tại sao vậy, tôi hỏi Trường là cái gì cũng biết là "Mr. Know All" rồi. Vậy là biết đủ 10, sao gọi 9. Trường chỉ cười và nói : "Bạn em có 9 cái biết, mà một điều 10 anh ta không biết đó là cái "Không Biết Điều".

- Hiện tại là chiếc tàu sẽ đi thêm hai ngày nữa để đến một hòn đảo lịch sử, đó là Falkland Island, nơi đây đã xảy ra cuộc chiến giữa Anh Quốc và Argentina, hai bên uýnh nhau chết bỏ vào năm 1982, Argentina chơi kiểu ta cạy gần nhà, đem quân chiếm ngang xương đảo Falkland của Anh, nơi có hơn ba ngàn dân sinh sống. Bà Margaret Thatcher thủ tướng Anh Quốc thời bấy giờ, đem quân uýnh bại Argentina, chiếm lại hòn đảo, và bây giờ nó vẫn thuộc Anh, nhưng nó có tiền tệ riêng. Đồng tiền của Falkland có giá trị tương đương với Bảng Anh. Chỉ một dúm người, nhưng nó sống như 1 quốc gia.

Con tàu bắt đầu lắc lư vì nó đang đi trên giữa hai biển, Đại Tây Dương, và Thái Bình Dương, hai giòng nước giao thoa đã làm con tàu chòng chành không ít. Trên tàu có đủ trò chơi cho hành khách, muốn gì có nấy, từ ăn uống, movies, TV, nghệ thuật, shows, cờ bạc..v.v. Trâm chọn học Tango Argentina, Tango nước này lạ kỳ, họ nhảy 8 bước, có khi biến chế thành 12, 16.. và đàn ông lại "depart" bằng chân phải, trong khi Tango Tây chỉ có 5 bước, và đàn ông "depart" bằng chân trái. Tôi nhảy Tango quen đi chân trái, bây giờ theo "Tango Argentina", tôi không nhớ, vẫn vung chân trái theo thói quen, thế là đá ngay vào chân vợ, nhiều lúc loạng quạng muốn đẩy vợ té xuống sàn. Trúc Mai thấy tội nghiệp, phải ra dắt tôi tập trước cho quen, trước khi đi lại Tango với vợ. Trúc Mai là thế hệ Trung Vương trẻ, cùng đi chơi chuyên này với Trung Vương Kiều Thu, Trúc Mai thích nghệ thuật, đã theo những lớp học chung, rồi còn trả tiền cho lớp học riêng, những lần học như vậy, anh Dụng chồng Trúc Mai đều đứng quay video làm tài liệu. Sau vài lần tập, tôi đã đi được chân phải thay vì đá chân trái. Cảm ơn Trúc Mai, và cũng phải nói tới Kiều Thu bạn chí thân của Trúc Mai, người bạn trẻ này sợ say sóng, cứ nằm ý ở phòng, bắt ông chồng là anh Hoà lo cơm, lo nước. Nói vậy, anh Hoà cũng chẳng cực bao nhiêu, cứ "order" đồ ăn là đã có người mang tới tận phòng. Những tay khác thì có thú vui đồ đen, ăn thua trên sòng bài là sướng nhất. Họ là những tay chơi rất sắc nước, Dám đánh

lớn lúc hên, và dám ngừng, nghi xả hơi khi vận đen tới. Chơi cờ bạc mà không cay cú. Biết vận mình, nên họ ít thua lắm. Cặp vợ chồng Nguyễn Đức Nam coi bộ vẫn còn yêu thương nhau tha thiết, lúc nào cũng thấy tay cầm tay dắt nhau trên boong tàu. Mỗi lần thấy tôi, Nam hỏi, vợ đâu? thì đều được câu trả lời của tôi là trong nhà cầu. Bởi vì vợ tôi cứ sợ mót tiêu mà không có nhà cầu, cho nên cứ đi một lúc, thấy nhà cầu là chui vô, bất kể có cần hay không. Do đấy Nam đã ứng khẩu trêu tôi là “Tìm em như thể tìm chim, Chim bay bể bắc, anh tìm cầu tiêu!”. Tôi quen Nam lâu lắm, từ năm 1975, nhưng có điều ở VN tôi bạn Nguyễn Quốc Hiệp (y sĩ Nhảy Dù), mà Hiệp lại bạn Nam, tôi lại không biết Nam, cũng như thời đi học Trần Lục, tôi bạn thân Trần Như Xuyên, và Xuyên lại là bạn thân của Mũi Quý Bồng, Tôi lại không biết Bồng, ngay cả lúc anh Bồng lên D.C. Nam dọn sạch sẽ nhà cửa, mời cả 100 bạn bè đón Bồng, và tặng Bồng những cuốn sách, văn hoá Việt, vì tài sản sách vở của Bồng đã bị bão Katrina cuốn đi mất sạch, tôi cũng không nhớ Bồng, và cũng không biết con người tài ba ấy là bạn học với mình. Tôi đem chuyện này nói với Nam là làm sao lại có chuyện kỳ cục, Nam chỉ cười và mượn câu thơ của nhà thơ Du Tử Lê, mà bạn Điền tôi gọi là “Con dê ở trong cái lu” với tôi: “Có những điều, ở chốn trần gian không thể hiểu”. Nhưng nếu tôi kể chuyện này ra thì ai cũng hiểu. Tôi biết Nguyễn Đức Nam là nhà văn trẻ rất có tiếng thời đi học. Sau này khi qua Mỹ, tôi cũng nheo viết lách, tự truyện cuốn

sách nhỏ “Tôi Là Lính”. Tôi muốn tìm cách đánh bóng mình, bèn nghĩ ra một mưu vật, cứ mỗi lần gặp Nam trong đám đông là tôi trang trọng:” Chào văn hữu Nguyễn Đức Nam”, vài lần như thế, Nam hiểu ngay tôi là kẻ muốn ăn gấp bỏ cho người, thế là con người thông minh ấy đã không ngần ngại trả lời:” Chào văn hữu Đinh Hùng Cường”. Nhờ Nam mà tôi đã nhẹ nhàng bước vào văn giới. Từ đấy mỗi lần chúng tôi gặp nhau thì hai câu chào cùng thoát ra một lúc “Chào Văn Hữu”. Đời tôi trở thành “Giàu vì vợ, sang nhờ bạn”.

Falkland Island, địa điểm lịch sử, nơi chúng tôi chờ đợi đã không đến được. Sóng nước đập dinh, cứ đẩy ra, đẩy vô, làm cho con tàu loay hoay nhưng không cập bến được. Mặc dù trước đó, trên tàu đã có buổi thuyết trình xôm tụ, về địa phương chí, về chiến tranh giữa Argentina và Anh Quốc, và những hình ảnh trên bờ, có cả bức tượng bà Thatcher. Nhưng rồi, thuyền trưởng cũng xin lỗi là không cập bến, con tàu to lớn cứ chòng chành như muốn đến, nhưng chẳng được. Một chuyện khẩn cấp xảy ra, đã cho chúng tôi thấy cách làm việc của người Tây Phương. Có một bệnh nhân trên tàu, không biết vì lý do đau yếu ra sao, cần đi nhà thương, lập tức thuyền trưởng liên lạc với cơ quan quân sự của đảo Falkland, nơi đây đã phái một chiếc trực thăng ra tàu chở bệnh nhân. Trong đêm tối hãi hùng, chiếc trực thăng đơn độc ra khơi, nó phải đáp xuống sàn tàu, nhưng không phải dễ, đáp trên con tàu chòng chành, dễ làm trực thăng mất thăng bằng mà lật, cánh quạt trực thăng sẽ phang vào thành



tàu, và tai nạn thảm khốc sẽ xảy ra không biết cho bao người. Để làm chuyện này, cho dù đã quá nửa đêm, thuyền trưởng cũng đánh thức cả tàu và thông báo, ông yêu cầu tất cả phải ở yên trong phòng, không được ra ngoài có thể bị nạn. Riêng từng lầu 12 nằm sát ngay dưới sân đáp trực thăng, tất cả hành khách khu đó phải xuống lầu 5, trong số đó vợ chồng văn hữu Nguyễn Đức Nam. Hai ông bà phải thức giấc nửa khuya, xuống lầu năm, uống cà phê chờ trực thăng bốc xong bệnh nhân mới được trở về phòng. Qua một chuyện nhỏ, ta thấy con người được quý trọng, bất kể ai, có chuyện là được giúp đỡ. Có trên một ngàn người trên tàu để phục dịch trên ba ngàn du khách. Đúng như lời người Mỹ nói “Không bỏ một ai”, và mỗi người đều được đáng kể” (No one left behind, and every one is matter!).

Qua ngày sau, chúng tôi đi qua “Cape Horn” nơi tận cùng phía nam của quả địa cầu. Qua đến địa điểm kế, cũng không khá hơn, sóng gió vẫn ào ạt trên boong, đợi đến trưa mà gió vẫn lên đến trên 60 miles/một giờ, nó thổi sóng biển nổi cồn

trắng xóa khắp nơi, thế là lại hủy bỏ, đi tới địa điểm kế. Suốt 5 ngày tù túng, lênh đênh trên biển, không được vào bờ, hành khách chán lắm, ông già bà cả, bôn chôn thờ dài thờ ngắn, chờ đợi tiếng nói uy quyền của ông thuyền trưởng người Ý Đại Lợi, ông nói tiếng Anh ngọng nghịu:

“ Cho tôi xin sự chú ý, đây là thuyền trưởng Ravera, nói từ đài chỉ huy trung ương, chúng tôi, rất thông cảm quý khách, chúng tôi quyết định để quý khách lên bờ, bằng cách hạ thủy những chiếc tàu con (Tenders) ở hai bên sườn để chở khách, sóng rất lớn, quý vị cần theo hướng dẫn của thủy thủ đoàn và cẩn thận khi xuống thuyền nhỏ, cũng phải rất cẩn thận khi lên bờ. Chiều nay 6 giờ Tàu sẽ ra khơi, xin quý vị trở lại tàu lúc 5 giờ, không được trễ hơn”. Vừa bảnh mắt, chưa 7 giờ sáng, trên phòng ăn tôi đã thấy phái đoàn 11 người của Dương Đức Trường nai nịt sẵn sàng. Tôi hỏi:

“Đi mô mà đi sớm dữ tề?” Trường đáp: “ Tụi em đã mua tua đi coi nhà ở của những con Penguins, đảo đó cách đây cả hai tiếng đồng hồ, phải lên tàu đi sớm”. Chúng tôi không đi coi Penguins, nên



chẳng vội gì, 10 giờ cả bọn xuống thuyền con vô bờ, và chỉ cách bờ chưa đầy cây số, mà cái tàu con cũng lòng vòng, không cập bến được, cứ rồ máy, rà tới chân cầu, chưa kịp móc giây, là sóng lại đẩy nó ra xa, bốn mươi phút sau con tàu nhỏ chờ cỡ 100 người, mới cho được hành khách lên bờ. Trâm, vợ tôi mặt đã xanh lè. muốn nôn lắm, mà cố kềm lại. Chúng tôi quyết định trả \$25.00 chung nhau đi “tour” bằng xe riêng trong thành phố, ông bà Nam muốn đi lên chỗ coi Penguin, giá cũng chỉ \$25.00. Tôi phải giải thích cho văn hữu nghèo (mà ham) của tôi là \$25.00 là chỉ tới bến, còn muốn ra đảo phải đi ít nhất hai tiếng bằng phà (ferry), giá cũng cả trăm đô la. Nhóm Dương Đức Trường đi tại tàu gần bốn trăm đồng một người. Coi con Penguin không phải đơn thuần hai mươi lăm đồng đâu. Thế là chàng bỏ ý định, nhập bọn rong chơi với chúng tôi. Cái mỏm đất “Punta Arenas” này thuộc Chí Lợi (Chile), nó không có người nghèo, chỉ có người trung lưu, và người giàu, đúng là hải đảo thần tiên. Trước khi lên đây, thuyền trưởng đã ra thông cáo, vì lý do tế nhị, chúng ta không nên mang những mũ, áo có dấu hiệu đảo Falkland, vì làm như vậy là khiêu khích dân địa phương. Chúng tôi có ghé được Falkland đâu mà có đồ đó. Chúng tôi dạo chơi, mua sắm thả dạn, vào lúc xế trưa, cả bọn tìm tiệm ăn ngon, nhưng chẳng thấy, bạn Thái bàn là thuyền nhỏ, sóng to, chi bằng chúng ta về tàu, ăn không mất tiền, mà đồ ăn còn ngon hơn ở đảo. Vợ tôi đã mua được túi đồ chơi cho con, cho cháu nặng trĩu, bắt tôi vác trên vai. Cả toán

nghe Thái thế mà hay, ngay sau khi chúng tôi về tàu, có thể chuyển chúng tôi là chuyển chót. Thuyền trưởng ra lệnh không chờ người về nữa, sóng to, quá nguy hiểm, ông ta hứa sẽ tìm giải pháp khác, vì ông ta đang kẹt trên 1,700 hành khách ở trên bờ. Biện pháp đầu tiên, ông xin hải quân Chí Lợi dùng tàu to của hải quân chở hành khách ra ra tàu lớn, thay vì dùng tàu nhỏ của Princess. Hải quân cóc chịu, ông bèn đưa giải pháp thứ hai. Hành khách xếp hàng trên “Pier” có thể bị gió thổi bay xuống biển, xin tàu hải quân cập bến, làm giao liên cho hành khách, có nghĩa là thay vì đợi trên “pier”, hành khách xuống tàu hải quân đợi, và từ tàu hải quân lên tàu nhỏ về tàu lớn. Hải quân Chí Lợi cũng cóc chịu, thế là ông thuyền trưởng nổi điên, hăm dọa sẽ đề nghị hủy bỏ cảng này trong những chuyến “cruise” tới, và quyết định cho cái tàu to tiến gần bờ, quay ngang để cản bớt gió, và từ từ chuyển vận hành khách về tàu, gió đưa sóng nhỏ, mãi đến sau nửa đêm, hành khách mới lên hết trên tàu. Vì trễ giờ khởi hành con tàu đã tăng tốc độ, nó chạy như điên trên biển, để lấy lại những giờ đã mất, mong về bến đúng giờ cho chuyến đi kế.

Sáng sau, tôi lại gặp Dương Đức Trường, tôi hỏi:

“Hôm qua đi về mệt không Trường?” Anh ta trả lời: “Đi làm mới mệt, đi chơi làm sao mà mệt được anh?. Khoẻ re như bò kéo xe”. Rồi anh kể chuyện Penguins cho tôi nghe, muốn đi coi Penguin có ba giá, Giá thông thường là toán của Trường, khoảng gần bốn trăm

một người đi tàu nhỏ, loại tàu có thể giảm sóng, vì nó trống ở dưới đáy, loại đắt tiền là “speed boat” loại này chạy nhanh kinh khủng, và có thể lướt sóng, loại thứ ba là đi xe bus đến nơi mua vé đi phà qua là rẻ nhất, nhưng rút cuộc chỉ có đoàn của Trường là coi được, những loại kia là hộc xịt hết. Lý do là tàu của Trường đi sớm, chưa có gió to sóng mạnh, cả tàu chỉ lao chao tí chút, nhưng mọi người đến đảo chơi với Penguins ngon lành. Loại thứ hai “Speed boat” của nhà giàu chạy nhanh, nhưng đi trễ, sóng to quá, chiếc tàu cứ như bay trên nước lướt trên sóng, hành khách nôn mửa ra tới mặt xanh mặt vàng. Cả đoàn tới đảo cứ ỳ ra trên tàu mà nôn cho đến khi về, chả gặp được con Penguin nào cả, một bà khách trên tàu đã than là mất tiền, không được coi, mà còn đầy thân, phải ngửi những mùi nôn ọe của hành khách, hôi hám, kinh hãi tới chết được.” Trường lại nói tiếp:

“ Những người đi phà còn khổ hơn, anh biết rồi, chiếc phà nó làm bằng phẳng ở dưới đáy, để có thể chở nhiều người, hàng hoá, và xe cộ, khi nó bị sóng nhồi, thì những luồng sóng đánh vào đáy phà trong một bề mặt tiếp xúc lớn, nó đã mang chiếc phà lên cao, và nhồi xuống như là đi trên “Roller Coasters” liên tục vậy. Những hành khách trên đó còn khổ hơn “speed boat”, vì bị nhồi nhiều liên tục, mà lại phải ở dưới biển lâu hơn, vì phà chạy rất chậm. Đến đảo cũng thì nhau mà ới rồi trở về. Tụi em may hơn

những người kia, rồi cũng không khá, cả toán trở về hứng chí, đi ăn đi chơi trên đảo, đến khi trở về, thấy người ta đông nghẹt, xếp hàng, không ai về tàu được. Trong toán có anh chị Thanh bạn với anh Dụng từ thời học luật ở Sài Gòn, anh Thanh đến từ Oregon, đi chơi chung nhóm, anh Thanh tương người to khỏe, vũng vàng như lực sĩ, thế mà đứng đợi lâu quá, cũng xum bà chè bỏ cuộc, rồi mãi tới sau nửa đêm bọn này mới về được tàu, chuyến đi thật vất vả, nhưng rất vui và nhiều kỷ niệm.”

Trường vừa nói xong, thì tiếng loa lại vang lên, vẫn lời ngọng nghịu tiếng Anh của ông thuyền trưởng Ravera người Y Ta Lô, ông xin lỗi về tất cả những bất tiện xảy ra, từ lúc lên tàu ở Brazil, cho đến thời tiết khắc nghiệt của biển cả, không hẳn tất cả lỗi của Princess, nhưng thông cảm với khó khăn của du khách, ông quyết định cho mỗi người một trăm đô la để mua sắm trên tàu. Trừ cho 50% phí tổn của chuyến đi, Mua vé đi chơi sang năm, sẽ lấy nửa số tiền này bù vào tiền vé mới. Tôi cũng hiểu rằng đồng tiền những hành khách bỏ ra để đi trên tàu này đều trả khác nhau, có người được bớt, được trừ, có người được thưởng vì vào “members”, nhưng vợ chồng tôi, là công dân hạng hai, nên trả nhiều nhất, trả nguyên con, không trừ bồi gì cả, do vậy số một nửa số tiền trả lại của chúng tôi cũng sẽ nhiều nhất, âu cũng là cái lộc trời cho.

Tôi kể lại chuyến đi này để cảm ơn các bạn tôi, những người bạn mà tôi quý mến như trong gia đình, đã tình cờ hội ngộ cùng chuyến hải hành, tôi vui sướng vì mỗi chiều, gần hai chục mạng chúng tôi, ngồi ăn cơm chung, vui chơi đùa bỡn, và cái thích là tha hồ ba hoa, chẳng ai giận dỗi. Nhưng rồi cũng đúng như nhà văn Nguyễn Đức Nam thường mượn câu thơ của ông “Con dê ở trong cái lu” nói : ” Ở chốn trần gian có nhiều điều không thể hiểu”. Ăn uống sung sướng, từ tôm hùm, bí tết, gà, vịt, cừu, dê, mỗi món mỗi vị. Cơm Tây, cơm Ý, cơm Tây Ban Nha đủ cả, nhưng mít ta chê hết, anh Dũng đem theo ít gà kho xả, ít tôm khô tự tay anh làm, thế là mọi người xin cơm trắng, chia nhau ăn ngon lành, vài hôm thực phẩm của vợ chồng Dũng Trúc Mai đã hết, thì mít ta lại yêu cầu nhà hàng, kho thịt, kho gà theo kiểu Á Đông. Những người hầu bàn thật dễ thương, họ là những người Thái lan, người Phi Luật Tân, nên cũng hiểu người Á Đông. Họ chiều khách yêu cầu nhà bếp, nấu những món Á Đông đặc biệt cho chúng tôi ăn. Trước khi chấm dứt bài viết, tôi muốn nhận diện một lần, kỷ niệm chuyến đi với những bạn tôi gồm:

Nhóm một là chúng tôi đi từ Cánh Đồng Mùa Xuân ( Springfield) Chi Lan Từ Doanh mà chị Lan là chủ sậu, có hãng du lịch Unique Travel, chị đã dùng hãng này để “Booked” vé cho nhóm chúng tôi, Thái Hằng là hai người bạn trẻ, hãy cứ coi là trẻ, cho dù Thái mới về hưu ở bộ Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ, vợ chồng văn hữu Nguyễn Đức Nam, và vợ chồng tôi

Cường Trâm. Tuy không có mặt trong chuyến đi nhưng cũng phải nhắc tới, đó là anh chị Vũ An Thanh, người đã ghi tên đi từ đầu với chúng tôi, nhưng vì lý do đặc biệt đã phải ở lại.

Nhóm hai gồm 11 người, như tôi đã nhắc trong chuyện như Trường Thu, Dũng Trúc Mai, Hoà Kiều Thu, anh chị Thanh từ Oregon, Thông và Cơ là hai người tôi chưa nhắc trong câu chuyện, nhưng cũng phải kể ra đây, mỗi sáng vợ chồng tôi đều tiếp anh Thông ăn sáng, vì chị Cơ thường ngủ trễ, nên Thông ta đói bụng cứ phải lên lầu ăn trước, Trong nhiều lần đi chơi chung với cặp vợ chồng này, tôi học được cách cho tiền của họ. Lấy tiền của người đã khó, mà cho đồng tiền đi còn khó hơn, đúng vậy, anh chị này quan niệm đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn. Có nghĩa là ăn uống gì, hay cần chuyện gì, anh chị Thông Cơ cũng đều cho tiền trước, và do đấy cái đồng tiền đó đi rất xa. Chỉ những người khôn ngoan lịch duyệt làm mới làm được như vậy.

Người thứ 11 mà tôi muốn nói tới ở phần chót để đúc kết câu chuyện, anh Hà là anh họ của Dương Đức Trường, Anh



Hà đơn phương nhập bọn có một mình, người ta đi đủ về đôi, riêng anh đi lẻ về loi một mình. Lý do giản dị, là phu nhân anh đã quá vắng, cho dù trong quá khứ hai người đã xây dựng một gia đình hạnh phúc, và rất thành công về tài chánh tại Houston. Anh đang là người lữ hành đơn độc, con người của anh, quả thật là đen tình đỏ bạc. Anh đã trúng một cái số rất lớn trên tàu, anh chẳng cờ bạc, chỉ theo bạn, ngồi chơi, đặt mười đồng bạc cầu vui, và anh đã trúng \$5,000.00. Số tiền quá lớn so với số vốn \$10.00. Tôi đùa bảo anh, rất không may anh đã đi chơi theo bọn tôi, nếu vận may như vậy, anh mà ở lại Houston, mua số Power Mega, biết đâu anh chả trúng cả bạc tỷ, chung với mấy người Mỹ vừa trúng số tuần qua. Trong một bữa ăn chung, anh Hà thấy vợ chồng tôi khắc khẩu, cãi vã nhau dữ quá, anh Hà bảo: “ Anh chị đang sống hạnh phúc đó, bớt cãi cọ đi”. Tôi hiểu ở hoàn cảnh anh, mới nhìn thấy những người chúng tôi là hạnh phúc. Tôi cũng hiểu thế, tôi cũng cảm ơn anh, và chỉ thầm mong cho bà vợ tôi cũng hiểu như tôi, như anh Hà, bớt chét chét cái miệng ăn thua. Thì quả thật lúc đó tôi mới hạnh phúc.

Khi chúng tôi đến điểm chót dời tàu là Valporaiso, một hải cảng lớn nhất của Chí Lợi, từ đây chúng tôi phải đi hai tiếng đồng hồ trên xe van để đến Santiago, thủ đô của Chí Lợi. Từ đó sẽ bay về Mỹ. Suốt chặng đường xa xôi, qua bao nhiêu quốc gia Nam Mỹ, tôi thấy người dân hiền hoà, lương thiện, buôn bán ngay thẳng, ít nói thách, gặp người trả giá, họ

không muốn bán, thì chỉ cười, và vui vẻ xếp lại đồ hàng, không có vẻ bức mình, chống đối, hay chửi bới khách hàng như người mình. Thấy người mà buồn cho dân mình, còn lâu lắm người mình mới có thái độ cởi mở như họ. Còn bạn bè thì sao? Tôi thấy hầu như đa số bạn tôi hoặc là hưu trí, hoặc đã qua đời, ít ai còn đủ sức lực để tiếp tục đi làm. Những người đã chết thì mồ yên mả đẹp, những người còn sống thì lại chia ra nhiều quan niệm sống khác nhau, người thì bo bít đồng tiền, Không thấy tiền vô, thì họ không muốn tiền ra, cho dù tiền hưu, tiền đẻ dành vẫn còn nguyên cả. Nếu lỡ bệnh tật trờ tới cướp đi đời sống, họ vẫn còn tiền y nguyên. Rồi những đồng tiền này để làm gì, cho con ư, chúng nó cũng cảm ơn, nhưng chúng cũng chẳng cần, chỉ tiêu phí, vì chúng nghĩ là đồng tiền ngoài dự tính. Có người bạn khác, nhìn ra, biết ngộ cuộc đời, đồng tiền cực khổ của mình, mình xứng đáng tiêu dùng nó, trước khi mình nhắm mắt, tôi thích những người này, và đồng quan niệm sống với họ, ngày nào mình không vung tay quá trán, thì ngày đó mình đi chơi hưởng cuộc đời còn lại với bạn bè, bằng hữu, đầy đủ và ý nghĩa. Tóm lại những người bo bít, chỉ biết ôm đồng tiền, thì họ đã chết ngay từ lúc họ mới về hưu. Còn gì để nói.

Viết xong tại Disney World,

Ngày 6, tháng 2, 2016.

**Quốc Thái Đình Hùng Cường.**

## TÔI NHỚ HOA ĐÀO

Tôi nhớ hoa đào, thuở có em  
Những chiều Đà Lạt thật êm êm  
Bên hồ lặng ngắm chiều sương xuống  
Thành phố mơ buồn theo bóng đêm.

Như say như tỉnh hồn trong mộng  
Tôi dệt vần thơ thật dịu hiền  
Hương thầm thoang thoảng bay trong gió  
Đẹp quá em tôi như Giáng Tiên.

Rồi chẳng bao lâu tình cách biệt  
Đời trai theo nước lạt tình em  
Hoa đào không nở như trong mộng  
Phố cũ sương buồn lạnh lạnh thêm.

Bây giờ ngắm lại hoa đào nở  
Xứ người quanh quẽ mãi trong tim  
Đà Lạt ơi, màu hoa năm cũ ?  
Còn thăm tình em mỗi mỗi đêm!!...

**Đăng Nguyên**

-----

## LÀNG QUÊ TÔI

Từ Hội An xuôi thuyền về Xuyên Mỹ  
Rúc dưới cầu dài thườn thượt Cầu Lâu  
Lên Bến Giá nhìn thiếu nữ hái dâu  
Dọc sông Đào ngắm tiểu thư dệt lụa.

Đến đường cái quan thấy quanh đồng lúa  
Hạt ngọc vàng thơm phức đúng vụ mùa  
Trạm Nam Phước, cầu Bà Rén, rón chợ Chùa  
Trường Trung, Tiểu Học cận kề Quận Lý .

Học sinh vui chọn môn học đúng ý  
Nông dân nhộn nhịp cày cuốc ra đồng  
Người chần tằm, trải lá dâu vào nong  
Sổ khác trải ngải lên bửa\* làm kén.

Xưa, tối giả gạo, cùng nhau hò hẹn  
Hát hò khoan treo ghẹo lẫn nhau  
Dưới ánh trăng thanh, xinh đẹp lắm thay!  
Kẻ đi xa về cũng cầm chày tham dự

Tuổi thơ tôi, nhiều kỷ niệm quá khứ  
Tham gia đồng ruộng thu hoạch vụ mùa  
Lấy lúa đổi bánh, không dùng tiền mua  
Đãi bà con tham gia ruộng đồng gặt hái

Nay, vườn nhà có nhiều cây hoa, trái  
Nào thanh long, xoài, ổi, nhãn, hồng...  
Huệ, cúc, hướng dương... xinh đẹp lắm bông  
Hàng vạn thợ rực vàng tôi ham thích.

Thỉnh thoảng các Đoàn văn nghệ về ca kịch  
Bà con tham dự chật cả đình làng  
Thanh thiếu nữ nhiều cơ hội hỏi han  
Mắt liếc đưa tình, mặn mà nồng ấm

Thời gian rộ tình, nồng nàn sâu đậm  
Họ đồng lòng ngộ ý mẹ cha  
Sự việc được bàn bạc cả hai nhà  
Mai mối lễ nghi tận nhà thưa hỏi

Cảnh sống vùng quê có gì ...hú gọi  
Bà con các nẻo vội vã đến ngay  
Tình người ấm áp, thăm hỏi ngày ngày  
Nhà nhà đầy đó mà trông như một nóc

Ồi! Cảnh sống đẹp vùng quê ta nên học ./-

**Duy An Đông**

## **Cuộc Di Cư ...**

**Ỗ NGUYỄN**

*1954...*

Người dân miền Bắc rất đổi vui mừng khi trận Điện Biên Phủ kết thúc vào ngày 7 tháng 5 năm 1954. Ai nấy đều hy vọng sẽ có một cuộc sống an bình không còn chiến tranh. Ngờ đâu, Hiệp Định Geneve ra đời đã đưa đến việc chia đôi hai miền Nam Bắc với hai thể chế chính trị khác nhau: Miền Bắc do chính phủ VNDCCH thuộc khối Cộng Sản, miền Nam thuộc khối tự do Pháp-Mỹ, khiến người dân bị đặt vào trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan, họ như đứng giữa ngã ba đường, không biết là nên đi hay ở lại.

Theo hiệp định này, người dân Miền Nam có quyền ra Bắc định cư và ngược lại người Bắc cũng được quyền di cư vào Nam. Nhưng trở trêu thay, chẳng có người dân Miền Nam nào kéo nhau ra Bắc sống với chính phủ VNDCCH trừ một số người tập kết. Trái lại người dân miền Bắc lại ồ ạt theo nhau xuống tàu há mồm vào Nam để tìm một đời sống tự do, cơm no áo ấm. Số dân di cư lên tới cả triệu người mà phần đông là người theo đạo Thiên Chúa, số còn lại là cư dân giàu có ở Hà Nội và các thành phố lớn ở miền Bắc cùng một số người trước kia làm việc với Pháp, trong số đó có gia đình tôi.

Hằng ngày đi làm về, Bố tôi rầu rĩ, vò đầu bắt tóc than phiền với mẹ tôi: "*Chắc*

*mình phải đi thôi bà ơi! Tôi đã thấy đồng bào miền Bắc của mình từ Hà Nội và khắp các tỉnh phía Bắc như Nam Định Thái Bình nhất là các tỉnh Bùi Chu Phát Diệm kéo nhau về thành phố Hải Phòng để đợi ngày đi Nam, vậy mà mình chẳng hay biết gì. Chính phủ Pháp phải thu xếp chỗ ở tạm thời cho họ tại các trường công lập, các nhà kho, nhà thờ hay chùa chiền trong lúc chờ đợi xuống tàu đi Nam."*

Ngay lúc này đây, tại thành Phố Hải Phòng, người ta đã bắt đầu đem đồ đạc như sập gụ, tủ chè, ghế tràng kỷ, câu đối, tranh ảnh, nồi niêu xoong chảo, quần áo v.v... ra bày bán ở khắp các nẻo đường, thôi thì có cái gì bán cái nấy. Thấy vậy, mẹ tôi cũng đem tủ gương, tủ đứng, bàn ghế cũng như giường nằm hay phản gỗ ra bày bán ở đầu ngõ. Chỉ trong một thời gian ngắn mà khu phố tôi ở bỗng chốc trở nên náo nhiệt như một khu chợ trời, kẻ mua người bán chạy ngược chạy xuôi tấp nập trên các đường phố. Người tản cư thì cứ ùn ùn từ đâu kéo về, gồng gồng gánh gánh, tay xách nách mang, lết thết thành từng nhóm, già có trẻ có. Có nhiều bà trên tay bồng ẵm con thơ, khóc toáng cả lên. Một cụ già kéo đứa cháu xềnh xệch bên mình theo sau một đám người hấp tấp đi về đâu không biết... Sau này đọc lại những tài liệu về cuộc di cư năm 1954 tôi mới biết là người dân miền Bắc đã chạy trốn Cộng Sản trong nhiều trường hợp nguy hiểm gian nan hơn những gì mà tôi chứng kiến nữa kia. Hiệp định Geneve nói là cho người dân hai miền tự do di lại, nhưng trong thực tế chỉ những người sinh sống tại các thành phố lớn mới dám ra đi một cách công khai, còn những người dân quê ở các làng mạc xa

xôi như tại miền Trung, bị đe dọa và ngăn cản trên đường đi tìm tự do. Chính quyền miền Bắc lúc đó tìm đủ mọi cách để ngăn cản người dân di cư qua chính sách tuyên truyền cùng những hành động bắt giữ, giam cầm của họ. Cũng như những người vượt biên tháng Tư năm 1975, người dân di cư năm 1954 đã liều chết và lén lút trốn chạy, băng rừng, lội sông vượt biển bằng những bè nứa tự đóng. Họ đã phải trả một giá quá đắt cho sự trốn chạy này. Phải nói cái quyết tâm của lớp người di cư này là bằng mọi giá, để đi được vào miền Nam. Không có cái quyết tâm ấy, họ đã chẳng thể nào thực hiện được điều mong muốn. Nhưng dù sao, cuộc chia ly 1954, người di cư miền Bắc mới chỉ mất nhà, mất cửa, mất đất đai, còn kẻ ra đi năm 1975 là kẻ mất hết tất cả quê hương đất nước mình.

Tính ra kể từ ngày hồi cư về Hải Phòng tới nay mới được gần 3 năm, cuộc sống của gia đình chúng tôi chưa hẳn ổn định. Chưa được hưởng an nhàn mấy chốc, giờ phải tính chuyện ra đi quả là cả một điều khó khăn đối với bố mẹ tôi. Chẳng qua là vì quá trình làm việc với Pháp và yêu chuộng tự do mà bố tôi phải giải quyết vấn đề đi hay ở. Vào những bữa cơm chiều, bố lại rai nhâm nhi chén rượu, rồi khề khà an ủi mẹ tôi đồng thời chia sẻ với con cái về niềm hy vọng của bố nếu phải đi vào Nam. Bố nói cứ đi thử xem sao, thế nào mình cũng có ngày trở lại vì sau hai năm sẽ có tổng tuyển cử. Đi cho biết sự trù phú của miền Nam, cùng với nếp sống văn minh của xứ sở mình, nếu không đi, biết đến bao giờ mới có cơ hội. Lời chia sẻ của bố hình như đã làm cho sự ưu tư của mọi người trong gia

đình bớt căng thẳng. Nói thì nói vậy, nhưng tôi biết bố tôi rất buồn. Ngày nào bố cũng nói đi nói lại với mẹ: "*Tôi không muốn xa lià mảnh đất của ông cha mà mình đã gắn bó từ bao đời nay. Nếu phải ra đi âu cũng là định mệnh. Cuộc phân chia Nam Bắc này đã làm cho anh em họ hàng của tôi phải phân tán thực đau lòng.*" Thực ra đây là nỗi đau của hàng triệu người dân miền Bắc phải xa lià quê cha đất tổ chứ đâu phải chỉ riêng gì gia đình chúng tôi.

Bố tôi có đông anh em. Chúng tôi có một ông nội, nhưng lại có tới hai bà nội, nên anh em trong họ nhớ tên nhau không xuể. Về phía bà nội cả, bác đốc Dương là chị lớn, kế đến là bác Huệ, trưởng nam. Bố tôi là thứ nam. Dưới bố là cô Phương, cô Lan và chú Tiệp. Bà nội hai có ba người con trai là chú Bá, chú Trà, chú Thụ và hai người con gái là cô Cúc và cô Thảo. Như vậy cả hai cụ bà sản xuất tới 11 người con. Ông nội chúng tôi trước kia cũng là một người có chức phận. Cụ làm xếp ga sở Hoà Xa tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ Pháp thuộc. Chắc khá giả nên mới dám lấy tới hai vợ. Vậy mà các bác các chú của chúng tôi không ai dám đèo bè kể cũng lạ. Mọi người đều được ăn học hẳn hoi vào thời buổi ấy, chúng tôi ông nội phải dư giả và rất tiến bộ cho nên con cái ai cũng nói tiếng Pháp thông thạo và giao dịch, buôn bán với người Pháp. Nhưng con gái chỉ có bác đốc Dương và cô Phương được học đến nói đến chốn. Cô Phương rất văn minh, nói tiếng Pháp lâu lâu khiến cô dễ có điều kiện lấy chồng Pháp. Lúc ở Thanh Hoá, đã có lần cô hùn hạp mở quán ăn ở thị xã Hàm Rồng với bố mẹ tôi, rồi sau quán ăn bị tàn phá, và bom đạn đã cướp đi thằng em Đạt

của tôi, cũng là lúc cô dọn đi nơi khác. Cô hồi cư về Hà Nội trước gia đình tôi. Lúc trước cô lấy ông Chánh sở Hoà Xa và có được hai người con, thằng Jean và con Colette. Gọi là anh em họ, nhưng hình như chúng tôi chưa hề gặp nhau bao giờ. Cô tôi thuộc thành phần "me Tây trí thức". Xưa kia, cô là người có quyền thế, nên mọi người trong họ đều kính nể và thường gọi cô là bà Chánh: Bà Chánh Dupoint. Nghe thực oai, thực uy quyền. Ngày Việt Minh nổi lên, cô sợ liên lụy phải chạy vào Thanh Hóa như gia đình nhà tôi. Cô gửi lại hai đứa con cho chính phủ Pháp nuôi giữ ở Hà Nội. Sau này khi trở về thành, cô đã gặp lại các con nhưng vài năm sau lại phải di cư vào Nam. Đến khi vua Bảo Đại bị truất phế là lúc hai đứa con lai của cô được đưa về Pháp để đoàn tụ với bố đẻ. Cô tôi ở lại trong Nam cho tới ngày nhắm mắt. Cả họ nhà tôi ai cũng nghĩ cuộc sống vương giả của cô tưởng sẽ được kéo dài mãi mãi. Nào ngờ, thời thế đổi thay khiến cuộc đời về chiều của cô đã trở nên khốn khó, tàn tạ. Ngày cô nhắm mắt không gặp anh em họ hàng thân thuộc, ngay cả hai đứa con lai của cô lúc đó cũng đã về Pháp. Cô chết trong cảnh nghèo nàn khốn khổ, không nhà không cửa, không có lấy một xu teng dính túi. Tôi nhớ có lần, nghe bố kể lúc xưa ở Hà Nội, một hôm cô đi coi ông thầy Ất nổi tiếng ở phố Hàng Cót, ông ta nói cô tôi hậu vận rất xấu; cô sẽ bị nghèo khổ, khi chết không có lấy một xu dính túi... Lúc đó cô tôi rất tự đắc vì nghĩ là mình giàu có như thế ấy mà ông thầy bói dám nói mình nghèo là sao, nên đã la lối và đập tráp của ông thầy. Thế rồi cuộc đời về chiều của cô tôi đã xảy ra đúng y như lời thầy bói đã phán lúc

xưa. Đúng là sướng lắm khổ nhiều mà cổ nhân đã nói: "*Không ai giàu ba họ. Không ai khó ba đời*" quả là quá đúng cho trường hợp của cô tôi. Sau khi hai đứa con của cô về Pháp, cô tôi được quyền ở lại trong khu vực dành cho các bà me Tây và con lai - "Centre d' Accueil" ở Saigon một thời gian ngắn. Hết hạn cô tôi phải dọn ra. Tiền của chắc không còn nên cô phải đến tá túc tại nhà bố mẹ tôi trong khu xóm lao động Cầu Bông. Buồn phiền và tủi thân đã khiến cô liều mạng. Vào một đêm nọ, cô tôi đã uống thuốc ngủ tự vẫn ngay trên giường ngủ của tôi. Gia đình tôi phải đưa cô vào bệnh viện Chợ Rẫy để rửa ruột. Cả một đêm dài bữa đó, tôi là người duy nhất có mặt bên cạnh cô để canh chừng. Ôi, bây giờ nghĩ lại tôi vẫn còn thấy rờn rợn. Hồi tưởng đến giờ phút ngồi một mình trong nhà thương bên cạnh cô tôi trông như một đồng thịt không nhúc nhích, như một cây ma, chung quanh tôi không một bóng người qua lại, tôi lạnh phát run người mà cứ phải rồi mắt theo cô từ 10 giờ khuya cho tới sáng. Cô tôi được cứu sống lần này, nhưng sau đó không lâu cô về ở với người cháu nuôi ơn nghĩa nhất của cô là chị Chi (có biệt danh là Mộng Sinh) và mất tại nhà chị tại đường Hoà Hưng, Saigon.

### **Xuôi Nam**

Trở lại chuyện đi Nam. Mấy tuần lễ trước ngày quyết định đi Nam, bố muốn anh Kỳ và tôi lên chơi Hà Nội để biết sinh hoạt và tình hình của chế độ mới ra sao, liệu anh em chúng tôi có ý kiến gì không. Đây là một quyết định rất quan trọng đối với gia đình chúng tôi lúc bấy giờ. Mặc dầu chúng tôi chưa hẳn trưởng thành nhưng bố

luôn dành cho anh em chúng tôi quyền chọn lựa cuộc sống tương lai của mình.

Cả hai anh em tôi đều ở vào cái tuổi đang lớn lên, khờ khạo, chưa biết nghĩ đến chuyện mai sau. Cho nên vấn đề thời cuộc đối với chúng tôi lúc bấy giờ mơ hồ, vẩn vơ quá. Chúng tôi chưa có đủ kiến thức để hiểu được vận mệnh đất nước nên chỉ biết nghe theo lời phán quyết của bố mẹ. Bố mẹ định sao, chúng tôi phải tuân theo, không phản nài, không tranh luận. Bố đã đưa ra những lý do chính đáng để minh chứng cho lời nói của bố. Bố nói từ hồi nào buôn bán và thân cận với người Pháp, nên chắc chắn sẽ gặp nhiều chuyện khó khăn, phiền nhiễu, nếu phải ở lại miền Bắc.

Bố tôi khuyên mẹ và chúng tôi nên vào Nam một thời gian xem sao. Mưa lúc nào mát mặt lúc đó. Ở lại miền Bắc, nếu bố bị liên lụy thì chúng tôi chắc chắn không thoát khỏi cảnh thất học và nheo nhóc, đói khổ như thời kỳ ở chiến khu Tư. Bố sẽ bị họ liệt vào thành phần thân Pháp, Việt gian, phản động v.v...lúc đó chạy đi đâu cho khỏi bị lên án và bị tố khổ.

Vào khoảng cuối năm 1956 khi vào đến trong Nam chúng tôi được tin chị gái bố tôi là bác Đốc Dương nguyên là đốc học ở tỉnh Thanh Hoá đã bị chính thẳng Trác, con nuôi của bác đã tố bác là địa chủ. Chúng tôi cứ rành rành ra đó nên việc ra đi của gia đình tôi không còn gì để tiếc nuối.

Vậy là anh em tôi hí hửng đáp xe lửa đi Hà Nội trước là để quan sát tình hình đồng thời đón Minh Tâm, người em gái cùng cha khác mẹ với chúng tôi mà hồi tản cư vào Thanh Hóa, bố mẹ tôi đã tạm để cô ấy làm con nuôi cho dì Thoà, em vợ của bác Huệ,

ở làng Các thuộc thị xã Đồ Lèn, cũng vì di hiểm hoi không có con nên muốn xin Tâm làm con nuôi để cầu may. Em Tâm về chung sống với gia đình dì được ít lâu, dì sinh được một bé gái rất dễ thương. Niềm hạnh phúc này đến với gia đình dì chưa được bao lâu thì chú Ba chồng dì bị quân Pháp giết ở chợ Đông Ba, trong lúc theo bộ đội Việt Minh về đó công tác. Nghe nói chú bị Pháp chặt đầu một cách thê thảm. Quả là tàn nhẫn! Tội nghiệp cho dì Thoà. Bao nhiêu năm dì không sinh nở, đến khi có con lại bị mất chồng. Sao ông trời quá ác nghiệt và bất công đến thế! Ngày gia đình chúng tôi hồi cư về Hà Nội năm 1951, có ghé nhà dì, để đón Tâm nhưng dì nài nỉ bố mẹ tôi cho em ở lại với dì thêm ít lâu, để dì bớt cô quạnh và đưa con gái của dì cũng có chị có em. Bao năm trời xa cách, bây giờ gặp lại, chị em tôi ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Cô ấy kém tôi 2 tuổi, trông khôn ngoan, lanh lợi khác hẳn hồi còn bé, lời khờ ngớng đầu ngớng đó không nhúc nhích. Được biết chúng tôi đến đón về với gia đình, Tâm mừng lắm và dì Thoà cũng hài lòng vì lúc này con gái dì đã lớn, hơn nữa vấn đề kinh tế eo hẹp khiến dì không thể tiếp tục cưu mang Tâm được nữa. Dì tỏ ra rất xúc động khi tôi đưa dì ít tiền mà mẹ tôi gửi biếu. Khi chia tay, Tâm đã không sao dấu được sự buồn ngùi lưu luyến với dì.

Hà Nội đang trong buổi Thu về. Cảnh sắc tiêu điều ảm đạm như thể cùng chia sẻ niềm chua xót với người dân Hà Thành. Những cảnh liều thướt tha bên Hồ Gươm hôm nay như đang ủ rũ tiếc thương cho sự đổi thay của đất nước. Nước hồ đậm sắc màu huyết dụ, im lặng đến tái tê. Ghế đá

nằm chổng trơ bên ven hồ, im lìm tựa những năm mỡ hoang lạnh giá. Các quán ăn ở quanh bờ hồ dẹp bỏ gần hết vì không có khách hàng. Quán Mụ Béo vẫn còn đây nhưng chẳng thấy một bóng khách vắng lại. Quán ăn này đã từng nổi tiếng một thời, đã từng là chỗ hẹn hò của trai tài gái sắc. Hôm nay ba anh em chúng tôi là nhóm khách duy nhất từ lúc bước chân vào cho tới lúc ra khỏi quán. Các khu Hàng Đào, Hàng Ngang thị tứ ngày nào giờ đây cửa đóng then cài kín mít. Phía trước cửa nhà, chỉ còn thấy loáng thoáng vài ba quầy hàng bày bán xôi trắng và lạp xường. Xôi được bán theo cân lượng để khỏi bị thiệt hơn. Chính phủ mới hứa hẹn nhiều điều, chưa nhìn thấy hạnh phúc đâu mà người dân đã thấy cái nghèo, cái thiếu thốn hiện rõ khắp mọi nơi trong thành phố. Cảnh sinh hoạt và náo nhiệt của Hà Thành ba năm trước đây khi gia đình chúng tôi hồi cư về cuối năm 1951, giờ đây trông sao khác lạ và vắng vẻ đến thế. Trong các khu chợ Đồng Xuân, chợ Hôm...nơi nào cũng vắng hoe. Xe cộ thưa thớt. Toàn xe đạp. Không thấy xe hơi đâu. Xa xa, ở cuối góc phố, một chiếc tàu điện cổ lỗ xỉ đang rên xiết lết trên đường rầy qua những âm thanh ai oán nghe đến não nùng. Trai thanh gái lịch của Hà Thành giờ ở đâu? Những tà áo lụa muôn màu. Những mái tóc kẹp dài buông thả sau lưng, ẩn hiện trong sân trường, dưới hàng phượng vĩ, trên hè phố, trong công viên giờ đây đã hoàn toàn biến mất. Hình ảnh này là do người dân Hà Thành đã bỏ lại sau lưng nhà cao cửa rộng, của cải để thoát chạy vào Nam. Nghe nói trước ngày anh em chúng tôi lên Hà Nội một hai tháng, người dân đã ùn ùn kéo nhau xuống

Hải Phòng để đi Nam. Cũng giống như dân Hải Phòng, những người muốn trốn chạy từ các vùng quê, tỉnh nhỏ ven đô tràn về thành phố rất là đông, chính phủ Pháp trở tay không kịp để lo thu xếp nơi ăn chỗ ở cho họ tại các công sở, trường học, trại lính để đợi ngày xuống Hải Phòng đi Nam. Hôm nay, chúng tôi chỉ gặp các anh cán chi cán trong bộ đồng phục màu xanh *dừa cái muỗi*, đầu đội nón cối, chân đi dép râu, lộ hẳn vẻ ngô nghê, khờ khạo trông đến là nực cười. Từng cặp, từng cặp ì ạch chở nhau trên những chiếc xe đạp cũ. Nước da xanh bủng vì thiếu nắng lẫn thiếu ăn để lộ hai gò má thô cao, hốc hác. Họ nói cười một cách gượng gạo, rut rè như để che dấu cái quê mùa cục mịch của mình. Để ý mới thấy hầu hết các anh cán bộ miệng cứ vầu ra, anh nào như anh nấy. Cặp môi không che dấu nổi được hàm răng vỡ lòi ra phía trước. Còn đối với mấy chị cán bộ lộ xỉ người dân thành phố đã đặt cho họ một mỹ từ rất ấn tượng là “dưới mái Tây Hiên” ...

Mấy ngày vừa qua, tiếp xúc với họ hàng, tôi phần nào thông hiểu được tình cảnh của từng gia đình. Họ mới hồi cư sau ngày đình chiến vì thế cuộc sống chưa được ổn định. Sức khỏe họ còn yếu kém do tuổi tác và cũng vì thiếu dinh dưỡng. Tất cả đều biết gia đình chúng tôi sửa soạn đi Nam. Họ cũng muốn đi theo, nhưng ngặt nỗi con cái họ đã được kết nạp vào đảng nên họ chẳng còn cách lựa chọn nào hơn là ở lại. Riêng chú thím Bá, con trai trưởng của bà nội hai, là người chịu thiệt thòi và mất mát đáng kể trong thời kỳ chiến tranh. Trước năm 1946, gia đình chú đã từng là chủ một tiệm bán đồ nữ trang và đá quý khá đồ sộ ở góc phố Bonard, bên hông nhà hát lớn Hải

Phòng, thuộc phần "tạch tạch sè" (tiểu tư sản) có hạng ngày đó. Sau hơn 5 năm tản cư vào Thanh Hóa, các con của chú thím đã trưởng thành và theo hướng đi mới nên những gì thuộc về quá khứ coi như bỏ đi hết. Bố mẹ tôi kể lại, trước ngày chạy vào Thanh Hóa, chú thím chôn giấu vàng bạc ở trong nhà. Khi gia đình chúng tôi hồi cư về Hải Phòng vào năm 1952, nghe tin người ta tìm thấy số nữ trang này nhưng bố mẹ tôi không làm gì được, chỉ ngậm ngùi tiếc hùi hụi cho chú thím mà thôi. Chú tôi có hai cậu con trai bảnh bao là Phi và Chấn, và ba cô con gái là Hồng, Trang và Liên. Trong dịp này, chúng tôi đến gặp Phi tại nơi làm việc. Phi đã lập gia đình và người vợ cũng làm việc cho nhà nước. Cả hai vợ chồng đều được đi du học ở Nga, ở Tàu về và hiện lúc đó đang nắm giữ chức vụ quan trọng trong đảng bộ. Là một thứ cán bộ cao cấp, vậy nên chú thím tôi chả dám nghĩ đến chuyện đi Nam. Gặp lại chúng tôi, Phi rất niềm nở hỏi han và đón tiếp thật ân cần. Chú tôi theo Tây học như bố tôi, nhưng vẫn đề tôn ti trật tự trong gia thế, chú luôn bắt con cái phải theo đúng kỷ cương, phải có trên có dưới. Các con của chú đều lớn tuổi hơn chúng tôi, vậy mà chú luôn bắt chúng gọi chúng tôi là anh là chị, thưa gửi lễ phép. Chú bảo: "*Nhỏ con là con nhà bác, lớn xác là con nhà chú.*" Lễ giáo của người Việt Nam xưa kia là vậy. Chấn, em trai của Phi, đi bộ đội bị mất tích từ khi chú thím còn ở chiến khu Tư, nên chú thím tôi được phong làm bố mẹ liệt sĩ và đành phải ngậm ngùi lãnh nhận huy chương. Sau này Phi trở thành Bác Sĩ Y Khoa cũng như Trang có bằng Tiến Sĩ, cả hai đều làm việc cho chính phủ. Năm 2011 trở lại Hà Nội, tôi chỉ gặp có

Trang và Liên. Còn Phi mới mất vài tuần trước đó. Cũng như chúng tôi, những người còn lại ấy đều đã có tuổi, chòm chèm 80 cả với nhau rồi.

Từ giã họ hàng, ba anh em chúng tôi đáp xe lửa trở về Hải Phòng. Lúc này chương trình di cư vào miền Nam đang rất sôi động. Người Bắc đi vào Nam hoặc là bằng tàu bay hoặc bằng tàu thủy. Nếu đi theo đường biển, bắt buộc phải đi tàu hỏa xuống Hải Phòng rồi từ đó có tàu "Há Mồm" tại bến đò Bính, đưa ra tàu chiến của Mỹ, đậu ở ngoài khơi Vịnh Hạ Long. Một số người làm việc cho Pháp đi tàu thủy của người Pháp tại bến Sáu Kho thẳng tới Đà Nẵng chứ không vào Sài Gòn. Xe hoả chở người di cư từ Hà Nội chỉ được quyền đi tới ga Phạm Xá rồi từ đó phải chuyển sang xe lửa khác thuộc phía chính quyền Pháp kiểm soát để tiếp nối cuộc hành trình tới Hải Phòng. Tại ga Phạm Xá, trước mắt tôi lúc đó, một bên là lính bộ đội miền Bắc, súng trường đeo bên vai mà cây súng lại dài hơn người, trông anh lính bé con con. Thêm vào nước da tái mét vốn dĩ của mấy anh bộ đội "Chiến Khu". Anh ta đi đi lại lại đối diện với người lính Pháp có chiều cao và dáng dấp khác hẳn. Cả hai mặt đối mặt nhau nhưng không ai trò chuyện với ai. Họ đi qua đi lại theo dõi người di cư nối đuôi nhau, chen chúc lên toa. Một cảnh chen lấn rất hỗn độn. Kê ôm con, người dắt mẹ già, chồng gọi vợ, con gọi cha inh ỏi. Ai nấy khệ nệ đeo xách những đồ đạc cá nhân sát bên mình, đi đứng nghiêng hẳn sang một bên trông thật là mệt mỏi với nét mặt đăm chiêu, ngơ ngác. Hình ảnh chen lấn khác thường này rất lạ lẫm đối với anh em

chúng tôi vì đây là lần đầu tiên trong đời chúng tôi được chứng kiến như thế. Cuối cùng chúng tôi cũng tìm được một chỗ ngồi thoải mái trên tàu hỏa chạy thẳng về Hải Phòng ngày hôm đó.

Hải Phòng lúc bấy giờ đang trong tình trạng báo động 24/24, không phải vì chiến tranh, mà vì nạn cướp bóc, trộm đạo, đột nhập bất cứ lúc nào. Đêm đêm hàng xóm báo động giầy chuyễn để truyền báo có kẻ gian. Người ta khua thùng sắt tây, gõ soong chảo vào nhau kêu loảng xoảng, náo động cả một khu phố làm anh trộm nào có gan dạ đến đâu cũng không dám hành sự. Mọi sinh hoạt trong thành phố coi như ngưng trệ, người người đều tính chuyện ra đi. Tuy nhiên cũng có nhiều gia đình chổng đi, vợ ở lại, hoặc ngược lại. Nhiều người nghĩ, hai năm sẽ có tổng tuyển cử, chẳng nên đi vì mai đây lại phải hồi hương phiền phức. Đây là tình trạng phức tạp nhất đối với những gia đình có ý định xuôi Nam. Chẳng ai học được chữ ngờ. Hai năm đã kéo dài thành 20 năm, rồi sau đó kéo dài gấp đôi thành 40 năm khi Saigon thất thủ tháng Tư năm 1975.

Vào giai đoạn này, anh em chúng tôi đã nghỉ học. Có thể nhà trường không thu đủ học phí để trả lương cho thầy cô vì học sinh ngày một thưa đi nên phải đóng cửa. Tuy nhiên, mỗi sáng chúng tôi vẫn đến trường, nhưng chỉ để họp mặt với bạn bè, bàn tán với nhau về việc đi Nam hay ở lại. Mấy con nhỏ bạn thân thiết nhất của tôi như Phú, Phi và Hợi luôn luôn có mặt ở nhà tôi chẳng vắng mặt bữa nào. Những giọt nước mắt chia xa của chúng tôi không làm vơi được nỗi lưu luyến dành cho nhau.

Còn vài ngày nữa, gia đình chúng tôi lên đường. Bác Huê, anh trai bố tôi từ Thanh Hoá ra thăm. Bác khuyên bố mẹ tôi nên ở lại, đừng đi Nam vì nghe nói tàu há mồm của Mỹ sẽ đem người di cư đổ ra biển, hoặc họ sẽ tiêm thuốc vào người di cư cho đổi màu da, làm phát điên phát khùng cho đến chết. Người Mỹ còn đem người dân di cư vào Nam làm phân bón cho gốc cây cao su trong các đồn điền của người Pháp. Những lời tuyên truyền bừa bãi, vô lý như vậy luôn luôn là mảnh khước bịp bợm của Việt Minh để lừa dối và ngăn chặn người dân di cư, nhưng đôi khi cũng làm cho kẻ yếu lòng, nhút nhát phải quan tâm, lo sợ và suy nghĩ. Giữa lúc này chị gái tôi đang có người dạm hỏi nhưng bố tôi chưa hẳn bằng lòng nên chính tiếng nói của bác Huê đã làm bố tôi đổi ý và chị tôi đã lấy chồng rồi thu xếp theo gia đình bên chổng đi Nam. Chị tôi lập gia đình đúng vào lúc đất nước phân chia.

Sau vài lần gửi đồ đạc ra nhà hát lớn Hải Phòng, bố đổi ý muốn ở lại, rồi lại đổi ý muốn đi, cứ thế đến hàng bao nhiêu lần. Nhưng vì chị gái tôi đã đi vào Nam mấy tuần lễ trước đó rồi, thành thử gia đình tôi không còn lý do gì để ở lại nữa. Anh em chúng tôi phụ mẹ thu xếp đủ mọi vật dụng trong nhà ngoại trừ giường chiếu, tủ đứng, bàn ghế là những thứ công kênh không thể đem theo. Thôi thì chửi cùn rế rách mẹ mang đi hết. Cũng vì trọng lượng đồ đạc được đem theo không giới hạn, ai mang được bao nhiêu cứ việc mang. Vì thế cho nên ngay cả chiếc chày hành, cối đá mẹ cũng không quên. Khi thuê xe ba gác chở đồ đạc ra nhà Hát Lớn, mới biết thiên hạ họ gửi đi không thiếu một thứ gì, nào là

giường phản, tủ chè, sập gụ, ghế tràng kỷ rất công kênh v.v... Những kiện hàng cao quá đầu người nằm ngổn ngang, chất thành từng đống đầy ụ trước cửa và xung quanh nhà hát lớn. Gia đình nhà tôi chỉ mang theo một kiện hàng lớn thôi, chẳng ăn thua gì so với những kiện hàng to lớn của người ta. Thật hay, khi vào đến trong Nam, đồ đạc đóng thùng của nhà tôi còn nguyên vẹn chẳng suy suyễn một món gì.

Hôm ấy, một sáng đầu thu, tiết trời lành lạnh. Gió biển Đồ Sơn thổi về làm se sắt lòng người. Chuông đồng hồ rơi rạc, bi ai buồn 4 tiếng náo nùng. Cả nhà tôi, người trước kẻ sau đều bưng tỉnh. Giấc ngủ chưa tròn vì ai nấy đều thao thức bởi cuộc ra đi vô hạn định. Bố sụt sùi nói với chúng tôi: *"Các con ơi, liệu mặc quần áo vào là vừa. Chúng ta đi thôi."* Mẹ bật khóc. Anh em chúng tôi khóc. Mọi người đều khóc. Từ cả tháng nay, nhà tôi lúc nào cũng như có đám ma. Một cái tang không phải cho riêng ai mà cho tất cả. Một ngày lịch sử cho gia đình tôi. Một ngày lịch sử cho toàn dân miền Bắc. Bố tôi bắt tay và nói vài lời từ biệt cùng mấy người họ hàng, bằng hữu: *"Thế là hết. Hết tất cả. Hết thực sự rồi!"* Nhìn bố nghẹn ngào làm tôi cũng không sao ngăn nổi niềm xúc động cho riêng mình. Một cái gì nghe như từng tức nơi cổ họng. Mấy người bạn của anh tôi, những cô bạn gái thân thiết của tôi, họ đến tiễn chân gia đình tôi. Tay trong tay. Mắt nhìn mặt nghẹn ngào...Lời chúc tụng lúc này, đã trở nên vô duyên và nhạt nhẽo làm sao!

Chiếc xe ca chở gia đình tôi ra bến đò Bính từ từ lặn bánh. Chúng tôi giơ tay từ giã bà con trong khu xóm Trại Cau. Trời

chưa hẳn sáng. Ánh đèn đường lơ mờ qua hơi sương thu, không đủ cho chúng tôi nhìn rõ những hạt long lanh đọng trên khóe mắt. Hai bên hàng phố, nhà nhà vẫn cửa đóng then cài. Khu phố im lìm lặng lẽ. Con đường Trại Cau thân quen của tôi mờ dần sau màn sương sớm. Trong giây phút này, tôi chợt nhớ tới câu nói trong một trang tiểu thuyết nào đó: *"Những cuộc chia ly trong đời người như những toa tàu, ngàn đời muôn kiếp nối đuôi nhau..."* nên đành chấp nhận số phận của mình thôi.

Chiếc tàu "há mầm" đưa gia đình chúng tôi cũng như bao nhiêu gia đình người Bắc di cư ra chiếc tàu chiến của người Mỹ đậu ở Vịnh Hạ Long. Lúc ấy, trước mắt tôi là cả một vùng trời bao la biển rộng. Tôi thực hoang mang. Với khối óc non dại của tôi trong giây phút đó, tôi chưa thể hình dung được những gì sẽ tiếp nối cho cuộc sống ngày mai của gia đình mình. Nhưng có một điều là từ trong sâu thẳm của đáy lòng, tôi tin chắc rằng sự chọn lựa và quyết định của bố tôi để đưa gia đình xuôi Nam là hợp lý nhất...

**Ý Nguyên**

*Maryland, Feb. 2016*

*(Trích: Từ Một Vùng Ký Ức)*





*(Thương tặng Ngọc Dung để kỷ niệm ngày  
Bob ra đi-July 29, 2016)*

## NHỚ

Mưa Thu len lén bên song  
Mơ hồ ngỡ tưởng bạn lòng quanh đây  
Nhớ lời an ủi nguôi nguây  
Nhớ khi ai đó với đây chung đường  
Nhớ sao ... lời nói dễ thương  
Nhớ hình, nhớ dáng vẫn vương dạ này

Nhớ làn môi, nhớ nét mày  
Nhớ người quân cách tỏ bày hiên ngang  
Nhớ ai ánh mắt chứa chan  
Nhớ lời tri kỷ mang mang tình hồng  
Nhớ đêm Đông, nhớ Hè nồng  
Nhớ Thu vàng áo thông dong hiên hoà  
Nhớ Xuân thánh thót chim ca  
Nhớ sao là nhớ mặn mà yêu đương  
Chao ơi! tiếng dế miên trường  
Nhớ chi nhớ lạ người thương năm nào ...!

**Ỡ Nguyễn**

Maryland Dec. 2015



## THIS, TOO, SHALL PASS AWAY

Art thou in misery, brother? Then I pray  
Be comforted. Thy grief shall pass away.  
Art thou elated? Ah, be not too gay;  
Temper thy joy: This, too, shall pass away.  
Art thou in danger? Still let reason sway,  
And cling to hope: This, too, shall pass away.  
Tempted art thou? In all thine anguish lay  
One truth to heart: This, too, shall pass away;  
Do rays of loftier glory round thee play?  
Kinglike art thou? This, too, shall pass away!  
Whate'er thou art, wher'er thy footsteps stray,  
Heed these wise words: This, too, shall  
pass away.

**Paul Hamilton Hayne**  
(1830-1886)

\* Theo truyền thuyết, xưa có một vị quốc vương bị gặp nhiều lo âu, bèn triệu tập các triết gia và truyền cho họ tìm ra một khẩu quyết linh ứng có thể giúp nhà Vua yên tâm trong những lúc gian nan. Khẩu quyết đó phải gọn để có thể khắc vào nhẫn và phải thích ứng với mọi hoàn cảnh: vui, buồn, suy, thịnh. Sau nhiều tháng suy tư, họ đã dâng lên nhà Vua khẩu quyết trên: This, too, shall pass away. Chúng tôi xin dịch khẩu quyết và bài thơ của Paul Hamilton Hayne cống hiến quý độc giả.

## ĐIỀU NÀY CŨNG SẼ TRÔI QUA

Bạn đau khổ, xin cầu Thượng Đế,  
Bạn bình an, khổ sẽ trôi qua.  
Khi vui đừng có hoan ca,  
Mừng kia sẽ biến như là phù vân.  
Gặp hoàn cảnh nguy nan, vững dạ,  
Giữ niềm mong, hiểm họa sẽ qua.  
Gặp cơn cám dỗ, đừng sa,  
Vững tâm, bền chí, mưu tà lặn trôi.  
Vinh quang nọ sáng ngời đẹp đẽ,  
Tựa quân vương cũng sẽ dần tan.  
Đó đây trên cõi trần gian,  
Mọi điều đều sẽ dần dần trôi qua.

**Phương Du Nguyễn Bá Hộ**  
(Phỏng dịch)

\* Khẩu quyết trên thực là khôn ngoan, chân thực, có một giá trị vĩnh cửu. Tuy là viết cho nhà Vua, nhưng trên thực tế vô số người đã mang áp dụng. Nó đã làm cho các kẻ buồn được vui, kẻ lo âu thêm can đảm, kẻ sầu tư được thêm hy vọng.



MARCELLE PAPONNEAU và máy phóng đại các chữ  
(Nguồn tài liệu và ảnh: Internet)

## ĐÔI NÉT VỀ MARCELLE PAPONNEAU

Theo Guy Peyrat, bản thông tin viết ngày 22/04/2015, Marcelle Paponneau là một người bị khuyết tật thị giác rất nặng. Khi viết, bà phải dùng một máy đặc biệt để phóng đại mỗi chữ, khó khăn biết là dường nào. Thế mà ở tuổi 90, tác phẩm thứ năm của bà đã được ra mắt ngày 02/05/2015 và tổ chức tại phòng khánh tiết của tỉnh Montignac nơi bà sinh sống. Tác phẩm đa số là truyện kể, thơ, truyện ngắn nói về tình yêu thiên nhiên và đất đai gắn bó với thôn làng. Từng trông coi các cửa hàng

tạp hóa cùng với chồng là Roland, viết trở nên đời sống thứ hai của bà. Bà nhận được rất nhiều giải thưởng đem lại vinh quang cho tỉnh nhà. Bài thơ “Je croyais que vieillir...” (Cứ Tưởng Tuổi Già) cũng đã được nhiều người ưa thích và chuyển ngữ. Cảm nghĩ của bà về thơ : “*La poésie est la musique mystérieuse que l'on écrit avec les notes du coeur*”. (Thơ là một thứ âm nhạc huyền bí mà người ta viết bằng những nốt nhạc của con tim). Sau đây là hai bài thơ tiêu biểu của Marcelle Paponneau:

## JE CROYAIS QUE VIEILLIR...

Je croyais que vieillir me rendrait bien maussade,  
 Craignant chaque saison, les années, le tapage,  
 Le grand vent et la pluie, l'esprit qui se dégrade,  
 Les cheveux clairsemés, les rides du visage.

Et puis je m'aperçois que vieillir n'a pas d'âge,  
 Qu'il ne faut point gémir, au contraire chanter  
 Et même, à petits pas, les jours ont l'avantage  
 D'être beaux et trop courts quand ils sont limités.

Je croyais que vieillir c'était le ciel tout gris,  
 Le printemps sans les fleurs, les lèvres sans sourire,  
 Les fêtes sans chansons, les arbres rabougris,  
 Un livre sans histoire, un crayon sans écrire.

Et puis je m'aperçois que vieillir rendre bien sage,  
 Que je vis chaque instant sans penser à demain,  
 Que je ne compte plus les années de mon âge,  
 Peu importe le temps, le crayon à la main.

Je croyais que vieillir transformerait mon âme,  
 Que je ne saurais plus contempler les étoiles,  
 Que mon cœur endurci n'aurait plus cette flamme,  
 Qui transforme la vie lorsque le ciel se voile.

Et puis je m'aperçois que les plus belles roses  
 Fleurissent à l'automne et sous mes yeux ravis,  
 Je respire très fort ce doux parfum que j'ose  
 Garder pour embaumer l'automne de ma vie.

**Marcelle Paponneau**  
(La voix de l'Hospitalite)



## CỨ TƯƠNG TUỔI GIÀ...

Cứ tưởng tuổi già làm tôi buồn chán,  
 Sợ mùa qua, năm đến, tiếng ồn ào,  
 Sợ gió to mưa lớn, trí hư hao,  
 Tóc thưa mỏng, làn nhẵn trên nét mặt.

Tôi chợt biết già cần gì tuổi tác,  
 Không muộn phiền chỉ nên sống ca vui,  
 Bước chậm vào ngày tháng của cuộc đời  
 Càng xinh đẹp lại càng nhiều ngăn hạn.

Cứ tưởng tuổi già nền trời tối xám,  
 Xuân chẳng đầy hoa, môi vắng tiếng cười,  
 Hội hè im hơi, cây lá cộc còi,  
 Sách không truyện dẫn, bút cầm không viết.

Tôi chợt hiểu có điều hơn lẽ thiệt,  
 Sống hôm nay không nghĩ đến ngày mai,  
 Đêm làm chi tuổi đời ngắn với dài,  
 Mặc thời buổi, bút đề thơ chan chứa.

Cứ tưởng tâm hồn già nua héo úa  
 Không biết ngắm nhìn cả một trời sao  
 Tim cứng chai đâu còn ngọn lửa nào  
 Biến đời tôi khi trời mờ khuất.

Tôi chợt thấy những cánh hồng đẹp nhất,  
 Nở vào thu bên ánh mắt reo vui  
 Hít mạnh mùi thơm êm dịu, cho tôi  
 Giữ để ướp hương mùa thu cuộc đời.

**Nguyễn**

**Mây**

**Thu**

(dịch)

# VIỄN XỨ CA

Slow rock (75)

Nhạc và lời: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Anh đứng bên bờ sông Cầu Long, hướng nhìn ra Biển Đông, nghe lòng anh đây sóng. NAM

QUỐC SƠN HÀ NAM ĐỂ CỬ, sáng ngời trang sử thi có bốn ngàn năm Văn Hiến. Trên

bước sông hồ anh viễn du, gôi đầu lên án thủ xem "BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO". SÔI NỔI..... Anh

biết quê nhà em ngóng trông những người con núi sông mang mệnh nước thẳm trăm. Bao

mong ước chung góp sức vun đắp quê hương nhà. Dân nước ta tiên bước trên đỉnh cao nhân loại

Khi ấy đôi mắt biếc thôi uớt đêm cỏ cầu. Khi ấy anh rủ áo thôi hát câu "VIỄN XỨ CA". Anh

nhỏ mảnh vườn xưa chôn quê, mái nhà xưa ấm êm, nỗi bình yên chim hót. CODA..... Những

gót quân thù dẫm Biển Đông, những người mang (theo) núi sông chưa dừng bước tang bồng. NAM

QUỐC SƠN HÀ NAM ĐỂ CỬ, SỬ TRÒI GHÌ ÁNG THỦ: "VIỆT NAM SÔNG NÚI THIÊN

THU".

# Dạ Cổ Hoài Lang

## -nỗi dài nỗi nhớ...

### Phạm Bá

Không phải một sự ngẫu nhiên mà người viết có thể viết về chuyện tình của một bài ca vọng cổ đã đi vào lịch sử “Tài tử đờn ca Nam Bộ”. Cũng chẳng phải là người viết sinh trưởng từ vùng đất hiền hoà Phương Nam, nắng sớm mưa chiều, nhưng người viết đã được lớn lên trong cái nôi đồng rộng sông dài, đã khiến một tâm hồn vốn mến yêu văn nghệ nhất là thú cầm ca, lại một lần lạc vào những âm thanh – nơi những tấu khúc của Chín Con Rồng đã tạo ra bản giao hưởng Biển Đông, khi Thanh Hương, người nghệ sĩ cải lương hay nhất của sân khấu cổ nhạc Miền Bắc bấy giờ cất tiếng ca khiến bao người phải bùi ngùi cảm động khi người nghệ sĩ xuống sáu câu vọng cổ nghe ra thật là “mùi”. Từ phong cách trình diễn, nâng niu từng cung bậc của ca từ đến chất giọng ngọt ngào phát ra từ một nghệ sĩ có tên tuổi trên sân khấu nhà hát Tiếng Chuông Vàng Thủ Đô – nguyên là dấu ấn cuối cùng của Đoàn Kim Chung trước năm 1954 để lại, đã dạt dào xâm lấn tâm hồn tôi. Phần vì trong bài ca có câu “Từ là từ phu tướng, bảo sắc kiếm phong lên đàng...”, khiến tôi phải suy tư về đề tài của bài viết: “Dạ cổ hoài lang” (Đêm xưa nhớ chàng)

#### Đôi giò lịch sử ...

Tương truyền vào một đêm cuối năm đầu thế kỷ 20 những âm thanh da diết như lén thoát ra từ những ngón tay vàng qua



tiếng nguyệt cầm điều luyện của Sáu Lầu. Tâm trạng và hình ảnh người chinh phụ trong phút giây bịn rịn tiễn đưa chồng ra ngoài quan ải trong Chinh Phụ Ngâm Khúc như đã vận vào người nghệ sĩ:

Hà-lương chia rẽ đường này  
Bên đường trông lá cờ bay ngùi  
ngùi... (câu 43, 44)

Và còn hơn thế nữa, người nghệ sĩ còn liên tưởng đến sự tích bài thơ “Chức Cầm Hồi Vân”<sup>1</sup>, qua tâm trạng của nàng Tô Huệ - vợ Vương Thao<sup>2</sup>, khi chồng nàng trấn đóng ngoài quan ải. Nàng năm canh thui thủi một mình ngóng trông tin chồng như mong tin nhận. Trong nỗi buồn đơn côi ấy đã khiến nàng làm một bài thơ theo thể Thất Ngôn Cổ Phong 280 câu thêu lên gấm đem dâng Vua. Vì quá cảm động khi xem đến bài thơ, thương xót người vợ hiền đêm đêm một mình một bóng, Vua đã ban chỉ sớm cho vợ chồng xum họp. Rồi đến một ngày, như cổ đồn nên tất cả cảm xúc của mình để đếm từng niềm riêng nỗi nhớ, Cao Văn Lầu đã phải viết ra ca từ “Dạ Cổ Hoài Lang”:

Từ là từ phu tướng  
Bảo sắc kiếm phong lên đàng  
Vào ra luống trông tin chàng  
Đêm năm canh mơ màng  
Em luống trông tin nhận  
Ồ ! gan vàng quận đau  
Đường dài xa ong bướm  
Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang  
Còn đêm luống trông tin nhận

Ngày mòn mỏi như đá vọng phu  
Vọng phu vọng, luống trông tin chàng  
Lòng tin chớ phụ phàng  
Chàng hỡi chàng có hay  
Đêm thiếp nằm luống những sầu tây  
Biết bao thuở đó đây xum vầy  
Duyên sắt cầm đừng lạt phai  
Thiếp cũng nguyện cho chàng  
Nguyện cho chàng hai chữ bình an  
Mau trở lại gia đình  
Cho én nhận hợp đôi.

Tiếng nguyệt cầm vừa dứt chính là nỗi niềm ray rứt của kẻ ở người đi giữa Sáu Lầu và vợ trong nỗi bất hạnh chia lìa của một cặp vợ chồng chưa có con kế tự.

Sáu Lầu tên thực là Cao Văn Lầu, sinh năm 1890, là con thứ sáu trong một gia đình nghèo khó ở đất Long An. Vì hoàn cảnh gia đình bần hàn quần bách, cha ông đã quyết định đưa cả gia đình về Bạc Liêu lập nghiệp. Ông thân sinh ra Sáu Lầu vốn là người ưa thích nghiệp cầm ca, đã quyết định gửi Sáu Lầu đến thụ giáo tại một lò cổ nhạc.

Vào đầu thế kỷ 20, phong trào đàn ca tài tử Nam Bộ ở Bạc Liêu hơn hẳn các phong trào trong vùng Miền Tây và Miền Đông và ông thân sinh đã quyết định gửi ông đến lò cổ nhạc nổi tiếng nhất của ông Nhạc Khị - Lê Tài Khị, được người đương thời tôn vinh là người chơi nhạc tài tử giỏi nhất. Từ đó, Sáu Lầu trở thành người học trò xuất sắc có một không hai của Lò cổ nhạc ông Nhạc Khị.

Càng học, Sáu Lầu càng tỏ ra là một nhân tài có thể kế nghiệp thầy Nhạc Khị.

Ông được nhạc sư cho điều khiển ban Nhạc Lễ lớn cùng với các thầy đồn từ Lục Tỉnh kéo về thi thố tài năng. Có lần thầy Nhạc Khị đã phải thốt lên: “Thằng Lầu xứng đáng thay mặt thầy đi thi, mà không phải lo lắng gì cả.”

Nếu cung đàn và tiếng hát của Sáu Lầu đã ngự trị những sân chơi điệu nghệ

thì đường tình ái của ông lại gặp nhiều trắc trở dờ dang.

Số là thầy Nhạc Khị có cô con gái tên là Hai Thân, sắc nước tài cao, đã khiến Sáu Lầu yêu trộm nhớ thầm. Như một duyên tình từ tiền kiếp đã đưa đẩy đến ông như chuyện kể của người xưa: “*Vũ vô kiểm tỏa năng lưu khách; Sắc bất ba đào dị nịch nhân*”.<sup>3</sup>

Nhưng khốn nỗi, trong cảnh nhà nghèo túng, biết mộng ước khó thành, Sáu Lầu đành giã từ thầy học, lánh xa người mình thương, lặng lẽ bỏ đi ...

Thời gian sau, Sáu Lầu lập riêng một ban Nhạc Lễ để phục vụ địa phương lối xóm. Chẳng bao lâu, tiếng tăm ban nhạc của ông đồn vang khắp miền Lục Tỉnh.

Vào năm 1916, cô Hai Thân bước lên xe hoa về nhà chồng và cùng lúc Sáu Lầu cũng được gia đình cưới cô Trần Thị Tấn về làm vợ. Cuộc hôn nhân được làng trên xóm dưới ngợi khen là xứng đôi vừa lứa. Nhưng lấy nhau được ba năm, vợ chồng vẫn chưa có lấy một mụn con để nối dõi tông đường, khiến mẹ Sáu Lầu day nghiến nàng dâu: “Tam niên vô tử bất thành thê”. Dù vợ chồng thương yêu nhau hết mực, nhưng không thể sống trong cái cảnh khắc nghiệt mẹ chồng nàng dâu, vợ ông đã bỏ trốn về nhà với cha mẹ đẻ. Ai cũng tưởng vậy. Nhưng thực sự nàng không về nhà cha mẹ mình mà xin vào làm công quả cho một ngôi chùa trong vùng. Còn ông cũng bị mẹ mình canh chừng như bị quản thúc tại gia khiến không dễ gì thoát ra đi tìm vợ được. Rồi một đêm cuối năm, trong cái cô đơn lạnh lẽo nơi thư phòng, phần thương thân vợ, phần tủi phận mình, Sáu Lầu đã gửi lòng vào tiếng nguyệt cầm ai oán: “*Dạ cổ hoài lang*”. Có ngờ đâu bản Dạ Cổ Hoài Lang ra đời lại vang dội khắp vùng Bạc

Liêu thời đó. Nhưng duyên tình “đôi ta tình nặng nghĩa dày, có xa nhau đi nữa ba vạn chín ngàn ngày mới xa” (cd). Rồi một ngày, bên “cây đa bên cũ, con đò năm



Ảnh: Phạm Bá – 2011

xưa”, vợ chồng lại trùng phùng hạnh ngộ, vào lúc vợ ông thọ thai sau hạ sanh được một bé trai. Cả tỉnh Bạc Liêu lại thêm một lần truyền khẩu: “Con thầy đồn có khác...đợi cho tía viết xong bản nhạc rồi mới chịu ra đời”. Sau đó gia đình lại sum họp an vui và hai người sau có với nhau 7 mụn con, 5 trai 2 gái.

Đó là tình sử bài “Dạ cổ hoài lang”.

Cho dù cùng thời với ông Sáu Lầu còn có nhiều nhạc sĩ nổi danh khác như Mộng Vần, Ba Chột...với những bản Tứ Bửu Liên Thành, ...từ Cổ Bản sang Nam Xuân, từ Liên Nam sang Văn Thiên Tường và buồn da diết hơn nữa trong khúc Phượng Cầu Hoàng, như bài Dạ Cổ Hoài Lang quả đã làm phong phú thêm cho dòng âm nhạc tài tử Nam Bộ và là một bài cho đến bây giờ bước qua nhiều thiên niên kỷ, vẫn được tôn vinh là tiền thân của Sáu câu Vọng Cổ - một dòng âm nhạc truyền thống của đất Phương Nam.

Nhạc sĩ Sáu Lầu và chính những nhạc sĩ đương thời nói trên là những người tiên phong làm rạng danh nền cổ nhạc Việt Nam vào những năm 1935-1938 và nhất là sau ngày chiến tranh chấm dứt, thú đồn ca

tài tử vừa cao sang vừa dân dã đã đi vào lòng dân tộc nay lại được thăng hoa cùng với những tấu khúc của Cửu Long Giang.

Ước mong một ngày nào đó không xa, người viết được làm một chuyến lãng du về Miền Tây, được đứng bên bờ sông đỏ ngầu phù sa nước lớn, được lắng nghe tiếng đồn ca ngọt lịm của những tốp ca tài tử, cùng để được thưởng thức khô mực và men cay đế Gò Đen...

Mong lắm thay !

#### **Tài liệu tham khảo:**

- Nam Bộ Xưa và Nay
- Tự Điển Thành Ngữ Điển Tích
- Nghệ thuật Sân Khẩu VN.
- Và một số tư liệu khác.
- 1. Dệt bài thơ lên gấm dâng Vua, xin cho chồng được trở về.
- 2. Có sách chép là Đậu Thao
- 3. Đối đáp văn học đời Nhà Lê giữa thầy đồ Đàm Thuận Huy và trò Nguyễn Giản Thanh vì Giản Thanh đã say mê con gái lớn của Thầy Đồ. Một chiều vào giờ tan học, đúng vào lúc trời mưa to gió lớn, học trò không ai ra về được, Thầy ra câu đối:
- Thầy:** Mưa không phải là khoá cửa, mà vẫn giữ được khách ở lại trong nhà.
- Trò:** Sắc đẹp của đàn bà không phải là sóng nước mà vẫn nhận chìm được người ta.



Phạm Bá

# Thiên Thần Tuyệt Đẹp

**LTS:** *Cỏ Thơm đăng lại **Thiên Thần Tuyệt Đẹp** của Diễm Trân vì đó là xuất xứ của bài thơ cùng tiêu đề dưới đây mà Cỏ thơm đã không đăng trong số báo trước.*

Tháng mười 2015

Mẹ tôi và tôi bay đến Austin ngày 17 vì con gái tôi sắp sanh. Đây là cháu ngoại thứ nhì của tôi, chất thứ nhì của mẹ tôi. Ngày sanh phỏng ước là ngày 21. Tôi muốn có mặt như hai năm về trước khi cháu ngoại đầu Nhỏ Con Rồng chào đời.

Một tuần trước khi tôi đến, con gái tôi làm một bữa tiệc sinh nhật 100 tuổi cho cái đàn dương cầm mà cô ta đặt tên là đàn Volkert. Volkert là họ của ông ngoại của chồng tôi, tức là “maiden name” của mẹ chồng tôi, và cái đàn dương cầm con tôi có trước đó thuộc về mẹ chồng tôi. Bà là một nhạc sĩ dương cầm rất giỏi, nhưng sau một trận đột quỵ đã phải nghỉ chơi đàn. Lan là cháu duy nhất đánh đàn nên thừa hưởng đàn dương cầm của Bà. Lan đã tu sửa đàn và nay muốn vinh danh bà nội và ăn mừng đàn Volkert bằng cách làm một bữa tiệc tấu những bản nhạc bà nội đã một thời biểu diễn. Chồng tôi tham dự bữa tiệc này. Tôi để dành thời giờ đến gặp hai cháu ngoại nên không đi.

Vì Lan bận rộn cho đến gần ngày sanh và vì mọi người nói con rạ đẻ sớm hơn con so, tôi nghĩ có thể cháu thứ nhì sẽ ra sớm

hơn cháu đầu. Cho nên tuy cháu Nhỏ Con Rồng ra đời một tuần sau ngày sanh phỏng ước, tôi đến sớm vài ngày cho cháu thứ nhì. Nhưng rồi cả nhà cũng vẫn phải chờ đợi cả tuần sau cháu mới ra đời, mười ngày sau khi mẹ tôi và tôi đến.

Hai năm trước thì chúng tôi đi ra ngoài nhiều trong khi chờ đợi ngày sanh, như đi bộ ngắm cảnh, đi bơi, hay đi xi nê; còn năm nay vì phải trông coi cháu Nhỏ Con Rồng nên chúng tôi cũng không đi ra ngoài nhiều. Để kích thích sự sinh đẻ, Lan đi châm cứu và ăn những món cà ri Ấn Độ và món Ý “eggplant parmigiana” theo công thức của tiệm ăn Scalini’s như hai năm về trước. Rồi chuyện sẽ đến đã đến. Sáng ngày 27 khi tôi ngủ dậy, Lan báo cho tôi biết là nước ối đã vỡ và đã chuyển dạ.

Cháu ngoại thứ nhì của tôi ra đời xế trưa trong một bồn tắm lớn trong một nhà hộ sinh. Mẹ cháu chọn nhà hộ sinh thay vì nhà thương. Khi cháu được bà mẹ đặt lên ngực mẹ thì cháu khóc oà, tiếng khóc to đầu tiên làm mọi người nở nụ cười vui sướng. Lúc đó con rạ tôi mới khám xét và loan báo đó là con gái. Nhà hộ sinh không hấp tấp tắm và cân đo em bé như nhà thương. Họ để mẹ con có thì

giờ khẩn khít với nhau một thời gian dài. Tôi báo cho chồng con tôi tin vui. Khi con trai tôi hỏi tên em bé thì con rể tôi trả lời là TBA (“To Be Announced” có nghĩa là “Sẽ Được Báo Sau”). Nhưng tôi lại muốn TBA có nghĩa là “The Beautiful Angel” nên tôi phiên dịch TBA thành “Thiên Thần Tuyệt Đẹp.”

Bài thơ này tôi viết tặng cháu, với tựa đề **Thiên Thần Tuyệt Đẹp**. Tôi mong một ngày cháu sẽ tự đọc và không cần thông dịch viên.

*Hơn một tuần Ngoại hằng mong đợi  
Phút giây thần tiên mà sẽ không là quá sớm  
Nổi mừng vui rộn ràng cơn gió thoảng  
Khi tin con sắp đến được loan ra  
Bao nhiêu xúc cảm bồi hồi  
Khi tiếng khóc lọt lòng chợt vang tai  
Hạnh phúc tràn trề trong vũ trụ  
Khi con mở đôi mắt to xinh nhìn Ngoại  
Con ghi dấu một chương sách mới  
Với tình yêu dệt vào những chuyện thật hay  
Con là Thiên Thần Tuyệt Đẹp  
Gửi Ngoại niềm vui bằng nhiều phép diệu kỳ  
Con tô điểm cuộc đời  
Với rực rỡ muôn màu và ánh sáng lung linh  
Con yêu dấu muôn vàn  
Trong cuộc hành trình con lớn khôn  
Niềm yêu thương của Ngoại sẽ ấp ủ con luôn  
Qua khắp chặng đường bất kể chông gai*

## DIỆM TRÂN

## Anh Sẽ Bên Em

Trong không gian anh sẽ là mây khói  
Bay bổng phương trời chốn có em  
Anh sẽ là chim hót líu lo  
Hòa nhạc em nghe giữa rừng bát ngát  
Anh sẽ là cánh bướm mong manh  
Đậu trên khóm hoa vàng em ngắm  
Anh sẽ là chàng nai ngơ ngác  
Bên cánh đồng cỏ xanh thơ mộng  
Anh sẽ là dòng nước chảy êm  
Quanh núi chập chùng ngàn cây rợp mát  
Anh sẽ là tuyết trắng đời thông  
Dưới ánh trăng ngà khi mùa đông đến  
Anh sẽ là sao sáng lung linh  
Chiếu xuống môi mềm ánh mắt trong  
Anh sẽ là hơi ấm thái dương  
Sưởi kín lòng em hết giá băng  
Anh sẽ bên em trong giấc ngủ  
Khi em thì thầm gọi tên anh  
Anh sẽ bên em trong ước mơ  
Khi em nguyện cầu được ơn ban  
Anh sẽ bên em trong hạnh phúc  
Khi em vui đùa má hây hây  
Anh sẽ bên em mãi bên em  
Con đường em đi gió nhẹ bay

## DIỆM TRÂN

# DUYÊN MUỘN

## Tôn Nữ Mặc Giao

Di út tôi da trắng như trứng gà bóc, mũi cao. Khuôn mặt trái xoan, mắt một mí trông như búp bê Nhật Bản. Đôi môi hơi dày, đỏ hồng, cái miệng nhỏ xíu cười thật xinh với hai hàm răng trắng và đều như hạt bắp. Tóc di đen mượt thả dài xuống ngang eo, mỗi lần di vấn tóc cao ngồi bên giá thêu đặt cạnh cửa sổ của căn phòng đối diện với phòng khách trong căn nhà ngói năm gian của ông ngoại ở Gò Vấp. Ánh nắng ban trưa rọi xiềng xiềng qua khung cửa sổ, khuôn mặt di ửng hồng nghiêng nghiêng bên giá vẽ với đôi tay thoăn thoắt đâm lên kéo xuống, đẹp như một bức tranh vẽ thiếu nữ Việt Nam của họa sĩ Lê Trung ngày xưa vậy.

Di út tôi đẹp như vậy mà bị cái tên nghe hơi kỳ cục. “Di Mót”, thật ra đây chỉ là nick name gọi ở nhà cho vui thôi. Ông bà ngoại kể lại là tại bà ngoại đã lớn tuổi, nghi đề đã 20 năm. Bỗng dưng sau khi gả đứa con gái đầu lòng (là mẹ tôi) cho cha tôi xong, ba tháng sau bà ngoại phát hiện mình có bầu. Lúc đó bà ngoại đã 51 tuổi, cho nên ông bà ngoại mới gọi di tôi là Mót. Có nghĩa là già rồi mà vẫn còn mót lại được một đứa con nên gọi là con mót. Tuy chỉ là tên gọi ở nhà nhưng gọi mãi thành chết tên luôn chứ thật ra tên di út tôi trong khai sanh rất là đẹp: “Trần Thiên Loan Phụng”, tại ông ngoại nghĩ đây là đứa con trời ban nên thay vì chữ Thị, ông ngoại lột chữ Thiên để tạ ơn ông trời đã ban cho ông bà ngoại một đứa con gái út làm vui cửa vui nhà, an ủi tuổi già của ông bà ngoại sau khi mẹ tôi xuất giá

theo chồng. Lịch trình sanh đẻ của bà ngoại tôi cũng rất là ngộ, bà ngoại lấy chồng năm 26 tuổi, một năm sau mẹ tôi ra đời. Tưởng mẹ tôi là con một vì chẳng kiêng cử gì mà bà ngoại tôi vẫn không mang bầu thêm một lần nào nữa! Đùng một cái 4 năm sau, cái bụng bà ngoại cứ phình to, ăn no ngủ kỹ. Chừng nghe thai máy mới biết mình đã mang bầu, vài tháng sau đó ông ngoại tôi có thêm một đứa con trai. Đó là cậu út tôi cách xa đứa em gái út (là di Mót) những hai mươi tuổi. Tại ông ngoại tưởng cậu út tôi là đứa con chót rồi nên mới gọi là cậu út, bây giờ có thêm một đứa nữa ở tuổi xế chiều nên di út tôi mới bị mang tên Mót là vậy đó! Cũng may là bà ngoại hết sanh thiệt, chứ nếu bà ngoại mà cứ tì tì sản xuất thêm một hai đứa nữa không biết tôi còn có thêm cậu hay di Mót thêm, Mót nữa, Mót chót quá.

Má tôi kể lại là vì lớn tuổi mà còn mang bầu nên bà ngoại mắc cỡ trốn luôn trong nhà ít có đi ra ngoài. Cũng may mà má tôi không thuộc loại mẫn con, chứ nếu về nhà chồng ngày nào mà chữa ngày nấy thì bị người ta cười con sanh mẹ cũng sanh là cái chắc. Di út tôi được 9 tháng tuổi thì má mang bầu tôi, cho nên hai di cháu chênh lệch nhau có hơn một tuổi chơi với nhau rất hợp. Phải nói là vì cùng độ tuổi với nhau nên dễ thông cảm với nhau hơn chứ tôi với di như hai thái cực. Di hiền thực, dịu dàng công dung ngôn hạnh vẹn toàn. Lại khéo chân khéo tay nên tề gia quán xuyến việc nhà đâu ra đó. Chả bù với tôi cứ như con “giặc cái”. Tôi khỏe mạnh người hơi gân guốc, vì bơi lội tập thể thao nhiều nên hợp với những bộ đồ có chút hơi ngổ ngáo hơn là dịu dàng khép nép với hai tà áo dài. Trái lại di út tôi thân hình rất cân đối, mặc cái gì cũng rất đẹp. Di mặc áo dài trông tha thướt

cứ như người mẫu, mặc đồ tây cũng rất lịch sự, sang cả. Chỉ tiếc là đi chẳng bao giờ dám mặc mini jupe như tôi, chứ nếu đi mặc, tôi tin chắc đôi chân thon dài của đi không thua gì cặp đùi của nữ nghệ sĩ Hương Thủy.

Thấm thoát chúng tôi trưởng thành lớn lên cùng nhau trong căn nhà ngói năm gian rộng thênh thang của ông bà ngoại với vườn cây ăn trái bao quanh bốn mùa xum xuê những trái là trái. Cách một hàng dừa bên ven một con hào nhỏ phía bên trái hông nhà, có một cây cầu gỗ bắc ngang qua phía bên kia là một ngôi biệt thự ba tầng xây theo lối mới với một cái hồ tắm phía sau vườn thật là đẹp. Đó là nhà của cậu út tôi, bởi cậu út tôi tốt nghiệp Đại học Kiến trúc rồi về kiểu nhờ thợ xây cất ngay trên miếng đất hương quả của ông bà ngoại, sau này cậu lập gia đình và sống ở đó luôn. Má tôi nói đó là ông bà ngoại chia gia tài cho cậu sở hữu miếng đất kế bên để tiện bề săn sóc ông bà ngoại lúc tuổi già. Ngoài ra cậu còn được sở hữu thêm một vườn cây ăn trái của ngoại ở Lái Thiêu mà huê lợi hằng năm không phải nhỏ. Má kể ngoại nói má với dì Mót là nữ sanh ngoại tộc nên thừa hưởng gian nhà ngói năm gian với mảnh vườn bao quanh cũng khá lớn, ngoài ra còn một mảnh đất trống phía bên tay mặt (phía bên trái cậu út đã xây nhà) cũng đang bỏ trống. Ngoại nói hai chị em má (má với dì Mót) muốn chia làm sao thì chia. Nhưng ngoại mong là mấy chị em đoàn kết ở chung với nhau một chỗ, đứa ăn nên làm ra thì trông nom giúp đỡ cho đứa chưa khá chứ đừng vì gia tài mà cãi cọ tranh giành làm ngoại buồn. Cũng may là cậu út rất biết điều, mợ út cũng biết phải quấy và giữ phận dâu con. Thêm vào má tôi với dì Mót cũng rất thuận thảo và có hiếu với ông bà ngoại trong gian

nhà ngói ba gian nên hòa khí trong gia tộc rất là vui vẻ đầm ấm.

Sở dĩ má tôi đã lập gia đình với cha mà vẫn ở chung với ông bà ngoại là vì cha tôi phải nhập ngũ rày đây mai đó để chú út tôi được miễn dịch học tiếp rồi đi Tây du học theo như ước nguyện của ông nội tôi mong muốn. Sau này chú lập gia đình với một bà đầm rồi ở luôn bên đó, ông bà nội thất vọng nên để di chúc quyền thừa kế tất cả bất động sản và xưởng dệt tơ lụa lại cho cha tôi sau này khi ông bà đã qui tiên. Cho nên má tôi nói không lo chuyện chia gia tài với dì Mót, sau này má và chúng tôi (khi tôi được 3 tuổi, má tôi lần lượt đẻ thêm hai em trai nữa) sẽ theo ba dọn về bên nội ở Chợ Lớn nếu dì Mót lập gia đình. Bởi ông bà Nội cứ phàn nàn là nhà rộng ba bốn tầng lầu mà chẳng ai chịu ở. Má sợ làm dâu nên nại có ba rày đây mai đó mà ở miết với ngoại. Sau này ba tuy được đổi về Sài Gòn nhưng cũng theo má “định cư” bên vợ luôn, ông bà nội nói hoài không được nên cũng thôi. Và chúng tôi chỉ về bên nội thăm nom theo thời khóa biểu định kỳ hằng tuần, hoặc có giỗ quây, tết nhất hay đột xuất khi ông bà đau ốm mà thôi. Ông bà ngoại tôi vì muốn giữ lại những nét cổ xưa của ông bà Tổ Tiên để lại nên nhất quyết giữ nguyên ngôi nhà ngói năm gian (chỉ tu sửa những chỗ hư hỏng) chứ không chịu xây mới lại như cậu út tôi vẫn “offer” sẽ xây free không lấy tiền.

Mặc dù chúng tôi vẫn thỉnh thoảng leo qua cây cầu gỗ để băng qua bên kia hưởng ké những tiện nghi ngôi nhà mới của cậu, nhưng vẫn đồng ý với ông bà ngoại là ngôi nhà ngói năm gian vẫn là “number one”. Những buổi trưa nóng nực trong căn phòng với máy lạnh chạy 24/7 của cậu út, làm sao bằng những buổi trưa hè trên chiếc võng

đong đưa treo giữa hai gốc cây bự sau hè của nhà ngoại bên cạnh những giàn bầu, giàn mướp với gió mát hiu hiu của rừng cây ăn trái đưa mình vào giấc ngủ ngon lành. Những lúc đứng trên cao với những bộ quần áo tắm thời trang lộn mèo xuống “swimming pool” của cậu, làm sao vui bằng những lúc mặc quần áo bà ba cùng với dì út và mấy thằng em trai đi qua cây cầu khi gió hót, nín kéo, xô đẩy té nhào xuống ao thật là sướng khoái. Rồi những đêm rằm gió mát trăng thanh, bóng trăng tròn vành vạnh trôi ngang qua cửa sổ trên bầu trời trong xanh, không khí thật trong lành như cảnh đồng quê. Tôi với dì út cứ tranh nhau nằm cạnh cửa sổ để được ngắm trăng trời mà tưởng tượng đến truyền thuyết chú cuội đang du tòn teng theo gốc cây đa bay lên mặt trăng. Ở đó, chị Hằng đang mỉm cười dang tay chào đón chú cuội, và ở đó chắc cũng chẳng bao giờ có bon chen sân hận, mà chỉ có “hai ta” với một tình yêu tràn trề hạnh phúc nên chú Cuội chẳng bao giờ thèm quay về cõi trần gian ô trọc mà làm gì. Ôi quê ngoại với thời thơ ấu của tôi chỉ vì chiến tranh mà tan hoang tất cả.

Trở lại chuyện dì út, chúng tôi lớn lên trở thành những thiếu nữ phải nói là khá xinh đẹp, con nhà danh giá cũng khá nổi tiếng ở trong xóm. Dì út tôi học hành đàng hoàng, chăm chỉ đảm tính và vạch sẵn hướng đi tương lai cho mình, đi tốt nghiệp y tá làm việc ở Tổng y viện Cộng Hòa trước năm 75. Còn tôi chả ra làm sao cả, lúc thì muốn đi học, lúc thì muốn đi làm nên dang dở lung tung. Cũng tốt nghiệp lớp 12 và lên đại học như ai. Nhưng học hành chưa tới đâu hết thì bị tiếng sét ái tình nên lấy chồng cắt ngang sự học, chồng tôi là một Đại Úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

thuộc binh chủng Không Quân đóng ở Biên Hòa. Tôi lấy chồng xong phải theo ông xã về sống với nhà chồng ở Sài Gòn vì ông xã tôi là con trưởng. Nhưng được cái nhà chồng tôi theo Tây học nên con cái rất thoải mái trong việc giao tiếp và cách ăn mặc, miễn sao đừng quá lộ thì thôi. Cho nên tôi với các cô em chồng rất hợp nhau, không bao giờ có chuyện chị dâu em chồng xảy ra như các gia đình khác. Tôi đã yên bề gia thất mà dì út tôi thì vẫn phòng không chiếc bóng. Ông bà ngoại tôi sốt ruột kiếm người làm mai nhưng dì không chịu, dì cứ tùm tùm cười nói:

- Con ở vậy để sau này nuôi ba má .

Ông ngoại tôi bật cười:

- Mai một ba má già rồi cũng phải chết.

Lúc đó ngược lại ba má sẽ không an tâm vì con chưa có bạn đời để dựa dẫm lẫn nhau.

Dì cười chỉ má tôi nói lảng:

- Lúc đó con sẽ sống với chị Hai.

Chồng tôi cũng có dắt bạn về giới thiệu nhưng dì lắc đầu và chê “con nít”, dì đã từ chối không biết bao nhiêu là cơ hội để lên xe hoa mà chúng tôi cũng không hiểu lý do tại sao. Thời gian này tôi sống bên nhà chồng nên không hay không biết dì đã từng nhận thư của một người con trai ở tít tận phương trời Âu xa lắc đều đều mà gia đình chẳng ai hay biết. Khi tôi có bầu thằng cháu đầu lòng thì biến cố 75 xảy ra. Tôi theo gia đình chồng đi tản, bỏ lại sau lưng ông bà, cha mẹ họ hàng, dì út và cả khung trời thơ ấu sống ở ngôi nhà ngói năm gian với những hàng dừa xanh dọc theo con hào nhỏ có cây cầu gỗ bắc ngang qua nhà cậu út. Những cây ăn trái bốn mùa của nhà ngoại, hương thơm giàn hoa lý với những giàn mướp giàn bí, những con ong bầu, những cây cầu khỉ. Những tiếng cười đùa của dì

cháu tôi, của chị em tôi thời thơ ấu còn vang lòng lộng đã làm tôi khóc ngất khi ngồi trên máy bay nhìn xuống quê hương lần cuối cùng. Xa dần, xa dần rồi mất hẳn mà cho đến bây giờ đã 40 năm qua tôi vẫn chưa hề gặp lại.

Tội nghiệp dì út tôi đẹp người đẹp nét như thế mà số phận hẩm hiu. Ông bà ngoại tôi lần lượt qua đời sau khi cộng sản vào đã làm khó dễ và tịch thu rất nhiều đất đai mồ hôi nước mắt của ông bà ngoại tôi tạo dựng lên. Cậu út tôi thấy khó sống với cộng sản liền tung vàng ra mua chỗ bán chính thức cho mọi người vượt biên, dì út tôi thương mồ mả ông bà ngoại không chịu đi đời ở lại sớm hôm hương khói cho ông bà. Má tôi thương dì út tôi như con (hai chị em cách nhau tới hai con giáp) nên cũng ở lại theo dì út. Chỉ có cha tôi với hai thằng em trai là đi theo gia đình cậu út. Cuộc vượt biển thành công nên sau này tôi được gặp lại gia đình cậu út, cha và hai em trai tại Mỹ. Cuộc trùng phùng này cũng khiến tôi nguôi ngoai đi được phần nào nỗi nhớ thương gia đình và quê nhà. Chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc với má và dì út. Có một lần nhận được thư má viết về dì út tôi mới biết thêm một chuyện. Thì ra dì từ chối rất nhiều cơ hội lấy chồng là tại muốn chờ đợi một ông bác sĩ trước khi đi du học ở Pháp đã hứa hẹn với dì hãy đợi chờ hân thành tài sẽ quay trở lại cưới dì. Nhưng rồi trận đại hồng thủy 75 xảy ra, và ông bác sĩ ở bên kia bờ đại dương đã vội quên lời thề ước với dì, lẳng lặng lập gia đình với một cô gái khác và tuyệt giao với dì luôn. Má tôi kể có một lần má tình cờ bắt gặp dì ở trong phòng một mình với cặp mắt đỏ hoe, trên tay còn cầm bức thư của một người bạn gái rất thân ở bên Pháp. Người bạn đó sau khi

đã tìm hiểu và biết chắc chắn được sự thật về sự thay lòng đổi dạ của ông bác sĩ nọ, đã viết thư kèm theo hình ảnh rõ ràng kể lại với dì và khuyên dì hãy quên đi kẻ bạc tình kia đừng chờ đợi mà uống phí tuổi xuân. Dì đã đưa lá thư đó cho má đọc và ôm má khóc nức nở, má tôi đã an ủi dì:

- Cũng không trách được lòng người. Thế sự đổi thay, dâu bể đổi dời chia cách người bên này kẻ bên kia. Cách nhau nửa vòng trái đất biết bao giờ mới gặp lại? Họ không có lòng thì em cứ coi như mình không duyên nợ, để dành tâm lòng đó mai sau tặng cho người xứng đáng hơn. Thế gian này đâu phải không còn người tốt nữa đâu em! Huống chi chỉ là lời hứa suông giữa hai đứa chứ đâu phải mối mai chính thức đôi bên cha mẹ. Họ thật lòng thì em nhờ, không thật lòng thì mình coi như không duyên nợ hơi sức đâu mà em chờ em đợi. Đừng buồn nữa em! Hãy ngó về phía trước, con đường sống mình phải đi còn dài lắm! Ngày mai không biết sẽ ra sao? Biết đâu trong tương lai em sẽ gặp được một người hết lòng hết dạ vì em.

Rồi không biết có phải vì thất vọng với mối tình đầu hay không mà dì không phản đối khi thấy đơn bảo lãnh gọi về cho má có đính kèm theo tên của dì. Mười lăm năm sau ngày miền Nam hoàn toàn sụp đổ, chúng tôi bảo lãnh được má và dì út sang. Dì út tôi vẫn như thuở nào làm tôi chột nhớ đến một câu trong bài hát Chị Tôi của Trần Tiên “dì vẫn chưa có chồng”. Mặc dù tuổi dì đã trên 40 mươi nhưng dì vẫn đẹp, chỉ hơi gầy hơn xưa một chút xiu và cặp mắt như ẩn chứa một nét buồn sương khói. Tôi chẳng hiểu “nét buồn sương khói” là gì? Nhưng nhìn vào thân hình mảnh mai, sự thanh thoát của dì. Nhất là cái nước da

## TÂM SỰ

**Bạn hỏi sao mà viết "loạn" thơ?  
Thưa rằng: có quá ít thì giờ  
Không chừng tháng tới... thành thơ thần  
Có thể ngày mai... hóa ngẩn ngơ  
Lắm lúc cơ trời... đây được biết  
Nhiều khi số phận... đó không ngờ  
Cho nên cứ "thảo" nhiều càng tốt  
Để lỡ... ai ơi... bút cứng đờ.**

**Motthoi**  
**Sep. 12Th. 2015**

trắng và mái tóc “bay theo chiều gió” còn đây, chưa bạc sợi nào thả buông lơ theo chiếc áo dài trắng dì đang mặc nổi bật giữa phi trường San Fransisco trong một buổi chiều lộng gió như thế này, chẳng khác gì nàng tiên bị lạc bầy lung linh trong bóng nắng trần gian, cho nên tôi buột miệng gọi cặp mắt dì là nét buồn sương khói. Tội dì tôi quá! Tôi nhìn dì và bật khóc vì thương cảm, dì cũng cảm động nhưng cố nén và nói lảng:

- Coi kia! Già cái đầu rồi còn khóc không sợ con nó cười cho hay sao?

Đêm hôm đó hai dì cháu tôi ngủ chung phòng và chuyện trò cả đêm không ngủ được. Dì út tôi vì mới sang nên giờ giấc hai bên Mỹ Việt còn xáo trộn không ngủ được thì không nói làm gì, nhưng tôi vì “già chuyện” nên cũng thức trắng mà không thấy mệt. Tôi tò mò hỏi dì về chuyện “cũ”, Sao hồi đó không chịu theo cậu út đi vượt biên cho sớm mà để đến bây giờ mới chịu đi bảo lãnh muộn màng vậy? Dì đã rất

thành thật kể lại mối tình đầu đẹp như mơ của dì và lời hứa hẹn trước khi đi du học của người yêu dì cho tôi nghe, sau cùng dì kết luận:

- Chuyện xưa như trái đất rồi, nhắc lại lần cuối cho cháu nghe thôi, không có hồi nữa nghe không? Hồi đó vì mới lớn còn ngây thơ nên mới đi tin tưởng tâm xàm bá láp như vậy. Bây giờ thì dì quên hết rồi, càng ngày dì thấy mình càng chín chắn hơn. Lâu lâu nghĩ lại chuyện hồi đó dì thấy mình trẻ con thiệt.

Tôi ôm dì hỏi nhỏ:

- Dì nói thiệt không? Nếu dì quên được sao dì không chịu lấy chồng?

Dì đáp:

- Đâu phải muốn lấy là được đâu cháu! Dì rất tin vào hai chữ duyên nợ, có lẽ duyên dì chưa tới hoặc dì chẳng nợ nần ai cũng không chừng.

Nghe dì trả lời như vậy, tôi đùa:

- Vậy để con nói ông xã con dẫn bạn về đưa “duyên” tới cho dì. Bạn ông xã con độc thân còn nhiều lắm!

Dì quay sang hướng khác vừa ngáp vừa trả lời:

- Lộn xộn hoài! Ngủ đi!

Những tháng ngày sau đó, sau khi đã thích nghi với giờ giấc và quen dần với cuộc sống văn minh xứ người. Dì út tôi đã biết lái xe, biết ghi danh đi học ESL, dì hội nhập rất nhanh. Mọi người đề nghị dì ghi tên Collegges học lại y tá cho dễ kiếm việc, nhưng dì lắc đầu từ chối, dì nói không muốn dính dáng gì tới nghề cũ nữa! Sau đó dì tốt nghiệp Technician và làm việc cho đến bây giờ và “dì vẫn chưa lấy chồng”. Tôi thật không hiểu trong lòng dì nghĩ cái gì, dì vẫn còn đẹp, có việc làm vững chắc, lương cao. Biết bao nhiêu người theo đuổi

mà đi cứ phớt lờ. Chẳng lẽ trong lòng đi còn nhớ hoài cái thằng cha bác sĩ mắc dịch đã hứa tầm bậy tầm bạ làm cuộc đời đi tôi đang dở? Tôi bước gần tới tuổi 60 mười thì đi cũng đã bước qua 60, nhưng nhìn vào chẳng ai nói đi tôi trên 60 mười cả, đi rất chịu khó ăn mặc và chăm chút nhan sắc nên ai cũng đoán đi tôi chưa đến 50. Nói nhỏ mà nghe, đi tôi vẫn còn “trình” đấy! Tôi thật sự không muốn đi chết già và đem theo tấm bằng trình đó xuống âm phủ một chút nào hết (phí của giờ), tôi rất mong muốn có một người đàn ông nào đó đem tình yêu thật sự đến cho đi để đi hưởng “mùi đời” cho biết với người ta mà sao ông tơ bà nguyệt chắc bỏ quên đi tôi rồi.

Ất Mùi đã qua, Bính Thân vừa đến mà “đi vẫn chưa có chồng”. Tôi cứ tưởng chắc đi út tôi làm “ma soer” suốt đời quá! Ai ngờ dùng một cái, mồng ba Tết đi dặt một người đàn ông về ra mắt và nói: “Đi cũng muốn lấy chồng”. Người đàn ông đi tôi chọn trông rất bảnh trai, mạnh khỏe, chỉ cỡ tuổi đi tôi. Gốc là một ông cha tu xuất chưa hề lập gia đình lần nào (hí hí còn “jìn” giống đi tôi). Đi nói tội nghiệp Thịnh lắm! (Ông tên Thịnh) ở có một mình không biết nấu nướng gì cả nên đi thấy tội. Đi kể, trước năm 75 ông đang tu trong nhà thờ nhưng vì “giặc đến nhà làm “cha” cũng phải quánh”. Cho nên ông nhập ngũ đóng lon Trung Úy cho đến năm 1975 thì đi học tập mùa lễ thủy, đến khi được thả ra tìm đến nhà thờ chẳng còn ma nào ở, ông ở nhờ nhà họ hàng cho đến khi được đi Mỹ theo chương trình HO. Sang bên đây rồi thì cứ tự lực cánh sinh đi cây mà nuôi sống bản thân mình. Ông rất siêng năng cầu tiến vừa làm vừa học. Hiện tại ông đang là một Dược Sĩ, có job, có nhà có xe, có đủ thứ.

Nhưng duy nhất có một cái để đêm đêm “ta leo lên ta chơi” thì ông lại không có. Tình cờ đi chợ VN mà quen đi tôi. Sau này khi đã trở thành “họ hàng” rồi ông mới “xì” ra. Ông nói nhìn thấy đi ông chịu quá mà không biết làm sao để làm quen, ông rất kém trong vấn đề tán gái. Nhưng có lẽ duyên nợ đã đến cho nên ông đã mạnh dạn hỏi những câu thật ngây ngô khi đứng xếp hàng trả tiền sau lưng đi tôi. Hôm đó sau khi tan sở, đi tôi ghé chợ Việt Nam mua vài miếng tàu hũ về chiên để thả vào nồi bún riêu cho nó đẹp mắt. Bỗng có một người đàn ông đứng sau lưng đi lên tiếng:

- Chị ơi! Chị mua miếng tàu hũ này về là chị chiên hay làm cái gì khác?

Mặc dù câu hỏi rất là ngớ ngẩn nhưng đi vẫn lịch sự trả lời:

- Dạ chiên.

Người đàn ông nói tiếp:

- Sao chị hay thế! Chứ tôi chiên nó cứ cháy đen như là than phải bỏ hết không ăn được, sau này nếu muốn ăn tàu hũ chiên tôi cứ phải ra tiệm mua chiên sẵn.

Mọi người chung hàng nghe ông nói đều quay lại nhìn, có người mách nước:

- Lần sau nếu ông muốn chiên thì cứ nhờ bà xã hay con gái chiên trước cho một lần rồi bắt chước theo mà chiên.

Ông thanh minh liền:

- Tôi làm gì có bà xã.

Có lẽ vì get line dài quá nên họ chuyện trò cho vui:

- Ông sang đây theo diện gì?

- Dạ HO.

- Trước 75 ông đã có gia đình chưa? Hay đi học tập về rồi bị mất vợ?

Ông lắc đầu như phủ nhận tất cả và chậm rãi giải thích:

- Thật ra trước 75 tôi đang tu trong nhà thờ rồi phải nhập ngũ đi lính. Sau 75 đi học tập về không được tu nữa.

Mọi người thấy ông chữa vợ lại là ông cha tu xuất nên đùa:

- Sao hồi đi HO ông không sốt đại một cô nào đem sang đây có phải vừa làm phước cứu được một người, vừa có người chiên tàu hũ cho ăn không?

Ông cười:

- Chẳng biết là làm phước hay lại thành của nợ đây?

Dì út đã trả tiền xong nên ra về không còn nghe tiếp được chuyện “ông cha” đó nữa! Vài ngày sau, theo thói quen thường lệ cứ đúng weekend là chúng tôi đi chợ VN một lần. Khi thì tôi đi, khi thì dì út đi hoặc có khi cả hai đi cháu cùng đi. Cũng có khi đột xuất cần một món gì đó thì chúng tôi lại đi thêm vào ngày thường lúc tan sở về. Weekend đó dì út tôi lãnh nhiệm vụ đi chợ VN một mình. Sau khi đậu xe và lock cửa hàng hoang, dì thông thả rời khỏi khu parking để tiến về phía chợ, bỗng có một giọng đàn ông gọi từ phía sau:

- Cô tàu hũ! Cô tàu hũ!

Di quay lại thì gặp ngay ông cha bữa trước, dì ngạc nhiên đứng lại, ông cha cười toe toét, nét mặt mừng rỡ trông thấy rõ:

- Rất may được gặp cô ở đây! Xin lỗi bữa trước không kịp hỏi tên cô nên tôi đã vô phép gọi cô là cô tàu hũ.

Dì út mắc cười quá khi thấy sao ông không gọi mình bằng chị như bữa trước mà đã sửa miệng gọi bằng cô? Dì chưa kịp phản ứng gì hết thì người đàn ông nói tiếp:

- Xin lỗi cô, tôi tên Thịnh. Hôm rày tôi rất muốn gặp lại cô để nhờ cô chỉ tôi cách chiên tàu hũ làm sao cho đừng bị khét mà không biết tìm cô ở đâu, nên tôi đành phải

đi chợ dài dài thời may quá hôm nay được gặp cô. Vậy cô cho phép tôi cùng đi vào chợ với cô mua tàu hũ được không?

Đến đây thì dì út tôi đã hiểu “ông nội” này muốn kiếm chuyện để làm quen với dì chứ tàu hũ với tàu hũ gì. Nghĩ thế nên dì te te vừa đi vừa trả lời:

- Chợ là nơi công cộng, ai muốn đi thì đi. mắc mớ gì ông phải xin phép tôi?

Và rồi họ quen nhau từ đó. Dì út tôi thiệt là kín miệng, email qua lại, hẹn hò đi chơi với nhau gần cả năm trời nay mà ở nhà chẳng ai hay biết. Bây giờ sau khi đã tìm hiểu lẫn nhau, chắc họ cảm thấy tình yêu đã chín mùi nên đưa nhau về ra mắt gia đình đôi bên để tính đến chuyện chung thân đại sự. Ba má tôi tuổi đã ngoài 80, một lần nữa phải đứng ra làm xuôi để gả dì út tôi đi lấy chồng. Ngày “Valentine” Bính Thân là ngày cưới của hai người. Dì út tôi thật là đẹp trong ngày vui đó, hình như dì chỉ hợp với màu trắng và dì rất thích màu trắng. Chiếc áo đầm cưới dài đến tận gót chân, bông cài đầu, hoa cầm tay, tấm voan che mặt, tất cả đều trắng từ trên xuống dưới, trông dì trẻ trung như một thiên thần. Hèn dì dựng út tôi đeo dính không tha. Trong đêm tân hôn, chú rể đã thì thầm thú thật với cô dâu:

- Anh bịa ra chuyện chiên tàu hũ để làm quen với em chứ thật ra chiên tàu hũ để ợt ại mà không biết. Anh sẽ chiên cho em ăn trọn đời.

Một cuộc tình duyên muộn màng nhưng ai nấy đều vui vẻ và hài lòng, nhất là má tôi vui đến chảy nước mắt vì đã làm tròn bổn phận “quyên huynh thế phụ”. Riêng tôi cứ hát nho nhỏ mãi một câu trong bài hát Chị Tôi của Trần Tiến: “Dì cũng đã có chồng...”

## TÔN NỮ MẠC GIAO

## GỢI CHỊ XA XÔI CẢ NỖI NIỀM

(Vần thơ gởi về Cổ Lũy)

Mai một chị về thăm vườn cũ  
Chăm bón giùm em bụi mầu đơn  
Bụi hoa em trồng ngày xưa đó  
Xa vắng lâu rồi mãi nhớ thương.

Ngồi đây hồi tưởng ngày thơ dại  
Mái nhà xưa, giếng nước, gốc dừa,  
Vàng trắng sáng lung linh giàn mướp,  
Chăm chút nhau tháng nắng ngày mưa.

Thuở ấy, nhà mình cheo neo quá  
Vàng khăn sớm phủ mái đầu xanh,  
Mẹ mất năm em vừa lên tám  
Chú út mới tròn bảy ngày sinh.

Tiếng cú canh khuya nghe não nuột  
Giọng hò vang vọng nỗi xót xa  
Giấc ngủ chiêm bao quàng khoé mắt  
Tàn canh lạnh lẽo hạt sương sa.

Thôn xóm tiêu điều theo cuộc chiến  
Mái dột tường rêu gió mong manh  
Đồng không mông quạnh bắc đông lạnh  
Khoai sắn chêm vào những bữa ăn.

Anh chị em mình lo tần tảo  
Ruộng lúa nương khoai tự chải bương  
Cánh đời ngơ ngác gà mất mẹ  
Đầu xanh côی cút lăm bị thương.

Nắng cháy trưa hè trên đồng cạn  
Lạnh buốt chiều đông dưới ruộng sâu  
Gò vai cao thấp đường trơn trượt  
Đoạn đời gian khổ dễ quên đau.

Ngày em vào Huế để theo học  
Chị ở lại nhà buồn lắm không  
Em vẫn về thăm mùa phượng thắm  
Bầy chim bắt cá nghịch gió đồng.

Mười năm đèn sách em cực khổ  
Thiếu thốn đủ điều chị hiểu em  
Nhà khó trăm bề đành phải khó  
Kiếm chút tương lai ráng sách đèn.

Em lớn lên, chị đi lấy chồng  
Em mừng, em tủi chị biết không  
Chị đi, lần nữa em mất mẹ  
Còn đàn em nhỏ lấy ai trông.

Ngày em trở bước đời binh lửa  
Sống chết cận kề giữa sớm hôm  
Bốn lần thương tích em giấu biệt  
Nói để mà chị, chị thêm buồn.

Rồi chị mất chồng, cháu mất cha  
Em mất anh rể, thật xót xa  
Em về không kịp ngày tang lễ  
Ra mộ thăm anh mắt nhạt nhòa.

Đời vẫn phôi pha theo gió bụi  
Em về tay trắng lại trắng tay  
Mười năm gặp chị nơi vườn cũ  
Chị khóc, em buồn những đôi thay.

Bây giờ xa chị ngàn vạn dặm  
Lòng chạnh bồn chồn dấu vết xưa  
Bầm đốt đoạn đời gian nan cũ  
Chất ngất lòng em nói sao vừa.

Xin gởi chị bài thơ nho nhỏ  
Vụng về chẳng biết nói gì hơn  
Mai một chị về thăm vườn cũ  
Chăm bón giùm em bụi mầu đơn.

**Hạ Thái Trần Quốc Phiệt**

# Nắng vàng Nagasaki

## PHƯƠNG-DUY

Tokyo, ngày... tháng... năm 2009

Anh Nguyễn quý mến,

Em vừa từ thành phố Nagasaki về, vội viết thư cho anh kéo dài anh chờ thư. Nơi em đến viếng đầu tiên ở thành phố này không phải là “Chukamachi” khu phố Trung Hoa (Chinatown), hoặc một “otera, tera, dera hoặc ji” (ngôi chùa cổ kính) hay những “shoppingu gai” (siêu thị) như những lần trước đây khi đi thăm viếng một địa danh mới mà là một “Oura tenshudo shita” (nhà thờ, đúng hơn một giáo đường Thiên Chúa giáo). Giáo đường Oura (Oura Catholic Church) xây dựng năm 1864 do một tu sĩ người Pháp là Cha Bernard Petitjean, sau ngài trở thành giám mục tiên khởi ở Nagasaki. Sở dĩ em viếng nơi đây trước nhất của chuyến du lịch vì có dính dáng đến văn hóa, nghệ thuật của người Pháp mà em rất thích.

Giáo đường tọa lạc về hướng đông nam ở cuối thành phố, gần đền thờ Đức Không Phụ Tử và công viên Glover. Trong khi đó, một di tích nổi tiếng khác của Thiên Chúa Giáo là Đền thờ 26 vị Thánh tử đạo lại tọa lạc ở phía cực bắc của thành phố. Nhìn ngôi tượng Đức Cha Petitjean mặc áo chùng dài đứng nơi nhà thờ, trông ngài hiền từ, khiêm tốn và thánh thiện. Oura là một trong

những ngôi giáo đường cổ nhất tại nước Nhật Bản. Được xây dựng bằng gỗ và theo lối Gothic. Các ngôi nhà chung quanh trong khuôn viên nhà thờ cũng xây dựng bằng gỗ rất mỹ thuật. Giáo đường sơn màu trắng với những cửa sổ ráp bằng kính nhiều màu phản chiếu lấp lánh dưới ánh sáng mặt trời trông rất đẹp, được xếp vào cổ tích, thuộc hạng “quốc gia chi bảo” (National Treasure).

Rời khu giáo đường, em đi đến viếng khu “Hollander Slope”. Nơi đây những đường phố được lát đá hoặc trải sỏi rất mỹ thuật do người Hòa Lan xây dựng. Ngày xưa, theo quan niệm đơn sơ của người dân địa phương, người ngoại quốc nào từ tây phương tới (dù là người Bồ đào nha, người Hòa lan, người Tây ban nha...) cũng gọi chung là “người Hòa Lan” cả. Người Bồ đào nha và người Hòa lan là những người ngoại quốc từ phương tây đến hải cảng Nagasaki sớm nhất khi hải cảng mở cửa giao dịch thương mại với quốc tế từ năm 1571, tiếp theo sau những tay lái buôn từ Trung hoa đến trước đó và đã tổ chức thành cộng đồng Hoa kiều riêng biệt. Những tay lái buôn người Bồ đào nha mang đến nhiều tàu bè chở súng đạn đến bán và chở những nhà truyền đạo thiên chúa. Có một thời gian các lãnh chúa cai trị tại địa phương ra lệnh đóng cửa hải cảng không muốn giao dịch với người tây phương vì họ muốn

ngăn cấm những nhà truyền giáo hoạt động rất mạnh. Chỉ riêng người Hòa lan được phép đến giao dịch thương mại vào giữa những năm 1638 đến 1854.

Sau khi hải cảng mở cửa lại, người Pháp, người Anh, người Mỹ, người Đức và người Phổ tới tập đến buôn bán cho đến ngày nay. Năm 1992, người Hòa lan đã bỏ ra một ngân khoản lên đến 1.75 tỷ dollars để xây dựng một ngôi làng cổ truyền Hòa lan “Huis ten Bosch” với những giáo đường, cư xá, tiệm buôn, những cối xay gió, nông trại, kênh đào, công viên... theo mẫu tại quê nhà bên Hòa lan. Gồm cả xây lên một tòa nhà giống mẫu lâu đài của nữ hoàng Beatrix và một giáo đường Hòa lan với ngọn tháp cao nhất. Phương tiện giao thông nơi làng này là những chiếc xe cổ do ngựa kéo, những taxi cổ điển và những tàu thuyền kiểu cổ đi lại trên những sông đào trong làng. Du khách đến viếng khu làng này đều nhiệt liệt ngợi khen kiêu dân Hòa lan đã có sáng kiến rất hay và xây dựng tuyệt vời.

Một nơi được du khách ngoại quốc cũng như dân Nhật bản thăm viếng nhiều lần nhất tại Nagasaki là Công viên Hòa Bình “Peace Park”. Một trụ bằng đá đen được dựng lên để đánh dấu nơi quả bom nguyên tử thứ nhì của Hoa Kỳ nổ lúc 11:02 ngày 9 tháng Tám năm 1945, ba ngày sau khi quả bom nguyên tử đầu tiên thả xuống Hiroshima. Bom rơi gần chỗ bến tàu và sức nổ đã sát hại ngay tại chỗ ước tính 75,000 nhân mạng và chừng hơn 75,000 nạn nhân bị

thương. Nhiều công trình xây lên để kỷ niệm, kể cả một tượng đài cao 9 mét (30 ft), tạc một người đàn ông Nhật vạm vỡ tay phải dơ lên cao, ngón tay trỏ chỉ lên trời (Thiên), tay trái đưa ngang (Bình), mang tên “Pho Tượng Hòa Bình” (Peace Statue). Năm 1959, giáo dân tái thiết ngôi giáo đường Urakami Catholic Church tọa lạc cạnh công viên này. Cũng mang một ý nghĩ “cầu nguyện hòa bình cho nhân loại”.

Ài bước chân đến Nagasaki không thể nào quên được Viện Bảo tàng “Atomic Bomb Museum”. Nơi đây trưng bày quang cảnh sinh hoạt của thành phố hải cảng Nagasaki trước và sau ngày bị bom nguyên tử, kể cả công cuộc tái thiết sau này. Những bức ảnh chụp, video, tài liệu báo chí (trong nước và thế giới) ghi lại biến cố đau thương này. Mô hình làm bằng kim loại “Hai quả bom A” hình tròn. Một cái đồng hồ lớn treo tường ngưng hoạt động đã vô tình ghi lại giờ bom nổ... được viết lại trong một tài liệu “A clock frozen at the moment the bomb exploded” là một trong những vật trưng bày được người xem chú ý và suy nghĩ nhiều nhất về thảm họa nguyên tử trong chiến tranh.

Nghỉ trưa, em đến khu Phố Tàu “Chinatown” để ăn cơm. Em rất thích được ăn cơm Tàu tại chuka-ryori-ya (Chinese restaurant), có những món em thích như ise-ebi (lobster), kani (crab) và goban (rice cooked). Bước qua một cái cổng rất lớn trang trí bằng những hàng chữ Hán và chạm trổ những hình

hoa văn làm em nhớ đến cái cổng dẫn vào khu phố Tàu “Chinatown” ở thành phố San Francisco mà anh thường đưa em đi mua ô mai, xí mại, ôi, xoài (em rất mê ăn loại quả vật này) những ngày chúng mình còn là sinh viên. Đền thờ Đức Khổng Phu Tử cũng gần khu phố Tàu, nên em ghé đến viếng để biết thêm văn hóa Trung Hoa. Từ xa em đã thấy mái ngói vàng đỏ của ngôi đền thờ nổi bật với lối kiến trúc đặc thù Trung Hoa. Năm 1982, Cộng đồng Hoa kiều đã góp công của để xây lại và nói rộng thêm ngôi đền thờ này sau khi bị bom nguyên tử phá sập ngôi đền cũ xây dựng năm 1893. Năm 1982 cũng là năm xây dựng viện Bảo Tàng Quốc Gia Lịch Sử Trung Quốc tại Nagasaki. Những cổ vật trưng bày tại viện bảo tàng tại đây được viện Bảo Tàng Quốc Gia và viện Bảo Tàng Bắc Kinh cho mượn.

Trời ngả về chiều, nắng vàng chiếu rực rỡ trên thành phố hải cảng Nagasaki, trèo lên taxi em đi viếng nốt một di tích cổ của thành phố : Đền Thờ 26 Thánh Tử Đạo. Năm 1587, shogun Toyotomi Hideyoshi chính thức ra lệnh cấm đạo Thiên chúa hoạt động. kết cuộc là 26 giáo dân bị bắt và giải lên đồi Nishizaka để xử tử trên cây Thánh giá. Theo tài liệu thì số giáo dân bị giết trong đợt đầu tiên có thể hơn 600 vị chỉ tính trong vùng Nagasaki không thôi. Năm 1862, Đức Giáo Hoàng đã xét phong Thánh tử đạo cho 26 vị. Một đoạn đường ngắn từ nhà ga dẫn đến đền thờ, giáo dân dựng nên một tảng đá, một nhà nguyện nhỏ, và một viện bảo tàng để vinh danh các thánh tử đạo.

Anh Nguyễn quý mến,  
Về lại Tokyo, em ngồi viết thư cho anh mà lòng em vẫn còn buồn vì nhân dịp đi thăm viếng Nagasaki, tìm hiểu để học hỏi, khi tiếp xúc trực tiếp với những gia đình có liên hệ huyết thống với những nạn nhân của bom nguyên tử ở Nagasaki. Họ cho biết những người chết ngay lúc bom thả tuy xấu số nhưng không chịu đau đớn thân thể trước khi qua đời, còn số người chẳng may bị thương, chất phóng xạ nguyên tử làm họ kéo dài sự đau đớn trước khi vĩnh viễn vào cõi vĩnh hằng. Nghe nhiều câu chuyện, nhiều trường hợp thương tâm đã làm em suy nghĩ nhiều. Những ngày buồn bã kéo theo những đêm thao thức không ngủ được.

Nước Nhật bản, dân Nhật bản của em sao gặp nhiều thiên tai động đất, sóng thần, bão lụt lại thêm họa tai nguyên tử nữa.

Cầu xin Bình An cho mọi dân tộc trên thế giới.

Em nhớ và yêu anh nhiều.

Hôn anh.

*MICHIKO kính bút*



(c) PHƯƠNG-DUY San Jose

# Độc Thơ Tình Của Một Ông Già 75 Tuổi

## TRƯƠNG VĂN

Lê Mai Lĩnh viết nhiều. Đủ thể loại. Văn, thơ, tùy bút, phóng bút, loạn . . . bút, tiểu luận. Đủ đề tài trong mọi lãnh vực: Chính trị, văn chương . . .

Nhưng riêng tôi, tôi chỉ thích thơ Lê Mai Lĩnh. Nhất là thơ tình.

Mà thơ tình viết khi ông trên 70 tuổi mới phản ánh đầy đủ tính cách con người Lê Mai Lĩnh. Một ngoại lệ: bài thơ Sấn, tuy không phải thơ tình, nhưng lại là bài thơ dẫn tôi vào thế giới văn chương và con người Lê Mai Lĩnh. Cũng dễ hiểu. Năm xưa (mấy chục năm xưa) ở tù chung với nhau, tôi không biết anh chàng dong dong cao, đẹp trai (hồi đó) nói giọng Quảng Trị rẻo rắt như chim hót Lê Văn Chính là tên thật của Sương Biên Thủy, một nhà thơ miền Trung quen thuộc với các tạp chí văn học miền Nam trước 1975. Anh thực sự lôi cuốn tôi với bài thơ Sấn và giọng đọc sang sảng trong các buổi văn nghệ tù khúc cuối tuần. Bài thơ Sấn cũng là bài thơ duy nhất sánh vai chung với các ca khúc (nhạc) viết trong tù được lưu trữ và giới thiệu trên chuyên mục Tù Khúc của trang T.Vấn & Bạn Hữu. Bằng bài thơ Sấn, cánh cửa văn chương của Lê Văn Chính, tức Lê Mai Lĩnh mở ra cho tôi bước vào.

Thế nên tôi mang ơn bài thơ Sấn. Thế nên tôi yêu bài thơ Sấn. Nhờ nó, tôi khám phá ra một Lê Mai Lĩnh đầy tính cách ngược ngạo, kể cả trong thơ tình.

Độc thơ tình của Lê Mai Lĩnh, tôi như nhìn ra vẻ bối rối, sững sờ, sợ hãi, thích thú của những người nữ mà ông yêu, ông say

mê, ông đắm đuối, ông tôn thờ, ông . . . hành hạ.

Những người nữ này, chắc phải khổ lắm, rầu rầu, và cũng sượng tê lắm khi có một người theo đuổi mang đầy đủ tính cách ngược ngạo, liều mạng, lì lợm, bất cần đời, bất cần ai như anh chàng Lê Mai Lĩnh. Kể cả khi những người nữ này đã bước qua bao chìm nổi trong đời (riêng), giờ đây khi “chẳng may” đối diện với anh chàng “mê mình” năm xưa, chắc cảm giác khổ, rầu, tê tê ngày nào vẫn cứ đeo đuổi, không chịu buông tha. Khổ hơn nữa, rầu hơn nữa, tê hơn nữa là mãi đến bây giờ, anh chàng liều mạng ấy vẫn chưa hết “mê mình”

Tôi nhìn ra được những tính cách này là nhờ đọc những bài thơ tình của một ông già 72 tuổi, khi ký tên Sương Biên Thủy, khi ký tên Lê Mai Lĩnh, khi ký tên Lê Mai Nổ. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu có lúc ông ký tên dưới những bài thơ ấy là Lê Liều Mạng. Sở dĩ tôi viết như thế vì chính tôi là người đọc những bài thơ ấy dưới dạng bản thảo ông gởi ngay sau khi vừa viết xong, còn nóng hơi ấm của một trái tim già đang thổn thức, ghen tuông, hờn giận. . . Và vì nhà thơ vẫn còn đang trong trạng thái lên đồng với chữ, với thơ, với cả người (nữ) trong thơ khi ngồi máy nhấn nút gởi đi đến cho người trách nhiệm bài vở của trang T.Vấn & Bạn Hữu (là tôi), cũng là một người bạn tù, nên ông già 72 tuổi làm thơ tình chẳng cần e dè, giữ ý, cứ thế bộc lộ trọn vẹn con người mình. Cũng vì thế, thơ tình của ông càng mang một dáng vẻ rất riêng, không lẫn với bất cứ ai. Nhưng, khi đưa thơ ông ra với công chúng, để giữ tính cách đồng nhất trong việc giới thiệu tác phẩm các thân hữu,



tôi chỉ dùng một bút danh quen thuộc của ông: Lê Mai Lĩnh.

Người đọc thơ Lê Mai Lĩnh, thực ra cũng chẳng cần những cái tên đầy “hình tượng” như Lê Mai Nỗ, Lê Liều Mạng, để nhìn thấy tính cách rất riêng của nhà thơ 72 tuổi. Ở tuổi này, còn làm thơ tình được, đã là một ân sủng rất đáng bị . . . ganh tị. Nhớ năm xưa, ông “xồn xồn” Phạm Duy, để tìm cảm hứng viết những bản nhạc tình tuyệt vời, ông đã phải chính mình lao vào những cuộc tình “không lối thoát”, để từ đó ra đời những tuyệt tác như “Nghìn trùng xa cách” hay “Nha Trang ngày về” chẳng hạn, như chính nhạc sĩ đã tự thú trong Hồi Ký của mình. Nhắc đến chi tiết này, để thấy một điều, muốn làm thơ tình cho hay, cho có hồn, cho có hơi ấm đúng nghĩa của tình yêu, nhà thi sĩ phải “đang yêu” cái đã. Không đang mê đắm, đang tương tư, đang nhớ nhung sâu khổ, làm sao diễn tả cho *thật* được những cảm giác ấy trong những câu thơ của mình.

Nhưng những cảm giác như “mê đắm, tương tư, nhớ nhung, sâu khổ” trong tâm hồn của một ông già 72 tuổi *vẫn khác, phải khác* với cũng những cảm giác quen thuộc ấy trong tâm hồn một chàng trai 20 tuổi, 30 tuổi.

Ở ông già 72 tuổi, nét từng trải, cam chịu, thực tế sau một quãng đời dài bươn chải là tất nhiên. Nếu không thế, thì ông già chỉ “yêu xạo”. Mà “yêu xạo” thì làm sao che mắt được thể nhân. Mà thể nhân ấy lại là những người nữ đã từng “bươn chải” không kém, có khi còn lẫn lộn với đời hơn nữa. Mặt khác, những nếp nhăn trên con tim già nua luôn tìm dịp để chứng tỏ sự hiện hữu của mình. Nhất là khi con tim ấy đòi được đập nhanh hơn, mạnh hơn, điên cuồng hơn. Dù sau đó nó biết rằng nó có thể chết vì . . . đứt hơi. Cũng chẳng sao. Chết vì tình là mơ ước của tất cả những gã nòi tình trên mặt đất này, hướng gì Lê Mai Lĩnh!

Thơ tình . . . già của Lê Mai Lĩnh thể hiện đủ những thứ ấy. Hơi ấm thoát ra từ mỗi câu thơ, mỗi bài thơ, cho thấy không phải nhà thơ đang “yêu xạo”.

Hãy thử đọc vài đoạn, trong vài bài thơ tình tiêu biểu của “lão già dịch” 72 tuổi ấy xem sao :

*Này cô lảng giềng  
Rồi cũng có ngày sau hơn 60 năm  
Cô và tôi gặp lại nhau  
Tôi được chiêm ngưỡng nhan sắc cô  
Vẫn như thuở nào.  
Đẹp hết sảy  
Dẫu đã hơi bị tra  
Nhưng nếu được phép lựa chọn  
Tôi chọn cô, không chọn những cô gái 30, 40*

*Chẳng phải vì tôi thích sưu tầm đồ cổ  
Như những nhà tỷ phú thích sưu tầm đồ cổ  
Mà tôi là một gã làm thơ  
Suốt đời đi tìm cái đẹp  
Mà cô thì đã quá đẹp trong mắt tôi  
. . . . .  
Nếu phải lựa chọn giữa cô và một tỷ dollars  
Tôi chọn cô là điều chắc nui  
Với cô, 120 pounds, tôi có thể bằng*

*Nhưng với một tỷ dollar  
Tôi không thể mang hay xách  
Với cô, tôi có niềm ấm áp để hâm nóng tuổi già  
Với một tỷ dollar lạnh lùng, e tôi chết sớm.*

***(Đôi Điều Xin Được Phép Nói Thêm Với Cô Lảng Giềng)***

*Tìm tình như thế tìm trầm  
Rừng thăm thăm, núi cheo leo  
Vì tình chống gậy cổ trèo  
Tình ơi, tình ơi, tình ơi.*

*Tìm tình, chống gậy tìm tình  
Một mai gậy mòn, gối mỏi  
Ta lê, ta lét, ta bỏ  
Tình ơi, tình ơi, tình ơi.  
**(Chống gậy tìm tình)***

*. . . Này có lảng giềng của tôi ơi,  
Tôi yêu cô năm tôi 12, cô 17  
Hai năm sau, cô 19, đi lấy chồng  
Tôi 14 đầu còn phân trâu, hỉ mũi chưa sạch*

Nhưng tôi đã chân đạp đất, tay vùng cao,  
miệng kêu trời khóc lóc khiếu nại, van xin  
Nhưng trời khuyên tôi nên đợi chờ, kiên nhẫn.  
Từ đó tôi mất cô, tạm thời thua cuộc, đầu hàng.

Tôi lằm lũi trong đời, cầm súng và cầm viết  
xông pha vào trận mạc.  
Nhưng trong trái tim tôi luôn có một chỗ cô an tọa  
Cũng có lúc là bệ thờ cho cô, cô lảng giềng  
BÀ TIỀN thời ấu thơ.

Và, đúng như Thượng Đế đã AN BÀI  
Tôi gặp lại cô sau 60 năm tại San Jose  
Tôi, một nhà thơ bà chạy, tự cho phép mình  
là gã đàn ông độc thân  
Cô, một thiếu phụ đã khoác cho mình đôi  
cánh tự do.

**(Kèo gió cuốn mây trôi)**

... Chẳng phải tại bà, cũng chẳng phải tại ông  
Mà là tại cả ông lẫn bà đều nghĩ mình đang  
độ muộn hồi xuân  
Mới gặp nhau ngày đầu

Bà nói vì đôi mắt ông làm bà khó ngủ  
Ông nói vì đôi trái ngực bà phập phồng làm  
ông bỏ cơm  
Để từ đó những lúc đi lễ chùa

Ông và bà qui song song  
Tuồng chừng như chú rể, cô dâu chờ PHẬT  
TỔ ban lệnh hành quân  
Để từ đó hai người cùng trong ban hộ niệm  
Mong có đạo hữu nhập NIẾT BÀN để có cơ  
hội qui bên nhau.  
**(Lý lịch tình yêu)**

Không biết ông già 72 tuổi còn làm thơ tình  
được bao lâu nữa. Tôi tin ông sẽ không bao  
giờ ngừng làm thơ tình. Có lẽ cả khi ông nằm  
liệt trên giường, miễn đôi tay còn ngo nguậy  
được, là chúng ta lại có những bài thơ tình  
mang dấu ấn rất đậm nét Lê Mai Lĩnh.  
Nếu không thể thì cái tên Lê Mai Lĩnh sẽ  
chẳng có gì khác người.

**Trương Văn**

# BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

**Board-Certified Internal Medicine**

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

## CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



### GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn



## THỦY TIÊN ĐẾN VỚI XUÂN

Một năm dài nhưng nhớ  
Đón em về cùng với Chúa Xuân  
Thủy Tiên ơi! Trong ngọc trắng ngần  
Thiếu vắng em, xuân không còn linh diệu.

Vẫn nuột nà từng cánh hoa yếu điệu  
Vẫn thanh tao e ấp dáng mỹ nhân  
Vẫn cao sang suối tóc đượm tình xuân  
Vẫn đắm say đôi mắt huyền u uẩn  
Thủy Tiên ơi! Nhụy tim vàng vương vấn  
Tắm lòng vàng... nơi Phật ngự tòa sen  
Hương từ đâu... nhẹ tỏa... tự nơi em  
Hương thơm ngát, ôi, mùi thơm tinh khiết  
Thanh - Sắc - Tâm, Thủy Tiên em... diễm tuyệt  
Lá đoan trang ôm gọn cả trời xuân  
Lá nhẹ nhàng uốn lượn sóng thanh tân  
Vườn Thượng Uyển chập chờn đôi bướm trắng  
Hoa - Kiều nữ- hay uyên ương tung cánh  
Em thực hư, huyền ảo, Thủy Tiên ơi!  
Đôi mắt nhưng thu hút sắc mây trời  
Tay ngà ngọc, em xoay vần vũ trụ

Em như hoa, như tơ vương... quyến rũ  
Kết thành duyên cùng với ý thơ  
Cho thi nhân khai bút mộng mơ  
Trên hoa tiên họa hình em. . . Kiều Hạnh!

**Nguyễn Lân**

## LE MAGIQUE PRINTEMPS DE THỦY TIÊN

Passée mon année nostalgique  
Tu m'es revenue comme une déesse de Printemps  
Ô Thủy Tiên! Sans tes milles éclats de perle  
- Sans Toi - mon printemps ne sera plus magique.

Éclatante dans chaque pétale de fleur  
Pure comme un amour éternel  
Vogue dans le parfum, le ruisseau de tes  
cheveux  
Tes yeux de velours m'ennivrent de  
mystères.  
Ô Thủy Tiên! Ton coeur d'or de nénuphars  
M'encorcelle dans ce monde céleste  
Comme tout n'appartient ... qu'à Toi  
Remplis-moi ton doux ciel de feuillage  
Léger et féérique jusqu'à l'horizon lointain.  
Dans ton jardin secret, s'aiment les papillons  
Jaloux des cigognes amoureux des vents,  
Comme ce doux mirage romantique.  
De tes yeux voluptés, garnis ce ciel toujours clair,  
De tes doigts nacrés, crée cet univers unique.

Tu es ma narcississe si rare  
Qui se marie avec mes poèmes immortels  
Laisse toujours ma plume rêver  
Et graver ton coeur au nom des fleurs.

Paroles: **Diễm Hoa**

*D'après le poème "Xuân Thủy Tiên" de  
Nguyễn Lân*

# Hung Thần Của Tuổi Xuân

## NGUYỄN LÂN

*(Đề tặng cô nữ sinh GL Nhã Lan, xướng ngôn viên LSR và HVTV, người đã gợi ý cho viết bài này.)*

Sinh, bệnh, lão, tử - bốn giai đoạn của đời người, có ai thoát được không? **Sinh, Tử** - điều dĩ nhiên của Tạo Hoá. **Bệnh** - có người suốt đời bệnh rề rề, có người đương khỏe bất thần xuất hiện căn bệnh nan y, tháng trước còn mạnh cùi cùi, tháng sau đã gục ngã vì căn bệnh ung thư hiểm nghèo, tháng trước còn khiêu vũ lả lướt, tháng sau bò lết vào cầu tiêu vì nang Vertige chột đến hành hạ, đi đứng loạng choạng, ngã nghiêng, tháng trước còn thuyết trình, nói năng hùng hồn trước máy vi âm tháng sau đứng trước cử tọa không biết mình nên nói gì, nên nói như thế nào, nhìn những người quen mà như chưa từng biết. Ôi! Alzheimers tới, làm sao chặn được?! Chỉ có **Lão** là có người thoát được. Tôi biết một người, một anh bạn rất thân cùng tuổi với tôi mà trông trẻ hơn tôi đến cả hai thập niên từ vóc dáng đến làn da, mái tóc. Chúng tôi đều bước đến “bát tuần thượng thọ” nhưng anh trông không quá 60! Anh chưa bao giờ đã động tới chuyện “cái già xồng xộc nó thì theo sau” nhưng thế nào tôi cũng phải tìm ra bí quyết của người tránh được hung thần của tuổi xuân này.

Một lần gặp gỡ, tôi hỏi: “Anh ơi! Sao hung thần của tuổi xuân không đến thăm anh? Sao bác sỹ giải phẫu thăm mỹ tôi tệ nhất, tàn nhẫn nhất là Thời Gian lại né anh?”

Anh trầm ngâm, rồi nhỏ nhẹ: “Nhiều lý do lắm. Vắn tắt thôi nhé.

Thứ nhất là vệ sinh ăn uống. Mình là loại ăn tạp. Thịt, cá, rau, đậu, đồ biển (nếu không bị dị ứng), ăn hết nhưng với số lượng vừa phải. Sau bữa ăn, nhìn thức ăn còn thấy khoái khẩu, chớ tham ăn quá hay nể bạn nể vợ ép ăn đến căng bụng. Các loại rau xanh đa phần đều cần cho bộ máy tiêu hoá, thuộc loại hàn, âm tính. Ớt vàng, ớt đỏ thuộc loại nhiệt, dương tính. Nếu bộ máy tiêu hoá của mình tốt, nên ăn hết các loại thực vật đủ màu. Theo đông y là để giữ cho âm dương quân bằng. Nhưng nếu yếu đừng ăn ớt vàng, ớt đỏ nhiều để sinh bụng. Kefir là loại thực phẩm rất tốt cho bộ máy tiêu hoá. Blackstrap Molasses cần cho những người ngoài 50 hay lớn tuổi đã bắt đầu bị Arthritis. Mình dùng những thứ này càng sớm càng tốt tránh được đau nhức. Đại khái là thế. Nếu muốn biết kỹ lưỡng phải tham khảo với chuyên viên thực phẩm.

Thứ hai là tập thể dục thường xuyên. Mình đã cao tuổi đâu cần tập tạ đòi cơ bắp cuộn cuộn. Chỉ cốt sao cho thịt tay chân khỏi nhão, bụng không phát triển vượt ngục. Đi bộ hàng ngày. Mùa đông, dành đi bộ trong nhà ít nhất

20 phút. Cái hay là nhà ai cũng có gương soi, càng lớn tuổi dáng người càng gù, lưng càng còng. Đi ngang qua gương thấy dáng trông già và khòm, mình sửa ngay, cố giữ cho lưng thẳng, hai vai không xệ. Thường cái đẹp đi với phong cách trẻ trung.

Thứ ba, giữ cho tâm hồn được bình thản, sáng khoái. Đây là yếu tố quan trọng nhất. Trong cuộc sống luôn luôn chúng ta bị căng thẳng, bị dồn nén, bao nhiêu điều bất như ý từ trong gia đình ra ngoài xã hội. Là người nhạy cảm, cầu toàn càng dễ đau khổ, bức tức, cay cú, giận hờn. Là người luôn luôn mong muốn hơn người, ham danh lợi dễ vọng động trong bon chen, ganh đua tại trường đời đưa đến ganh ghét, tị nạnh, chèn ép, ích kỷ, nhỏ nhen. Nghĩ xấu cho ai, vu khống người khác để tranh phần thắng đều làm “tâm” mình cần đi, trái tim khô cạn. Đừng nghĩ là tranh hơn thua được là mình sung sướng. Cái buồn sẽ đến mau chóng, cái hối hận sẽ kéo mình quỵ dần. Mình sẽ chóng già! Đấu trí, đấu lực, thoát mới nghe có vẻ hách, có hùng khí. Nhưng theo tội, những cái đó chính là nguyên nhân đẩy chúng ta xuống vực sâu, lao đao tinh thần, héo mòn thể xác. Phải chăng đó là cách mời mọc hung thần của tuổi xuân sớm đến thăm sớm hơn trời định?

Tôi chọc quê: “Vậy thì chỉ có đi tu thôi”

Anh cười nhẹ: “Thế đấy. Nhưng cứ gì phải “đi tu” hay ở chùa, trong tu viện. Mình tu thân, tu tâm, cố rèn luyện tư tưởng(!), sửa đổi cung cách đối đãi tha nhân, biết tội nghiệp thương yêu người mà cũng chính là biết tội nghiệp thương

yêu mình. Tránh chỉ trích chê bai. Thấy điều bất như ý thà cứ lờ đi còn hơn tranh luận để mất đi một người bạn. Tình người vô cùng quan trọng trong cuộc sống. Mấy ai tịch cốc tu tiên hay sống đơn độc xa lánh nhân loại? Trong xã hội càng quen biết nhiều cũng dễ được thương yêu, dễ gặp may mắn mà cũng dễ đối đầu với bi lụy. Thế nào mà chẳng có lúc đụng chạm. Nhẫn nhịn - không dễ đâu. Nhưng làm được điều này mình thấy hãnh diện cho bản thân. Nóng nảy, thô lỗ, cục cằn - phải cố sửa - cũng khó lắm. Nhưng sẽ được yên lòng khi mình chuyển hóa, thắng được những điều làm người khác phiền lòng. Tươi tắn, một nụ cười trên môi - chẳng phải ai cũng có - nếu không tập luyện. Được như vậy, chính bản thân sẽ tràn đầy hạnh phúc vì cảm thấy sự hiện diện của mình là món quà đáng quý cho kẻ khác, lòng ta sẽ được “an nhiên tự tại”.

Tôi hỏi tới: “Còn gì nữa không?”

Anh nghiêm chỉnh: “Còn nhiều... nhiều lắm. Đại loại thì thế. À! Tính tiểu tâm, có tinh thần khôi hài cũng cần để ngăn chặn hung thần tuổi xuân tránh đến gặp mình nữa. Chuyện gì trên đời cũng có thể kéo theo một chút cười. Dù là cười nụ, cười mỉm chỉ nhưng là cái cười sâu sắc, hiền hòa mà dễ thương. Nhưng mấy ai bẩm sinh đã sẵn duyên dáng, cuốn hút, làm người khác vui? Cái này phải học, đúng hơn, phải sống nhiều, phải đọc nhiều và có tâm hồn thứ tha.

Bạn ơi! Bạn có mê giàu sang phú quý không? Bạn có cật lực kiếm tiền không? Nếu có, nó là con dao hai lưỡi. Giàu có, danh vọng làm bạn mất mặt

với thể gian nhưng rất dễ lôi kéo sự chú ý của hung thần tuổi trẻ. Làm việc nhiều, suy tư lắm chỉ đưa tới tâm hồn căng thẳng. Cố gắng làm việc cho vừa đủ sống. Mà biết thể nào là “vừa đủ”? Nghĩ đi! Sự thư giãn, thoải mái không có thì làm sao chẳng chóng già nua? Dao, kéo, độn, cắt, vá, khâu, bom, hút... sửa sắc đẹp với thời gian chỉ đưa tới tội tệ hơn!

Bạn ơi! Người có tâm hồn thi nhân, lãng mạn, đa cảm, dễ bén nhạy, dễ hờn giận mà cũng dễ quên. Những người yêu chuộng cái đẹp, cái đẹp thu hút tuyệt diệu của vũ trụ, của thiên nhiên, cái đẹp lãng mạn của văn chương thi phú, cái đẹp đầy màu sắc sống động của các loại cầm thú và đương nhiên, cái đẹp của con người từ thể xác đến tâm hồn là những gì mà các bác sĩ sửa sắc đẹp tàn nhẫn thể mấy cũng không thể tạo những vết nhăn, những rãnh cây, những cặp mắt đục ngầu với tia nhìn đờ đẫn trên mặt chúng ta được. Đây là bừa bới ta có khiến hung thần của tuổi xuân phải chào thua.

Mặc cảm tự tôn hay tự ti đều làm ta cần cỗi. Tự tôn dễ đưa ta tới kiêu ngạo, coi rẻ người khác. Như vậy sẽ vấp phải lòng đố kỵ của tha nhân và dễ bị xa lánh ghét bỏ. Tự ti sẽ đưa ta tới cử chỉ khúm núm, sợ hãi. Như vậy sẽ vấp phải sự khinh thường, lạnh nhạt của người đời. Chúng ta, ít nhiều ai cũng mang mặc cảm. Thôi thì, ráng tập dần, loại bỏ mặc cảm từ từ để bản thân nhẹ nhàng, thoải mái, tự nhiên khi tiếp xúc với đời. À! Tôi thường tránh gông mình để lấy “oai” hù người, bạn ạ!

Điểm quan yếu là có thể lịch sự, tử tế, dễ thương với thiên hạ như với những người ta thương yêu không? Tình mến trọng của tha nhân cho ta cũng như sự thương yêu của ta với nhân loại sẽ làm ta thấy vui vẻ, thấy sung sướng, thấy mình hữu ích, thấy mình đáng giá hơn lên. Đó là chân hạnh phúc. Đó là **tình người**. Tình người chính là vũ khí tự vệ chống lại hung thần của tuổi trẻ, bạn ạ!

Nhưng trên hết, điều mà ta không thể đoán biết, trù liệu là **Thiên Định**. Làm đủ mọi cách nhưng “cái già xốc nó thì theo sau” thì đó là Dieu seul le sait (chỉ có Trời biết) số mệnh của ta Trời định cho như thế. Đây cũng là hậu quả của những việc ta đã và đang làm. Có phải là nghiệp chăng?

Cảm ơn bạn. Tôi đã hiểu tại sao chúng ta cùng tuổi, đời sống tương đương, gia cảnh không chênh lệch nhiều mà trông bên ngoài tôi già hơn bạn đến hai chục tuổi, cả một thế hệ! Hung thần của tuổi xuân xa lánh bạn. Mừng cho bạn!

Đáng mừng nhưng... sợ rằng cũng không được lâu đâu! Trông bề ngoài có vẻ trẻ trung yêu đời thể nhưng thật sự nội tạng của tôi cũng... kém rồi, có khi còn tệ hơn những người cùng trang lứa. Trời chưa cho cái bên trong vì trên đời này làm gì có sự toàn hảo!

Thời gian không chờ một ai đâu, bạn ạ!

**NGUYỄN LÂN**

Viết xong 2/22/2016 - Virginia -  
Trọng Đông

# Mỗi Độ Xuân Về

Thơ: Hồng Thủy

Nhạc: Nguyễn Tuấn

C G7 C

Anh hỏi em mỗi độ xuân về trên đất Mỹ Em có bao

G7 C G7

giờ có bao giờ nghĩ đến Việt Nam? Có chứ anh! Em vẫn thường mơ

C

về quê nhà xa vời vợi phố phường thân yêu Sao em quên

G G7

được khi lúc nào mẹ cũng âu lo về những người thân còn ở lại quê

C F C

nhà Mẹ cứ thở dài và mẹ luôn hỏi mãi Đến bao

G7 G C

giờ mới được về sống ở Việt Nam? Mẹ yêu dấu ơi! Con biết trả lời

18 F G7

sao khi không ai biết được ngày về nhưng riêng con, con biết thật một

20 C F

điều, một điều rất không vui là... Mẹ yêu dấu ơi, Mẹ sẽ gửi nắm xương

23 G7 C F

tàn trên đất nước người ta. Nhìn mắt mẹ buồn, em chợt thấy xót

26 C G C

xa Em biết mẹ đang rất nhớ quê nhà Mẹ vẫn

29 G7

nói, anh ơi, "Mẹ nhớ nhất nhớ gốc mai vàng trước ngõ mỗi độ xuân

32 C

về..."

# Chân Dung Người Lính Việt Nam Cộng Hoà



## Lê Mai Lĩnh

tặng SANH và NGUYỄN

Anh, người lính VIỆT NAM CỘNG HOÀ  
Tôi, người lính VIỆT NAM CỘNG HOÀ  
Chúng ta, những người lính VIỆT NAM CỘNG HOÀ  
Đầu có lúc tan hàng, nhưng chưa bao giờ bỏ ngũ  
Chúng ta vẫn hiện diện dưới cờ  
Chưa một lần phản bội anh em và quê hương.

Chúng ta, chưa bao giờ là BÊN THUA CUỘC  
Mà cũng chẳng có đứa nào BÊN THẮNG CUỘC đâu!

Trong trò chơi NHƯỢC TIỂU DA VÀNG  
Thắng, thua chỉ là NHỮNG CANH BẠC BỊP  
Thắng bây giờ để thua ngày mai  
Và ngược lại là chuyện như trở bàn tay.

Nhưng chúng ta, người lính VIỆT NAM CỘNG HOÀ  
Đủ kiêu hãnh để nhìn trời, nhìn đất  
Nhìn quá khứ, hiện tại, tương lai  
Dù đã 40 năm tan hàng, rã ngũ  
Bởi trò chơi CUỜNG QUỐC LƯU MANH  
Nhưng trong lòng nhân dân ba miền  
SÀI GÒN/ HUẾ/ HÀ NỘI

Vẫn ánh lên niềm tự hào về người lính miền NAM  
Vẫn là NGUYỄN VĂN THÀ, bắt diệt với thiên thu giữa sóng gầm HOÀNG SA, TRƯỜNG SA  
Những người lính biển hòa máu mình cùng sóng nước  
Để quân thù nhận diện người lính miền NAM

Vẫn là NGUYỄN KHOA NAM. LÊ VĂN HƯNG...có mặt trên từng thước đất của 4 vùng chiến thuật  
Chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, giọt máu cuối cùng  
Vang uy danh người lính miền NAM bất tử.

Người thanh niên NGHỆ AN khoác lên mình bộ quân phục lính miền NAM  
Dẫu biết trước sẽ vào vòng lao lý  
Tại sao ?  
Nhà thơ bộ đội miền BẮC làm thơ CẢM ƠN VÀ TẠ LỖI VỚI MIỀN NAM  
Tại sao ?  
Trả lời được những câu hỏi tại sao đó  
Hắn biết được, AI LÀ NGƯỜI CHIẾN THẮNG.

Anh, người lính VIỆT NAM CỘNG HOÀ  
Tôi, người lính VIỆT NAM CỘNG HOÀ  
Chúng ta, những người lính VIỆT NAM CỘNG HOÀ  
Đầu đã có lúc tan hàng  
Trong trò chơi THẦN PHẬN DA VÀNG  
Trong CẢNH BẠC BỊP của lũ người BUÔN KHÍ GIỚI  
Nhưng cuộc chiến ngày càng trở nên rõ ràng  
THẮNG/ BẠI là những ai, lịch sử sẽ GỌI TÊN.

**LÊ MAI LĨNH**  
27/2/2016

# CÀNH HOA TRƯỚC GIÓ

**Phong Thu**

(viết theo dòng thời sự)

*Lời người viết: Anh Thanh đã đi thật rồi sao? Lệ Châu ơi! Chị đừng khóc nữa. Tôi viết cho chị những lời thương mến, để an ủi, chia sẻ nỗi mất mát quá lớn trong cuộc đời của chị, mà sao nước mắt tôi cứ chảy quanh. Xin gởi lại đây những dòng tưởng niệm để nhớ đến anh, một người anh hùng vô danh đã vì nước quên mình. Tôi cũng trân trọng gởi đến chị lòng ngưỡng mộ của tôi về nghị lực, lòng can đảm, thủy chung của chị đối với người chồng bạc mệnh. Nơi chân trời mệnh mông huyền diệu, anh sẽ không còn đau khổ, vương vấn cõi trần đầy đau thương và nhiều bất trắc. Tôi cầu nguyện cho linh hồn anh được bình yên trong cõi thiên thu. Anh là một người tù bị lãng quên cũng như hàng ngàn những người anh hùng khác chết thầm lặng không ai biết và nhớ đến....*

\*\*\*

Ngày rằm, chùa đông nghẹt không còn có chỗ chen chân. Lệ Châu nắm tay tôi lên lỏi từng bước. Hơn nửa tiếng đồng hồ chúng tôi mới vào được chánh điện. Lệ Châu lỏi trong gió ra một bó hoa, một thẻ nhang thơm, hai cây đèn cầy đỏ, một đĩa



trái cây và đặt tất cả dưới chân bức tượng Phật lớn sơn màu thếp vàng. Khói nhang từ chiếc lư hương đồng màu đen bay lên mù mịt làm mờ đi ánh sáng của ngọn đèn điện trên trần. Hàng mấy trăm người đứng, quỳ khắp nơi trong chánh điện. Tiếng kinh cầu vãng vọng, tiếng gõ mõ từng hồi hoà lẫn tiếng nói lao xao làm tôi nghệt thờ. Lệ Châu đốt nhang và lâm râm cầu nguyện. Chị dẫn tôi đi khắp nơi để cảm nhang xuống từng pho tượng đặt xung quanh. Cuối chánh điện, chúng tôi rẽ vào một căn phòng rộng lớn trong đó có rất nhiều bình đựng hài cốt người quá cố. Những chiếc bình bằng sành với nhiều hình dáng khác nhau đặt trên những chiếc kệ bằng gỗ. Tôi quan sát một vòng thấy người chết ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Họ được thân nhân đưa vào

đây để linh hồn được thanh thản, bình yên ngày đêm nghe tiếng kinh cầu. Tôi thì thầm vào tai chị:

- Khi em còn ở Việt Nam, chùa không được mở cửa. Nhiều ngôi chùa bị bỏ hoang hoặc bị đập phá. Không ngờ bây giờ chùa xây nhiều và rất khang trang. Người ta đi chùa đông nghẹt, mọi người yêu Phật quá há chị.

Lệ Châu cười:

- Không phải chỉ có dân mà mấy ông cán bộ bây giờ mê tín dị đoan hơn cả dân Sài

Gòn ngày xưa. Họ xem bói toán, xin sâm và cầu nguyện nhiều hơn dân.

Tôi đùa một câu:

- Họ đã quá giàu thì vào chùa để xin cái gì thêm? Hay là chùa cho bớt tội với đất trời?

- Chùa xây nhiều, to, lộng lẫy cũng là một dịch vụ kiếm ăn đó em. Em có nghe ngôi chùa Bát Nhã ở Lâm Đồng đang gặp nạn không? Chùa càng to nạn càng lớn. Chẳng biết các quan lớn đi chùa nhiều để tịnh tâm, tu đạo, kiềm hãm dục vọng hay họ muốn gì. Có thể muốn cho giàu hơn, ngồi cái ghế đó lâu hơn. Và cũng có thể cầu nguyện cho kẻ thù của họ mau chết.

Tôi hơi tức cười về câu nói đầy ngụ ý của chị. Nhìn quanh căn phòng chứa đầy hài cốt người chết, tôi hơi sợ nên hỏi:

- Chùa thờ nhiều hài cốt như vậy mai một đâu còn chỗ để thờ.

Lệ Châu buồn bã thở dài:

- Người ta bây giờ chết lãng xẹt lắm em. Phần lớn là bị xe đụng chết hay bị bệnh kỳ quặc rồi chết non. Em biết chị dẫn em vào đây để thăm ai không?

- Em nghĩ chị thăm các Sư Cô, Sư Bà trong chùa.

- Các Sư cô, Sư Bà bây giờ già yếu và không còn có quyền hành gì trong chùa này đâu em. Ngày xưa, thùng tiền cúng hỉ chỉ có một bây giờ mấy chục cái, ở khắp nơi. Thế nhưng các Sư Cô, Sư Bà không có quyền đụng đến. Đã có người của nhà nước lo rồi em.

Lệ Châu nói xong và nhìn tôi một lúc thật lâu. Đôi mắt sáng, to, hơi xéch của chị bây giờ vẫn đẹp và quyến rũ người đối diện. Chị không nói gì thêm nên nắm tay tôi đi sâu vào một góc phòng. Chị dừng lại bên một chiếc bình màu lam có khắc những hoa vân màu ngọc thạch làm nổi bật một cánh hoa

cúc màu vàng sâm. Chị sờ tay lên chiếc bình và thì thầm “Hôm nay là ngày giỗ đầu tiên của anh. Em đến để đưa anh đến nơi anh mong ước. Anh thân yêu! Anh ngủ yên và không còn vương vấn gì. Còn em sao cứ mãi ray rức nhớ anh”. Lệ Châu áp chiếc bình lạnh giá vào má và nước mắt chị chảy quanh. Tôi sững sờ đến lặng người khi biết anh Thanh chồng chị đã qua đời. Lệ Châu không cho tôi biết hôm nay là ngày giỗ đầu của anh Thanh. Chị mời tôi đến chơi vì tôi từ Hoa Kỳ về thăm gia đình và hình như chị muốn tôi biết thêm câu chuyện bí ẩn mà đã hơn một phần tư thế kỷ chị chưa hề tiết lộ cùng ai. Tôi và Lệ Châu dạy học chung một trường. Lệ Châu lớn tuổi hơn tôi. Chị dạy ban Sử Địa, còn tôi dạy Văn. Do bản tính vui vẻ và dễ thân thiện, Lệ Châu đã gây cho tôi mối thiện cảm ngay hôm gặp chị lần đầu. Khi tôi về dạy tại trường Hoà Bình, tôi vẫn còn rất trẻ và đơn độc, Lệ Châu đã có gia đình và có một cháu trai. Anh Thanh làm ở Sài Gòn lâu lâu mới về thăm vợ con. Tôi nhiều lần đến chơi nhưng không bao giờ gặp anh. Một ngày cuối năm, tôi đi chợ gặp chị đi chung với một người đàn ông nhỏ nhắn, khuôn mặt xương xương với làn môi mím chặt. Anh đứng hơi thấp hơn chị. Chị dẫn anh Thanh đến giới thiệu với tôi. Đó là lần đầu tiên và lần sau cùng tôi gặp anh. Vài tháng sau, cả trường xôn xao báo tin chồng chị bị bắt vì anh tham gia chống chế độ. Chị vào trường mặt nhợt nhạt, tái xanh, đôi mắt buồn rầu sưng húp. Tôi thương chị quá nhưng không biết nói lời gì để an ủi bạn. Những người trong trường ái ngại nhìn chị xầm xì. Riêng tôi vẫn thân thiện và quý mến chị như xưa. Tôi càng gần bó với chị, cái nhìn của những người xung quanh về tôi không mấy thiện cảm nhất là đối với Ban

Giám Hiệu và những người Đảng Viên cầm đầu các ban trong trường. Tôi cóc cần họ. Nhiều lần tôi muốn hỏi thăm về anh Thanh và những vấn đề xung quanh vụ án của anh. Nhưng Lê Châu chỉ biết khóc và nói rằng vô vọng, anh có thể bị tử hình, không còn hy vọng anh trở về với vợ con. Người thiếu phụ xinh đẹp, thông minh, hai mươi năm sống cô đơn phòng không chiếc bóng. Tuổi xuân thì của chị héo tàn như một cành hoa trước cơn bão dữ, và nước mắt người thiếu phụ chờ chồng rơi từng đêm như những cơn mưa lũ.

Ngày tôi rời Việt Nam, chị không dám đưa tôi ra sân bay vì sợ liên lụy. Hai mươi năm tôi trở về nhìn đất nước mà nhiều người cho rằng đã thay đổi. Sự đổi thay tốt hay xấu tùy theo góc độ nhìn của mỗi người nông hay cạn. Còn tôi, nhìn những mảnh vườn, ruộng lúa êm ả, tĩnh lặng, thơ mộng đã biến mất khiến lòng tôi bồi hồi luyến tiếc. Nhiều nhà cao tầng mọc lên, đường sá khang trang, đời sống người dân có vẻ sung túc hơn xưa. Nhưng đất nước phát triển trong tình trạng hỗn loạn, cảnh giàu nghèo chênh lệch đến ghê gớm, lối sống ăn chơi, nhậu nhẹt, và cách làm tiền cũng lắm mưu ma chước quỷ làm tôi ngao ngán. Bàn tay chị lần tìm tay tôi và nắm chặt:

- Đi em. Chị có việc quan trọng phải làm.

Tôi lặng lẽ theo chân chị. Tôi trách:

- Sao chị không báo tin cho em biết là anh Thanh đã chết?

Lê Châu nhìn tôi, nước mắt ràn rụa:

- Làm sao chị có thể báo tin cho Trinh được. Em ở xa quá! Nếu em còn ở Việt Nam thì chị đâu đến nỗi buồn và cô đơn như bây giờ.

- Tại sao anh chết? Chị nói với em rằng anh được ra tù mà.

Chị lau nước mắt bằng một chiếc khăn vuông nhỏ và nói:

- Chị sẽ kể cho em nghe. Bây giờ em ra trước cổng chùa đứng chờ chị. Chị làm vài thủ tục với nhà chùa để đem hài cốt anh đi. Chị sẽ ra gặp em.

Tôi nhìn nét tiêu tụy, buồn phiền hiện lên trên mặt Lê Châu và cảm thấy ái ngại. Lê Châu quay lưng đi. Tôi quan sát mái tóc Lê Châu ngày xưa dài ngang vai bây giờ ngắn cùn cùn và đã bạc quá nửa. Vóc dáng cao lớn, nụ cười duyên dáng của chị đã héo tàn theo thời gian và bao đau khổ. Chồng ở tù hai mươi năm, Lê Châu vẫn sống một mình nuôi con, thăm nuôi chồng và chờ ngày anh Thanh trở về. Hai mươi năm xưa khi tôi còn ở Việt Nam, anh Thanh bị bắt ở tù vì tội chống lại chính sách cải tạo tư sản mại bản, cách ruộng đất và ngăn sông cấm chợ của chính quyền cộng sản. Anh bị kết án hai mươi năm tù giam cùng với một số đồng đội của anh. Người cầm đầu bị án tử hình. Cứ mỗi một nghị quyết, một chính sách sai lầm của nhà nước đưa ra là có một số người chết và tù tội mà không bao giờ có toà án nào minh oan cho họ. Mới đây nhất, hàng loạt luật sư và những trí thức ưu tú bất đồng chính kiến bị bắt bỏ tù vì lên tiếng đòi tự do, dân chủ. Và mấy tháng nay tin tức về một luật sư trẻ, tài năng, linh hoạt có tấm lòng yêu tổ quốc cũng đã bị bắt khẩn cấp và bị đẩy ra khỏi hoạt động của xã hội. Một luật sư khác vì bệnh vực cho nhà thờ Thái Bình ở ngoài Bắc cũng đã bị sách nhiễu và gán cho tội ngoại tình. Tôi đọc báo Việt Nam trên liên mạng, tôi thấy chính quyền Việt Nam mở cửa hé hé, rồi đóng cửa bắt tù làm nhiều người kẹt tay kẹt chân trong tù. Cai trị một quốc gia mà làm việc tùy hứng, tùy thời và tùy theo tình hình thế giới y hệt

thời kỳ chiến tranh. Nhưng tệ nhất là những ai sống trong xã hội Việt Nam đều bọc mình trong một lớp vỏ dày cộm của loài ốc mượn hồn. Tôi đọc hàng trăm tờ báo Việt Nam, và thấy họ lên án những trí thức nghiên cứu, đọc và tham khảo tài liệu nước ngoài. Nổi bật nhất là vụ án luật sư Lê Đình. Ông là một luật sư du học tại Hoa Kỳ và Pháp. Ông mang những kiến thức Tây Âu vào để khai sáng nền luật pháp tối tăm của Việt Nam. Tại sao tham khảo những tư tưởng tiến bộ lại là phản động? Tại sao nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội mở cửa cho sinh viên đi du học lại ngồi xổm trên óc họ để điều khiển. Sự đầu tư tiền của, tim óc của gia đình và bản thân họ có giúp ích được gì cho đất nước Việt Nam tăm tối, u mê? Đây là sự phá sản lớn nhất, tiêu hao nhiều nhất. Nó là sự hoang phí lớn gấp ngàn lần những vụ tham nhũng của chính quyền Việt Nam từ trước đến nay. Bởi sản phẩm trí tuệ vô giá, nó sẽ là cứu cánh cho cả dân tộc Việt Nam được nhìn thấy ánh sáng văn minh nhân loại, giúp cho đất nước giàu mạnh, thịnh vượng mà không cần phải bò bằng hai tay và hai chân đi ăn mỳ Tàu hay bất cứ nước Tây Âu nào. Tôi có cảm giác, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội quen thói ăn mỳ nên không biết xấu hổ và biết nhục. Nhìn khuôn mặt trẻ trung của vợ luật sư Lê Đình, tôi cảm thấy đau xót. Vì cô là hình ảnh của Lê Châu bạn tôi hơn hai mươi bốn năm về trước. Số phận người miền Nam được lập lại nguyên bản làm tim tôi bồi hồi rĩ máu, thương xót, đau khổ, căm phẫn và tức giận. Bao nhiêu trạng thái đó bỗng phủ chụp trong tim, óc tôi lúc này ngay trong ngôi chùa linh thiêng cổ kính mà tôi thường viếng thăm, thấp hương cầu nguyện. Tôi cầu nguyện đã hơn triệu lần để

mong ước đất nước tôi, bạn bè tôi, dân tộc tôi thoát khỏi khổ nạn. Nhưng Phật ở đâu mà dân tộc tôi cứ mãi chìm đắm trong đau khổ, bất hạnh. Tôi nắm chặt hai bàn tay lại. Những cây nhang đang cháy bỗng gãy ngang rơi xuống đất. Lê Châu vỗ nhẹ vào vai tôi:

- Em đang nghĩ gì mà bé nhang gãy vụn hết vậy? Sao mặt em xanh lè như đang giận ai.

Tôi nhìn thẳng vào mắt chị:

- Em đang liên tưởng đến những ngày sắp tới của luật sư Lê Đình và vợ anh ấy. Số phận của họ sẽ là bản sao của chị và anh Thanh. Em đau xót quá!

- Đất nước này như vậy đó em. Người ta lập lại tất cả những gì cổ xưa nhất để trị dân. Có vậy mới gọi là cộng sản chớ. Thôi mình đi ra sông nhé!

Chiếc xe gắn máy tróc sơn, cũ kỹ, già nua của chị gầm lên, phóng lướt trên con đường Thị Xã đầy đặc xe cộ và bụi mù.

\* \* \*

Dòng sông Sài Gòn nước đang lên đục ngầu màu phù sa. Những đám lục bình to lớn trôi bèo bồng xuôi dòng. Những chuyến đò chở khách sang sông vẫn lừ đừ rời bến. Hai bên bờ người dân buôn bán tấp nập, ghe thuyền đậu dọc theo bờ sông. Chị không dừng lại ở bến Bạch Đằng mà chở tôi xuôi về miệt vườn, nơi có một khoảng sông vắng lặng và yên tĩnh. Chị dựng xe dưới một tàng cây hoa bằng lăng đang nở hoa tím nhạt và đem cái bình hải cốt của anh Thanh đặt trên chiếc khăn vuông màu hoa cà. Chị lấy nhang ra thắp khấn vái. Tôi biết chị đang làm gì nên cũng lặng lẽ thắp nhang van vái anh tha thứ vì sự vô tình của tôi. Người chèo đò đưa chúng tôi ra giữa dòng sông. Dòng sông rộng và nước đang lớn. Mặt trời hắt những con nóng gắt, chói

chang trên mặt nước lấp lánh ánh bạc. Tôi giúp chị mở một giỏ đầy hoa cúc đủ màu. Chị ngồi trước đầu con thuyền nhỏ, bàn tay chị rải từng đoá hoa xuống lòng sông. Chị mở nắp bình hải cốt và nói thầm qua tiếng nước nổ nghẹn ngào “Em đã thực hiện lời nguyện ước cuối cùng của anh. Bây giờ anh sẽ nằm lại đây dưới dòng sông tuổi thơ. Anh sẽ hoà vào dòng nước, hoà vào phù sa để nuôi dưỡng những mơ ước mà anh ấp ủ trong lòng người dân Việt Nam. Rồi mai đây, em cũng sẽ về với anh. Chúng mình sẽ bơi lội trong dòng nước yêu thương đang đầy những kỷ niệm ngày xưa”.

Bờ vai chị rung lên. Gió sông lao xao, lao xao và nước mắt tôi đã rơi xuống dòng sông lúc nào không hay.

Người chèo đò nhận tiền tôi tặng rồi lặng lẽ bỏ đi. Lệ Châu vẫn còn ngồi dưới gốc cây dừa lửa. Mắt chị đỏ hoe. Tôi im lặng không muốn khuấy động niềm đau người goá phụ nên kiên nhẫn đứng chờ. Chị nhìn ra dòng sông một lúc thật lâu, đôi mắt xa vắng và câu chuyện hơn một phần tư thế kỷ đã hiện về....

... - Mẹ ơi! Ba về, ba về.

Tiếng reo của bé Tài làm Lệ Châu giật mình. Nàng lau nhanh hai bàn tay vào chiếc khăn treo ở gần bếp và đi nhanh lên nhà. Thanh đang nhắc bổng bé Tài lên khỏi đầu và dụi mặt vào bụng thẳng bé. Nó cười hăng hắc khoái chí nhưng cũng phụng phịu:

- Ba làm con nhột quá.

Thanh ôm bé Tài vào lòng và hôn bé liên tục vào má và trán nó. Lệ Châu đứng nhìn hai cha con đùa nghịch, lòng hạnh phúc, sung sướng. Nàng hỏi chồng:

- Hôm nay thứ ba sao anh về sớm vậy. Bộ công ty cho nghỉ phép hả?

- Nhớ em và con nên về thăm.

Thanh một tay ẵm bé Tài một tay ôm siết vợ vào lòng và hôn nàng. Giọng Thanh nồng nàn:

- Em hơi gầy và mắt em quầng thâm. Em không ngủ phải không?

Lệ Châu nhìn chồng âu yếm:

- Nhớ anh nên không ngủ ngon. Anh à! Anh xin đổi về đây sống gần em nhé! Em và con nhớ anh quá! Một tuần về thăm em có hai ngày rồi đi. Em buồn quá!

Thanh dí ngón tay vào mũi vợ:

- Cái tật những nhẽo không bỏ. Anh mà về đây là vợ chồng con cái đối rã ruột. Lương hàng tháng không đủ anh ăn một tuần, lấy đâu nuôi vợ, nuôi con.

- Em cũng đi làm mà.

Thanh gạt đầu và cười lớn:

- Làm giáo viên bây giờ chỉ có ăn phần thôi cô nương.

- Em có thể đi buôn bán lật vặt để có thêm thu nhập.

- Anh không muốn em vất vả. Anh làm ở Sài Gòn thu nhập khá hơn. Khi nào dành dụm được một ít tiền, anh sẽ mua nhà và đưa hai mẹ con em về Sài Gòn sống. Dù sao sống gần mặt trời mà đỡ nóng hơn.

Bữa cơm chiều rộn ràng và vui mỗi khi Thanh về thăm nhà. Lệ Châu đi chợ mua thêm một ít cá lòng tong kho tiêu và mua thêm ít rau thơm, hai cái trứng chiên. Bữa cơm đạm bạc, nghèo nàn nhưng đầy tiếng cười. Những ngày không có Thanh ở nhà, Lệ Châu chỉ nấu bo-bo ăn với muối xă ớt, còn cơm và cá để dành cho con. Nàng sợ những ngày không tiền mua bột ngọt, tiêu, đường, dầu để giúp cho bữa cơm thêm ngon miệng. Cái gì cũng thiếu thốn nhưng hầu như không ai dám kêu ca. Đêm đó, bé Tài không chịu ngủ sớm. Nó xí chỗ nằm và chen vào nằm

giữ ba mẹ. Một chân nó gát ba, một chân gát mẹ. Nó hết xoay bên này rồi đổi bên kia để hôn cho được ba mẹ trước khi nó ngủ thiếp đi, đầu gối trên cánh tay của Thanh. Đẩy bé Tài sang một bên, Thanh bắt đầu hôn Lệ Châu. Chàng ghì chặt nàng vào lòng thì thầm:

- Bé Tài lớn nhanh như thổi. Anh mong rằng khi nó lớn lên có thể thay anh chăm sóc cho em.

Lệ Châu ôm ngang lưng Thanh hỏi nhỏ:

- Tối nay anh nói năng thật lạ. Khi yêu em, anh luôn nói rằng anh sẽ đi theo em suốt cả cuộc đời, phải không?

- Anh vẫn mong ước sẽ lo lắng chăm sóc em suốt đời. Nhưng nếu lỡ mai sau anh có bề gì thì ai sẽ lo cho con và em?

Lệ Châu nũng nịu dụi đầu vào ngực chồng:

- Sao hôm nay anh nói gì kỳ vậy.

- Nhiều lúc chúng mình mong ước hạnh phúc bên nhau suốt đời nhưng hoàn cảnh nào đó phải xa nhau thì sao?

Lệ Châu ngạc nhiên hỏi:

- Sao lại xa nhau. Không ai có thể làm cho vợ chồng mình chia cắt.

Thanh chợt nhồm dậy. Cả hai nghe tiếng xe hơi đỗ trước sân và nhiều tiếng chân lao xao. Con chó Ky-Ky sủa vang, tiếp theo là tiếng gõ cửa khẩn cấp:

- Mở cửa! Mở cửa mau lên.

Bé Tài thức giấc méo mào khóc. Lệ Châu hốt hoảng khoát vội chiếc áo choàng và bước ra mở cửa. Năm người đàn ông mặc sắc phục công an, mặt mày đờ đờ sắc khí xuất hiện. Một người thấp lùn, mắt nhỏ hất tay ra lệnh:

- Lục soát trong nhà.

Lệ Châu thất kinh hỏi:

- Các ông làm gì mà đêm tối vô nhà tôi lục xét lung tung vậy. Tôi đâu có làm gì sai trái.

Giọng ông ta đánh lại:

- Chồng bà đang trốn ở đây phải không?

Thanh bước ra và thản nhiên nói:

- Các ông muốn tìm tôi phải không? Tôi đây, các ông muốn bắn muốn giết gì cũng được. Vợ con tôi vô tội.

Lệ Châu chết điếng trong lòng. Công an nửa đêm đến đây tìm Thanh. Anh ơi! Anh đã làm gì nên tội mà người ta đi lùng sục bắt anh. Nếu anh có mệnh hệ nào làm sao em sống nổi. Lệ Châu muốn gào lên nhưng tiếng kêu của nàng tắt trong cổ họng. Nàng run rẩy khóc vì sợ hãi, lo lắng bàng hoàng. Thanh ôm vợ vào lòng và hôn lên má. Anh nói như xin lỗi:

- Em tha lỗi cho anh. Anh đã làm cho mẹ con em đau khổ.

Hai công an đến còng tay anh và dẫn ra xe. Bé Tài hốt hoảng chạy theo gào lên:

- Ba ơi! Ba ơi! Sao người ta bắt ba rồi. Ba về với con đi...

Tiếng gào của nó thảm thiết và vang vọng trong đêm. Từ đó, Lệ Châu không bao giờ còn gặp lại chồng. Nàng nhiều lần làm giấy tờ đi thăm nuôi nhưng không được chấp thuận. Công an đã mời nàng lên làm việc và nói cho nàng biết Thanh đang hoạt động cho một tổ chức phản động ở nước ngoài chống lại chính quyền. Họ dò la xem nàng có biết gì về tổ chức của Thanh không. Nhưng Lệ Châu nói nàng không hay biết gì về chuyện Thanh làm nên họ chỉ cảnh cáo và khuyên nàng nên làm ăn nuôi con. Một năm sau, Thanh và bạn bè chàng bị nhà nước đem ra xét xử. Tất cả những người tù còn rất trẻ. Họ chỉ khoảng từ hai mươi lăm đến ba mươi lăm tuổi. Người cầm đầu nhóm đáng cao lớn, trán cao, mắt sáng, anh bị kêu án tử hình. Nhưng anh vẫn bình thản, lạnh lùng nhận tất cả tội về mình

và không xin giảm án. Thanh thoát khỏi án tử hình nhưng chẳng những không cho rằng mình có tội mà còn lên tiếng tố cáo chính sách hợp tác xã nông nghiệp, chính sách ngăn sông cấm chợ của Lê Duẩn đã đẩy người dân vào cảnh đói rách không có gạo để ăn. Thanh lãnh nguyên bản án hai mươi năm tù giam. Nhiều người dân hiếu kỳ đến xem xử án đã rơi lệ và thương xót. Lê Châu đau buồn khóc nức nở than rằng Thanh không hề nghĩ đến vợ con mà chỉ nghĩ đến lý tưởng mà chàng và bạn bè chàng đeo đuổi. Vài năm sau, chính sách thăm nuôi tù tương đối dễ dàng. Lê Châu dành dụm tiền lương tháng, tiền chơi hội gom lại lặn lội đi thăm chồng đang nhốt ở trại tù ngoài Bắc. Mỗi lần gặp nhau chỉ được một tiếng đồng hồ. Trông chàng đen đui, ốm yếu, tiêu tụy, vỏ vàng. Hai con mắt sâu hóm, má hóp như một ông già nhưng tinh thần chàng vẫn vững vàng, tỉnh táo. Thanh luôn khẳng định với Lê Châu rằng chàng vô tội, chàng có tội chẳng là tội thương dân, thương đất nước, và xin nàng hãy tha thứ vì chàng đã không làm đủ trách nhiệm một người chồng, một người cha. Quả của nàng đem thăm nuôi, chàng đem chia hết cho bạn bè trong tù với tinh thần lá lành đùm lá rách. Mỗi lần đi thăm nuôi trở về, Lê Châu lại khóc vì thương chồng và thương cho con....

... Lê Châu ngừng lại. Chị ngược mắt nhìn những tảng lá dừa đông đưa trong gió rồi chậm rãi tiếp:

- Chị cũng không biết rõ anh hoạt động cho tổ chức nào và vì sao anh lại tin tưởng và tôn thờ tổ chức của anh đến như vậy. Anh luôn khẳng định với chị rằng chế độ cộng sản đã làm những điều xấu xa, tội tệ nên anh phải chống lại. Đôi lúc chị giận anh

và không còn muốn đi thăm nuôi. Với đồng tiền lương chết đói nhưng chị không dám ăn, không dám mặc và ngay cả nuôi bé Tài chị cũng dè xèn để nuôi anh trong tù, sợ anh chết vì đói, vì lạnh vì thiếu ăn, bệnh tật. Chị mong ước ngày anh trở về. Nhưng tất cả những món quà thăm nuôi chỉ qua ba ngày là hết sạch. Anh đem phân phát cho bạn bè như nhiệm vụ của một người cầm đầu có trách nhiệm. Chị chỉ còn biết khóc.

Tôi ngắt lời chị:

- Anh sống có lý tưởng và có trách nhiệm. Chị đau khổ vì quá yêu anh. Nhưng cuộc đấu tranh nào mà không có hy sinh hờ chị.

Chị nắc lên:

- Nhưng biết bao người sống thờ ơ, biết bao người hưởng thụ, sung sướng hạnh phúc. Họ đâu cần biết ai khổ đau, bất hạnh. Họ sống cho bản thân họ cho vợ con, gia đình của họ. Sao anh phải hy sinh mạng sống, hạnh phúc gia đình của anh? Anh có biết là anh chỉ là một viên sỏi nhỏ nằm dưới dòng sông nước chảy siết không? Anh ngu ngơ tưởng rằng lý tưởng của anh sẽ có hàng triệu người theo. Anh mơ mộng ảo huyền và anh đã hiến dâng đời mình trong nhà tù... Em nhìn xem xã hội này có bao nhiêu người nghĩ như anh. Nếu có nghĩ cũng sống giả dối, sống trơ tráo, lếu láo, để yên thân. Tại sao anh không chịu tập sống như vậy? Em có biết ngày anh trở về như thế nào không? Như một xác chết.

Lê Châu lau mắt bằng chiếc khăn tay màu tím và giọng chị lại xa vắng mơ màng...

**PHONG THU**  
(Còn tiếp một kỳ)

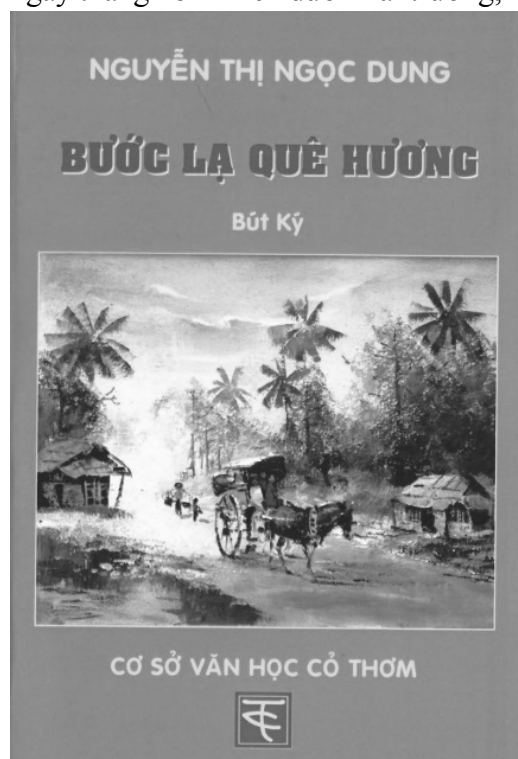
# Bước Lạ Quê Hương

## Bút ký – Nguyễn Thị Ngọc Dung

**Trịnh Bình An**

**Giới thiệu**

Cách đây hơn 20 năm, khi đến thư viện gần nhà (tiểu bang Maryland) . Trong kệ sách Việt ngữ, tôi chú ý ngay tới một cuốn sách có bìa màu hồng nhạt trên đó nổi bật một cây hoa phượng đỏ. Có lẽ không có người con gái Việt nào không mê hoa phượng, những bông hoa rực rỡ mùa hè tượng trưng cho những ngày tháng hồn nhiên dưới mái trường,



bên thày cô, bè bạn; đám bạn gái xí xọn chanh, tíu tít chia nhau những miếng me ngào, miếng xoài dầm, chua chua ngọt ngọt... Cuốn sách đó có tên *Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội* của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung.

*Phượng* có cái bìa ... nát bết! Chứng tỏ sách đã qua tay rất nhiều bạn đọc. *Phượng* đưa bạn đọc trở về một khung trời xa xưa, với một mối tình thật lãng mạn tuy hoàn toàn trong vòng lễ giáo. Tôi đọc *Phượng* và chợt thấy hoảng kinh, hoảng kinh vì nhận ra rằng thế hệ của tôi chỉ sau thế hệ tác giả một thập niên mà không có được sự e ấp, kính đáo nhưng mạnh mẽ đầy sức sống như thế.

Một duyên may đã đến với tôi, tôi được gặp chị Ngọc Dung trong những sinh hoạt sách vở trong vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Nhìn người phụ nữ mảnh khảnh và khá điệu đà trong trang phục, tôi có thể hình dung được người thiếu nữ của *Phượng Hà Nội* ngày nào, hẳn lúc đó cô nữ sinh Ngọc Dung cũng nhỏ nhắn, một chút khép kín và có giọng Bắc chuẩn đậm âm, ngân vang như tiếng khánh ngọc.

Một duyên may nữa là chị Ngọc Dung trao tặng tôi tác phẩm mới nhất của chị: *Bước Lạ Quê Hương*. Và tôi đã đọc say mê, và vui hơn nữa vì được hội

ngộ với người thiếu nữ ngày xưa... Nếu bạn từng say mê *Ba Chàng Ngự Lâm Quân* của Alexandre Dumas và thích thú được có trên tay *Hai Mươi Năm Sau*, chắc bạn càng thú vị hơn khi thấy cả bốn con người ấy tuy già đi 20 tuổi nhưng vẫn giữ nguyên vẹn những cá tính riêng biệt, tạo nên nét hấp dẫn của từng người. *Bước Lạ Quê Hương* chính là ba mươi năm sau của *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*. Thiếu nữ ngày xưa vẫn nguyên vẹn những rung động e ấp, những tinh tế tỉ mỉ, với cuộc đời, với con người. Vì thế, tôi vẫn thấy đó là thiếu nữ xuân thì ngày nào, và vẫn dùng chữ "cô" cho... cô ấy.

\*\*\*

*Bước Lạ Quê Hương* tường thuật chuyến du hành từ Nam ra Bắc của tác giả - một phụ nữ đã xa quê hương đã nhiều năm. Chuyến đi bắt đầu từ Sài Gòn, tạt qua Vũng Tàu; về quê Hà Nội, ghé Vịnh Hạ Long, lên viếng Chùa Hương, lên tận Việt Bắc; và trước khi ra đi, cô không quên ghé thăm Xứ Hoa Anh Đào.

Quê hương có khác mà không khác. Vẫn còn đó những hàng sấu, hàng me Hà Nội xanh um, nhưng còn hàng thù dương Vũng Tàu sao kịch cỡm. Mọi khung cảnh, dù giữ nguyên hay thay đổi, cũng khiến lòng người xao xuyến bồi hồi với bao kỷ niệm. "*Cây khế lấm tẩm đầy hoa nhỏ màu hồng, trĩu trĩu từng chùm trái xanh bích ngọc khiến tôi chợt nhớ tới*

*hình ảnh thơ mộng của Loan và Dũng đứng dưới cây khế trong tiểu thuyết Đôi Bạn của nhà văn Nhất Linh*".

Và... cố nhân, không chỉ là hồi ức mà lòng lững đến thăm, khiến trái tim ai suýt đập lồi nhịp! "*Tôi muốn kéo dài thời gian vì nghe lòng mình bắt đầu bối rối, xôn xao . Từ 32 năm và 11 tháng nay tôi không hề nói chuyện với Nguyễn! Ngày đó tôi vẫn còn gọi Nguyễn bằng anh và xưng em . Bây giờ tôi thấy xưng hô như thế ngượng ngập làm sao!*"

Quê hương không thể thiếu các món ăn. Vốn là một tiểu thư Hà Thành với nếp nhà tinh tế trong cách ăn uống, tác giả mô tả khá chi tiết các món ăn, các "thức quà" trên suốt cuộc du lịch. Đó là món mì Sài Gòn nhạt nhẽo, là món tôm cua tươi rói Hạ Long, món cơm cháy Ninh Bình dòn tan, đến quả khoai luộc, đậu luộc, xôi đậu đen, xôi lúa Sapa... Miếng ăn tuy nhỏ nhưng hương vị sẽ theo người về tận xứ xa. "*Đĩa cải ngồng mang tên là cải không lá, để dài nguyên cây không cắt . Nhìn dân Hà Nội lấy muống xắt chúng ra chấm với nước sốt gì đó, chúng tôi cũng bắt chước . Quả nhiên cải không đắng như tôi tưởng, mà lại ngọt thiệt ngọt*".

Quê hương vẫn xinh đẹp. Bằng hữu vẫn thân thương. Nhưng sao chân bước đi mà lòng nặng trĩu, phải chăng vì tác giả không thể làm ngơ trước những thực trạng xót lòng: "*Nghĩ đến quê hương lại giận những kẻ tham nhũng, bóc lột người dân đến tận cùng để xây những dinh thự còn hơn thời phong kiến xưa*

*kia. Trong khi các hang cùng ngõ hẻm, người dân vẫn nghèo khó, cơ cực. Cuộc sống thấp kém hơn cả 50 năm về trước. Quân Tàu tràn lan, cắt xén đất nước mình. Nhà nước vô tâm, vô tình với đồng bào cùng dòng huyết sử vẻ vang, nhưng lại nhu nhược với quân Tàu phương Bắc. Giận là thế đấy!"*

\*\*\*

*Bước Lạ Quê Hương* là bút ký hay tâm bút, tôi không xác định được, nhưng cùng với *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* là những tác phẩm văn học ghi lại những hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam qua con mắt và tâm tình của một phụ nữ. Cuộc đời rồi sẽ thêm 20 năm nữa, nhưng tôi biết rằng người thiếu nữ của *Phượng* mãi mãi sẽ vẫn mang cái dáng vẻ khao khao mà vẫn tươi thắm như cây hoa phượng rực rỡ mùa hè.

#### **Tiểu sử tác giả:**

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG** sinh năm 1939 tại Hà Nội. Cựu nữ sinh Trung học Trung Vương Hà Nội 1952-1954, Trung Vương Sài Gòn 1954-1959. Làm thơ từ tuổi mười lăm. 1972, định cư tại Virginia. Từng sống tại Bruxelles (Bỉ) và Bonn (Đức) 1976-

1983. Cộng tác với Tam cá nguyệt san Cỏ Thơm (1995), Chủ bút Cỏ Thơm (2001), Chủ nhiệm Cỏ Thơm (2003-2016). Tác phẩm đã xuất bản: "*Sài Gòn Nhớ Mưa Thương*"; "*Non Nước Đá Vàng*"; "*Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*"; "*Một Thoáng Mây Bay*"; "*Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*".



Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phong Thu, Cao Nguyên, Trịnh Bình An.

#### **BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG**

NXB Cỏ Thơm - 280 trang - giá 15. USD

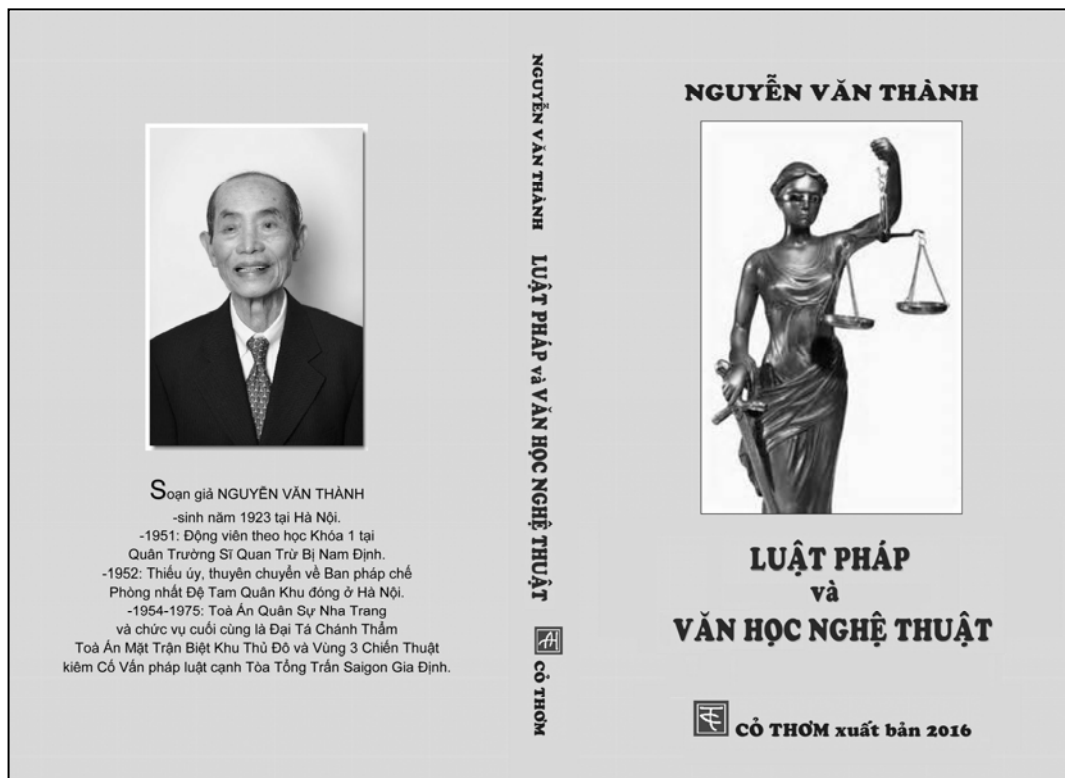
Mua sách: Nguyễn Thị Ngọc Dung

[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)

11623 Chapel Cross Way, Reston,  
Virginia 20194, USA

ĐT: (571) 926-8962 hay Email:

[dsenser@yahoo.com](mailto:dsenser@yahoo.com)



Pháp luật không chỉ giới hạn “trước vành móng ngựa” hay trong chốn “đáo tụng đình” với những ngôn từ nghiêm khắc và khô khan. Luật pháp đã xuất hiện dưới các hình thức đầy vẻ văn chương và nghệ thuật khác nữa như tiểu thuyết hư cấu, truyện thơ, các vở nhạc kịch, bút ký, biên khảo lẫn trong hội họa, điêu khắc và biết bao bộ phim trong lãnh vực điện ảnh nữa...” (Trích Lời Nói Đầu)

Sách dày 360 trang. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm xuất bản tháng 2 năm 2016. Sơ yếu lý lịch là nhà biên khảo Nguyễn Văn Thành. Nguyên Đại Tá Chánh Thẩm Tòa Án Mặt Trận Biệt Khu Thủ Đô và Vùng 3 Chiến Thuật kiêm Cố Vấn Pháp Luật tại Tòa Tổng Trấn Saigon-Gia Định trước năm 1975.

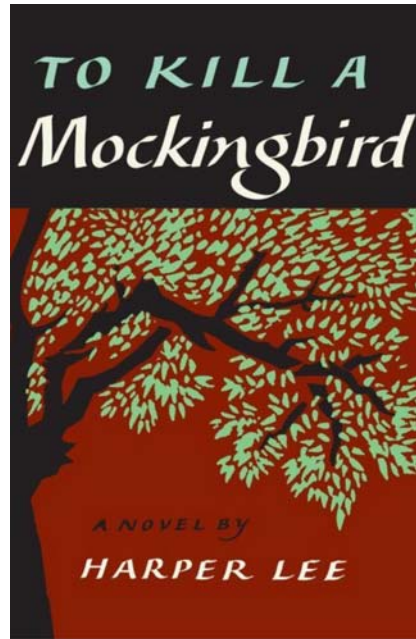
**NGÔ TÀNG GIAO**

# Giết Con Chim Nhại

**Nguyễn Quốc Khải**

## Chim nhại

Chim nhại tiếng Anh là mockingbird. Mocking hay mimicking là bắt chước hoặc nhại lại trong tiếng Việt. Mockingbird là một loại chim có khả năng và thói quen nhại lại khoảng 20 tiếng hót của các loại chim khác. Ngoài ra, chim nhại có thể bắt chước được cả tiếng chó sủa, tiếng còi xe hơi, tiếng côn trùng, và ếch nhái. Danh từ khoa học của loại chim này là “mimus polyglotoss” có nghĩa là “nhại” được nhiều “ngôn ngữ” khác nhau.



Bìa cuốn tiểu thuyết “Giết Con Chim Nhại”

“Chim nhại là một loại chim không làm điều gì có hại mà chỉ hót cho chúng ta vui. Nó không phá phách vườn tược của người, không làm tổ trong kho chứa bắp, nó không làm một điều gì ngoại trừ hót từ con tim của chúng cho chúng ta nghe. Đó là tại sao giết một con chim nhại là một tội ác.” 1/

Trong tác phẩm của Harper Lee, chim nhại tượng trưng cho vô tội, thơ ngây, trong trắng. Như vậy giết chim nhại là tiêu diệt sự vô tội, phá hoại sự ngây thơ, trong trắng. Tên của cuốn sách “Giết Con Chim Nhại” không có liên hệ nhiều với nội dung cuốn sách về nghĩa đen, nhưng đóng vai trò biểu tượng quan trọng của cuốn tiểu thuyết.

“Giết Con Chim Nhại” là một tác phẩm văn học nổi tiếng của Hoa Kỳ ra đời vào năm 1960. Tác giả tên là Harper Lee sinh vào

năm 1926 tại Monroeville, Alabama, ở tận cùng miền Nam nước Mỹ. Cha của tác giả là Amasa Coleman Lee, một luật sư, một nhà lập pháp cấp tiểu bang, và hậu duệ của Tướng Robert E. Lee. Ở bậc trung học, Harper Lee đặc biệt quan tâm về văn chương. Sau khi tốt nghiệp trung học vào 1944, Harper Lee theo học tại Huntingdon College ở Montgomery, Alabama và tiếp tục quan tâm về văn chương và viết văn, không chú ý gì đến thời trang và hò hẹn bạn bè. Harper Lee trở thành một thành viên của một hội văn chương danh dự.

Ít lâu sau, Harper Lee chuyển vào University of Alabama tại Tuscaloosa, tham dự viết báo cho trường đại học và tạp chí trào phúng Rammer Jammer, và sau cùng trở thành chủ bút của tạp chí này. Vào năm thứ ba, Harper Lee được nhận vào trường luật với dự định theo đuổi sự nghiệp của cha. Trường này cho phép sinh viên bậc cử nhân theo học để lấy bằng luật. Sau một năm học luật, Harper Lee bỏ ngành này để tiếp tục nghiên cứu về văn chương.

Vào năm 1949, Harper Lee dọn lên New York City, làm nhiều việc khác nhau để kiếm sống. Vào năm 1956, Harper Lee được gia đình nhà soạn nhạc và viết lời Michael Martin Brown tặng cho một quà

sinh nhật để hỗ trợ Harper Lee viết toàn thời gian trong một năm. Harper Lee hoàn tất bản thảo đầu tiên của cuốn tiểu thuyết “Giết Con Chim Nhại” vào 1957. Theo sự yêu cầu của nhà xuất bản, Harper Lee biên tập lại bản thảo trong hơn hai năm tiếp theo. Sau cùng tác phẩm “Giết Con Chim Nhại” được xuất bản vào 1960. Readers’ Digest cổ động tác phẩm này để cống hiến cho độc giả của tạp chí. Do đó số độc giả của cuốn truyện “To Kill a Mockingbird” tăng lên nhanh chóng.



Tổng Thống George W. Bush trao giải Presidential Medal of Freedom cho Harper Lee tại White House, 2007 (Getty Image courtesy photo)

Một năm sau tác phẩm đầu tay của Harper Lee đoạt được giải thưởng nổi tiếng Pulitzer về văn chương và một số giải thưởng khác. Trong một cuộc phỏng vấn với tạp chí Newsweek, tác giả nói “Viết là một việc khó nhất trên thế giới ... nhưng viết là việc duy nhất làm tôi hạnh phúc hoàn toàn.” 2/

Vào năm 1962, hãng phim ảnh Universal Studio cho ra đời cuốn phim “To Kill a Mockingbird” dựa vào tác phẩm của Harper Lee. Tài tử Gregory Peck đóng vai LS Atticus Finch, một nhân vật chính trong truyện. Cuốn phim nhận được ba Academy Awards: (1) Diễn viên xuất sắc: Gregory Peck; (2) Kịch bản viết cho phim: Horton Foote; (3) Mỹ thuật: [Henry Bumstead](#), [Alexander Golitzen](#), and [Oliver Emert](#). Ngoài ra phim “To Kill a

Mockingbird” còn nhận nhiều giải thưởng khác gồm ba giải của Golden Globe và một giải của Cannes Film Festival.

Vào năm 1966, Harper Lee được Tổng Thống Lyndon B. Johnson mời vào Hội Đồng Nghệ Thuật Quốc Gia (National Council of the Arts). Vào năm 1991, Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ tổ chức một cuộc điều nghiên độc giả. Kết quả là cuốn truyện của Harper Lee được xem là một cuốn sách ảnh hưởng đến cuộc đời của người Mỹ rất nhiều chỉ sau cuốn Thánh Kinh. Vào năm 2007, Tổng Thống George W. Bush đã trao Presidential Medal of Freedom cho Harper Lee vì sự đóng góp của tác giả cho truyền thống văn chương của Hoa Kỳ.

Harper Lee vừa qua đời vào ngày 19 tháng 2, 2016 ở tuổi 89 tại Monroeville, Alabama.

### Những nhân vật chính

“To Kill a Mockingbird” bao gồm 11 nhân vật chính và 35 nhân vật phụ. Những nhân vật nào trong tác phẩm của Harper Lee là những con chim nhại? Jeremy Atticus “Jem” Finch và Jean Louise “Scout” Finch, hai người con của LS Atticus Finch; Charles Barker “Dill” Harris, bạn hàng xóm vào mùa hè của Jem và Scout; Tom Robinson, người đàn ông da đen, nạn nhân tiêu biểu của nạn kỳ thị chủng tộc sâu sa tại miền Nam; Arthur “Boo” Radley, người đàn ông hàng xóm; và Dolphus Raymond, một người đàn ông da trắng, chán ghét đạo đức giả trong xã hội da trắng, chọn sống trong xã hội da đen, lấy vợ da đen, giả vờ nghiện rượu để xã hội không để ý đến mình.

Những con chim nhại đó phải sống lẫn lộn với những nhân vật ác độc như Bob Ewell, một đàn ông da trắng nghiện rượu nặng, sống bằng trợ cấp của chánh phủ, bịa chuyện Tom Robinson hãm hiếp con gái của mình là Mayella Ewell, một cô gái sống cô

đơn, thiếu thốn tình thương, nghèo đói của thời kỳ đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933; Horace Gilmer, một đàn ông da trắng kỳ thị người da đen nặng nề, một luật sư đóng vai công tố viên trong vụ xử Tom Robinson.



Scout, Atticus, và Jem trong phim "To Kill a Mockingbird"

### So sánh truyện và thực tế

Harper Lee nói rằng cuốn sách "To Kill a Mockingbird" không phải là cuốn truyện viết về chính gia đình mình. Nhưng trên thực tế có khá nhiều điểm trùng hợp giữa cuốn tiểu thuyết và thực tế.

Cha của Harper Lee, Amasa Coleman Lee, cũng là một luật sư như Atticus Finch. Vào năm 1919, Ông Lee cũng bào chữa cho hai người da đen bị tình nghi giết người và cũng không thành công. Các nạn nhân bị treo cổ. Sau vụ án này, Ông Lee không tham gia vào vụ án nào khác. Mẹ của Harper Lee mất khi bà 25 tuổi. Còn mẹ của Jem và Scout mất khi chúng 10 và 6 tuổi. Bà Harper Lee có người anh trai cũng hơn bà bốn tuổi. Lúc nhỏ Harper Lee có tính tình giống con trai, hay nổi nóng và đánh lộn như Scout. Gia đình của Harper Lee cũng có một người quản gia da đen đến giúp việc hàng ngày. Anh em Jem và Scout có một bạn hàng xóm là Dill. Harper Lee cũng có người bạn trai

thời thơ ấu là Truman Capote. Dill sống với dì cạnh nhà Scout vào mùa hè. Truman Capote cũng sống với dì gần nhà Harper Lee khi mẹ đi New York. Cả Truman lẫn Dill đều có trí tưởng tượng dồi dào và cả hai đều thích đọc truyện.

Ở cuối đường nhà Harper Lee có một ngôi nhà luôn luôn đóng kín cửa, giống như căn nhà của Arthur "Boo" Radley cùng đường với nhà của Jem và Scout. Người con trai trong gia đình cũng bị rắc rối với pháp luật và cũng bị người cha giữ trong nhà suốt 24 năm cho đến khi chết vào năm 1952. Thực tế còn có một số điểm tương tự như trong truyện nhưng không rõ ràng như những điểm vừa kể.

### Chủ đề của "Giết Con Chim Nhại"

Một chủ đề quan trọng của cuốn truyện là sự cộng sinh giữa thiện và ác. Trong xã hội có kẻ tốt người xấu. Sự thù hận, thành kiến và ngu dốt đe dọa những người ngây thơ vô tội như Tom Robinson và Boo Radley. Ngay trong một người cũng có lẫn lộn tốt xấu. Sự tốt xấu thay đổi theo thời gian. Những đứa trẻ thấy mọi người đều tốt cả vì chưa gặp ai xấu. Từ tuổi thơ ngây qua đến giai đoạn kinh nghiệm, người trưởng thành ắt hẳn phải nhìn thấy cái xấu, như Jem, Scout, và Dill đã chứng kiến sự dối trá, kỳ thị và bất công khi cha chúng thất bại trong việc bào chữa cho Tom Robinson tại tòa án vì sự vụ khố của cha con Ewell.

Chủ đề thứ hai của "To Kill a Mockingbird" là sự bất bình đẳng trong xã hội. Gia đình Finch ở trên thượng tầng mức thang xã hội ở Maycomb. Dưới đó là những người ở trong thị trấn. Kế tiếp là những người nông dân dốt nát và bên dưới nữa là những kẻ lười biếng như cha con Ewell. Cộng đồng da đen mặc dù có những người có khả năng có tài vẫn phải nằm bẹp ở đáy tầng của xã hội. Sự phân chia đẳng cấp

xã hội cứng nhắc như vậy thật là phi lý và mang tính cách hủy hoại làm cho xã hội mất sự hài hòa và khả năng thăng tiến.

Như Jem giải thích cho Scout “Có bốn loại người trong xã hội. Có loại người bình thường như chúng ta và những người hàng xóm. Có loại người như gia đình Cunningham sống trong rừng. Loại người giống như gia đình Ewells sống cạnh đồng rác, và những người da đen.” Nhưng dưới con mắt ngây thơ của Scout, trên thế giới này chỉ có một loại người. Đó là người.

Sau khi “*To Kill a Mockingbird*” được xuất bản và trở thành cuốn sách bán chạy nhất vào năm 1960, những người da trắng ở miền Nam đồng loạt tổ chức những cuộc biểu tình chống đối cuốn tiểu thuyết. Để trả lời gián tiếp những người này, trong một cuộc phỏng vấn, Harper Lee tuyên bố rằng “Một nhà văn nên viết về những gì tác giả biết và viết một cách trung thực.” 3/ Ảnh hưởng của cuốn sách “*To Kill a Mockingbird*” rất sâu rộng, đã giúp cho phong trào đòi quyền công dân (civil rights) đang phát triển lớn mạnh thêm. Chống lại nạn kỳ thị chủng tộc là một chủ đề quan trọng nhất của cuốn sách.

Biểu tượng của việc chống nạn kỳ thị chủng tộc là LS Atticus Finch, một người đàn ông da trắng can đảm và cương trực. Ông dám đứng lên chống lại cả một xã hội mang nặng thành kiến sai lầm đối với người da đen. Một điều may mắn là Atticus Finch không thật sự hoàn toàn bị đơn độc trong cuộc tranh đấu cam go cho lẽ phải. Cảnh sát trưởng Heck Tate, một người da trắng, nhưng tin vào việc bảo vệ những người vô tội. Thay vì chỉ định một luật sư tầm thường để bào chữa cho Tom Robinson, chánh án John Taylor, một người da trắng, đã yêu cầu Atticus Finch, một luật sư có kinh nghiệm, bênh vực cho bị cáo. Trong phiên tòa, Atticus Finch đã chứng tỏ là một luật sư điêu luyện, Ông đã

đưa ra những bằng cứ rõ ràng để chứng minh Tom Robinson vô tội, nhưng cũng không thay đổi được thành kiến và sự kỳ thị của bồi thẩm đoàn gồm toàn là người da trắng. Dù không thành công trong vụ án Tom Robinson, Atticus Finch tạo hi vọng cho nhiều người, nhất là những người gốc Phi châu, rằng thật sự có những người da trắng làm những điều phải.

Lòng dũng cảm đã được đề cao trong cuốn truyện. Trong đoạn văn giải thích về lý do tại sao lại nhận bênh vực cho Tom Robinson, Atticus Finch nói với Jem rằng “Bố muốn con thấy lòng dũng đảm thực sự là gì, thay vì nghĩ rằng dũng đảm là người đàn ông với khẩu súng trong tay. Đó là khi con biết con sẽ thất bại trước khi bắt đầu, nhưng con vẫn bắt đầu và con theo đuổi nó tới cùng dù có chuyện gì xảy ra.” Lòng dũng cảm này cũng được ba đưa trẻ bộc lộ bằng cách từ chối về nhà, ở lại để bảo vệ Atticus Finch trước sự bao vây của đám đông muốn xông vào nhà tù bắt giết Tom Robinson. Chúng đã thành công làm đám đông tan hàng.

Atticus Finch là một anh hùng dưới mắt người da đen và ngay cả một số người da trắng trong cuốn tiểu thuyết. Atticus Finch không phải một vị thánh mà là một con người bình thường theo đuổi một số nguyên tắc đạo đức và giao tiếp, một luật sư có lương tâm và trách nhiệm, và một người cha đáng yêu. “Dù là ở nhà, hay ngoài đường phố, hay trong phòng xử tại tòa án, Atticus Finch cũng cùng là một người được ngưỡng mộ. Ông không phải là một nhà truyền giáo, cũng không phải là một người chạy theo lợi lộc, và cũng không phải là người mơ mộng thiếu thực tế. Atticus Finch là Atticus Finch.” 4/

Nhiều nhà phê bình cho rằng “*To Kill a Mockingbird*” là một cuốn tiểu thuyết có chủ đề chính là mối liên hệ chủng tộc tại Hoa Kỳ, đặc biệt là miền Nam. Nhà phê bình

Harding Lemay đã viết “Nỗi ô nhục gặm mòn tinh thần của những người miền Nam đã được khai thác trong vấn đề đối xử với người da đen.” 5/

Thật vậy, hãy nghe Atticus Finch giải thích cho các con về thế nào là kỳ thị chủng tộc:

“Khi các con lớn lên, các con sẽ thấy người da trắng lừa bịp người da đen hàng ngày trong cuộc sống của các con, nhưng để cho bố nói với các con một điều này và đừng bao giờ quên nó nhé – bất cứ khi nào một người da trắng làm điều đó với một người da đen, bất kể người da trắng đó là ai, ông ta giàu có như thế nào, hay xuất thân từ một gia đình danh giá như thế nào, người da trắng này là một thứ rác rưởi.” 6/

Và tiếp theo là một lời cảnh cáo mạnh mẽ và đáng sợ:

“Không có một điều gì làm cho bố ghê tởm hơn là một người da trắng hạ cấp lợi dụng sự dốt nát của một người da đen. Đừng tự lừa dối mình – tất cả sẽ tích lũy lại và một ngày nào đó chúng ta sẽ phải trả giá cho việc làm này. Bố hi vọng rằng điều đó sẽ không xảy ra trong cuộc đời của các con.” 7/

Đúng 30 năm sau, đạo luật “Civil Rights Act of 1964” ra đời tại Hoa Kỳ cấm mọi sự phân biệt dựa trên chủng tộc, màu sắc, tôn giáo, giới tính, hay nguồn gốc quốc gia. Những người như Harper Lee, Atticus Finch, John Taylor là những người miền Nam đã góp phần không nhỏ vào sự thành công của phong trào đòi dân quyền.

### **Cốt truyện**

Cốt truyện “To Kill a Mockingbird” khá giản dị, nhưng lối hành văn như kể chuyện của tác giả một phần lớn đã giúp cho cuốn truyện thu hút được sự chú ý của độc giả. Một khi đã khởi sự đọc vài trang, người đọc dường như bị thôi miên để đọc tiếp cho đến hết truyện và lại còn mong ước nó không bao giờ chấm dứt.

Câu chuyện xảy ra vào thập niên 1930 trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới. Vào thời điểm đó, hàng triệu người Mỹ mất việc làm. Nhiều người mất nhà, mất đất, mất cả nhân phẩm. Nhiều người bỏ đi kiếm việc làm ở nơi xa, nhưng khó khăn kinh tế xuất hiện khắp nơi. Một nửa số người Mỹ gốc Phi châu sống ở miền Nam bị đẩy vào tình trạng cùng cực. Ngay cả những việc làm lương thấp nhất thường dành cho người da đen cũng bị người da trắng chiếm đoạt. Tại Alabama cũng như ở những tiểu bang khác ở miền Nam nước Mỹ, sự phân chia chủng tộc là một lối sống vào giai đoạn này. Trường học, nhà thờ, bệnh viện, tòa án, và những nơi công cộng đều có những khu riêng dành cho người da đen. Ngay cả tại một số tòa án, người da đen phải tuyên thệ với bản Thánh Kinh khác.

GS Joanne Gabbin của James Madison University lớn lên trong hai thập niên 1950 và 1960 nói rằng khi còn là một đứa trẻ, bà đã nhìn thấy hình ảnh Emmett Till, một đứa bé da đen, 14 tuổi bị giết chỉ vì nó huýt sáo một người đàn bà da trắng. Vào thời đó, những người da đen thông thường không được chọn vào bồi thẩm đoàn. Do đó, phán quyết của tòa thường là bất công cho người da đen.

Không gian là thành phố yên lặng Maycomb (giả tưởng), Alabama, nơi hai anh em Jeremy Atticus “Jem” Finch và Jean Louise “Scout” Finch sinh sống cùng với cha hành nghề luật sư Atticus Finch. Trong nửa phần đầu của cuốn truyện, Harper Lee mô tả về cuộc sống yên bình nhưng nghịch ngợm của hai anh em Jem (10 tuổi) và Scout (6 tuổi) khi chúng đối tác với những người hàng xóm và cha của chúng. Vào mùa hè, hai anh em đón nhận thêm một đứa bạn trai cùng lứa tuổi, cháu ruột của một bà hàng xóm. Với trí tò mò và óc tưởng tượng, ba đứa trẻ tìm thú vui trong các cuộc thám hiểm và tìm hiểu

những người cùng xóm với chúng, trong đó Boo Radley, người đàn ông da trắng quanh năm sống trong nhà và chỉ ra ngoài khi trời tối. Nhiều chuyện đồn đại về nhân vật kỳ quái này như chuyên ăn thịt sóc, mèo, và từng giết người, khiến bọn trẻ lại càng hiếu kỳ. Chúng vừa sợ Boo, vừa muốn chọc ghẹo anh ta, vừa muốn xem hình dạng như thế nào.

Vào một mùa thu đầu tiên đến trường học của Scout, trên đường về nhà, cô bé và anh tìm thấy món quà để trong hốc cây trên mảnh đất của Boo Radley. Chúng trở nên bạo dạn hơn và bắt đầu trọc ghẹo Boo Radley. Nhưng Atticus Finch cấm lũ trẻ không được làm như vậy mà phải thông cảm trước khi phán xét người khác. Ông nói với lũ trẻ:

“Các con không bao giờ thật sự hiểu được một người cho đến khi các con xét đoán sự việc từ quan điểm của người này, cho đến khi các con đặt mình vào địa vị của họ.”

Một buổi tối, Chánh Án John Taylor ghé nhà Atticus Finch để yêu cầu ông biện hộ cho Tom Robinson, một người da đen, bị buộc tội hãm hiếp Mayella Ewell, một phụ nữ da trắng. Dù bị cư dân Maycomb chống đối, Atticus Finch vẫn đồng ý bào chữa cho Tom Robinson. Một số bạn ở trường trên chọc Jem và Scout và gọi cha của chúng là “kẻ yêu bọn mọi đen.” Scout nổi nóng và đánh lộn với kẻ nhạo báng để bên vực cha của mình. Trái lại khi người giúp việc da đen Calpurnia đưa đến thăm nhà thờ của người da đen, Scout và Jem được chào đón nồng hậu.

Vào đêm hôm trước phiên xử, Tom Robinson bị đưa về giam tại một nhà tù nhỏ tại quận Maycomb. Tiên đoán trước được rắc rối có thể xảy ra, Cảnh Sát Trưởng Heck Tate nhờ Atticus Finch đến canh gác nhà tù. Chẳng bao lâu, một đám đông chừng 20 người do Walter Cunningham hướng dẫn, tụ tập trước nhà tù đòi giết

Tom Robinson vì họ sợ tòa án sẽ tha bổng Tom. Jem, Scout, và Dill lên ra khỏi nhà và đến nhà tù xem Atticus Finch làm gì. Khi thấy ông bị bao vây, lũ trẻ lách qua đám đông đến cạnh để bảo vệ Atticus Finch. Scout nhận ra Ô. Walter Cunningham, cha một người bạn cùng trường và cũng là một thân chủ cũ của Atticus Finch. Scout nhắc lại những việc cha của mình đã làm cho Walter Cunningham và quận Maycomb khiến ông này xấu hổ và ra lệnh cho mọi người giải tán.

Ngày hôm sau ba đưa trẻ lại một lần nữa lên ra khỏi nhà, phiêu lưu đến tòa xem xử án. Tầng dưới của tòa không còn chỗ, ba đưa bé lên lầu ngồi xem chung với những người da đen. Lời khai của nhân chứng là hai cha con Ewell hoàn toàn bịa đặt. Bob Ewell là một người cha vô trách nhiệm, nghiện rượu nặng, hay đánh đập con cái, không có tiền nuôi con, khiến chúng phải kiếm sống bằng cách khai thác bãi rác chung quanh nhà. Mayella Ewell là một gái lớn của Bob Ewell, một thiếu nữ da trắng sống trong nghèo đói và cô đơn. Chính Mayella tấn công tình dục Tom Robinson nhưng không được đáp ứng. Mayella bị cha bắt gặp và đánh đập. Nhưng tại tòa, Mayella khai là Tom Robinson đánh và hãm hiếp mình.

Mayella khai bị đánh vào phía bên trái của mặt và Bob Ewell là người thuận tay trái. Trong khi đó, Tom Robinson luôn luôn dùng tay phải vì tay trái bị liệt vì một tai nạn lúc còn trẻ khi sử dụng máy tách hạt ra khỏi bông gòn. Lời khai của Tom Robinson trái ngược với lời khai của hai nhân chứng.

Phản biện hộ của LS Atticus Finch chấm dứt bằng một kết luận thành khẩn. Nó tóm tắt rành mạch vụ án Tom Robinson như sau:

“Thưa quý vị, tôi sẽ rất vất vả. nhưng tôi muốn dùng thời gian còn lại của tôi với quý vị để nhắc nhở quý vị rằng vụ án này

không khó khăn. Nó không đòi hỏi phải xem xét tỉ mỉ những dữ kiện phức tạp, nhưng vụ án này sẽ đòi hỏi quý vị cần phải chắc chắn rằng không có sự nghi ngờ hợp lý nào về tội của bị can. Để bắt đầu, vụ kiện này không bao giờ nên được đưa ra tòa xét xử. Tiểu bang không đưa ra một chứng cứ y khoa nào để chứng minh rằng tội ác mà Tom Robinson bị cáo buộc đã xảy ra. Thay vào đó lại dựa vào lời khai của hai nhân chứng, mà chứng cứ không những không đáng tin cậy trong cuộc thẩm vấn mà còn hoàn toàn bị phủ nhận bởi bị cáo. Bây giờ có chứng cứ chi tiết cho thấy rằng Mayella Ewell bị đánh đập tàn bạo bởi một người hầu như độc nhất bằng tay trái. Và Tom Robinson đang ngồi trước quý vị, đã tuyên thệ với bàn tay tốt của mình – tay phải.”

“Tôi không có điều gì ngoại trừ lòng thương hại từ trong thâm tâm của tôi dành cho nhân chứng chính của tiểu bang. Cô ta là một nạn nhân của sự nghèo khổ và ngu dốt tàn bạo. Nhưng sự thương hại của tôi không mở rộng đối với việc cô ta gây nguy hiểm cho tính mạng của một người, khi cố gắng để xóa bỏ tội lỗi của chính mình. Thưa quý vị bây giờ tôi nói tội lỗi vì chính tội lỗi đã thúc đẩy cô ta. Cô ta không dính vào một tội ác nào cả. Cô ta chỉ đơn thuần xâm phạm đến những quy tắc cứng nhắc và được tôn trọng lâu đời của xã hội, những quy tắc nghiêm khắc đến nỗi ai vi phạm sẽ bị xua đuổi ra khỏi chúng ta vì không thích hợp để sống chung. Cô ta phải tìm cách tiêu hủy những bằng chứng về sự phạm lỗi của mình. Nhưng bằng chứng đó là gì? Chính là Tom Robinson, một nhân mạng. Cô ta phải loại trừ Tom Robinson. Đối với cô ta, Tom Robinson là tang vật nhắc nhở điều mà cô ta đã làm.”

“Cô ta đã làm gì? Cô ta cảm dỗ một người da đen. Cô ta là người da trắng và cô ta cảm dỗ một người da đen. Cô ta đã làm một vài điều không thể nói ra được trong xã

hội của chúng ta: Cô ta hôn một người đàn ông da đen. Không phải là một ông chú cao tuổi, nhưng là một thanh niên khỏe mạnh. Không có quy tắc nào quan trọng đối với cô ta trước khi cô ta vi phạm, nhưng nó sẽ xụp đổ xuống đầu của cô ta sau đó.”

“Những nhân chứng, ngoại trừ cảnh sát trưởng của quận Lincoln, trình diện trước quý vị - tại tòa – với sự tự tin đáng hoài nghi rằng lời khai của họ không nghi ngờ được; tự tin rằng quý vị sẽ đồng ý với họ về một giả thuyết – giả thuyết ác hại – rằng tất cả những người da đen nói láo; tất cả những người da đen căn bản là vô luân lý; tất cả những người da đen không có thể tin cậy được ở gần những phụ nữ của chúng ta, một giả thuyết tự nó đã sai lầm – mà tôi không cần phải chỉ dẫn cho quý vị.”

“Và như vậy, một người da đen thâm lặng, khiêm tốn, đáng kính trọng, cả gan cảm thấy thương hại một người phụ nữ da trắng, đã phải nói những lời chống lại hai người da trắng. Bị can không có tội. Nhưng một người trong phòng tòa án này có tội.”

“Thưa quý vị, trong đất nước này, tòa án của chúng ta là những cơ chế san bằng những bất công. Trong tòa án của chúng ta, tất cả mọi người đều bình đẳng. Tôi không là một người lý tưởng hóa để mà tin tưởng một cách vững chắc vào sự liêm chính của tòa án và hệ thống bồi thẩm đoàn của chúng ta. Đây không phải là lý tưởng đối với tôi. Đây là một thực tế làm việc sống động.”

“Tôi tin chắc rằng quý vị sẽ cứu xét một cách dễ dàng những bằng chứng mà quý vị đã nghe, đi tới một quyết định, và trả người này về với gia đình của ông ta.”

“Nhân danh Thượng Đế, hãy làm tròn nhiệm vụ của quý vị. Nhân danh Thượng Đế, hãy tin Tom Robinson.”

Sau khoảng hai giờ suy nghĩ, bồi thẩm đoàn tuyên bố Tom Robinson có tội mặc dù bằng chứng Tom Robinson vô tội khá rõ

ràng. Cả phòng xử yên lặng, không một phản ứng nào bộc phát. Dường như người ta đã biết trước kết quả, dù rằng bồi thẩm đoàn mất nhiều thời giờ hơn để đi đến quyết định so với những vụ án khác. Những người da đen theo dõi vụ án trên lầu phòng xử và ba đứa bé da trắng buồn thảm ra mặt. Tất cả lặng lẽ đứng dậy tiễn đưa Atticus Finch ra về.

Trước khi chia tay, LS Atticus Finch đã cho Tom Robinson biết rằng ông sẽ xin chống án và đưa vụ xử này lên tòa trên và Tom Robinson sẽ có cơ hội may mắn hơn. Mất tin tưởng vào công lý, Tom Robinson trên đường bị đưa vào nhà tù, đã bỏ chạy và bị bắn chết.

### Kết luận

"To Kill a Mockingbird" là một tác phẩm có giá trị cho người lớn. Vì những chủ đề khá nặng nề như phân biệt chủng tộc, hãm hiếp, biện hộ và thẩm vấn tại tòa án, và luật pháp, cuốn sách sẽ không hợp với trẻ em mặc dầu trong cuốn tiểu thuyết, ba đứa trẻ Jem, Scout, và Dill được là những nhân vật chính cùng với tám người khác.

Tác giả đã khéo léo mô tả sự việc qua con mắt của Jem, Scout, và Dill nên đã làm cho những đề tài phức tạp trở nên dễ hiểu, không mang tính cách giáo điều và làm cho cuốn sách thú vị hơn.

Tên của cuốn sách cũng tạo thêm sự tò mò và chú ý của độc giả. Chính nhờ vậy mà tôi mua cuốn phim để xem trước vài lần rồi mới mua cuốn truyện về đọc. Câu hỏi đầu tiên khi khán thính giả xem cuốn phim hay người đọc cầm cuốn sách là con chim nhại trong truyện là ai và tại sao lại giết nó?

Theo nhận xét của tôi, cuốn phim hấp dẫn hơn cuốn tiểu thuyết nhờ có thêm âm thanh, hình ảnh và tài diễn xuất tuyệt vời của hầu hết các diễn viên, đặc biệt là

Gregory Peck trong vai LS Atticus Finch, Mary Badham trong vai Scout, và Phillip Alford trong vai Jem. Sự kết hợp của âm thanh và hình ảnh làm cho khán thính giả thêm hồi hộp.

Cuốn tiểu thuyết "To Kill a Mockingbird" là một thông điệp mạnh mẽ chống nạn kỳ thị chủng tộc một cách sâu sắc.

### Chú thích:

1/ Mockingbirds don't do one thing but make music for us to enjoy. They don't eat up people's gardens, don't nest in corncribs, they don't do one thing but sing their hearts out for us. That's why it's a sin to kill a mockingbird (To Kill a Mockingbird).  
2/ "Writing is the hardest thing in the world ... but writing is the only thing that has made me completely happy" Harper Lee.

3/ "A writer should write about what he knows and write truthfully" (Harper Lee).

4/ John Panagopoulos, "To Kill a Mockingbird review," June 8, 2011

5/ Harding Lemay "Children Play, Adults betray," New York Herald Tribune, July 10, 1960.

6/ "As you grow older, you'll see white men cheat black men every day of your life, but let me tell you something and don't you forget it—whenever a white man does that to a black man, no matter who he is, how rich he is, or how fine a family he comes from, that white man is trash" (Harper Lee, To Kill a Mockingbird).

7/ "There's nothing more sickening to me than a low-grade white man who'll take advantage of a Negro's ignorance. Don't fool yourselves—it's all adding up and one of these days we're going to pay the bill for it. I hope it's not in you children's time." (Harper Lee, To Kill a Mockingbird).

**NGUYỄN QUỐC KHẢI**

## PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:



### Họa Sĩ ĐÌNH CƯỜNG Pháp danh QUẢNG THÁI

- Cựu Học Sinh Petrus Ký (Sài Gòn), Tốt Nghiệp: Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế (1963), Trường Sư Phạm Hội Hòa Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn (1964).
- Nguyên Giáo Sư Hội Họa tại Trung Học Đồng Khánh (Huế) và Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế.
- Đã triển lãm tại nhiều thành phố ở miền Nam Việt Nam trước 75 và một số thành phố ở Hoa Kỳ, Gia Nã Đại và Pháp. Đã xuất bản 2 tập thơ: «Cào Lá Ngoài Sân Đêm», «Tôi về Đứng Ngán Ngơ» và 1 tập biên khảo «Đi Vào Cõi Tạo Hình».
- Trong Ban Biên Tập của tam cá nguyệt san Cỏ Thơm từ số báo đầu tiên năm 1996;
- Cộng tác với các trang mạng: cothommagazine.com, phamcao hoang.blogspot.com, damau.org, tienve.org, tranthinguyetmai.wordpress.com ...

**Họa Sĩ Đinh Cường sinh năm 1939 tại Thủ Dầu Một, Việt Nam**  
**Từ trần: 7-1-2016 tại thành phố Fairfax, Virginia - USA**  
**Hưởng thọ 76 tuổi**

Tang lễ sẽ được cử hành tại:  
**FAIRFAX MEMORIAL FUNERAL HOME**  
9902 Braddock Rd, Fairfax Virginia 22032  
Phone : 703-425-9702

*Nguyên cầu hương linh Họa sĩ ĐÌNH CƯỜNG sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.  
Xin thành kính phân ưu cùng Bà quả phụ Hồ Thị Tuyết Nhung và toàn thể tang quyến.*

---

**Thay mặt toàn thể văn thi hữu, Ban Điều Hành Cơ Sở Cỏ Thơm:**  
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng,  
Trần Bích San, Đỗ Trang Mỹ Hạnh



# KỶ NIỆM... TẠ TỪ

Ngày hôm đó không nắng cũng không mưa... Trời xám nhạt, buồn, hiu hiu gió thổi... Người vẫn cảm thấy ngầy ngấy, khó chịu vì còn ngất ngư với bệnh vertigo. Vẫn phải lái xe cho cô cháu gái, nhà văn Thơ Thơ từ Nam Cali đến thăm Họa sĩ Đinh Cường. Thơ Thơ chủ biên web. Đa Màu mà người nghệ sĩ tài hoa đang cộng tác.

Xe dừng trước một căn nhà nhỏ, xinh xắn trên một con đường yên tĩnh tại vùng ngoại ô Fairfax. Định thả cô cháu xuống là Diễm Hoa và tôi về. Nhưng Diễm Hoa lại là bà thầy dương cầm của Dạ Châu, con gái họa sĩ. Thế là Thơ Thơ và Diễm Hoa dắt tay nhau băng qua đường service, tung tăng tới gõ cửa. Phân tôi, đương mệt, nằm ngả lưng trên nệm ghế trong xe, nhắm mắt, thư thái.

Tiếng ồn ào vang vọng. Mở bừng mắt, tôi choàng dậy. Diễm Hoa tay đập cửa xe, miệng nói: “Họa sĩ Đinh Cường mời anh vào trong nhà”.

Dù muốn, dù không, chủ nhân đã mời tôi không thể nằm ngủ trong xe được nữa. Xa xa, lơ lơ mấy bóng hồng bao quanh một sự ộng bé nhỏ. Cả hơn nửa năm nay, tâm nhìn xa của tôi đã kìm, trông gà hoá cuốc, tôi không thể nhận ra Đinh Cường. Cái khác biệt với những năm trước là phong cách của anh, thần thái của anh - từ tốn hơn xưa, thoát tục hơn xưa... nhiều... rất nhiều.

Khi xưa, một Đinh Cường tóc dài, vẻ nghiêm trang đến lạnh lùng nhưng với tôi, hồi ấy, anh trông khá

“ngầu”, khá xa cách. Những khi gặp, anh mặc đồ rất nghệ sĩ, buông thả - quần kaki không ủi, áo jacket jean, trông trẻ trung. Hình như tôi chưa thấy anh mặc suit bao giờ. Hôm nay đây, trước mắt tôi, người họa sĩ tài hoa ấy đầu tóc như một thiên sư, vẻ dịu dàng, và ánh mắt thật hiền hòa ấm áp. Ở anh, toát ra một cái gì vô cùng thánh thiện, vô cùng tinh khiết. Tôi buột miệng: “Trông anh thanh tịnh quá!”. Anh cười nhẹ, nắm tay tôi mời vào phòng khách.

Trong phòng xôn xao tiếng nói cười của những con người yêu văn nghệ - nhà văn nhà thơ Nguyễn Thị Thanh Bình, nhà văn Đinh Từ Bích Thủy, nhà văn Đặng Thơ Thơ trước bàn khách đầy bánh kẹo, trái cây, nước uống. Diễm Hoa đang nắm chặt tay cô học trò cưng Dạ Châu, ái nữ của anh Đinh Cường. Truyền trò vui vẻ, nở như pháo rang. Những nhà văn nữ này đều gọi họa sĩ là anh, tôi thì được kêu tiếng thầy, tiếng chú vì là cậu của Thơ Thơ. Riêng Dạ Châu nhỏ nhẹ xin phép: “Cho em kêu là anh vì từ ngày học piano với chị, đến đây anh, gọi quen rồi”. Thật ra, anh Đinh Cường và tôi “già” hơn mấy nữ văn sĩ này đến hơn hai thập niên. Anh còn “trẻ” hơn tôi hai tuổi. Nghe trò chuyện cũng tức cười vì xung hô, thật là loạn xạ ngầu, không theo phép tắc của các cụ. Thế mà lại tự nhiên. Đinh Cường vốn là một nghệ sĩ, bẩm tính đã phóng khoáng. Tôi là nhà giáo, có khe khắt hơn, nhưng lại chịu ảnh hưởng của TLVĐ, nên cũng không thấy khó chịu. Và lại các vị nữ lưu, các văn thi sĩ đang bắt đầu nổi tiếng không xưng “cháu” thì cũng “em”. Quá đủ! Trừ Thanh Bình nội lực thâm hậu, giọng vang vang, các cô khác đều dịu dàng, nhỏ nhẹ. Đinh

Cường, về hải lòng, tôi cũng không thấy nhức đầu dù đang bệnh.

## **GỎI NGÔ VŨ DAO ÁNH**

*để nhớ 11 năm ngày mất TCS*

*Những lá thư qua bao năm tháng  
ổ vàng thêm từng đêm trăng rằm  
ở đây trăng lớn trời xanh quá  
nhớ ánh đèn chao gió núi Dran*

*nhớ đôi chim sẻ trên giấy thép  
nếp bên nhau chờ trưa nắng lên  
người đi xe ngựa thồ ra phố  
mấy dãy nhà nín lặng buồn thiu*

*ghé bưu điện người công chức già  
đang ngủ ở phòng sau ngời dậy  
lững thững ra bán mấy con tem  
tem dán đưa lại người để gửi*

*về cho người nhờ chuyển lại thư  
như thế bao nhiêu là dâu biển  
để hôm nay có sách thư tình \*  
gửi một người, mới e-mail cho tôi*

*28 tháng 2 gọi về gặp Trinh \*  
sinh nhật bạn lại qua Sơn ơi  
kỷ niệm mười một năm ngày mất  
đầu tháng tư, đêm khuya có phone  
bạn ra đi, nay có tên đường...*

**Đình Cường**  
*Virginia, March 2012*

Cái đáng phục của Đình Cường là anh không tỏ vẻ mệt mỏi. Anh nói ít nhưng vẻ mặt tươi vui một cách thanh thản. Trừ tôi người xa lạ nhất, các văn thi sĩ kia đều quá quen thuộc với anh. Họ từng làm báo, làm văn với nhau. Họ tuy trẻ nhưng là “nhà nghề” chứ không phải tay mơ, tài tử kiểu Nguyễn Lân này. Đình Cường đưa tất cả xuống basement, atelier, xưởng vẽ của anh. Lần đầu tôi được tha hồ ngắm những bức họa của Đình Cường. Thú thật, trình độ thường lãm hội họa của tôi chưa đến mức chấp nhận những “sáng tác người” dài ngoằng, lòng thông của anh. Tôi vẫn còn nệ cổ, chỉ thích đẹp của con người một cách cân đối, mô phỏng đúng nhân vật. Nhưng không thể chối cãi tôi yêu màu sắc của anh quá. Màu nào cũng bắt mắt, “gamme” nào cũng lôi cuốn, “ton” nào cũng thu hút. Tuyệt vời! Anh chỉ còn thua bàn tay pha màu của Thượng Đế thôi. Mãi mê ngắm tranh, ngắm những vệt màu đỏ, cam, vàng, nồn chuối, lục, xanh da trời, xanh đậm của biển khơi, chàm, xám nhẹ, xám chì, và nhất là màu tím, nhè nhẹ vương vạt hoa sim hay thắm đậm như áo nữ sinh đắm say quệt trên canvas... mãi, quên cả thời gian. Giọng anh nhè nhẹ sau lưng:

-Anh có thấy một bức tranh nào đặc biệt ở đây không?

-Tầm ở chính giữa kia? Không phải là nét vẽ của Đình Cường. Trông quen quá.

Anh cười nhỏ nhẹ: “Bức họa của Nhất Linh đấy”. Chắc anh thấy Nguyễn Lân thật không sành xem tranh. Bức phóng họa với nét vẽ quen thuộc của bác ruột mà không nhận ra.

Tôi chọc anh: “Sao nó được lồng trong khung đẹp và trịnh trọng thế?”

Giọng êm đềm, anh trả lời: “Vì nó là của Nhất Linh”.

Tôi muốn hỏi anh tỉ mỉ hơn về từng bức họa nhưng thấy anh bắt đầu mệt mệt mà chính tôi đầu đã hơi choáng váng, đành thôi. Chờ một dịp khác (!).

Chúng tôi trở lại phòng khách, ăn bánh, uống trà, cà phê, nước ngọt... tùy hi...

Ngồi cạnh anh, tôi bắt đầu nói về thơ vì thấy một bài thơ của anh trên giá vẽ. Tự nhiên tôi buột miệng:

-Tuổi mình bây giờ là thanh thân, hết ganh đua. Tôi thích mấy câu thơ này:

*“Nhẹ nhàng như đoá phù vân  
Trời cao rũ lớp bụi trần phiêu du...  
Gội mình rửa sạch ưu tư,  
Yêu thương cũng nhạt, hận thù cũng nguôi”.*

Anh chăm chú nghe. Mấy phút sau anh nói: “Anh đọc lại đi. Tôi chưa nhớ”. Thì ra, anh thích mấy câu thơ này. Sao tôi thấy nó hợp với phong cách hiện tại của anh một cách kỳ dị. Tôi đọc chậm rãi và nhìn anh. Thật quả người ngồi trước mặt tôi trông rất “siêu thoát”. Lúc ấy tôi vẫn chưa biết anh đang tới thời kỳ trầm trọng. Nói đúng hơn, tôi chưa biết anh mắc căn bệnh hiểm nghèo: Ung thư (!). Tôi vô tình hay vì chưa bao

giờ tôi trò chuyện với anh! Rồi nhà anh, Diễm Hoa mới cho tôi biết anh đang bị ung thư tiền liệt tuyến (prostate). Buồn! Anh nhìn tôi, tia nhìn thật hiền từ: “Anh còn phong độ lắm. Thật đáng mừng. Cái áo vest anh đang mặc thật đẹp”. Chắc anh đang tiếc không đủ sức ghi lại trên canvas hình ảnh chất liệu tạo nên cái áo tôi đang mặc - sở trường của anh.

Đình Cường đã ra đi. Chúng ta mất mát nhiều hơn những cái chết của một người thường. Chúng ta mất đi đôi mắt biết nhìn, đôi tay sáng tạo những đường nét kỳ diệu của thiên nhiên với màu sắc náo nùng làm say mê lòng người. Và trên hết, một tâm hồn biết yêu thương, biết trân quý những cái hay, cái đẹp của tha nhân.

Lần đầu, mà cũng là lần cuối trò chuyện cùng anh. Chưa hiểu rõ anh nhưng thấy... buồn thương, nuối tiếc. Chỉ còn là một kỷ niệm tạ từ!

**NGUYỄN LÂN**

Kỷ niệm ngày gặp gỡ Họa Sĩ Đình Cường  
cuối tháng 11/2015



# TƯỢNG NIỆM HỌA SĨ ĐÌNH CƯỜNG

Nhà Thơ Ngô Tăng Giao là người đầu tiên báo tin cho tôi, Họa Sĩ Đình Cường qua đời. Tôi muốn kêu trời, tuy cũng đã biết anh có bệnh nan y, ra vào nhà thương nhiều lần. Tôi quýnh quáng gọi Họa sĩ Lê Văn Lai. Anh cũng chỉ mới nghe vậy chưa được tin tức gì hơn. Nhưng tối 01/07/2016 đó, chị Lê Văn Lai cho tôi biết ngày giờ và địa điểm tang lễ.

Nhạc sĩ Phan Anh Dũng email cho tôi, nói vừa mới gặp anh Đình Cường vẫn còn khỏe tại Eden Center ngày Dũng đến lấy Cỏ Thơm tại Washington Music mà tôi gửi lại tiệm. Tôi nhớ hôm đó, 12/17/2015, trời mưa rất lớn, gió rất to, nhưng tôi vẫn đi bỏ báo cho tiệm sách, đưa báo cho Nguyễn Quốc Khải, và để lại mấy chục tập báo cho Dũng và Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành. Sớm hơn hôm đó, tôi cũng đã đi bưu điện gửi 5, 7 bịch sách báo đi Âu châu và vài thân chủ cho quảng cáo trong vùng. Tôi phải đội mưa mà đi bỏ báo gấp, vì sáng hôm sau, tôi sẽ bay đi Dallas thăm con cháu 10 ngày, qua Christmas về mới đi bỏ báo thì quá muộn cho các vị ở xa. Đó là chưa kể Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm, Tổng Thư Ký Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, Nhà văn Ý Nguyên, Nhiếp ảnh gia Phạm Bá cũng gửi cho gần 200 tập báo. Làm báo văn học bất vụ lợi là như thế đó.

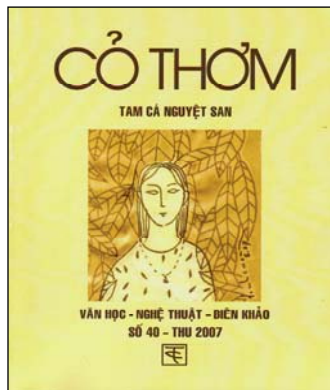
Họa sĩ Đình Cường mất ngày 01/07/2016, tại Virginia,



hưởng thọ 76 tuổi. Anh cùng tuổi với tôi, nên tôi càng xúc động. Họa sĩ Đình Cường là người hiền hòa, khép kín. Tuy cộng tác với Cỏ Thơm liên tục 20 năm, nhưng anh ít khi đến dự các sinh hoạt Cỏ Thơm. Tình cờ gặp anh ở đâu tôi cũng được anh nhận diện nở nụ cười với vài câu chào hỏi từ tốn. Rất tiếc hôm trời mưa đi bỏ báo đó, tôi không được gặp Họa sĩ Đình Cường lần cuối cùng. Phan Anh Dũng cũng thở dài: "Buồn quá!"

Bìa sách "Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương" của Nguyễn Thị Ngọc Dung là tranh rất trang nhã tượng trưng cảnh trí Sài Gòn của Họa Sĩ Đình Cường. Anh vẽ riêng cho bìa sách của tôi. Trên tranh có một khoảng trời mây xanh để tôi đề tên tác giả và tác phẩm, được xuất bản lần thứ nhất vào năm 1994. Khi cho tái bản quyền sách tôi vẫn dùng lại bìa cũ. Bức tranh đã được làm khung và treo trên tường phòng khách nhà tôi.

Sau khi đọc "Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương" trong đó có một đoạn tôi viết về Họa Sĩ Nguyễn Trung, bạn "correspondance" trai Nam, gái Bắc với tôi thời Trung Học, anh Đình Cường đã gửi một quyển cho Nguyễn Trung, một trong những họa sĩ nổi tiếng của Việt Nam trước và sau 75. Trước khi dời Sài Gòn tôi đem theo 2 bức tranh lớn của Nguyễn Trung làm kỷ niệm. Đình Cường và Nguyễn



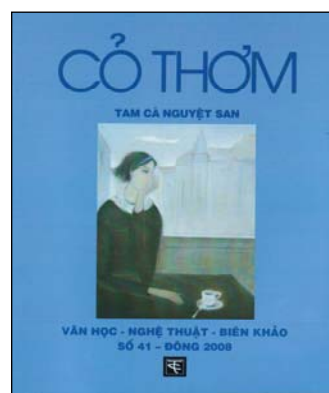
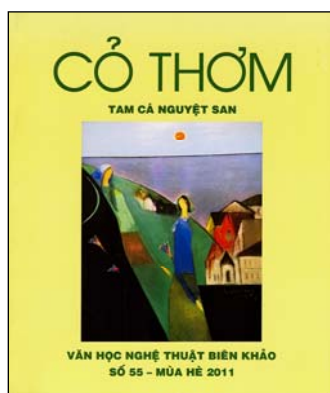
Trung là bạn thân cùng thời, cùng Hội Họa Sĩ Trẻ trước năm 1975. Khi Nguyễn Trung tới Virginia, Đình Cường đã đưa họa sĩ bạn tới nhà Ngọc Dung thăm hai bức tranh của Nguyễn Trung. Ngọc Dung rất vinh hạnh được quen biết hai họa sĩ ưu tú của Việt Nam.

Họa sĩ Đình Cường cộng tác với báo Cỏ Thơm ngay từ số 1, Mùa Xuân 1996 với bài viết "*Nhân Xem Quyển 'Các Họa Sĩ Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương', Tưởng Nhớ Một Họa Sĩ Bạc Thầy, Lê Văn Đệ*". HS Đình Cường tiếp tục gửi những bài biên khảo giá trị về hội họa Việt Nam và thế giới cho chúng tôi đăng báo... Khởi đầu, báo Cỏ Thơm không có đủ tài chánh in bìa màu, mà tranh của HS Đình Cường toàn là tranh màu. Bức tranh đầu tiên chúng tôi xin anh làm bìa số 40, mùa thu 2007, là bức vẽ "*Thiếu Nữ Vườn Thu*" đen trắng, nhưng chúng tôi đã đổi tranh thành nâu vàng cùng màu chữ và nền của bìa báo. Khi có đủ khả năng, Phó Chủ nhiệm ngoại vụ Cỏ Thơm lãnh trách nhiệm liên lạc xin tranh, ảnh và đã xin HS Đình Cường bức tranh "*Cà Phê Mùa Đông*" cho bìa Cỏ Thơm số 41, mùa đông 2008; Tranh "*Xóm Nhà Annandale Mùa Đông*" cho Cỏ Thơm số 45,

mùa đông 2008.

Chủ Nhiệm là người trình bày báo từ ngoài bìa vào trong ruột báo như từ trước đến nay. HS Đình Cường rất hài lòng khi nhận được báo tặng. Anh đã khen: "Bìa báo rất trang nhã, tiếp với tranh. Đúng là chị đã từng học vẽ." Ngọc Dung cảm thấy như đã được công nhận có mắt hội họa rồi. Anh Đình Cường còn cho chúng tôi tranh "*Thiếu Nữ Trắng Xanh*" làm bìa báo mùa hè, số 55, 2011. Bài biên khảo về hội họa cuối cùng của HS Đình Cường viết cho Cỏ Thơm là "*Tạ Tỵ, Người Họa Sĩ Luôn Ưu Tư Về Những Cái Mới*", số báo 72, Mùa Thu 2015.

Sáng thứ ba 12 tháng 1, 2016, trời đầu mùa đông gió lạnh, mây u ám như muốn mưa hay sắp có tuyết. Linh cữu Họa Sĩ Đình Cường được đặt tại nhà quan tại Fairfax County. Phái đoàn Cỏ Thơm đến viếng anh gồm có văn thi hữu Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Anh Dũng, Phạm Trọng Lệ, Bùi Thanh Tiên, Lê Văn Lai, Nguyễn Tường Vân, Nguyễn Quốc Khải, Phạm Bá Vinh, anh chị Hải Bằng Hoàng Dân Bình, Phạm Hữu Bính, Phạm Bá & Ý Nguyên, Nguyễn Huy Long & Trương Anh Thụy. Trước bàn thờ người quá



cổ, trước chị Đình Cường và con cháu cùng tang quyến với khăn tang trắng chít ngang đầu, Phan Anh Dũng đọc đôi lời điều vãn nhắc đến con người hiền hòa và sự đóng góp tích cực với những bài biên khảo cùng những bức tranh giá trị nghệ thuật cho báo và Website Cỏ Thơm. Nguyễn Thị Ngọc Dung trao bằng Tri Ân Họa Sĩ Đình Cường và bao thư Phân Ưu đến chị Hồ Thị Tuyết Nhung, hiền thê của anh Đình Cường. Sau đó phải đoàn Cỏ Thơm lần lượt thấp nhang lễ và tạm biệt người quá cố. Tôi vừa đưa tiễn người bạn đường 44 năm, cách nay vài tháng nên hiểu rằng nỗi buồn thương tiếc ần sau những khuôn mặt và đôi mắt người ở lại.

Chủ Biên Website Cỏ Thơm, Phan Anh Dũng đã có những bài biên soạn phong phú

đầy đủ về Họa sĩ Đình Cường, tôi không cần phải viết thêm tiểu sử và sự nghiệp của anh trong bài tưởng niệm này. Toàn Ban Trị Sự, Ban Biên Tập và quý Tác giả, quý Độc giả Cỏ Thơm chân thành ghi ơn và cảm tạ Họa Sĩ Đình Cường đã cộng tác với Cỏ Thơm 20 năm qua. Họa sĩ đã đóng góp cả cuộc đời và sự nghiệp của anh cho nghệ thuật. Văn học Việt Nam Hải Ngoại và quốc nội phải ghi nhớ Tên anh. Cầu chúc Họa sĩ Đình Cường toại nguyện những gì anh đã có trên cõi đời này và hương linh anh sớm tiêu điều Miền Cực Lạc Xin thành thực chia buồn cùng Chị Đình Cường, các con, các cháu và tang quyến.

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG  
và Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm**



*Các văn thi họa sĩ trong ngày Kỷ Niệm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm 12 tuổi, 15 tháng 4, năm 2007.  
Từ trái – Hàng trước: Đình Cường, Tạ Quang Trung, Trần Bích San, Hoàng Song Liêm, Hoàng Dung,  
Lê Thương, Vũ Hối, Lý Hiếu, Vi Khuê, Huy Lâm, Nguyễn Phú Long, Phạm Xuân Thái, Nguyễn Văn Thành,  
Uyên Thao, Hà Bình Trung, Phan Khâm. Hàng sau: Bùi Thanh Tiên, Phạm Văn Tuấn,  
Hoàng Trùng Dương, Nguyễn Đăng Tuấn, Phan Anh Dũng, Hoàng Cung Fa, Nguyễn Văn Bá,  
Hoàng Lan Chi, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Trường Sơn, Trương Anh Thụy,  
Hoàng Bạch Mai, Hồng Thủy, Ngô Tăng Giao, Nguyễn Lân*

# ĐÌNH CƯỜNG, MỘT TÀI HOA CỦA HỘI HỌA VIỆT NAM

## Phan Anh Dũng

Sáng thứ sáu 8/1/2016 được tin từ Lê Hân bên San Jose, California (em của nhà thơ Luân Hoán) báo tin họa sĩ Đình Cường vừa qua đời hôm qua. Tôi thật bất ngờ và xúc động vì mới gặp anh cách đó mấy tuần ở thương xá Eden Center, thành phố Falls Church, Virginia. Hôm ấy, Đình Cường đi ăn trưa với một nhóm bạn. Tình cờ gặp, tôi đến bắt tay và thăm hỏi vì đã lâu không gặp mặt từ khi anh lâm trọng bệnh và quyết định chữa theo hóa trị (chemotherapy). Tôi nhận thấy ngoại hình anh không đến nỗi tiêu tụy, chỉ trừ đầu không còn tóc nhưng nụ cười mỉm chỉ vẫn còn đó, lời nói nhỏ nhẹ và cái xiết tay thân tình khiến tôi vui mừng và không khỏi nghĩ rằng sức khỏe của anh đang hồi phục. Khi viết "Lá Thư Mùa Đông" cho số Cỏ Thơm 73 vào tháng 12, tôi đã vội vàng thông báo "tin vui" này đến văn thi hữu bốn phương.

Trong thời gian Đình Cường chữa trị ung thư tuyến tiền liệt (prostate cancer), tôi vẫn liên lạc với anh qua email, theo dõi sinh hoạt và dự đoán sức khỏe qua các bài thơ, biên khảo, tranh, hình ảnh họp mặt... của anh đăng ở website của nhà thơ Phạm Cao Hoàng, một người bạn sống khá gần và thường xuyên tiếp xúc với anh những năm gần đây. Tôi có gửi vé mời anh đến dự ngày họp mặt thường niên của Cỏ Thơm vào tháng 6, 2015. Tuy không đến được nhưng anh vẫn lịch sự cảm ơn, gửi tiền ủng hộ và thiệp chúc mừng Cỏ Thơm tròn 20

tuổi! Lại nữa, khoảng tháng 9, 2015 sau khi xuất bản quyển "Đi Vào Cõi Tào Hình I", anh đã thân ái gửi tặng và cũng nhờ tôi sưu tầm, điều chỉnh cho đẹp và rõ hơn một số tranh để anh đăng vào quyển "Đi Vào Cõi Tào Hình II" trong tương lai. Rất tiếc việc này chưa thực hiện được thì anh đã qua đời.

Ngoài nhóm bạn trong giới hội họa, Đình Cường quen rất nhiều người trong giới văn nghệ sĩ khắp nơi. Lý do cũng dễ hiểu là vì anh yêu văn học nghệ thuật kể từ khi học "ban C" văn chương ở Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký, Sài Gòn. Anh yêu quý sách vở, viết biên khảo, tùy bút và nhất là sáng tác thơ đều đặn. Anh được bạn bè thương mến vì anh thành thật quan tâm và chẳng quên một ai! Đình Cường là người sống nhiều về nội tâm. Anh thích họp mặt bạn bè để thăm hỏi, và có thể chỉ để nhìn và nghe tiếng nói thân thương, chứ anh ít khi "góp chuyện". Có khi anh ngồi lặng yên giữa nhóm đông người nhưng trong lòng vẫn vui vẻ và đặc biệt nhất là vẫn có thể tập trung để vẽ phác họa hay sáng tác thơ tại chỗ! Vào ngày cuối tuần, nhà văn gốc Hội An Phạm Thành Châu thường đến chờ anh ra quán Phở Xe Lửa ở Eden Center của cựu Luật sư Nguyễn Thế Toàn để gặp bạn bè. Anh Châu cho rằng Đình Cường là người họa sĩ hào phóng nhất vì chuyên vẽ "chùa" các bìa sách, bìa băng nhạc không tính tiền cho bạn bè - thân cũng như sơ! Chỉ cần một lời cảm ơn của tác giả, kèm theo vài quyển sách, CD là Đình Cường thấy thú vị rồi! Tính tình của anh điềm đạm thật hiếm có.

Tôi chưa từng nghe anh nói xấu về ai hay chê bai tác phẩm của họ. Năm 2009, họa sĩ Trịnh Cung - người bạn "nổi khổ" từ thuở học Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế - viết một bài "Trịnh Công Sơn & Tham Vọng Chính Trị", trong đó ngoài chỉ trích nhân vật chính Trịnh Công Sơn, anh còn kéo thêm tên Đinh Cường - cho rằng tình bạn giữa Trịnh Cung và Đinh Cường không thành thật như mọi người đã nghĩ từ bấy lâu nay! Bài viết này của Trịnh Cung gây nhiều tranh luận trong giới văn nghệ sĩ. Tôi có dịp hỏi Đinh Cường chuyện thực hư ra sao vì không thấy anh lên tiếng! Anh chỉ trả lời nhỏ nhẹ: "Có lẽ Trịnh Cung trong lúc nóng giận đã viết hơi quá đáng. Mong rằng thời gian sẽ làm anh ấy suy nghĩ lại. Tôi thấy lời qua tiếng lại lúc này cũng vô ích thôi, anh Dũng à". Và quả y như Đinh Cường dự đoán, cuối năm 2015 Trịnh Cung đã viết một bài về Đinh Cường, một người bạn thật đôn hậu như sau: "... Từ khi tôi đi lính rồi đất nước lâm vào khói lửa khủng khiếp, chúng tôi không còn gần gũi như những ngày thanh bình. Đinh Cường và Trịnh Công Sơn có điều kiện gần bó và duy trì tình bạn vốn rất đẹp để còn tôi lênh đênh theo dòng lính nên không còn giữ được những gần bó tuyệt vời như thừa 20-30 tuổi. Thậm chí, những năm sau ngày 30-4-1975, chính tôi đã làm đổ vỡ tình bạn hiếm có ấy như một người đã đập vỡ chiếc bình cổ tuyệt tác vốn là trời cho. Nay, tuổi chỉ còn vài năm nữa là đến 80, Trịnh Công Sơn đã yên nghỉ nghìn thu, Đinh Cường thì bỏ giận tôi, về Việt Nam cách đây 4 năm, nhờ Thân Trọng Minh nhắn rủ tôi đi ăn cơm, để tôi chọn chỗ. Tôi đã xách đến một chai rượu cognac loại quý để uống mừng sự tái hợp của hai chúng tôi. Lẽ dĩ nhiên là cuộc

*cụng ly tay ba này không dừng ở đây mà tôi còn mời Đinh Cường dùng bữa tối với vợ con tôi, vợ chồng Dương Nghiễm Mậu, vợ chồng Nguyễn Quang vào tối hôm sau, trước khi Đinh Cường về Mỹ. Và, chắc các thân hữu đã biết, Đinh Cường gần đây đã nhiều lần làm thơ để tặng tôi và thường nhắc đến tôi trong các bài viết của anh. Đáng yêu thay và đáng biết ơn thay Đinh Cường, một người bạn lâu đời hết sức đôn hậu. Cầu cho bạn mau bình phục, tôi hy vọng sẽ về DC thăm bạn vào mùa Giáng Sinh này."*

Khi trở bệnh nặng vào những tuần cuối cùng, tuy sức khỏe rất yếu nhưng Đinh Cường vẫn cố gắng phân đầu. Anh nhờ con trai giúp gõ chữ và vẫn gửi bài đăng lên các trang mạng để bạn bè yên tâm. Tuy nhiên, dấu hiệu sức khỏe không được tốt của anh đã khiến cho người trong gia đình cũng như một số bạn bè ở xa đã cố gắng đến thăm để vận động tinh thần anh, một điều quan trọng khi chữa trị ung thư.

Họa sĩ Đinh Cường đã ở trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm từ số đầu tiên phát hành năm 1996, với bài biên khảo rất chi tiết "Tưởng Nhớ Một Họa Sĩ Bạc Thầy: Lê Văn Độ". Trong 20 năm cộng tác với Cỏ Thơm anh đã đóng góp nhiều bài biên khảo giá trị về Hội Họa, Việt Nam cũng như thế giới. Anh cũng không quản ngại cho Cỏ Thơm chọn và dùng các tranh anh đã vẽ và nếu cần, anh vẽ minh họa thêm cho tờ báo được đẹp mắt và tăng tính chất mỹ thuật.

Đinh Cường ra đi vào tuổi 76 là một mất mát lớn cho Hội Họa Việt Nam nói chung và Cỏ Thơm nói riêng. Ngày 12/1/2016 một số văn thi hữu Cỏ Thơm đã đến chia buồn với gia đình của Họa sĩ Đinh Cường ở nhà quản Fairfax Memorial Funeral Home. Chúng tôi đã tỏ lòng tri ân sự đóng góp quý

báu của anh đến bà quả phụ Đinh Cường (chị Tuyết Nhung) và 2 con trai Đinh Trường Giang, Đinh Trường Chinh và con gái Đinh Thị Dạ Châu. Chúng tôi sẽ nhớ mãi một người bạn đầy nghệ sĩ tính, chân tình, hiền hòa, đôn hậu và sẵn lòng giúp đỡ mọi người. Cầu mong anh được an nghỉ vĩnh viễn nơi đất Phật.

### **Tiểu sử Đinh Cường**

Tên thật là Đinh Văn Cường, sinh ngày 5 tháng 7 năm 1939 tại Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xứ sở của đồ gốm và sơn mài, với trường Mỹ Nghệ Thủ Dầu Một do người Pháp thành lập từ 1901.

1951-1957: học sinh Trung học Petrus Trương Vĩnh Ký (Sài Gòn), ban Văn Chương.

1963: tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế.

1964: tốt nghiệp Sư Phạm Hội Hòa Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn.

1962: Huy Chương Bạc với bức "Thần Thoại", Triển Lãm Hội Hòa Mùa Xuân Sài Gòn.

1962: Giải thưởng với bức "Nhà Thờ", Đệ Nhất Triển Lãm Mỹ Thuật Quốc Tế Sài Gòn của Toà Đại Sứ Trung Hoa Dân Quốc.

1963: Huy Chương Bạc lần thứ hai với bức "Chứng Tích", Triển Lãm Hội Hòa Mùa Xuân Sài Gòn.

1969-1971: Ủy viên Kiểm soát Hội Hoạ Sĩ Trẻ Việt Nam.

1963-1967: Giáo Sư Hội Hoạ trường Nữ Trung Học Đồng Khánh Huế.

1967-1975: Giáo Sư trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế.

Đinh Cường đã sống ở Huế, Đà Lạt, Sài Gòn với một thời tuổi trẻ đi và sống lang thang khắp miền đất nước cho đến khi sang định

cư ở Mỹ từ 1989. Nơi cư ngụ cuối cùng là thành phố Burke, tiểu bang Virginia. Đinh Cường đã có hơn 20 cuộc triển lãm tại Việt Nam (qua nhiều thành phố Đà Lạt, Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng, Nha Trang, Pleiku) và ngoài nước như Pháp, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ba Tây, Tunisie, Ấn Độ, Singapore... Theo một brochure Triển Lãm Đinh Cường, tính cho đến 2005 Đinh Cường đã có 24 lần triển lãm tranh riêng và 21 lần cùng với các hoạ sĩ khác.

Sách đã xuất bản:

"Cào lá ngoài sân đêm", thơ, Thư Ấn Quán Hoa Kỳ 2014

"Tôi về đứng ngân nga", thơ, Quán Văn Sài Gòn 2014

"Đi Vào Cõi Tạo Hình I", tiểu luận hội hoạ, Văn Mới California 2015

### **VÀI KỶ NIỆM VỚI ĐINH CƯỜNG**

#### **1. Tranh của Đinh Cường:**

Khi website Cỏ Thơm bắt đầu năm 2006, tôi đã biên soạn một trang về Hoạ sĩ Đinh Cường và đăng một số họa phẩm tiêu biểu của anh ở đó:

[http://cothommagazine.com/index.php?option=com\\_content&task=view&id=276&Itemid=53](http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=276&Itemid=53)

Tranh của Đinh Cường phần lớn dùng sơn dầu trên vải bố (canvas) với nhiều đề tài và thể loại. Trong trang website của anh: <http://dinhcuong.com>, một số tranh chọn lọc được xếp loại theo: trừu tượng, Phật giáo, chân dung, thiếu nữ, âm nhạc, minh họa, cảnh vật và tĩnh vật ... Những năm gần đây, anh còn thích vẽ phác họa khi có cảm hứng bất chợt: trên giấy báo, giấy napkin và dùng bút chì, bút bi, chấm phá với màu từ nước uống khi ngồi ở các quán



*Tranh Bùi Giáng – Đinh Cường*

cà phê, nhà hàng ... Khi về đến nhà, đôi khi anh chỉnh sửa lại trước khi scan và gởi đăng ở websites! Đinh Cường cũng nổi tiếng về chân dung các thân hữu theo trí nhớ (par mémoire). Bộ tranh về nhà thơ Bùi Giáng và Trịnh Công Sơn được giới hội họa khen ngợi, không phải vì "giống như đúc" mà vì đã lột tả được cá tính cũng như tình cảm của họ một cách tài tình! Tranh vẽ "loại âm nhạc" có bóng dáng của đại hồ cầm (contre bass) và hắc tiêu (clarinet), hai nhạc cụ mà Đinh Cường yêu mến qua nhạc jazz.

Riêng tôi, rất mê các tranh vẽ về thiếu nữ, nhất là thiếu nữ với chiếc áo dài tha thướt, có vẻ bí ẩn, liêu trai. Vì Đinh Cường yêu nét vẽ của họa sĩ gốc Ý Modigliani nên thiếu nữ trong tranh của anh cũng có cái cổ cao và bàn tay dài khác thường! Anh cũng thích vẽ thiếu nữ nghiêng người bồng bênh như bay trên mây, điển hình là bức "Huế, Dòng Sông Bay Trong Trí Nhớ". Cảm hứng

từ bức tranh, thi sĩ gốc Quảng Trị Phan Khâm đã sáng tác bài thơ "Trong Trí Nhớ Dòng Sông" và nhạc sĩ gốc Huế Huy Lâm đã phổ nhạc bài thơ có ẩn tượng này. Thật là một duyên văn nghệ thú vị ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Mời quý vị xem thêm chi tiết ở đây:

[http://cothommagazine.com/index.php?option=com\\_content&task=view&id=44&Itemid=47](http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=44&Itemid=47)



*Tranh Trịnh Công Sơn – Đinh Cường*

Khoảng năm 1985, khi còn ở Sài Gòn, anh Nguyễn Văn Bá (người phụ trách kỹ thuật cho website Cỏ Thơm) đã đến gặp họa sĩ Đinh Cường tại tư gia ở Tân Định mua vài bức tranh, trong đó có "Thiếu Nữ trên đồi Domaine de Marie" để gửi tặng cho vợ chồng tôi. Bức tranh với gam chủ đạo màu xanh, thiếu nữ với đôi mắt khá huyền bí, trên tay cầm đóa hồng màu đỏ ... Bức tranh này tôi treo ở phòng khách, có vài chỗ sơn bị rạn nứt nhẹ. Năm 2008, khi đã quen biết nhiều với anh Đinh Cường, tôi có đề cập đến bức tranh này và anh yêu cầu đem đến để anh xem lại. Tôi còn nhớ rất rõ vào



*Thiếu nữ trên đồi Domaine de Marie Đà Lạt - 1985 (Private Collection PAD-TH)*

một buổi chiều mưa, anh lịch sự tiếp đón 2 vợ chồng tôi và khui một chai rượu vang ngon để mừng buổi họp mặt. Ngoài chúng tôi, anh không quên mời rượu đến 2 người bạn yêu quý đã khuất bóng, đó là Bùi Giáng và Trịnh Công Sơn (có bàn thờ trên kệ sách). Sau đó, anh mời chúng tôi dạo xem studio, ngắm các tranh anh đã và đang vẽ. Anh cũng xem kỹ bức tranh tôi mang theo. Anh xúc động cho biết anh vẽ bức tranh “Thiếu Nữ trên đồi Domaine de Marie” vào năm 1985, thời điểm đó thật khó khăn vì mọi thứ khan hiếm. Tiền không kiếm ra thì làm sao mua nổi những ống màu để vẽ, mà dù có tiền cũng không biết mua ống màu ở đâu! Khổ tâm nhất là người họa sĩ không thể ngừng cầm cọ khi có xúc cảm! Anh giải thích thêm về cách chuẩn bị tấm vải bố trước khi vẽ, lúc đó cũng không được như ý muốn, vì thế sơn đã có vài chỗ rạn nứt. Tuy

nhiên, anh đề nghị cứ để y nguyên như thế và nếu muốn, anh sẵn sàng đổi một bức nào chúng tôi ưng ý trong studio! Sau này, tôi biết có những bức tranh mang nhiều kỷ niệm anh đã tìm và mua lại, như bức “Thiếu Nữ Xanh”, treo ở quán cà phê Tùng, Đà Lạt từ bao nhiêu năm.

## **2. Tình cảm với bạn bè và nhạc của Trịnh Công Sơn:**

Như đã viết ở đầu bài, Đinh Cường là người sống nội tâm và ít nói. Tuy nhiên, khi đã quen biết anh và gặp gỡ riêng có 2 người thì anh rất cởi mở, vui vẻ, sẵn sàng chia sẻ kiến thức về những văn nghệ sĩ anh quen biết. Anh cũng không ngại yêu cầu tôi giúp đỡ về kỹ thuật computer, tìm kiếm hình ảnh hay các bản nhạc xưa mà tác giả nhờ anh minh họa. Tôi còn nhớ đã photocopy 3 bản tập nhạc “Ca Khúc Trịnh Công Sơn” (do nhà xuất bản An Tiêm ấn hành năm 1966) tặng cho anh, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn và ca sĩ Khánh Ly. Những ca khúc này được hát trong một buổi triển lãm tranh chung với họa sĩ Nguyễn Đình Thuần đầu năm 2008 tại Houston, Texas. Anh rất vui vì không ngờ bản gốc quyền nhạc này vẫn còn tồn tại ở hải ngoại!

Một kỷ niệm khó quên nữa là anh đã giúp tôi nhiều tài liệu về ca khúc “Tuổi Đá Buồn” của Trịnh Công Sơn để thực hiện một trang khá đầy đủ về lai lịch bản nhạc này:

[http://cothommagazine.com/index.php?option=com\\_content&task=view&id=1188&Itemid=1](http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1188&Itemid=1)

Anh cũng tự nguyện giúp nối dây liên lạc với chị Dao Ánh, hiện cư ngụ ở California, một trong những người mà Trịnh Công Sơn đã có tình cảm sâu đậm, thư từ qua lại trong nhiều năm lúc còn trẻ. Đinh Cường xác nhận Dao Ánh là nguồn

cảm hứng để Trịnh Công Sơn sáng tác ca khúc "Tuổi Đá Buồn" vì chính anh đã vẽ minh họa bài này khi ở thị trấn Dran gần Đà Lạt và Trịnh Công Sơn đã gởi đi tặng Dao Ánh ở Huế.

### 3. Thơ của Đinh Cường:

Nhiều người không biết là Đinh Cường đã sáng tác thơ từ thời trẻ và gần đây bạn bè khuyến khích cho ra đời 2 tập thơ "Cào Lá Ngoài Sương Đêm" và "Tôi Về Đứng Ngán Ngơ" – có phụ bản nhiều tranh của Đinh Cường trong đó. Anh cho biết: "tôi thích thơ, cả thơ tân hình thức, không làm



nghệ thuật xếp đặt được, chỉ làm với xúc động của riêng mình, một cõi riêng chân chất dù cũ kỹ, mà có cũ kỹ gì đâu, nghệ thuật như biển rộng có nhiều con sóng ...". Tôi thích 2 bài thơ sau đây của nhà thơ Đinh Cường: "Vĩnh Viễn" - sáng tác năm 1964, để tặng cho người yêu Tuyết Nhung,

sau này là hiền thê của anh - và "Tạ Ôn" - sáng tác cuối năm 2015:

### VĨNH VIỄN

Anh vẫn trở về đêm khuya thấp hàng  
bạch lập  
Tách nước trà nguội như căn phòng có  
nhiều vết loang  
Anh đồ lên thành khuôn mặt em hai mắt  
to đen  
Là Nh... với chiếc trâm cài lên tóc  
  
Con đường buổi chiều là tấm thảm  
Anh đưa em về với tiếng hát của Trang  
Sương mù vừa trên dãy núi xa còn lại  
một tí mặt trời  
Sáng dịu như màu áo dài xanh non em  
phơi rồi để quên  
Là Nh... với dáng vai gầy bắt được  
Làm sao anh nói ra lời lẽ giản dị như ca  
dao và tình yêu  
Hồn nhiên như rừng núi, hồn nhiên như  
hơi thở em  
Anh lắng nghe bằng tiếng tim  
Là Nh... với đêm dài mộ huyết

Cho anh gọi em một lần rất nhỏ như phi lao  
Như tiếng sao vỡ nửa khuya  
Em ngửa mặt cười nghe lệ rơi  
Là Nh... với bản Serenata buổi chiều  
buồn hơn bao giờ  
Là Nh... với niềm sầu đau vĩnh viễn ...

### Đinh Cường

(Tập chí Mai số 40, ngày 15.4.1964 / Trong tập thơ "Cào Lá Ngoài Sân Đêm" - Thư Ấn Quán 2014)

Ghi chú: T.NH là Hồ Thị Tuyết Nhung, hiền thê của HS Đinh Cường



Chân dung T. NH. Để nhớ Đà Lạt –  
Sơn dầu trên bố, 24x30 in. Đinh Cường

#### TẠ ƠN

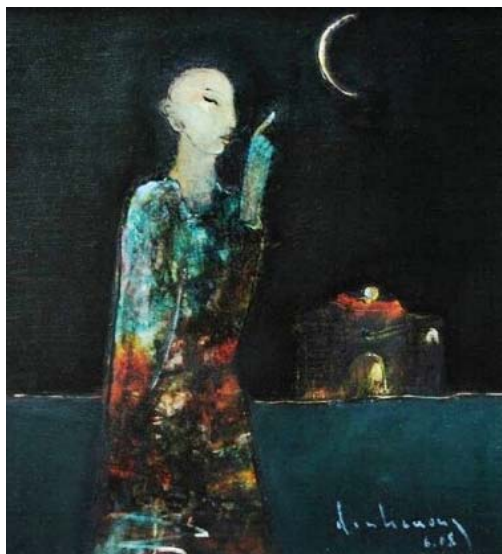
Thiên thu lời tạ bên lời (Bùi Giáng)

*Nghĩ là ta tạ ơn ai  
tạ ơn Trời Đất một mai sớm chiều  
kể từ chập chững liêu xiêu  
đến khi già yếu phải đi bước đi  
tạ ơn. còn nói năng chi  
chấp tay mà vái. thắm thì niệm Kinh  
bàn tay Phật chỉ anh minh  
tưởng trắng là bóng của mình là sai  
bóng ta từ lúc đổ dài  
đường chiều qua mấy ngõ đầy lá thu  
bóng ta từ sớm sương mù  
tạ ơn Trời Đất đền bù. nắng lên ...  
Virginia, Thanksgiving 2015  
Đinh Cường*

Tháng 7 năm 2014, có dịp từ Richmond lên Burke, tôi ghé thăm Đinh Cường. Anh lại dẫn tôi xuống studio xem bức tranh mới vẽ "Mùa Hoa Quỳ Rừng" tuyệt đẹp, vẫn

gam chủ đạo màu xanh, thiếu nữ nghiêng nghiêng áo dài xanh, hoa quỳ rừng vàng óng ả trong khung cảnh núi đồi thơ mộng và "nhà thờ con gà" xa xa phía sau ... Anh cũng chia sẻ thêm về bức tranh mà ông chủ cả phê Tùng Đà Lạt đã mua từ một triển lãm đầu tiên khi anh chưa nổi tiếng. Sau đó, chúng tôi ra quán cà phê Starbucks, nơi anh thường đi bộ đến mỗi ngày để nhâm nhi cà phê, lấy cảm hứng viết thơ, vẽ minh họa hay gặp gỡ bạn bè. Tôi có nhận xét nhỏ là anh không chịu nổi môi trường trống vắng, quá yên tĩnh ở tư gia. Anh đã từng tâm sự trong một bài thơ:

*"Các bạn nói dạo này tôi ... làm thơ nhiều  
tôi có lời xin lỗi vì không là ... nhà thơ  
tôi vẽ tranh, khi những bức tranh chưa khô  
tôi gõ mấy hàng ghi vội, gõ cho có tiếng động.  
vì suốt ngày cứ nhìn ra cánh rừng im vắng  
đôi khi cũng có những trận gió lớn  
hay cơn sấm sét giông chiều dữ dội..."*



Tranh "Phật Chi Trắng" – Đinh Cường

Sau khi chia tay với Đình Cường, tôi đến thăm Mẹ tôi ở gần đó. Sáng hôm sau đã thấy email của anh cho biết đã sáng tác bài thơ tặng tôi như sau:

CHIỀU THỨ NĂM  
gởi Phan Anh Dũng

*Người bạn ở Richmond thủ phủ của Virginia lái xe về ghé thăm. anh nói bị kẹt xe mất đến ba tiếng. cùng kéo nhau qua Starbucks ngồi đưa phone cho anh thăm Phạm Cao Hoàng*

*anh nói vào xem blog Trần Thị Nguyệt Mai vào xem blog Phạm Cao Hoàng rất thích anh cũng có làm website Cỏ Thơm công phu thì ra bây giờ là sinh hoạt trên những trang web...*

*cũng vui thôi. nhanh chóng nhìn chữ nhìn hình tôi vẫn thích những bức hình chụp Scibilia xóm tôi  
đồng cỏ thì xanh. mây thì vẩn vù. mây và tôi như  
có nhiều tâm sự. không thấy gì chỉ thấy có mây trôi [1]*

*chia tay người bạn. bạn qua thăm mẹ. còn mẹ là nhất  
nhớ xưa hay đọc bông hồng cài áo của Thầy Nhất Hạnh  
những ngày mùa hè bông crape myrtle nở hoài không tàn  
một người vẫn đi về trên con đường rừng.  
luôn nhớ mẹ...*

Virginia, July 31, 2014  
Đình Cường

[1] thơ Hoài Khanh

Nhà thơ Du Tử Lê trong buổi tưởng niệm Đình Cường ngày 30/1/2016 ở tòa soạn Việt Báo California đã nhận định như sau: "*Không cần phải động não nhiều, chúng ta cũng thấy thơ Đình Cường thơ mộng, lãng mạn, đẹp, như tranh của ông. Nói cách khác thơ Đình Cường là tranh, được ông vẽ bằng những con chữ đầy hình ảnh và, cảm xúc... Hai tố chất cần thiết cho một bài thơ. Vì thế, với tôi, Đình Cường đã có những bài thơ hay. Những bài thơ được viết bằng tâm-thái của một thi sĩ, đích thực. Kính thưa quý vị và, các bạn: Vài năm trước khi từ trần, họa sĩ Đình Cường làm thơ hầu như mỗi ngày. Có ngày ông làm được nhiều hơn một bài thơ. Như thế ông viết nhật ký, bằng thơ, liên tục mỗi ngày. Tuy nhiên, tất cả những bài thơ có tính nhật ký của ông, với tôi đều có nhiều hình ảnh và đầy thi tính. Tôi gọi đó là "Tính chất thi sĩ trong nhật ký thơ Đình Cường". Qua hàng trăm bài nhật-ký-thơ của Đình Cường, người ta thấy bất cứ điều gì ông thấy, ông gặp, ông nghe, ông nhớ trong ngày, cũng có thể thành thơ. Những dòng thơ tự nhiên, nếu không muốn nói là hồn nhiên, như thể thơ- - Hiểu theo nghĩa: Thấy gì ghi nấy, nhớ gì, nói nấy."*



Phan Anh Dũng và Họa sĩ Đình Cường ở quán Starbucks Coffee, thành phố Burke

Để tạm kết thúc bài viết về người tài hoa Đinh Cường, tôi xin mượn lời của nhà văn, họa sĩ Trương Vũ trong bài "Lá Mùa Thu" viết tưởng niệm Đinh Cường, đăng ở website của Phạm Cao Hoàng và website Cỏ Thơm dưới đây:

[http://cothommagazine.com/index.php?option=com\\_content&task=view&id=1275&Itemid=53](http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1275&Itemid=53)

"... Người vẽ tranh, người làm thơ Đinh Cường chắc chắn có được một niềm hạnh phúc lớn khi bằng nỗi đam mê, tài năng, trí thông minh, và sức làm việc kiên trì để tạo nên những tác phẩm để đời, ưng ý. Niềm hạnh phúc đó không mấy ai khác có được. Tuy nhiên, khi tập tễnh bước vào cái thế giới của nghệ thuật, tôi cũng bắt đầu hiểu ra rằng mọi thứ không hẳn đơn giản như thế. Không hẳn chỉ có cái hạnh phúc đó. Nó còn có đau đớn, dằn vặt. Nó phải như thế nào để có chuyện Van Gogh tự cắt lỗ tai ông. Đam mê càng lớn, ước vọng càng cao, càng dễ thấy cái giới hạn của sức lực mình. Ráng tạo một tác phẩm như ý rất thường khi không khác như lao đầu vào một cuộc chiến của nội tâm. Dù xung quanh có bao người thân yêu, có bao bạn bè tốt, cuối cùng cũng chỉ có một mình mình thôi phải đương đầu với nó. Nỗi cô đơn rất khó tả... Thường tình là như vậy, huống chi, khi biết mình mắc thêm một chứng bệnh trầm kha. Lúc đầu, bạn tôi vẫn giữ nguyên cái an nhiên, tự tại thường tình, và tin tưởng nhiều vào khả năng của y học. Vẫn vẽ nhiều, vẫn viết nhiều, vẫn gặp gỡ bạn bè thường xuyên, như không có gì xảy ra. Chấp nhận những đau đớn của chemo như điều không thể tránh. Cho đến khi, cơ thể yếu hẳn dần .... Họa sĩ Đinh Cường đã cống hiến cho hội họa Việt Nam một tài sản lớn. Nhà thơ Đinh Cường đã làm thơ rất nhiều, như một

*cách thể hiện cái vi tế và phong phú của đời sống, rất đặc thù, Tôi nhớ, có một câu nói ở đâu đó, "nhân tài như lá mùa thu". Một chiếc lá mùa thu rất đẹp vừa rơi xuống!"*

## PHAN ANH DŨNG

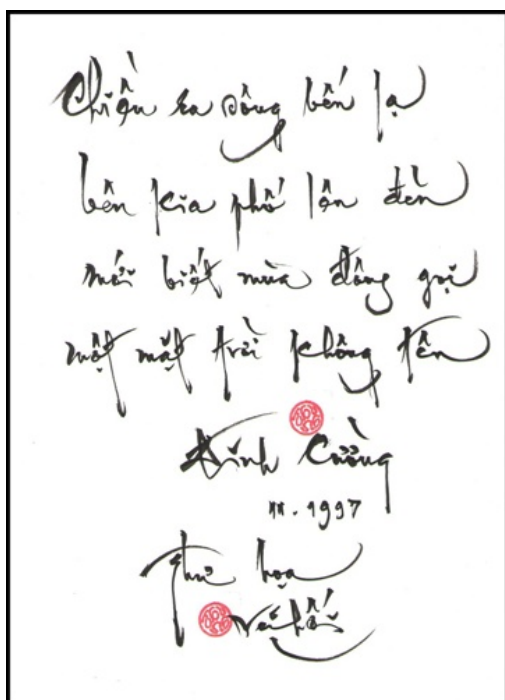
(Richmond, Virginia USA – 3/1/2016)



Phan Anh Dũng thăm studio của Họa sĩ Đinh Cường tháng 7/2014, trước bức tranh "Mùa Hoa Quỳ Rừng" anh vừa mới vẽ xong, kệ sách phía sau: trên cao là bàn thờ Phật, Trịnh Công Sơn và Bùi Giáng.



"Mùa hoa quỳ rừng" - sơn dầu trên canvas 30 x 30 in - Tranh: Đinh Cường (6 - 2014)



Họa sĩ Đinh Cường trước bức tranh "Thiếu Nữ Xanh", đem về từ Quán Cà phê Tùng Đà Lạt



Thi sĩ Phan Khâm, Nhạc sĩ Huy Lâm,  
 Họa sĩ Đinh Cường





## PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:



### Giáo Sư **NGUYỄN NGỌC BÍCH**

**Sinh năm 1937 tại Hà Nội, Việt Nam**

**Từ trần: 2-3-2016 trên máy bay từ Hoa Kỳ đến Manila, Phi Luật Tân**  
**Hưởng thọ 79 tuổi**

Trong Ban Biên Tập của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, cộng tác từ 1996; Đồng sáng lập Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ;  
Cựu Giáo Sư Đại Học Cửu Long, Đại Học Đà Lạt, George Mason University, Trinity College, Georgetown University;  
Cựu Cục Trưởng Cục Thông Tin Quốc Ngoại Việt Nam Cộng Hòa, Cựu Giám Đốc Ban Việt Ngữ đài Á Châu Tự Do (RFA); Đồng sáng lập & Cựu Chủ Tịch Ban Quản Trị của Boat People S.O.S.; Chủ Tịch Nghị Hội Toàn Quốc Người Việt tại Hoa Kỳ.

Tiểu-học ở Vĩnh-yên, trung-học ở Chasseloup Laubat, Saigon, học-bổng Fulbright ở Princeton, Mỹ (B.A. Chính-trị-học, 1958), đại-học-viên ở Columbia University, New York (Á-đông-học, Văn-học cổ-điển Nhật), President's Fellowship sang Nhật (Kyōdai, Đại-học Kyoto, 1962-63) để thu thập tài-liệu cho một luận-án tiến-sĩ, M.A.T. về Giáo-dục Song-ngữ và Ngôn-ngữ-học lịch-sử (Georgetown University, 1985). Có theo học một số khóa học ngắn ở Đại-học Vienna và Munich (tiếng Đức), Madrid (tiếng Y-pha-nho), USDA Graduate School (tiếng Trung và tiếng Nga).

*Nguyện cầu hương linh Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích sớm được tiêu điều nơi miền cực lạc.  
Xin thành kính phân ưu cùng Bà quả phụ Đào Thị Hợi và toàn thể tang quyến.*

**Thay mặt toàn thể văn thi hữu, Ban Điều Hành Cơ Sở Cỏ Thơm:**  
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng,  
Trần Bích San, Đỗ Trảng Mỹ Hạnh

## KỶ NIỆM VỚI GIÁO SƯ NGUYỄN NGỌC BÍCH

Khi tôi muốn xuất bản tập hồi ký đầu tay, "Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội" tôi đã nhờ Nhà văn Trương Anh Thụy của Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. Chị chuyển bản thảo PVNBTHN cho Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích xem. Tôi vui mừng không sao kể, được hai vị sáng lập Tổ Hợp - Cảnh Nam đã chấp thuận xuất bản, nhuận sắc và giới thiệu quyển PVNBTHN, 1993. Có một câu trong lời giới thiệu của Nhà Xuất, GS Nguyễn Ngọc Bích đã khuyến khích tôi rất nhiều: "Chúng tôi tin tưởng là mình đã không đặt nhầm chỗ để gửi vàng (uy tín nhà xuất bản)".

Năm sau Tổ Hợp - Cảnh Nam lại xuất bản tập hồi ký thứ hai "Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương" của tôi. Đồng thời GS Nguyễn Ngọc Bích cũng giới thiệu SGNNMT với Nguyệt San Thế Kỷ 21 của Nhà Báo Nguyễn Đình Điều tổ chức ra mắt sách cho tôi. Cái công và ơn sẵn sóc hai đứa con tinh thần đó, tôi không quên và trở thành thân thiết với Nhà văn Trương Anh Thụy và GS Nguyễn Ngọc Bích cùng GS Đào Thị Hoi (hiền thê của GS Bích). Tôi cũng trở thành ủng hộ viên việc làm văn học của các vị này. Tôi đã theo ba vị đi bán sách báo chợ Tết không biết bao nhiêu lần. Hai buổi chợ Tết Bính Thân vừa qua tôi cũng gửi sách báo, tại bàn của Tổ Hợp & Cảnh Nam như trong hình dưới đây.

GS Nguyễn Ngọc Bích cũng như tôi, cộng tác với Báo Cỏ Thơm ngay từ số đầu. Ông là một trong những biên khảo gia tâm cỡ kỳ cựu, không những gửi bài viết, mà còn ủng hộ hiện kim và tham dự các cuộc họp mặt của Cỏ Thơm.

Đọc tiểu sử của ông thì không thể chối cãi ông là một nhà trí thức, uyên thâm, thông thái. Ông như một quyển tự điển sống, đáng nể trọng. Ai hỏi điều văn học chữ nghĩa gì, ông trả lời cho biết ngay. Ông không những lòng danh trong cộng đồng địa phương và các tiểu bang Hoa Kỳ mà gần như người Việt khắp nơi trên toàn cầu đều biết ông miệt mài theo đuổi mọi sinh hoạt văn học nghệ thuật, chính trị và xã hội, không ngưng nghỉ, không biết mệt. Nhà văn Trương Anh Thụy đã nhiều lần nói: "Anh Bích không bao giờ 'say no' với ai cả. Ai nhờ gì cũng làm, ai mời đi đâu cũng nhận lời ngay..." Đời này dễ có mấy ai?

Sáng sớm qua, chưa ra khỏi giường, tôi đã với tay lấy cái Mini-pad, và mở xem email. Hàng chữ GS Nguyễn Ngọc Bích qua đời do Nhà văn Phạm Xuân Thái chuyển tới làm tôi giật mình. Tôi nghĩ và mong người nào khác chùng tên. Tôi kéo màn ảnh mini-pad xuống dưới thì hỡi ôi đó là tin GS Nguyễn Ngọc Bích "của chúng tôi" thiệt. Ông đã từ trần đột ngột trên chuyến bay đi Manila và bên cạnh hiền thê Đào Thị Hoi. Tôi bàng hoàng đứng ngồi không yên. Còn sớm quá, tôi không dám kêu ai chia sẻ nỗi "bất mãn" đang bút rút trong tôi. Sao cái năm Thân

này nhiều chuyện buồn liên tiếp vậy. Họa sĩ Đinh Cường mới ra đi hôm đầu năm. Tôi còn đang "layout" những bài chia buồn và tưởng niệm ông. Bây giờ tới GS Bích. Ôi đời là một sự vô thường. Có đầy rồi mất đầy như cơn mê. Suy ta ra người, tôi lại nghĩ tới GS Đào Thị Hợi. Bà luôn luôn sẵn sóc, quần quýt GS Bích như đôi uyên ương. Bỗng dưng người bên cạnh ngừng cuộc sống, bỏ mình bay đi như nửa người mình cũng chết theo. Tôi cảm thấy thương nhiều cho GS Hợi...

Cái tin GS Nguyễn Ngọc Bích từ trần đột ngột làm bàng hoàng tất cả mọi người. Đó là một đau đớn quá sâu đậm cho gia đình, người thân, là một thương mất mát lớn lao cho văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại, cho cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ cho đất nước Việt Nam.

Xin chân thành chia buồn cùng GS Đào Thị Hợi cùng Nhà xuất bản Tô Hợp & Cảnh Nam và cầu chúc hương linh Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích thanh thản về nơi an bình cực lạc.

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG  
và Ban Biên Tập CỎ THƠM**



**Đào Thị Hợi, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Nguyễn Ngọc Bích  
Chợ Tết Bình Thân - Hội Cao Niên vùng Hoa Thịnh Đốn - 6/2/2016**

# HỌP MẶT CỎ THƠM

+++

**Nhân dịp phát hành số báo Mùa Đông #73  
Ngày 3 tháng 1, năm 2016 tại Tòa Soạn Cỏ Thơm**

+++

**Hình ảnh của PHẠM VĂN TUẤN và PHẠM BÁ**

Hôm đó, đầu mùa đông đã đủ lạnh để phải mặc áo ấm. Nhưng nắng chan hòa, rực rỡ, nên đã có gần 30 hội viên Cỏ Thơm trong vùng đã đến dự buổi họp mặt và nhận báo mới tại tòa soạn. Có một số không đến được vì không được khỏe, vì bận gia đình hay vì ở quá xa. Tuy hơi xa đối với vài người, nhưng Tòa soạn Cỏ Thơm rộng rãi, tiện nghi hơn vài trụ sở Cộng Đồng để có những hội họp nhỏ, thân mật.

Gần như văn thi thân hữu nào có mặt cũng đem đến một món. Nền thức ăn, bánh trái thật nhiều. Tuy nhiên, ăn uống chỉ là để khỏi khát, khỏi đói. Cái phần hàn huyên, chụp hình kỷ niệm và văn nghệ mới là chính.

NAG Nguyễn Quốc Khải sửa soạn một cái "Studio" đã chiến trên lầu chụp hình portrait cho mọi người. NAG Phạm Văn Tuấn và Phạm Bá chụp những hình dưới đây. Cây Guitar Phan Anh Dũng, cây keyboard Hoàng Cung Fa và Phạm Xuân Thái vắng mặt thì chúng tôi sai Karaoke vậy. Nhưng có lẽ thoải mái và dễ dàng hơn cho một số "ca sĩ nhà" như tôi. Chúng tôi cũng có đủ mục đồng ca, đơn ca, song ca (Vũ Anh Thanh, Ngọc Thanh, Ngô Tăng Giao, Ý Nguyên, Hoàng Dân Bình, Bạch Cúc, Nguyễn Tường Vân, Diễm Hoa, Hồng Thủy, Ngọc Tú, Diễm Trân, Trương Anh Thủy, Diana Duyên, Hồng Ngọc. Các ca sĩ tài tử, thế mà đều có giọng tốt cả, tôi phải ngạc nhiên. Về ngâm thơ thì có Nguyễn Lâm, Ý Nguyên, Luân Tâm, thôi sáo có Phạm Bá. Anh Phạm Văn Tuấn biểu diễn Accordion mấy bản nhạc nổi tiếng thế giới. Kể chuyện văn học có Phạm Trọng Lệ và Nguyễn Văn Thành. Người nào cũng hồn nhiên hưởng ứng văn nghệ. Hồng Thủy nói về một chuyến "Cruise" cho người Cỏ Thơm trong tương lai.

Văn thi thân hữu vui chơi chưa đã, muốn ở lại ăn cơm chiều luôn. Thức ăn còn đủ bữa tối nữa cho tất cả. Nhưng ngại trời mùa đông sập tối rất mau, nên 3 giờ rưỡi mọi người phải ra về và hẹn gặp nhau mỗi 3 tháng vào buổi phát hành báo tại Tòa Soạn Cỏ Thơm. Còn khỏe, còn sinh hoạt, còn gặp nhau được ngày nào còn vui ngày nấy.

**NGUYỄN THI NGỌC DUNG**



Từ trái: Chị Anh, Diễm Trân, Ngọc Thanh, thân mẫu Diễm Trân, chị Bạch Cúc, chị Chính, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ý Nguyên, Ý Anh.



Ngọc Dung mời văn thi hữu bắt đầu vào tiệc.  
Đồng ca "Ly Rượu Mừng"

Nhà



thơ

Nguyễn Lân trình bày bài thơ "Cho Anh Tạ Lỗi" của anh.  
Ỗ Nguyên ngâm thơ và Phạm Bá thối sao.



Đôi song ca Vũ An Thanh và Ngọc Thanh



Nhà thơ Nguyễn Tường Vân và Diễm Hoa cùng tất cả đồng ca





BKG Phạm VănTuấn, Ông Nguyễn Văn Thành, BKG Hải Bằng HDB, GS Phạm Trọng Lệ.



Nhạc sĩ Nguyễn Tường Vân, Nghệ sĩ Vũ An Thanh, NAG Nguyễn Quốc Khải.



Ngọc Thanh, Hồng Thủy, Diễm Trân, Thanh Quý, Ngọc Tú Ý Nguyên,  
Ngọc Dung Đồng ca "Ngân Thu Áo Tím

## **SOVEREIGN REALTY, INC.,**

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003  
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



**CELL: (703) 598-6374**

### **DIANA NGUYEN**

**PRINCIPAL BROKER**

**NVAR, TOP PRODUCER**

**MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB**

**NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB**

**CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM**

***UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM***

**SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC**



**7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000**

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

**Super buffet mỗi ngày**

**- Lunch: \$7.95**

**- Dinner: \$9.95**

**Mở cửa 7 ngày trong tuần**

**Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm**

**Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm**

**TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI**

## DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard, Ô. Hồ Trường An, Ô.B. An Kỷ Đình, B. Văn Thị Kiều Anh,  
B. Nguyễn Ngọc Anh, TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá,  
B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích, Ô.B. Phạm Hữu Bính,  
Ô. Đỗ Bình, Ô. Phan Thanh Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh,  
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính,  
B. Lê Thị Ngọc Dung, B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng,  
Ô.B. Đại Dương-Phạm Thị Nhung, Ô.B. Nguyễn Quý Đại,  
B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Văn Đoàn, Ô.B. BS Nguyễn Anh Dũng,  
Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,  
B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiếu,  
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng,  
Ô. Nguyễn Quốc Khải, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa,  
Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm, Ô. Đoàn Thanh Liêm,  
Ô.B. Nguyễn Huy Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam,  
Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân, B. Hoàng Bạch Mai,  
B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga,  
Ô. Cao Nguyên, Ô. Đặng Nguyên, B. Phan Thi Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật,  
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm,  
Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,  
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng,  
Ô.B. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phước,  
Ô. B. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn,  
Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân,  
B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành,  
Dr. & B. Nguyễn Văn Thành (NM), Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,  
B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên,  
Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diệm Trân Kratzke,  
Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Tô Bạch Tuyết, Ô.B. Phạm Văn Tuấn,  
BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

## MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates,  
B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc,  
Harvest Moon Restaurant.

# TỦ SÁCH CỔ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA  
Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM (Từ năm 1996)  
ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung  
TRẮNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên  
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân  
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An  
VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San  
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung  
TÌNH ANH NHƯ THẾ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ  
BÊN DÒNG THẠCH HẸN (2002) - Thơ Phan Khâm  
SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lâm; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên  
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao Mỹ Nhân, Phan Khâm,  
Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.  
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An  
ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng  
PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung  
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung  
GIAI THOẠI VĂN CHUÔNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,  
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.  
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm  
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung  
NÁO NỨC HỘI TRẮNG RẼM (2007) - Bút khảo - Hồ Trường An về các tác giả  
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,  
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.  
KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)  
THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM (2010) - Thơ Đỗ Thị Minh Giang  
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao  
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt  
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm –  
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013) –  
NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM & DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC &  
TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn  
MƯA XUÂN-SPRING RAIN-Thơ song ngữ: Tâm Minh Ngô Tăng Giao  
MONG MANH – Thơ: Ý Anh  
BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG – Bút ký: Nguyễn Thị Ngọc Dung  
LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên Khảo: Nguyễn Văn Thành

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO**  
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name): .....

Địa chỉ (Address): .....

Phone, Fax, Email: .....

Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....

Số tiền (US dollar amount) \$ .....

-----  
GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 [ ] - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00 [ ]

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 [ ]

-----  
**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ**  
**trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

**1/2 trang trong: US \$30.00 [ ]**

**1 trang trong: US \$60.00 [ ]**

**Trang trong bìa trước: US \$100.00 [ ]**

**Trang trong bìa sau: US \$100.00 [ ]**

-----  
Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về  
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

-----  
**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO**  
**LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

**Giá báo: US\$7.00**

# CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN  
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



NĂM THỨ 21 - SỐ 74 - MÙA XUÂN 2016

